

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG Y DƯỢC**













**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Đà Nẵng, tháng 10 - 2024

DANH SÁCH

**Thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Điều dưỡng thuộc Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4069 /QĐ-ĐHĐN ngày 27/9/2024 của
Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ	Giám đốc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN)	Chủ tịch Hội đồng (HD)	
2	PGS.TS. Lê Thành Bắc	Phó Giám đốc ĐHĐN	Phó Chủ tịch HD	
3	TS.BS. Lê Viết Nho	Hiệu trưởng Trường Y Dược (TYD) - ĐHĐN	Phó Chủ tịch HD thường trực (TT)	
4	TS.BS. Lê Viết Nhiệm	Phó Hiệu trưởng, TYD	Ủy viên TT	
5	ThS.BS. Nguyễn Đức Nhơn	Phó Trưởng phòng Phòng Đào tạo và Đảm bảo chất lượng (ĐT&ĐBCL), TYD	Thư ký	
6	ThS. Nguyễn Đức Tiến	Chánh Văn phòng ĐHĐN	Ủy viên	
7	TS. Cao Xuân Tuấn	Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ, ĐHĐN, Thư ký Hội đồng ĐHĐN	Ủy viên	
8	TS. Trần Đình Khôi Quốc	Trưởng ban Ban Đào tạo và Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHĐN	Ủy viên	
9	TS. Trương Lê Bích Trâm	Phó Trưởng ban Ban Khoa học và Hợp tác quốc tế, ĐHĐN	Ủy viên	
10	ThS.BSCKII. Lê Kim Trọng	Phó Hiệu trưởng, TYD	Ủy viên	



TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
11	ThS. Nguyễn Đức Bảo	Trưởng phòng Phòng Hành chính - Tổng hợp (HC-TH), TYD	Ủy viên	
12	ThS. Nguyễn Tấn Minh	Phó Trưởng phòng Phòng KH- HTPT&CTSV, TYD	Ủy viên	
13	ThS. Trương Thị Mỹ Phượng	Phó Trưởng khoa Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật y học (ĐD&KTYH), TYD	Ủy viên	
14	ThS. Nguyễn Thị Hà	Giảng viên Bộ môn (BM) Điều dưỡng, TYD	Ủy viên	
15	Nguyễn Thị Anh Ngọc	Sinh viên lớp DD22, TYD	Ủy viên	

(Danh sách này gồm có 15 người)



MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG	vii
DANH MỤC HÌNH	viii
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề.....	1
2. Tổng quan chung	4
3. Mô tả tổng quan về Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng.....	9
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	14
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	14
<i>Mở đầu</i>	14
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học	15
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo	17
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai	19
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 1</i>	22
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	22
<i>Mở đầu</i>	22
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....	22
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....	26
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	28
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	30
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	30
<i>Mở đầu</i>	30
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	30
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng...	32
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	37
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	37
<i>Mở đầu</i>	37

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan	37
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	40
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	44
Kết luận về tiêu chuẩn 4	46
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....	47
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học	49
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	52
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập	54
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	57
Kết luận về tiêu chuẩn 5	59
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	60
Mở đầu	60
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	60
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	63
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	65
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.....	67
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	70
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	74
Kết luận về tiêu chuẩn 6	76
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	77
Mở đầu	77

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	77
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	79
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.....	80
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	82
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	84
Kết luận tiêu chuẩn 7	86
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	87
Mở đầu	87
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.	87
Tiêu chuẩn 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá	90
Tiêu chuẩn 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.....	92
Tiêu chuẩn 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học	95
Tiêu chuẩn 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thỏa mái cho cá nhân người học.....	98
Kết luận về tiêu chuẩn 8	100
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	100
Mở đầu	100
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	101
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	102
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	104
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	106
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật	108
Kết luận về tiêu chuẩn 9	110

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	111
Mở đầu	111
Tiêu chuẩn 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.....	111
Tiêu chuẩn 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, đánh giá và cải tiến.....	113
Tiêu chuẩn 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra	115
Tiêu chuẩn 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học	117
Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	120
Tiêu chuẩn 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến.....	122
Kết luận về tiêu chuẩn 10	125
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	125
Mở đầu	125
Tiêu chuẩn 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	126
Tiêu chuẩn 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	130
Tiêu chuẩn 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	133
Tiêu chuẩn 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.....	136
Tiêu chuẩn 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	139
Kết luận về tiêu chuẩn 11	142
PHẦN III. KẾT LUẬN	144
PHẦN IV: PHỤ LỤC	PL1

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
1	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	BGH	Ban giám hiệu
3	BSĐK	Bác sĩ đa khoa
4	BV	Bệnh viện
5	CBGV	Cán bộ giảng viên
6	CBVC	Cán bộ viên chức
7	CĐR	Chuẩn đầu ra
8	CME	Đào tạo ngắn hạn
9	CNTT	Công nghệ thông tin
10	CNTT-TT-TV	Công nghệ thông tin – Truyền thông – Thư viện
11	CSVC	Cơ sở vật chất
12	CTDH	Chương trình dạy học
13	CTĐT	Chương trình đào tạo
14	CTSV	Công tác sinh viên
15	CVHT	Cổ vấn học tập
16	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
17	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
18	ĐCCT	Đề cương chi tiết
19	ĐD	Điều dưỡng
20	ĐD&KTYH	Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học
21	ĐH	Đại học
22	ĐHĐN	Đại học Đà Nẵng
23	ĐT	Đào tạo
24	ĐT&ĐBCLGD	Đào tạo & Đảm bảo chất lượng giáo dục
25	KĐCL	Kiểm định chất lượng
26	KH&CN	Khoa học và Công nghệ
27	KH-HTPT&CTSV	Khoa học - Hợp tác phát triển và Công tác sinh viên
28	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp
29	KQHT	Kết quả học tập
30	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
31	KTHP	Kết thúc học phần
32	KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
33	KYD	Khoa Y Dược
34	GDDH	Giáo dục đại học
35	GV	Giảng viên
36	GVC	Giảng viên chính

37	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
38	HC-TH	Hành chính tổng hợp
39	HP	Học phần
40	NCKH	Nghiên cứu khoa học
41	NCV	Nghiên cứu viên
42	NH	Người học
43	NHCHT	Ngân hàng câu hỏi thi
44	NTD	Nhà tuyển dụng
45	ODA	Official Development Assistance
46	PPDH	Phương pháp dạy học
47	PO	Mục tiêu đào tạo
48	PVCD	Phục vụ cộng đồng
49	TĐG	Tự đánh giá
50	SV	Sinh viên
51	TC	Tín chỉ
52	TCCB	Tổ chức cán bộ
53	THPT	Trung học phổ thông
54	TTTN	Thực tập tốt nghiệp
55	TTTN&TLS	Trung tâm Thí nghiệm và Tiền lâm sàng
56	TYD	Trường Y Dược
57	YK	Y khoa

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo	ix
Bảng 1.2. Tổng hợp các ngành đào tạo tại TYD - ĐHĐN.....	9
Bảng 2.1. Sự phù hợp giữa sứ mạng TYD và mục tiêu CTĐT	16
Bảng 2.2. Ma trận đối sánh mục tiêu và CĐR của CTĐT năm 2023	18
Bảng 2.3. Quy trình rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	20
Bảng 2.4. So sánh CĐR của CTĐT phiên bản 2019, 2021 và 2023	21
Bảng 2.5. Thông tin chung về CTĐT ngành Điều dưỡng 2023	23
Bảng 2.6. Nội dung cập nhật bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng	25
Bảng 2.7. Nội dung cập nhật ĐCCT các học phần	27
Bảng 2.8. Ma trận giữa các khối kiến thức CTĐT 2023 và CĐR.....	33
Bảng 2.9. Bảng tỉ lệ giảng viên cơ hữu/sinh viên (không vượt quá 15).....	64
Bảng 2.10. Danh sách đội ngũ GV đang tham gia đào tạo trình độ TS tính đến năm 2023 ..	70
Bảng 2.11. Bảng thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất	88
Bảng 2.12. Phương pháp và tiêu chí tuyển chọn NH ngành ĐD từ năm 2018.....	91
Bảng 2.13. Bảng Thống kê các kết quả nghiên cứu khoa học của Khoa được áp dụng vào hoạt động dạy và học (trong 5 năm học gần nhất).....	118
Bảng 2.14. Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi và các loại thông tin cần phản hồi từ các bên liên quan	122
Bảng 2.15. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng (của 5 năm gần đây)	126
Bảng 2.16. Tỉ lệ sinh viên thôi học ngành Điều dưỡng (của 5 năm gần đây)	126
Bảng 2.17. Tỉ lệ sinh viên thôi học và lý do sinh viên thôi học	127
Bảng 2.18. Bảng đối sánh tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn	128
Bảng 2.19. Thống kê thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành Điều dưỡng (trong 5 năm gần đây)	130
Bảng 2.20. Thống kê số lượng sinh viên ngành Điều dưỡng thi đợt bổ sung	131
Bảng 2.21. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Điều dưỡng.....	132
Bảng 2.22. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm theo mốc thời gian tốt nghiệp	134
Bảng 2.23. Bảng đối sánh tình hình sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của ngành Y khoa và ngành Điều dưỡng của Trường.....	134
Bảng 2.24. Bảng đối sánh tình hình sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của TYD , ĐHĐN và ĐH Tây Nguyên.....	134
Bảng 2.25. Cán bộ, Giảng viên đánh giá cấu trúc và nội dung CTĐT ngành Điều dưỡng năm 2024	140
Bảng 2.26. Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường so với yêu cầu công việc thực tế tại đơn vị (về kiến thức, thái độ, kĩ năng) năm 2024.....	141

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Bản đồ quy hoạch 1/2.000 của Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc	6
Hình 1.2. Cấu trúc hệ thống đảm bảo chất lượng của TYD, ĐHĐN.....	10
Hình 1.3. Quy trình khảo sát các bên liên quan.....	114

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng

Mã: TYD

Tên CTĐT: Ngành Điều dưỡng

Mã CTĐT: 7720301

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					x					
Tiêu chí 1.2					x					
Tiêu chí 1.3					x					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					x					
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3					x					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					x					
Tiêu chí 3.2					x					
Tiêu chí 3.3					x					
Tiêu chuẩn 4								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2					x					
Tiêu chí 4.3					x					
Tiêu chuẩn 5								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					x					
Tiêu chí 5.2					x					
Tiêu chí 5.3					x					
Tiêu chí 5.4					x					
Tiêu chí 5.5					x					
Tiêu chuẩn 6								4,43	7	100
Tiêu chí 6.1				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức	Số	Tỷ lệ
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3					x					
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5					x					
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						
Tiêu chuẩn 7								4,40	5	100
Tiêu chí 7.1					x					
Tiêu chí 7.2					x					
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						
Tiêu chuẩn 8								5,00	5	100
Tiêu chí 8.1					x					
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3					x					
Tiêu chí 8.4					x					
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9								4,80	5	100
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2				x						
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10								4,83	6	100
Tiêu chí 10.1					x					
Tiêu chí 10.2					x					
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4				x						
Tiêu chí 10.5					x					
Tiêu chí 10.6					x					
Tiêu chuẩn 11								4,60	5	100
Tiêu chí 11.1					x					
Tiêu chí 11.2					x					
Tiêu chí 11.3					x					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức	Số	Tỷ lệ
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						
Đánh giá chung CTĐT							4,79	50	100	

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



TS.BS. Lê Việt Nho

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội không chỉ ở trong nước mà cả quốc tế, việc rà soát, tự đánh giá lại chương trình đào tạo (CTĐT) một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Chất lượng CTĐT có vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của ngành Điều dưỡng (ĐD) nói riêng và của Trường Y Dược (TYD), Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) nói chung. Trước xu thế hội nhập quốc tế và yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có năng lực thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe người bệnh. Trường nhận thấy đây là cơ hội tốt để rà soát, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT ngành ĐD để từ đó cải tiến chất lượng của CTĐT. Do vậy, Trường đã tiến hành tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành ĐD theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của Giáo dục đại học (GDĐH) ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT) (Sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT theo Thông tư 04).

Việc TĐG CTĐT ngành ĐD sẽ giúp Trường tự xem xét, đánh giá được những điểm mạnh, những mặt còn tồn tại để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng Đào tạo (ĐT) cho giai đoạn tiếp theo. Cụ thể như sau:

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo TĐG cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng BGD&ĐT.

Cấu trúc của báo cáo gồm 04 phần: Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III: Kết luận, Phần IV: Phụ lục

Phần I: Khái quát

Phần khái quát giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT ngành ĐD của Trường theo các tiêu chuẩn. Phần khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, giải thích cách mã hóa các minh chứng trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các bên liên quan. Trong phần này, báo cáo cũng nêu lên mục đích, phạm vi, phương pháp và quy trình TĐG, bản báo cáo mô tả tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của TYD, ĐHĐN.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trình bày báo cáo TĐG CTĐT ngành ĐD của TYD theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT, gồm: nội dung TĐG về: (1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT, (2) Bản mô tả CTĐT, (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

(CTDH), (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, (5) Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học (NH), (6) Đội ngũ giảng viên (GV), (7) Đội ngũ nhân viên, (8) Người học (NH) và hoạt động hỗ trợ NH, (9) Cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị, (10) Nâng cao chất lượng, (11) Kết quả đầu ra.

Ở mỗi tiêu chuẩn, bản báo cáo đều mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra tóm tắt những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, TĐG tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; các kế hoạch hành động được xây dựng để nâng cao chất lượng ĐT và kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Sau phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT ngành ĐD của TYD, ĐHĐN.

Phần IV: Phụ lục

Phần phụ lục bao gồm các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Danh sách thành viên Ban Thư ký, Danh sách thành viên các nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG; tổng hợp kết quả TĐG và cung cấp thông tin chi tiết về các cơ sở dữ liệu để kiểm định chất lượng CTĐT ngành ĐD.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Việc tự đánh giá CTĐT ngành ĐD giúp TYD, ĐHĐN đạt được mục đích sau:

- Xác định mức độ đáp ứng của chương trình đối với các mục tiêu đặt ra, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Trường.

- Giải trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình, làm cơ sở cho NH lựa chọn chương trình; nhà tuyển dụng (NTD) lao động lựa chọn nhân lực.

- Tự xem xét, đánh giá hiện trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động ĐT, nghiên cứu khoa học (NCKH), nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành ĐD để TYD, ĐHĐN điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Nhà trường đối với xã hội và cộng đồng.

- TĐG CTĐT không chỉ là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài mà còn là cơ sở để Trường cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị trong toàn bộ hoạt động ĐT, NCKH, dịch vụ xã hội. TĐG CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc

điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành ĐD.

- Giúp các cán bộ giảng viên (CBGV) của TYD, ĐHĐN biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT ngành ĐD theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành ĐD hiệu quả hơn góp phần hình thành văn hóa đảm bảo chất lượng của Trường.

1.3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình TĐG chất lượng CTĐT ngành ĐD được thực hiện theo thứ tự 6 bước theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG.
- Bước 2. Lập kế hoạch TĐG.
- Bước 3. Thu nhập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.
- Bước 4. Viết báo cáo TĐG.
- Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG.
- Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

1.4. Phạm vi tự đánh giá

TYD, ĐHĐN tiến hành hoạt động TĐG CTĐT ngành ĐD dưới sự chỉ đạo của Lãnh đạo ĐHĐN và Ban giám hiệu (BGH) và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2019 đến năm 2024).

1.5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá

Quá trình TĐG CTĐT ngành ĐD của TYD, ĐHĐN được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng (Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn TĐG CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH).

1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã hóa thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **[Hn.ab.cd.ef]**. Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí tương ứng với tiêu chuẩn được đánh số ở trên (ab) tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (đánh số từ 01 đến hết).

1.7. Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng TĐG CTĐT ngành ĐD được thành lập theo Quyết định số 1377/QĐ-ĐHĐN ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Giám đốc ĐHĐN, và Quyết định số 795/QĐ-ĐHĐN ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc ĐHĐN, gồm: Ban giám đốc, BGH TYD, các CBGV, Phòng chức năng, bộ môn, đại diện sinh viên (SV). Cụ thể, Ban giám đốc chỉ đạo chung, BGH chỉ đạo trực tiếp, các Phòng chức năng, bộ môn cung cấp minh chứng, viết các báo cáo TĐG. Bên cạnh đó sự phản hồi của SV, các cựu SV và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc TĐG. Căn cứ vào các thông tin được cung cấp, TYD, ĐHĐN tiến hành viết báo cáo TĐG CTĐT ngành ĐD.

1.8. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng TĐG CTĐT ngành ĐD và Ban Thư ký được thành lập theo Quyết định số 1377/QĐ-ĐHĐN ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Giám đốc ĐHĐN, Quyết định số 795/QĐ-ĐHĐN ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc ĐHĐN và Quyết định số 4069/QĐ-ĐHĐN ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc ĐHĐN về việc kiện toàn Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng thuộc Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng. Hội đồng TĐG gồm có 15 thành viên và Ban Thư ký gồm 07 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng TĐG gồm: nhóm chuyên trách với 28 thành viên được thành lập theo Quyết định số Quyết định số 4069/QĐ-ĐHĐN ngày ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc ĐHĐN.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu chung về Đại học Đà Nẵng

ĐHĐN là đại học vùng trọng điểm quốc gia thuộc khu vực duyên hải miền Trung, Tây Nguyên được thành lập năm 1994. Khi thành lập, ĐHĐN có 05 đơn vị thành viên với khoảng 800 GV trong tổng số 1.200 cán bộ viên chức.

Sau 30 năm xây dựng và phát triển ĐHĐN (1994-2024), ĐHĐN không ngừng lớn mạnh. ĐHĐN hiện có 06 trường đại học thành viên (Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn) và 07 đơn vị đào tạo trực thuộc gồm Trường Y Dược, Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum, Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh, Viện Công nghệ quốc tế DNIIT, Viện Khoa học Công nghệ Tiên tiến, Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Giáo dục Quốc phòng và An ninh. ĐHĐN có 35 trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, 34 nhóm nghiên cứu - giảng dạy (TRT).

2.2. Đội ngũ cán bộ, GV

Đội ngũ giảng viên của ĐHĐN tiếp tục được quan tâm phát triển, trong năm học qua, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, có học vị Giáo sư (GS), Phó Giáo sư (PGS) tiếp

tục tăng nhanh. Cụ thể, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của ĐHĐN tính đến tháng 7/2024 đạt hơn 47% (tăng gần 02% so với năm 2023), trung bình cả nước là 31%, trong đó Trường Đại học Bách khoa có tỷ lệ tiến sĩ cao nhất đạt 67,53% và Trường Đại học Sư phạm có tỷ lệ tiến sĩ tăng cao nhất là 5,12% trong năm học vừa qua. Hiện nay, ĐHĐN có 2.544 (viên chức và người lao động, trong đó có 1.614 giảng viên, 07 GS, 118 PGS, 772 tiến sĩ, hầu hết được đào tạo tại các nước phát triển (*Phụ lục 1*). Trong năm học 2023-2024, ĐHĐN đã được công nhận thêm 14 PGS, trong đó Trường Đại học Bách khoa và Trường Đại học Sư phạm có số lượng PGS được công nhận tăng cao nhất so với năm học trước. Đội ngũ viên chức quản lý được trẻ hóa, có năng lực và kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn, đây là nguồn lực quan trọng để khẳng định học hiệu của ĐHĐN trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

2.3. Cơ sở vật chất và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất 2020 - 2030

Các cơ sở của ĐHĐN được xây dựng trên 6 khuôn viên tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Kon Tum với tổng diện tích mặt bằng hiện nay trên 60 ha. Giảng đường của các trường thành viên đủ chỗ học cho hơn 37.000 sinh viên chính quy và hơn 15.000 sinh viên hệ vừa làm vừa học. Ngoài ra, một số sinh viên không chính quy còn lại học tại các Trung tâm đào tạo thường xuyên của các tỉnh, thành phố và các đơn vị đào tạo liên kết với ĐHĐN.

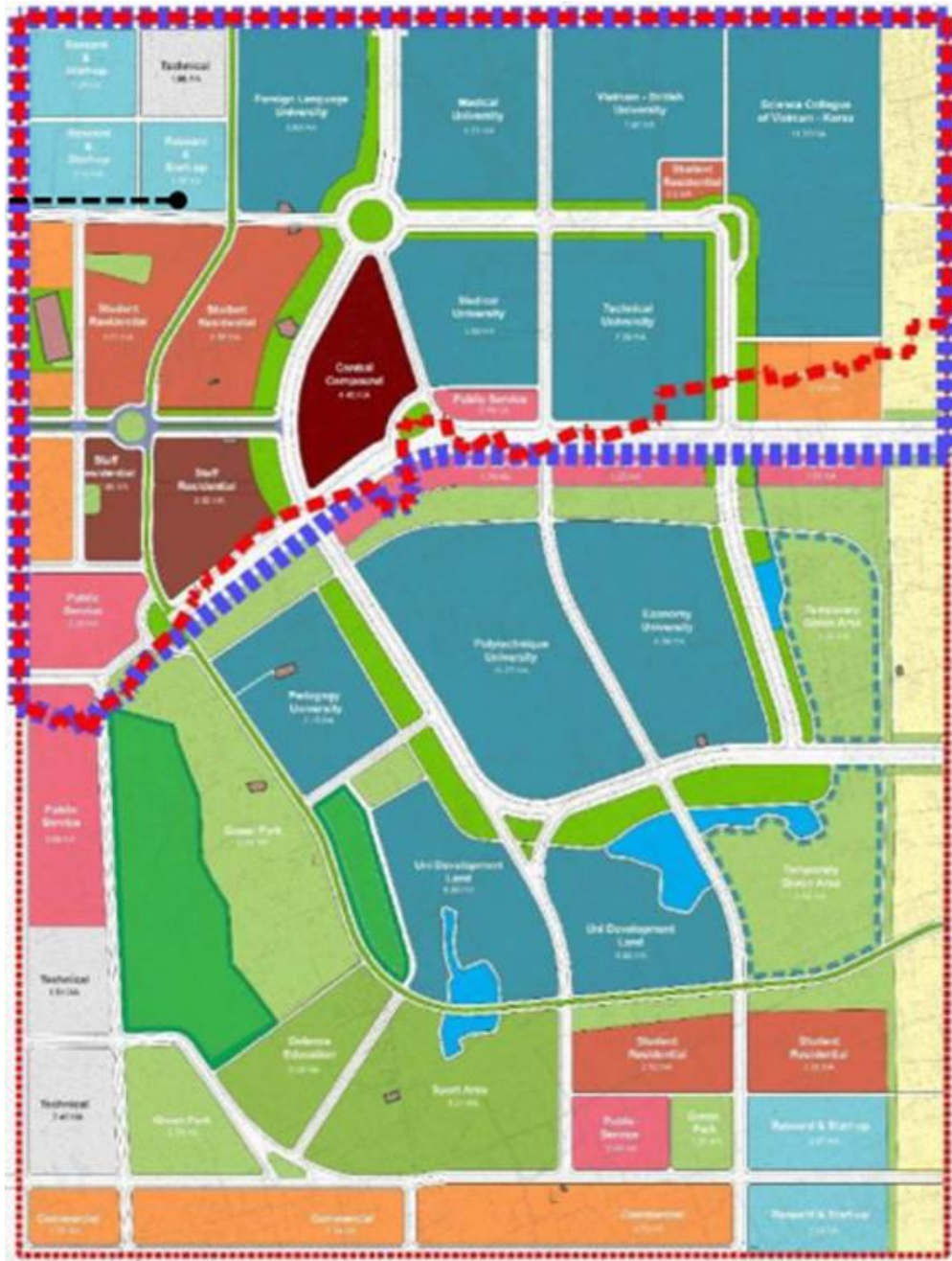
Các trung tâm nghiên cứu và các phòng thí nghiệm đang từng bước được hiện đại hóa nhờ các chương trình đầu tư trọng điểm, có chiều sâu từ các dự án vay vốn ODA, các chương trình HTQT.

Hệ thống ký túc xá của ĐHĐN hiện nay gồm 11 tòa nhà 5 tầng, 2 nhà 4 tầng và 3 nhà 2 tầng đều khang trang và tiện nghi. Phần lớn ký túc xá có khu vệ sinh khép kín, có khả năng phục vụ chỗ ăn ở cho hơn 5.000 sinh viên. Tại các khu ký túc xá đều có bố trí các phòng tự học, phòng máy tính, câu lạc bộ, phòng tập, sân tập thể dục thể thao, nhà ăn, quầy giải khát đáp ứng nhu cầu tự học, sinh hoạt, ăn uống và giải trí của sinh viên.

ĐHĐN còn có Trung tâm Thể thao với cơ sở giảng dạy thể dục - thể thao rộng rãi, hiện đại và là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa, thể dục, thể thao của toàn ĐHĐN.

Toàn bộ các khuôn viên của ĐHĐN được nối mạng cáp quang với đường truyền internet tốc độ 20Mb. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho phép ĐHĐN tổ chức các hội nghị, hội thảo qua mạng, đào tạo từ xa qua mạng... ĐHĐN đảm trách đầu cầu miền Trung của các hội nghị ngành của Bộ GDĐT. Ngoài ra, nhờ hệ thống công nghệ thông tin hoàn chỉnh, việc tổ chức đào tạo tín chỉ tại ĐHĐN được tiến hành thuận lợi. Một số khuôn viên của ĐHĐN có mạng không dây để tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ và sinh viên truy cập thông tin. Hệ thống Live@edu và ứng dụng Office 365 của Microsoft đã được triển khai trong toàn ĐHĐN tạo điều kiện phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo và quản lý. Các đơn vị thành viên của ĐHĐN đã triển khai các hoạt động đào tạo trực tuyến thông qua hệ thống LMS, đào tạo kết hợp Blended Learning, hệ thống bài giảng điện tử E-learning, khai thác hệ thống mạng thư viện điện tử hiện đại trên nền tảng Primo dùng chung trong toàn ĐHĐN.

ĐHĐN đã xây dựng kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các Trường Đại học thành viên, các đơn vị thuộc và trực thuộc năm 2023; đã hoàn thành Dự thảo Đề án Chuyển đổi số của ĐHĐN giai đoạn 2025, tầm nhìn 2035; thành lập nhóm nghiên cứu, giảng dạy về công nghệ vũ trụ ảo và chuyển đổi số; triển khai Dự án vay vốn ODA của Ngân hàng thế giới, Dự án hợp tác đổi mới giáo dục đại học - PHER có các hạng mục liên quan đầu tư ứng dụng CNTT phục vụ công tác dạy và học, NCKH và quản trị đại học hướng đến xây dựng ĐHĐN thông minh hơn (giai đoạn 2022-2025); đã đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực quản lý điều hành, tuyển sinh, đào tạo, khoa học công nghệ, bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục, tài chính, tài sản, tổ chức cán bộ,...



Hình 1.1. Bản đồ quy hoạch 1/2.000 của Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc

Khu Đô thị ĐHĐN tại Hòa Quý - Điện Ngọc với diện tích 300ha đã được Chính phủ phê duyệt quy hoạch 1/2000 (Hình 1). Nhiều công trình xây dựng đã được triển khai và đưa vào sử dụng như các tòa nhà TYD và Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.

Dự án xây dựng Khu Đô thị ĐHĐN với sự tài trợ của Ngân hàng Thế giới 100 triệu USD đang được triển khai xây dựng. Dự án ODA do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ cho Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn với tổng trị giá 7,7 triệu USD đã hoàn tất các thủ tục có liên quan. Cùng với 02 Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, ĐHĐN đang tiếp nhận sự hỗ trợ của dự án PHER trong công tác đào tạo nâng cao năng lực quản trị đại học; đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn ACPSIP.

2.4. Vị trí, vai trò của Đại học Đà Nẵng

Đại học Đà Nẵng là đại học vùng trọng điểm quốc gia được thành lập theo Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ, có chức năng đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực mũi nhọn.

Với bề dày truyền thống gần 30 năm xây dựng và phát triển (1994-2023) và hơn 45 năm hình thành của các trường đại học thành viên (1975-2023), đến nay ĐHĐN đã trở thành một trong những trung tâm đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của đất nước. Trong giai đoạn phát triển, ĐHĐN đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để đạt được những kết quả hết sức to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. ĐHĐN là tập thể đoàn kết, kế thừa và phát huy thành quả của các thế hệ, từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức và quản trị với đại học hai cấp; đã phát triển được đội ngũ cán bộ, giảng viên có phẩm chất, đạo đức tốt, được đào tạo chính quy, bài bản, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng; đã xây dựng được học hiệu ĐHĐN có uy tín và được thừa nhận trên cả bình diện quốc gia và quốc tế; có đội ngũ lãnh đạo quản lý trẻ, năng động, sáng tạo và hầu hết được đào tạo tại nước ngoài.

Bên cạnh những thuận lợi, trong thời gian đến, ĐHĐN sẽ đối mặt với không ít những khó khăn thách thức mới. Quá trình hội nhập, đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo sẽ tiếp tục có những chủ trương, chính sách, văn bản pháp quy mới, một mặt sẽ tạo ra xung lực mới cho sự phát triển nhưng mặt khác có thể ít nhiều gây xáo trộn trong hệ thống giáo dục và đào tạo nếu không kịp thời thích ứng, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học công lập nói chung và ĐHĐN nói riêng. Ngoài ra, đại dịch COVID-19 vẫn còn tiếp tục tác động nên cũng ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế của ĐHĐN. Sự hợp tác giữa trường đại học với doanh nghiệp vẫn tiếp tục gặp khó khăn do thiếu cơ chế, chính sách nhằm tạo ra động lực mới để thúc đẩy. Công tác dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của Việt Nam còn hạn chế, khó có được số liệu dự báo chính xác nên sẽ ảnh hưởng lớn đến định hướng phát triển ngành nghề mới và cơ cấu ngành nghề theo nhu cầu phát triển của xã hội.

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có chủ trương phát triển ĐHĐN thành Đại học Quốc gia để đáp ứng vai trò tiên phong trong NCKH và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển đất nước.

Ngày 13/02/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã có Báo cáo số 146/BC-BGDĐT, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc phát triển Đại học Huế và Đại học Đà Nẵng thành đại học quốc gia, theo đó Bộ GDĐT cơ bản nhất trí chủ trương phát triển ĐHĐN thành Đại học Quốc gia Đà Nẵng đã được nêu tại Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Công văn số 416/VPCP-QHĐP ngày 18/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý kiến nghị của các địa phương tại Hội nghị Chính phủ địa phương.

2.5. Mục tiêu chiến lược của Đại học Đà Nẵng

Mục tiêu chiến lược của ĐHĐN là phát triển thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực tinh hoa, NCKH, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức và công nghệ theo chuẩn mực quốc tế, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên số; tham vấn chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia và vùng.

Mục tiêu đến năm 2025,

ĐHĐN nằm trong nhóm 70 trường đại học hàng đầu khu vực Đông Nam Á, nhóm 400-500 trường đại học hàng đầu theo xếp hạng QS. Cơ bản hoàn thành giai đoạn 1 Dự án ĐHĐN tại Hòa Quý - Điện Ngọc bao gồm giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật toàn bộ khu vực dự án thuộc thành phố Đà Nẵng và một phần thuộc tỉnh Quảng Nam; xây dựng các công trình sử dụng chung và nhà làm việc, học tập cho Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Việt – Anh, Trường Đại học Công nghệ Thông tin – Truyền thông Việt - Hàn, Trường Y - Dược thuộc ĐHĐN.

2.6. Sứ mạng - Tầm nhìn

- Sứ mạng:

ĐHĐN là cơ sở đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ chiến lược vùng của đất nước; là nơi cung cấp nguồn nhân lực có tư duy đổi mới, năng lực sáng nghiệp và giàu tính nhân văn; có bản lĩnh, thích ứng nhanh và có khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường hợp nhập quốc tế; tiên phong giữ gìn bản sắc dân tộc, truyền bá tri thức khoa học, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

- Tầm nhìn đến năm 2045:

ĐHĐN là trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học và công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, ngang tầm khu vực và quốc tế.

ĐHĐN một trong những đại học hàng đầu Việt Nam với nhiều ngành mũi nhọn trong các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, quản trị, khoa học tự nhiên, giáo dục, xã hội và nhân văn, chăm sóc sức khỏe; là trung tâm đào tạo, nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ mang tầm quốc gia và quốc tế.

3. Mô tả tổng quan về Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng

3.1. Triết lý giáo dục

- Triết lý giáo dục: Nhân bản, Tự chủ, Chính trực
- Sứ mạng: Trường Y Dược có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; góp phần xây dựng, phát triển nguồn nhân lực y tế khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

- Tầm nhìn: Đến năm 2030, phát triển Trường Y Dược thành Trường Đại học Y Dược, một trường đại học thành viên của Đại học Đà Nẵng, có chức năng đào tạo trình độ đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học về lĩnh vực khoa học sức khỏe theo định hướng ứng dụng, vươn tầm khu vực và thế giới.

- Giá trị cốt lõi: Trách nhiệm, Chất lượng, Phát triển, Hội nhập.

3.2. Về đào tạo

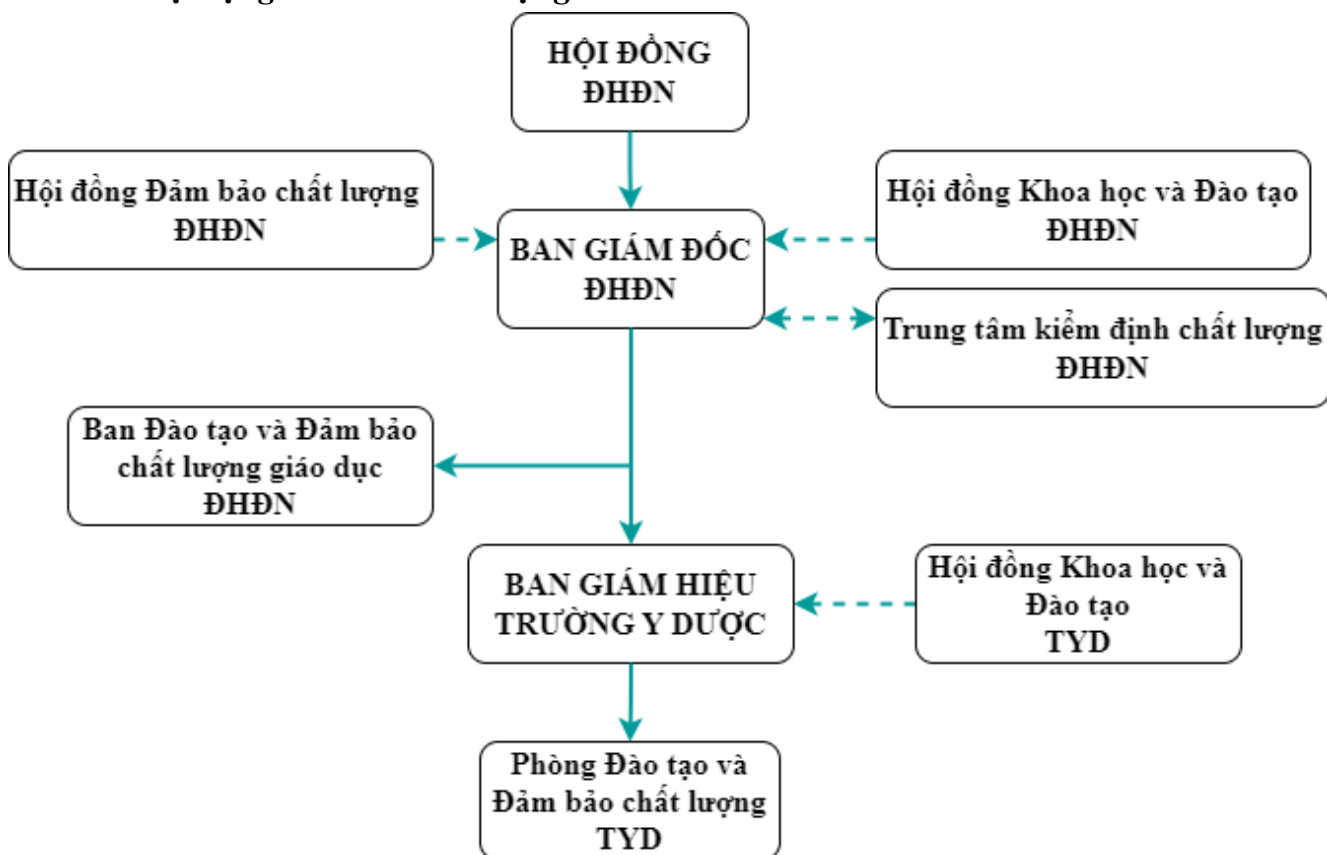
Hiện nay Trường đang đào tạo 05 ngành thuộc khối ngành sức khỏe: Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học. Đề án tuyển sinh được xây dựng rõ ràng, theo đúng các quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT, hướng dẫn thực hiện quy chế tuyển sinh của ĐHĐN và được cập nhật hằng năm. Các CTĐT được xây dựng theo quy định hiện hành của BGD&ĐT và đảm bảo các yêu cầu sau: Phù hợp với các nhu cầu xã hội, tính khoa học, tính cập nhật, áp dụng rộng rãi và thường xuyên các biện pháp giảng dạy hiện đại, đẩy mạnh việc áp dụng CNTT vào giảng dạy. Trường luôn chú trọng công tác tuyển sinh qua từng năm và đó cũng là cơ sở để Trường từng bước mở rộng quy mô SV, ngành học, CSCV.

Bảng 1.2. Tổng hợp các ngành đào tạo tại TYD - ĐHĐN

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
	Y khoa	7720101	2234/QĐ-ĐHĐN	22/04/2014	ĐHĐN	2014	2023
	Dược học	7720201	1903/QĐ-ĐHĐN	06/06/2017	ĐHĐN	2017	2023

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
	Điều dưỡng	7720301	3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT	25/06/2013	ĐHĐN	2013	2023
4	Răng-Hàm-Mặt	7720501	1745/QĐ-ĐHĐN	22/05/2017	ĐHĐN	2017	2023
5	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	2042/QĐ-BGDĐT	14/7/2023	BGD&ĐT	2023	2023

3.3. Các hoạt động đảm bảo chất lượng



Hình 1.2. Cấu trúc hệ thống đảm bảo chất lượng của TYD, ĐHĐN

TYD là đơn vị trực thuộc ĐHĐN, nằm trong hệ thống Đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD) của ĐHĐN, vì vậy công tác ĐBCLGD tại Trường luôn được chú trọng

quan tâm. Để thực hiện công tác ĐBCLGD, tại ĐHĐN đã thành lập Ban Đào tạo & Đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐT&ĐBCLGD), Hội đồng ĐBCLGD. Ban ĐT&ĐBCLGD ĐHĐN có chức năng tư vấn, tham mưu cho Giám đốc ĐHĐN và thực hiện quản lý, điều hành các hoạt động ĐBCLGD trong toàn ĐHĐN. Bên cạnh đó, Văn phòng, các Ban, Trung tâm thuộc ĐHĐN cũng luôn hỗ trợ, tạo điều kiện cho Trường trong quá trình vận hành nói chung và triển khai công tác ĐBCLGD nói riêng.

Cấu trúc hệ thống ĐBCLGD của Trường bao gồm:

- Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác ĐBCLGD: chỉ đạo, giám sát các hoạt động ĐBCLGD, xây dựng và phát triển hệ thống ĐBCLGD bên trong; xây dựng và triển khai các chính sách về chất lượng, các kế hoạch mang tính chiến lược, dài hạn và ngắn hạn về đảm bảo và kiểm định chất lượng ĐT, phù hợp với quy định của các cấp quản lý.

- Hội đồng KH&ĐT có nhiệm vụ tư vấn cho Trường về những hoạt động sau:

- + Các hoạt động ĐT;

- + Các hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN);

- + Các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế;

- + Các hoạt động phát triển nhân lực và CSVC phục vụ công tác ĐT và NCKH;

- + Đề xuất và tham mưu cho ĐHĐN để lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Trường, các phương thức Kiểm tra đánh giá (KTĐG) KQHT, rèn luyện của SV; các giải pháp nâng cao chất lượng ĐT và đảm bảo chất lượng đầu ra; đánh giá chất lượng của trang thông tin điện tử, tạp chí, tập san KHCN (nếu có), đánh giá việc tổ chức và quản lý ĐT, hoạt động KHCN của các đơn vị trong Trường.

- Phòng ĐT&ĐBCL làm đầu mối trực tiếp thực hiện công tác Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) theo chủ trương của BGD&ĐT và của ĐHĐN; tư vấn, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động liên quan đến công tác ĐBCLGD; liên kết với các trường ĐH để trao đổi thông tin, kinh nghiệm và thực hiện hợp tác trong các lĩnh vực về ĐBCLGD; triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ĐBCLGD do ĐHĐN và BGD&ĐT ủy quyền; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về ĐBCLGD ĐH cho đội ngũ GV và các đơn vị liên quan của Trường.

- Các Phòng/Tổ chức năng: có nhiệm vụ tham mưu và giúp BGH trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện công việc theo chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị do BGH ban hành. Các đơn vị này đều có cán bộ phụ trách ĐBCL, chịu trách nhiệm triển khai, báo cáo các nhiệm vụ cụ thể được giao như tham gia Hội đồng TĐG, viết báo cáo TĐG theo các Tiêu chuẩn, tiêu chí liên quan mảng công việc phụ trách,...

3.4. Về nhân sự

Thời điểm ban đầu khi mới thành lập (năm 2010) Trường có 09 người (gồm 01 Tiến sĩ, 02 Thạc sĩ, 06 ĐH) sau gần 15 năm xây dựng và phát triển, đến nay đội ngũ CBGV của Trường có nhiều thay đổi đáng kể về cả số lượng và đặc biệt về chất lượng. Trường hiện nay gồm 113 CBGV, trong đó có 01 Phó Giáo sư, 10 tiến sĩ, 43 thạc sĩ. Hiện đang có 12 GV đang thực hiện đào tạo bồi dưỡng trong và ngoài nước.

Sự phát triển của TYD gắn liền với các cơ sở thực hành theo Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Mỗi quan hệ gắn kết giữa Trường với các cơ sở thực hành như BV Đà Nẵng, BV Phụ sản Nhi Đà Nẵng, BV C Đà Nẵng... và các tỉnh/thành phố lân cận... tạo nền tảng vững chắc cho công tác ĐT, NCKH và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật và công nghệ cùng lúc đó hỗ trợ một số lượng lớn nguồn nhân lực cơ hữu cho Trường với số lượng các bác sĩ tại BV được công nhận làm GV cơ hữu và kiêm nhiệm các chức vụ tại Trường hiện nay là 28 người.

3.5. Về công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

3.5.1. Về công tác nghiên cứu khoa học

Trong những năm gần đây, đội ngũ GV của TYD đã được bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực NCKH, nhất là đội ngũ GV trẻ. Các giải pháp thúc đẩy hoạt động NCKH của BGH đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Một số đề tài/ nhiệm vụ KH&CN các cấp (cấp cơ sở, cấp ĐHĐN, cấp thành phố và cấp Bộ) được triển khai thực hiện. Số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí uy tín quốc tế thuộc hệ thống ISI và SCOPUS và trong nước tăng dần theo từng năm. GV của Trường còn tham gia xuất bản một số đầu sách Chuyên khảo bằng cả Tiếng Anh và Tiếng Việt. Các hội thảo khoa học ở phạm vi Trường và quốc tế đã được tổ chức, từng bước đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng ĐT và góp phần vào việc phát triển các mục tiêu kinh tế xã hội của địa phương.

Một số GV của Trường đã và đang tham gia vào các dự án quốc tế liên quan đến NCKH để nâng cao năng lực nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội để phát triển bản thân và hứa hẹn sẽ thành lập nên các nhóm nghiên cứu mạnh để chủ trì các đề tài/ nhiệm vụ có quy mô lớn.

Hoạt động NCKH của SV phát triển mạnh mẽ từ năm học 2021 - 2022. Tính đến nay đã có hơn 20 đề tài NCKH được nghiệm thu, hơn 15 đề tài được phê duyệt để triển khai thực hiện trong học kỳ I năm học 2023 - 2024. SV cũng gặt hái được nhiều thành công trong NCKH như có các bài báo trước công bố trong và ngoài nước, tham gia và đạt nhiều giải thưởng cao trong các cuộc thi về NCKH cấp Trường, cấp ĐHĐN, cấp thành phố và cấp Bộ.

Tuy nhiên, nếu so với tiềm lực về con người, CSVC sẵn có thì những kết quả đã đạt được về NCKH của Trường vẫn còn khiêm tốn. Đến nay, Trường chưa thực hiện được nhiệm vụ NCKH cấp quốc gia, còn hạn chế trong các nhiệm vụ cấp bộ. Sự hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Trường và các doanh nghiệp chưa thực sự phát triển.

3.5.2. Về hợp tác quốc tế

Đến năm 2024, Trường đã thực hiện việc ký kết nhiều thoả thuận hợp tác quan trọng, bao gồm các biên bản ghi nhớ chung và các thoả thuận liên quan đến chương trình trao đổi cán bộ và SV. Đối tác trong các thoả thuận này là những quốc gia tiên tiến, nổi tiếng về chất lượng ĐT, đặc biệt là trong lĩnh vực y dược trên toàn thế giới, và tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Âu, Châu Á và Châu Úc. Trong số này, những văn bản hợp tác

nổi bật nhất được ký kết với các trường ĐH hàng đầu ở CHLB Đức, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Pháp.

Ngoài ra, Trường đã tiếp đón một số đại diện từ các trường đại học hàng đầu, doanh nghiệp lớn và tổ chức phi chính phủ, bao gồm ĐH Ludwig Maximilian München (CHLB Đức), ĐH Côte d'Azur (Pháp), ĐH Kangwon (Hàn Quốc), ĐH Monash (Úc), Tập đoàn Phúc lợi Y tế Shouwakai (Nhật Bản), và nhiều đối tác khác. Kết quả của các cuộc làm việc chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các thoả thuận hợp tác liên quan đến chương trình trao đổi CBGV, SV thực tập, nghiên cứu chung, các khóa ĐT ngắn hạn, hội thảo, hội nghị quốc tế và các buổi nói chuyện chuyên đề. Đồng thời, Trường cũng tiếp nhận nguồn viện trợ ban đầu từ các tổ chức phi chính phủ, như Tổ chức Heart For Heart - Foundation For Life (CHLB Đức).

3.6. Công tác sinh viên

Trường quản lý các hoạt động học tập và phong trào của học viên, SV; thúc đẩy quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp theo CDR của CTĐT. Năm học 2023 - 2024, TYD quản lý 28 đơn vị lớp SV, tổng cộng 1257 SV đang theo học thuộc 5 ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học. Trong đó, SV ngành Y khoa: 631 SV; Răng - Hàm - Mặt: 251 SV; Dược học: 206 SV; Điều dưỡng: 141 SV và Kỹ thuật xét nghiệm y học: 28 SV.

3.7. Về cơ sở vật chất

Trường tọa lạc tại khu đô thị ĐHĐN, Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng với diện tích đất sử dụng khoảng 23.000 m². Đến nay, quỹ phòng học tại Trường phục vụ ĐT gồm có 17 phòng học với diện tích 1776 m², trong đó có 01 giảng đường/hội trường 180 chỗ ngồi (Hội trường tầng 3) với diện tích 252 m²; hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm có 47 phòng với tổng diện tích là 4713 m². Trường đã thực hiện nghiêm túc công tác quản lý và sử dụng tài chính theo quy định của Nhà nước và ĐHĐN. Công tác đầu tư xây dựng, mua sắm CSVC và trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và khám chữa bệnh điều được Trường triển khai thực hiện hàng năm. Định kỳ qua các đợt kiểm kê, đánh giá lại tình trạng sử dụng, các tài sản hư hỏng hoặc hoạt động không hiệu quả sẽ được xử lý và có sự thay thế kịp thời, do đó hệ thống CSVC trang thiết bị tại Trường luôn được đảm bảo vận hành ở trạng thái hoạt động tốt. Trường cũng đã chủ động tìm kiếm, vận động các nguồn lực hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân; các chương trình, dự án để đầu tư CSVC và mua sắm trang thiết bị cho Trường, qua đó tạo điều kiện để Trường tích lũy nguồn lực tài chính phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ, chiến lược quan trọng trong tương lai.

3.8. Về tổ chức các phong trào đoàn thể

Năm 2019, Trường Y Dược có 02 câu lạc bộ tình nguyện (Blouse Trắng và L-Club), 01 câu lạc bộ âm nhạc (Medzic). Năm 2020 thành lập câu lạc bộ Dược khoa. Năm 2021 thành lập câu lạc bộ Học tập (Medical space). Năm 2022 thành lập câu lạc bộ Bóng chuyền (DVC). Năm 2023 thành lập câu lạc bộ Tiếng Anh và câu lạc bộ Răng - Hàm - Mặt.

Năm 2019, Trường Y Dược có 02 câu lạc bộ tình nguyện (Blouse Trắng và L-Club), 01 câu lạc bộ âm nhạc (Medzic). Năm 2020 thành lập câu lạc bộ Dược khoa. Năm 2021 thành lập câu lạc bộ Học tập (Medical space). Năm 2022 thành lập câu lạc bộ Bóng chuyên (DVC). Năm 2023 thành lập câu lạc bộ Tiếng Anh và câu lạc bộ Răng - Hàm - Mặt.

Trường quản lý các hoạt động học tập và phong trào của học viên, SV; thúc đẩy quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp theo CĐR của CTĐT.

Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động và phong trào SV như: Chương trình chào đón Tân SV; tổ chức Giải bóng đá nam, nữ; phối hợp với Trung tâm Y khoa tổ chức các chương trình khám, phát thuốc miễn phí; chương trình Hành trình địa chỉ đỏ; tổ chức cuộc thi “Rung chuông vàng”; tổ chức các ngày hội sách, tổ chức chương trình phụ đạo tiếng Việt cho Lưu học sinh.

Trường luôn đặt mục tiêu xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, nhân văn, hiệu quả và chất lượng. Công đoàn Nhà Trường hàng năm luôn chú trọng tổ chức các hoạt động đoàn thể gắn kết tinh thần đoàn kết của GV trong Trường, thăm hỏi và động viên kịp thời các GV gặp khó khăn và luôn tạo động lực phát triển cho mỗi công đoàn viên.

3.9. Giới thiệu về ngành Điều dưỡng

ĐD là một trong những bộ phận của hệ thống y tế, đóng vai trò quan trọng trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe. TYD - ĐHĐN bắt đầu tuyển sinh ĐT ngành ĐD hệ ĐH chính quy từ năm 2013 theo quyết định số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25 tháng 6 năm 2013. CTĐT ngành ĐD được xây dựng theo định hướng ứng dụng với mục tiêu ĐT người ĐD có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, đáp ứng chuẩn năng lực ĐD ở trình độ ĐH; có sức khỏe và năng lực tư duy; có khả năng làm việc độc lập và phối hợp, NCKH, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe cộng đồng và hội nhập quốc tế.

Cho đến nay, Trường có 08 khóa SV ĐD tốt nghiệp, theo thống kê trong các báo cáo khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên, trong những năm gần đây đều có trên 90% SV có việc làm đúng ngành đào tạo và đang tham gia công tác điều trị, chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở y tế trong nước và quốc tế.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ĐD phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, TYD - ĐHĐN đã bắt đầu tuyển sinh ĐT ngành ĐD trình độ ĐH từ năm 2013 dựa trên các quy định, hướng dẫn về xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT của BGD&ĐT, ĐHĐN và TYD. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể và lồng ghép giữa kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ trách nhiệm. Bên cạnh đó, mục tiêu và CĐR được xây dựng dựa trên Chuẩn năng lực cơ bản của ĐD Việt Nam, truyền tải được sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của TYD, ĐHĐN.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành ĐD được xây dựng và ban hành lần đầu năm 2013 [[H1.01.01.01](#)] dựa trên chương trình khung khối ngành Khoa học Sức khỏe của BGD&ĐT theo phương thức ĐT niên chế, sau đó được chuyển đổi sang học chế tín chỉ (TC) vào năm 2017. Trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT, TYD đã tuân thủ các Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH [[H1.01.01.02](#)] và ĐHĐN [[H1.01.01.03](#)].

Mục tiêu CTĐT ngành ĐD được xác định rõ ràng trong bản mô tả CTĐT là: “Đào tạo người Điều dưỡng có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, đáp ứng chuẩn năng lực điều dưỡng ở trình độ đại học; có sức khỏe và năng lực tư duy; có khả năng làm việc độc lập và phối hợp, nghiên cứu khoa học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe cộng đồng và hội nhập quốc tế.” [[H1.01.01.04](#)]. Mục tiêu chung của CTĐT được cụ thể hóa bằng các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm như sau:

Kiến Thức:

PO1. Có kiến thức và năng lực chuyên môn vững vàng để đảm nhận nhiều vị trí khác nhau như ĐD viên, GV, nghiên cứu viên trong lĩnh vực ĐD.

Kỹ Năng:

PO2. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp, sáng tạo, NCKH và thực hành dựa trên bằng chứng để đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân.

Tự chủ trách nhiệm:

PO3. Có tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo các chuẩn mực đạo đức, pháp lý, tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng và có ý thức phát triển nghề nghiệp.

Mục tiêu của CTĐT ngành ĐD phù hợp với sứ mạng của ĐHĐN “là nơi cung cấp nguồn nhân lực có tư duy đổi mới, năng lực sáng nghiệp và giàu tính nhân văn; có bản lĩnh, thích ứng nhanh và có khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế”, tầm nhìn đến năm 2045 phát triển ĐHĐN “là một trong các đại học hàng đầu Việt Nam với nhiều ngành mũi nhọn trong các lĩnh vực về kỹ thuật, kinh tế, quản trị, khoa học tự nhiên, giáo dục, xã hội và nhân văn, chăm sóc sức khỏe” [[H1.01.01.05](#)]. Đồng thời, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường [[H1.01.01.06](#)] được chuyển tải một cách cụ thể vào mục tiêu mới nhất của CTĐT ngành ĐD.

Bảng 2.1. Sự phù hợp giữa sứ mạng TYD và mục tiêu CTĐT

Sứ mạng TYD	Mục tiêu CTĐT
Đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ đại học và sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân; góp phần quan trọng cho sự phát triển nguồn nhân lực y tế của khu vực miền Trung – Tây Nguyên và cả nước	Có kiến thức và năng lực chuyên môn vững vàng để đảm nhận nhiều vị trí khác nhau như điều dưỡng viên, giảng viên, nghiên cứu viên trong lĩnh vực điều dưỡng.
	Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp, sáng tạo, nghiên cứu khoa học và thực hành dựa trên bằng chứng để đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân.
	Có tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo các chuẩn mực đạo đức, pháp lý, tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng và có ý thức phát triển nghề nghiệp.

Quá trình xây dựng mục tiêu của CTĐT ngành ĐD căn cứ theo mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật GDĐH và Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 [H1.01.01.07], trong đó nổi bật nhất là đào tạo người ĐD có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo quy định nhiệm vụ chuyên môn về chăm sóc ĐD của Bộ Y tế [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT cũng phù hợp với Chuẩn năng lực cơ bản Cử nhân ĐH ĐD Việt Nam [H1.01.01.09], Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của ĐD viên [H01.01.01.10] và Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H01.01.01.11].

Từ năm 2019, mục tiêu của CTĐT tiếp tục được rà soát và cập nhật định kỳ theo kế hoạch [H1.01.01.12] nhằm đáp ứng với tầm nhìn và sứ mạng của TYD và ĐHĐN [H1.01.01.13]; [H1.01.01.14]. Trong quá trình rà soát, cập nhật mục tiêu CTĐT, TYD thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan như NTD lao động [H1.01.01.15], SV [H1.01.01.16], cựu SV [H1.01.01.17] và GV [H1.01.01.18], tham khảo đối sánh với các CTĐT trong và ngoài nước [H1.01.01.19]. Trong đó, 100% ý kiến của NTD cho rằng mục tiêu của CTĐT TYD, ĐHĐN đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Từ ý kiến của các bên liên quan, tổ rà soát đã thực hiện điều chỉnh, cập nhật mục tiêu [H1.01.01.20] và được thông qua bởi Hội đồng KH&ĐT [H1.01.01.21]. Sau mỗi lần điều chỉnh, Trường đều thực hiện báo cáo rà soát CTĐT [H1.01.01.22] và phổ biến rộng rãi mục tiêu CTĐT dưới nhiều hình thức như sổ tay SV [H1.01.01.23], trang thông tin điện tử của TYD [H1.01.01.24] giúp NH và các bên liên quan có thể nắm rõ được mục tiêu của CTĐT.

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu ĐT của ngành ĐD được xác định rõ ràng, cụ thể, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của Luật GDĐH và sứ mạng, tầm nhìn của Trường.

- Việc xây dựng, hoàn thiện và cập nhật mục tiêu CTĐT được thực hiện trên cơ sở xem xét nhu cầu của thị trường lao động, khảo sát các bên liên quan và tham khảo đối sánh với các CTĐT khác.

3. Điểm tồn tại

- Việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT được thực hiện với quy mô chưa lớn, hình thức chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan với quy mô lớn hơn và với nhiều hình thức khác nhau (trực tiếp, trực tuyến)	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai rà soát, cập nhật định kỳ mục tiêu của CTĐT để đáp ứng các nhu cầu của thị trường lao động.	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học.	2 năm một lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành ĐD [[H1.01.01.04](#)] được xây dựng và ban hành tuân thủ các quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành CĐR CTĐT của BGD&ĐT [[H1.01.01.02](#)] và đối sánh với khung trình độ quốc gia [[H1.01.01.11](#)]; [[H1.01.02.01](#)]; [[H1.01.02.02](#)]; phù hợp với chuẩn năng lực cơ bản và chuẩn đạo đức nghề nghiệp ĐD Việt Nam [[H1.01.01.09](#)]; [[H1.01.01.10](#)]; theo các quy định, hướng dẫn, quy trình của ĐHĐN [[H1.01.01.03](#)] và của TYD [[H1.01.02.03](#)]; căn cứ vào mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT. Đồng thời, CĐR cũng phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của ĐHĐN [[H1.01.01.05](#)] cũng như TYD [[H1.01.01.06](#)].

Bảng 2.2. Ma trận đối sánh mục tiêu và CĐR của CTĐT năm 2023

Mục tiêu của CTĐT (PO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
PO1	X	X	X	X	X	X	X	X	
PO2		X	X	X	X	X	X	X	X
PO3	X		X		X	X			X

Trong CTĐT mới nhất năm 2023 [[H1.01.01.04](#)], CĐR của CTĐT được xác định cụ thể, súc tích, rõ ràng với 3 nhóm CĐR về kiến thức (2), kỹ năng (5) bao gồm cả kỹ năng về ngoại ngữ, tin học, năng lực tự chủ và trách nhiệm (2). Mỗi CĐR của CTĐT được xây dựng bằng các động từ được mô tả trong bảng phân loại Bloom, và được xây dựng theo nguyên tắc SMARTC (Specific, Measurable, Actionable, Rational, Communicable) nhằm đảm bảo có thể đo lường và đánh giá được. Ngoài ra, để giúp cho việc đánh giá mức độ đạt được CĐR của NH, CĐR của CTĐT năm 2021 và 2023 còn được cụ thể hóa bằng các chỉ số đánh giá (PI). Điều này đảm bảo các CĐR của CTĐT có thể đạt được thông qua các CĐR của các học phần (HP) [[H1.01.02.04](#)] và được thể hiện rõ trong ma trận kỹ năng về mối liên quan giữa các HP và CĐR của CTĐT [[H1.01.02.05](#)].

Nội dung các CĐR của CTĐT năm 2023 đã chỉ ra những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà NH có thể tích lũy được sau khi học xong CTĐT. Cụ thể:

- *Kiến thức (PLO1, 2)*: được trang bị đầy đủ kiến thức về chuyên môn, nghề nghiệp và kiến thức tổng quát về ngành giúp cho NH sau khi tốt nghiệp có khả năng nhận định tình trạng sức khỏe của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng, từ đó xác định các chẩn đoán ĐD và thiết lập kế hoạch chăm sóc phù hợp. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn yêu cầu NH sau khi tốt nghiệp phải xác định được các quan điểm về lý luận chính trị, các chính sách của Đảng và Nhà nước và các chuẩn đạo đức nghề nghiệp ĐD để áp dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- *Kỹ năng (PLO 3-7)*: NH được trang bị các kỹ năng thực hành theo chuẩn năng lực nghề nghiệp người ĐD như: thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng từ cơ bản đến nâng cao; xử trí các tình huống sơ cứu, cấp cứu; tham gia vào công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng; áp dụng y học cổ truyền, các bằng chứng khoa học, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tin học và ngoại ngữ vào thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm (PLO8, 9)*: giúp NH có thái độ đúng về nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tư duy sáng tạo; có khả năng quản lý và triển khai các hoạt động chăm sóc nhóm.

Ngoài ra, CTĐT còn trang bị cho NH các năng lực về thể chất, giáo dục Quốc phòng - An ninh. Những năng lực này được cụ thể hóa bằng các chứng chỉ bắt buộc NH phải hoàn thành trước khi xét tốt nghiệp.

Với các CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm được trang bị, NH sau khi tốt nghiệp ngành ĐD bậc ĐH có thể đảm nhận các công việc của ĐD viên tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước; làm việc tại các trung tâm, cơ quan quản lý nhà nước về y tế; hoặc làm việc tại các trường cao đẳng, ĐH với vai trò là cán bộ nghiên cứu, hướng dẫn thực hành hoặc GV.

2. Điểm mạnh

- CDR CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể đáp ứng mục tiêu của CTĐT và phản ánh được sứ, tầm nhìn của TYD và ĐHĐN; bao quát được cả yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với SV.

- CDR được rà soát, cập nhật tuân thủ theo các quy định hiện hành của BGD&ĐT, ĐHĐN và TYD; có thể đo lường được thông qua CDR của các HP và được thể hiện rõ trong Đề cương chi tiết (ĐCCT) HP.

3. Điểm tồn tại

- Việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CDR của CTĐT được thực hiện với quy mô chưa lớn. Các phản hồi của các bên liên quan về CDR còn tương đối ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CDR với quy mô lớn hơn: - Mở rộng phạm vi khảo sát Hình thức khảo sát đa dạng hơn: trực tiếp, trực tuyến - Tách riêng khảo sát nội dung CDR để có phản hồi cụ thể hơn.	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học.	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, cập nhật CDR theo nhu cầu của thị trường lao động trong nước và thế giới.	- Tổ rà soát CTĐT; - Phòng ĐT&ĐBCL	2 năm một lần kể từ năm 2024.	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT ngành ĐD, công tác rà soát, điều chỉnh CĐR được thực hiện theo quy trình chặt chẽ của TYD [H1.01.02.03]. Bên cạnh việc căn cứ vào mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chiến lược phát triển và sứ mạng của TYD và ĐHĐN, CĐR của CTĐT ngành ĐD còn được xây dựng, rà soát và điều chỉnh căn cứ vào những quy định hiện hành của BGD&ĐT về xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT [H1.01.01.02]; [H1.01.01.03], công văn hướng dẫn đối sánh phục vụ công tác đảm bảo chất lượng [H1.01.02.01], và đối sánh CĐR với Khung trình độ quốc gia Việt nam [H1.01.02.02], Chuẩn năng lực cơ bản của ĐD Việt Nam [H1.01.01.09], Chuẩn đạo đức nghề nghiệp ĐD Việt Nam [H1.01.01.10] và đối sánh với CĐR của CTĐT cùng ngành của các cơ sở giáo dục trong nước [H1.01.03.01].

Bảng 2.3. Quy trình rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học

BUỐC	NỘI DUNG
1	Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT
2	Tổ chức rà soát, cập nhật CTĐT
3	Hội đồng KH&ĐT xét duyệt hồ sơ điều chỉnh
4	Giám đốc xét duyệt và ra Quyết định điều chỉnh

Theo đó, từ hướng dẫn rà soát CTĐT chung hàng năm của ĐHĐN [H1.01.01.12], Trường đã lên kế hoạch [H1.01.01.13] và ra các quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh CTĐT (trong đó có CĐR) [H1.01.01.14]. Thông qua các báo cáo rà soát CTĐT hàng năm [H1.01.01.22], từ năm học 2020 - 2021 trở đi, TYD đã tiến hành điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng tiếp cận năng lực trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan gồm NTD lao động, SV, cựu SV, GV [H1.01.01.18], và được thông qua bởi ban rà soát CTĐT [H1.01.01.20] và Hội đồng KH&ĐT [H1.01.01.21]. Cụ thể, báo cáo kết quả khảo sát NTD lao động về CĐR của CTĐT ngành ĐD cho thấy: 100% NTD lao động hoàn toàn đồng ý với nội dung CĐR ngành ĐD đáp ứng được yêu cầu của NTD nói riêng và thị trường lao động nói chung [H1.01.01.15]. Về phía NH: 94,8% SV đang theo học đồng ý với đánh giá CĐR của CTĐT ngành ĐD CTĐT rõ ràng, cụ thể [H1.01.01.16]. Trong khi đó, 93,8% cựu SV cho rằng CĐR của CTĐT phản ánh rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.17]. Ngoài ra, trong quá trình rà soát điều chỉnh CĐR của CTĐT cũng đánh giá dựa trên sự phân tích kết quả xếp loại học tập của NH [H1.01.03.02].

So với CĐR năm 2019, CĐR của CTĐT năm 2023 được thể hiện rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT với đầy đủ các nội dung ở các nhóm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong đó chú trọng các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng ngoại ngữ và tin học theo yêu cầu trình độ quốc gia [H1.01.02.02].

Bảng 2.4. So sánh CĐR của CTĐT phiên bản 2019, 2021 và 2023

Đặc điểm	CĐR của CTĐT 2019	CĐR của CTĐT 2021	CĐR của CTĐT 2023
Giống nhau	Thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT; Xác định rõ yêu cầu về các kiến thức, kỹ năng cơ bản và mức tự chủ trách nhiệm mà NH cần đạt được		
Khác nhau	Bao gồm 15 CĐR được xác định rõ ràng theo từng mục tiêu cụ thể của CTĐT, đáp ứng bảng phân loại Bloom về đo lường, đánh giá CĐR.	Bao gồm 12 CĐR được cụ thể hóa bằng các chỉ số PI. Nội dung CĐR được xác định rõ ràng theo từng mục tiêu cụ thể của CTĐT, đáp ứng bảng phân loại Bloom về đo lường, đánh giá CĐR.	Được tích hợp và hệ thống lại còn 9 CĐR với các PI được xác định rõ ràng theo từng mục tiêu cụ thể của CTĐT, đáp ứng bảng phân loại Bloom về đo lường, đánh giá CĐR.

CĐR của CTĐT được công bố công khai và phổ biến rộng rãi tới CBGV, SV toàn trường, và đơn vị sử dụng lao động thông qua website của TYD - ĐHDN tại <https://smp.udn.vn/gioi-thieu-nganh-dieu-duong> [H1.01.01.24], sổ tay SV [H1.01.01.23], được phổ biến đến SV trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, gặp mặt tân SV [H1.01.03.03], và cập nhật trên hệ thống E-learning của Trường [H1.01.03.04]. Với sự công bố rộng rãi như trên đã giúp GV và SV cũng như NTD lao động dễ dàng tiếp cận với các yêu cầu của CĐR. Từ đó hầu hết GV nắm bắt được những yêu cầu cơ bản của CĐR của CTĐT để áp dụng vào xây dựng ĐCCT các HP để hỗ trợ sinh viên có thể đạt được CĐR khi hoàn thành khóa học. Về phía SV, việc lĩnh hội đầy đủ, sâu sắc các nội dung của CĐR cũng giúp SV biết được các yêu cầu đặt ra mà SV cần đạt được khi tốt nghiệp, giúp SV định hướng và đặt ra mục tiêu, có phương pháp học tập phù hợp để đạt các yêu cầu của CĐR khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

- CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, phù hợp với các quy định hiện hành và được công bố công khai.

- CĐR được cập nhật dựa trên đối sánh với Khung trình độ quốc gia, Chuẩn năng lực và Chuẩn đạo đức của ĐD Việt Nam, đối sánh với CĐR của các CTĐT cùng ngành trong nước đã được kiểm định.

3. Điểm tồn tại

- Việc cập nhật CĐR chưa tham khảo được ý kiến của các chuyên gia và NTD lao động ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi Chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên cập nhật nhu cầu của các chuyên gia và ý kiến của các NTD quốc tế để rà soát, cập nhật CDR	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường rà soát, điều chỉnh chương trình và kế hoạch đào tạo để phù hợp với CDR CTĐT ngành ĐD	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Tổ rà soát CTĐT.	02 năm một lần từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Thông qua mô tả các tiêu chí cho thấy mục tiêu và CDR của CTĐT ngành ĐD được xác định rõ ràng, cụ thể, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của Luật GDĐH; hoàn toàn phù hợp với nhu cầu đào tạo nhân lực ĐD và được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo hướng đáp ứng với các nhu cầu thực tiễn của xã hội, phù hợp với các quy định hiện hành.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như quy mô khảo sát ý kiến của các bên liên quan còn chưa lớn, hình thức khảo sát chưa đa dạng.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 1: 3/3 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành ĐD cung cấp các thông tin chung về CTĐT như: mục tiêu, CDR, tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp, chiến lược giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá, mô tả chương trình giảng dạy, ĐCCT các HP. Bản mô tả CTĐT ngành ĐD được xây dựng dựa trên chương trình khung của BGD&ĐT, được điều chỉnh để phù hợp với triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT giúp NH, NTD và xã hội hiểu rõ yêu cầu về chất lượng ĐT để NH lên kế hoạch học tập phù hợp, NTD có được những thông tin hữu ích về CTĐT.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành ĐD được xây dựng và cải tiến theo Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT của ĐHĐN [[H1.01.03](#)] và của TYD [[H1.01.02.03](#)] trên cơ sở Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ ĐH của BGD&ĐT theo thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021 và Quy định

về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ theo thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015. Quy chế đào tạo trình độ ĐH theo thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 [H1.01.01.02], chuẩn năng lực ĐD Việt Nam của Bộ Y tế [H1.01.01.09], chuẩn đạo đức nghề nghiệp của ĐD Việt Nam [H1.01.01.10]. Năm 2013, CTĐT ngành ĐD [H1.01.01.04] đầu tiên được ban hành kèm theo Quyết định số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT của ĐHĐN [H1.01.01.01] và được sử dụng trong ĐT và giảng dạy. Năm 2017, TYD - ĐHĐN đã xây dựng Bản mô tả CTĐT ngành ĐD lần đầu tiên [H2.02.01.01].

Bản mô tả CTĐT ngành ĐD [H2.02.01.01]; [H2.02.01.02] bao hàm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT [H1.01.01.02] nội dung gồm thông tin chung về CTĐT, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, CĐR, ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận đối sánh CĐR CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam, cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ, điều kiện tốt nghiệp, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp KTĐG, cấu trúc và sơ đồ CTDH, khung CTĐT, ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR của CTĐT, mô tả tóm tắt HP, bảng đối sánh CTĐT với các CTĐT trong và ngoài nước. Bảng 2.5 là thông tin chung về CTĐT ngành ĐD 2023.

Bảng 2.5. Thông tin chung về CTĐT ngành Điều dưỡng 2023

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Điều dưỡng
Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Nursing
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo	Điều dưỡng
Mã ngành đào tạo:	7720301
Chuẩn đầu vào:	Theo quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT
Thời gian đào tạo:	04 năm (8 học kỳ)
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ:	132
Thang điểm:	Đánh giá theo hệ thống tính điểm áp dụng thống nhất cho cả Trường được quy định bởi Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng BGD&ĐT; các quy định hiện hành của TYD - ĐHĐN
Điều kiện tốt nghiệp:	Kết thúc khóa học, SV được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện
Văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân ĐD do ĐHĐN cấp

Cơ hội việc làm:	SV sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành ĐD có thể công tác trong các lĩnh vực và vị trí: - ĐD viên tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước; - GV, nghiên cứu tại các đơn vị y tế, đơn vị giáo dục về Khoa học sức khỏe, điều dưỡng; - Làm việc tại các trung tâm, cơ quan quản lý nhà nước về y tế.
Khả năng nâng cao trình độ:	- Thạc sĩ ĐD và các chuyên ngành thuộc khoa học sức khỏe. - ĐD định hướng chuyên ngành, chuyên khoa I.

Bản mô tả CTĐT ngành ĐD định kỳ được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo kế hoạch rà soát CTĐT của Trường [[H1.01.01.12](#)]; [[H1.01.01.13](#)]; [[H1.01.01.14](#)] và đến nay, Bản mô tả CTĐT đã có 3 lần thay đổi và cập nhật qua các năm 2019, 2021, 2023 [[H2.02.01.01](#)]; [[H2.02.01.02](#)]. Qua mỗi lần cập nhật và chỉnh sửa, Bản mô tả CTĐT ngành ĐD ngày càng được hoàn thiện hơn. Bản mô tả CTĐT 2017 là phiên bản đầu tiên được xây dựng theo hệ thống TC gồm các mục: Mục tiêu ĐT, CĐR của CTĐT, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp, thang điểm, nội dung chương trình, mô tả tóm tắt nội dung các HP và hướng dẫn thực hiện chương trình [[H2.02.01.01](#)]. Phiên bản 2019, TYD - ĐHĐN đã cập nhật nội dung về thông tin giới thiệu CTĐT, tầm nhìn và sứ mạng của Trường, ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận đối sánh CĐR của CTĐT và khung trình độ quốc gia Việt Nam, cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ, chiến lược giảng dạy - học tập, phương pháp đánh giá, tăng số tín chỉ từ 138 TC thành 142 TC do bổ sung HP Pháp luật đại cương 2 TC và Chủ nghĩa xã hội khoa học 2 TC theo đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường của BGD&ĐT [[H2.02.01.03](#)].

Trên cơ sở Bộ Y tế ban hành Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân ĐD Việt Nam theo Quyết định số 3474/QĐ-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Y tế [[H1.01.01.09](#)], đối sánh với CTĐT ngành ĐD của các trường trong và ngoài nước [[H1.01.01.19](#)], báo cáo kết quả khảo sát ý kiến NTD [[H1.01.01.15](#)], báo cáo kết quả khảo sát SV, cựu SV về chất lượng ĐT [[H1.01.01.16](#)]; [[H1.01.01.17](#)], báo cáo kết quả khảo sát ý kiến GV về CTĐT ngành ĐD [[H1.01.01.18](#)], báo cáo rà soát CTĐT ngành ĐD [[H1.01.01.22](#)], biên bản họp tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT ngành ĐD [[H1.01.01.20](#)], biên bản họp Hội đồng KH&ĐT [[H1.01.01.21](#)]. Bản mô tả CTĐT 2023 đã thay đổi đáng kể như giảm số TC từ 142 TC xuống còn 132 TC, cập nhật và điều chỉnh các phần: triết lý giáo dục, mục tiêu, CĐR, CTDH, công cụ đánh giá theo Rubrics. Bảng 2.6 mô tả những nội dung, cập nhật của Bản mô tả CTĐT theo các năm 2019, 2021, 2023.

Bảng 2.6. Nội dung cập nhật bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng

Năm 2019	Năm 2021	Năm 2023
<ul style="list-style-type: none"> - 142 TC - Cập nhật thông tin chung về sứ mạng, tầm nhìn của ĐHĐN và của Trường. - Cập nhật mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể theo kiến thức, kỹ năng, thái độ. - Cập nhật CĐR gồm 15 CĐR. - Bổ sung ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận đối sánh CĐR của CTĐT và khung trình độ quốc gia Việt Nam. - Bổ sung bảng đối sánh với các CTĐT trong và ngoài nước. - Bổ sung phương pháp dạy học, phương pháp KTĐG. - Bổ sung ma trận thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp dạy học và CĐR CTĐT. - Bổ sung phương pháp KTĐG, công cụ đánh giá (Rubrics) phù hợp trong giảng dạy ĐD. - Bổ sung sơ đồ CTDH theo 8 học kỳ. - Bổ sung Ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR của CTĐT Bảng ma trận HP và CĐR CTĐT theo 3 mức M (Mastery), R (Reinforced), I (Introduced). 	<ul style="list-style-type: none"> - 142 TC - Bổ sung triết lý giáo dục của Trường. - Cập nhật mục tiêu, CĐR gồm 12 CĐR và 28 PI (các chỉ số đánh giá). - Cập nhật ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận đối sánh CĐR của CTĐT và khung trình độ quốc gia Việt Nam. - Cập nhật bảng đối sánh với các CTĐT trong và ngoài nước. - Cập nhật ma trận thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp dạy học và CĐR CTĐT. - Cập nhật phương pháp KTĐG, công cụ đánh giá (Rubrics) phù hợp trong giảng dạy ĐD. - Cập nhật sơ đồ CTDH theo 8 học kỳ. - Cập nhật Ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR của CTĐT. 	<ul style="list-style-type: none"> - 132 TC - Cập nhật triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn của ĐHĐN và của Trường. - Cập nhật mục tiêu và CĐR gồm 9 CĐR và 22 PI (các chỉ số đánh giá). - Cập nhật ma trận tương quan giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT. - Cập nhật ma trận đối sánh CĐR CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam. - Cập nhật bảng đối sánh với các CTĐT trong và ngoài nước. - Cập nhật cụ thể phương pháp giảng dạy và học tập. - Cập nhật ma trận thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp dạy học và CĐR CTĐT. - Cập nhật phương pháp KTĐG, công cụ đánh giá (Rubrics) phù hợp trong giảng dạy ĐD. - Cập nhật sơ đồ CTDH theo 8 học kỳ. - Cập nhật Ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được thiết kế nhằm giúp SV hiểu về CTĐT, cung cấp thông tin về kiến thức và các kỹ năng mà SV được trang bị cho NTD, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định CTĐT, là cơ sở để GV, cán bộ hiểu rõ về CTĐT và xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT. Hàng năm, CTĐT được rà soát, cập nhật bổ sung định kỳ trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát các bên liên quan, nội dung hợp rà soát CTĐT theo Kế hoạch của Trường.

2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT ngành ĐD được trình bày cụ thể, rõ ràng, đầy đủ thông tin giúp NH, NTD và cơ quan thẩm định có thể có cái nhìn tổng quát về CTĐT.

- Các nội dung của bản mô tả CTĐT ngành ĐD được cập nhật thường xuyên và kịp thời.

3. Điểm tồn tại

- CTĐT ngành ĐD chỉ tham khảo các trường giảng dạy ĐD trong nước và khu vực Đông Nam Á, chưa tham khảo CTĐT ĐD của trường ở các nước phát triển.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện tham khảo, đối sánh CTĐT ngành ĐD của Trường với CTĐT ĐD của các nước tiên tiến trên thế giới.	- Tổ rà soát CTĐT; - Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật y học.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Rà soát, cập nhật các nội dung trong bản mô tả CTĐT một cách tổng thể từ mục tiêu, CĐR cho đến kế hoạch giảng dạy, ĐCCT. - Phát huy việc đối sánh CTĐT với những trường ĐT trong và ngoài nước.	- Tổ rà soát CTĐT; - Phòng ĐT&ĐBCL.	2 năm 1 lần bắt đầu năm 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

ĐCCT các HP được xây dựng cụ thể cho từng HP và phù hợp với CĐR của CTĐT. ĐCCT các HP đầy đủ các nội dung: tên HP, mã HP, loại HP, số TC, phân bổ thời gian, GV phụ trách, điều kiện tham gia HP, mô tả tóm tắt HP, mục tiêu, CĐR của HP, ma trận thể hiện mối liên hệ giữa CĐR HP và CĐR của CTĐT, đánh giá HP, nhiệm vụ của SV, kế hoạch và nội dung giảng dạy, tài liệu học tập và tham khảo, CSVCL phục vụ giảng dạy

[H1.01.02.04]; [H2.02.01.02]. Cấu trúc ĐCCT các HP được chuẩn hóa và áp dụng cho tất cả các HP trong CTĐT theo biểu mẫu quy định của ĐHĐN ban hành và của Trường [H2.02.02.01]. Trường đã tổ chức xây dựng, cập nhật ĐCCT các HP trong khung CTĐT ngành ĐD và các GV giảng dạy đều tham gia biên soạn ĐCCT mình phụ trách theo các quy định, hướng dẫn của BGD&ĐT [H1.01.01.02], của ĐHĐN [H1.01.01.03]; [H1.01.01.12], theo kế hoạch cập nhật CTĐT của Trường [H1.01.01.13]; [H1.01.01.14].

ĐCCT HP 2017 là phiên bản đầu tiên được cập nhật và chuyển sang hình thức ĐT TC theo quy chế 43 của BGD&ĐT [H1.01.01.02]. Từ năm 2017 đến nay, ĐCCT được điều chỉnh qua các đợt 2019, 2021, 2023 [H1.01.02.04]; [H2.02.01.02]. ĐCCT phiên bản 2023 đã được cập nhật, điều chỉnh nội dung, bổ sung và cập nhật thêm một số thông tin quan trọng: ma trận thể hiện sự đóng góp của các CĐR HP vào việc đạt các CĐR của CTĐT và các chỉ số đánh giá (PI); sử dụng công cụ đánh giá Rubrics, Checklist trong KTĐG HP; cụ thể hóa phương pháp giảng dạy đạt CĐR trong kế hoạch và nội dung giảng dạy HP, CĐR bài học [H1.01.02.04]. Nội dung cập nhật, điều chỉnh ĐCCT được trình bày ở bảng 2.7.

Bảng 2. 7. Nội dung cập nhật ĐCCT các học phần

Năm 2019	Năm 2021	Năm 2023
<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp tên HP, tên tiếng anh, mã HP, bộ môn giảng dạy, khối lượng học tập, phân bổ thời gian, trình độ, điều kiện tham gia HP - Cập nhật mô tả HP, MT - Bổ sung CĐR của HP - Xây dựng ma trận thể hiện mức độ đóng góp của CĐR HP vào CĐR CTĐT cụ thể: M (Mastery) mức thuần thực; R (Reinforced) mức nâng cao hơn mức bắt đầu, I (Introduced) mức giới thiệu/ bắt đầu. - Cập nhật hình thức KTĐG. - Xây dựng công cụ đánh giá theo Rubrics và Checklist. - Bổ sung kế hoạch và nội dung giảng dạy ứng với từng nội dung dạy học. - Bổ sung CSVC phục vụ giảng dạy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp tên HP, tên tiếng anh, mã HP, bộ môn giảng dạy, khối lượng học tập, phân bổ thời gian, trình độ, điều kiện tham gia HP. - Cập nhật mô tả HP, mục tiêu. - Cập nhật CĐR của HP. - Cập nhật ma trận thể hiện mức độ đóng góp của CĐR HP vào CĐR CTĐT theo từng PI cụ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp tên HP, tên tiếng anh, mã HP, loại HP, số TC, phân bổ thời gian, GV phụ trách HP, điều kiện tham gia HP. - Cập nhật mô tả HP, mục tiêu. - Cập nhật CĐR cụ thể cho từng HP. - Cập nhật ma trận thể hiện mức độ đóng góp của CĐR HP vào CĐR CTĐT theo từng PI cụ thể. - Bổ sung, cập nhật phương pháp, hình thức KTĐG và trọng số thành phần đánh giá và trọng số từng CĐR của HP. - Cập nhật công cụ đánh giá theo Rubrics và Checklist. - Bổ sung CĐR và phương pháp giảng dạy cho từng nội dung bài học trong kế hoạch giảng dạy.

Dựa trên báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của NTD, SV, cựu SV và GV [[H1.01.01.15](#)]; [[H1.01.01.16](#)]; [[H1.01.01.17](#)]; [[H1.01.01.18](#)], biên bản họp tiểu ban rà soát CTĐT [[H1.01.01.20](#)], Trường đã tiến hành phân tích những ưu điểm, nhược điểm và vấn đề cần cải thiện để điều chỉnh và cập nhật ĐCCT phù hợp [[H1.01.01.22](#)]. Sau đó, ĐCCT các HP được thông qua bởi Hội đồng KH&ĐT [[H1.01.01.21](#)] trước khi ban hành và đưa vào sử dụng.

2. Điểm mạnh

- ĐCCT các HP ngành ĐD được rà soát, cập nhật thường xuyên.
- Nội dung trình bày cụ thể, cấu trúc ĐCCT được thống nhất ở tất cả các HP.

3. Điểm tồn tại

- ĐCCT HP chưa có sự tham khảo của ĐCCT ngành ĐD các nước tiên tiến và trong khu vực.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đối sánh với ĐCCT ngành ĐD các nước tiên tiến và trong khu vực.	- Tổ rà soát CTĐT; - Khoa ĐD&KTYH.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến của các chuyên gia, NTD, SV và GV để cập nhật và giải quyết khó khăn.	- Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP là một tài liệu quan trọng chứa các nội dung chính yếu mô tả về CTĐT và các HP giảng dạy trong chương trình, vì vậy cần thiết phải được phổ biến đến các đối tượng liên quan trong CTĐT để nắm rõ và thực hiện đúng. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP ngành ĐD được ban hành và công bố rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau để tất cả các đối tượng đều có thể tiếp cận. Một số nội dung về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP được trình bày khái quát trên trang thông tin điện tử của Trường [[H2.02.03.01](#)]; công thông tin đào tạo ĐH của ĐHĐN [[H2.02.03.02](#)]; trang E-learning [[H1.01.03.04](#)]; sổ tay SV [[H1.01.01.23](#)]; trong buổi sinh hoạt công dân vào đầu mỗi khóa học [[H2.02.03.03](#)].

Chính nhờ việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP bằng nhiều hình thức khác nhau đã giúp cơ quan quản lý, NTD, GV, SV có thể tiếp cận dễ dàng, theo dõi và nắm bắt kịp thời khi CTĐT và ĐCCT HP có những cập nhật. Phụ huynh, học sinh phổ thông có thể biết được các thông tin quan trọng trong CTĐT để có thể hiểu rõ về CTĐT và đưa ra lựa chọn chương trình học phù hợp với nhu cầu. SV có thể sử dụng Bản mô tả CTĐT để có cái nhìn tổng thể về CTĐT để tự lên kế hoạch học tập cho bản thân; biết mục tiêu, CĐR của CTĐT; phản hồi về CTĐT trong buổi đối thoại với BGH nhà Trường [[H2.02.03.04](#)] và các đợt khảo sát [[H1.01.01.16](#)].

Vào buổi giảng đầu tiên của HP, GV phổ biến, trao đổi với SV về ĐCCT HP, cụ thể gồm mục tiêu và CĐR HP phương pháp KTĐG, kế hoạch giảng dạy, tài liệu học tập [[H2.02.03.05](#)]. SV còn sử dụng ĐCCT HP để biết được mục tiêu, CĐR của từng HP; theo dõi tiến độ học tập của môn học. NTD có thể tiếp cận dễ dàng bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP cũng như biết được mục tiêu, CĐR, kiến thức SV được trang bị, vị trí việc làm mà NH có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp từ đó giúp doanh nghiệp có thể quyết định lựa chọn nhân sự phù hợp để tuyển dụng. Ngoài ra, Trường cung cấp bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP cho GV thỉnh giảng trong hồ sơ mời giảng [[H2.02.03.06](#)] để GV và SV chủ động trong việc giảng dạy và học tập mà vẫn đảm bảo được mục tiêu, CĐR của HP, đáp ứng được CĐR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP ngành ĐD được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

- Chưa xây dựng được cổng thông tin có thể vừa nhận phản hồi vừa tương tác với các ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng cổng thông tin để có thể nhận phản hồi của các bên liên quan trong quá trình công khai	- Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường việc giới thiệu điểm mạnh của CTĐT ngành ĐD và ĐCCT các HP bằng nhiều hình thức đến các bên liên quan	- Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Hàng năm	

		- Thường xuyên cập nhật những thay đổi và công bố liên tục bằng nhiều phương thức khác nhau			
--	--	---	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành ĐD và ĐCCT các HP đầy đủ thông tin cần thiết, cụ thể và công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau giúp NH, NTD, nhà quản lý dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin kịp thời. Bản mô tả CTĐT ngành ĐD và ĐCCT các HP thường xuyên được cập nhật, lấy ý kiến phản biện, góp ý từ NTD, cựu SV, SV và GV. Mối liên hệ giữa CĐR của HP và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ trong ĐCCT các HP; ma trận đáp ứng giữa các HP và CĐR của CTĐT cũng được mô tả trong bản mô tả CTĐT. Bên cạnh đó, vẫn còn một số tồn tại: chưa cập nhật, tham khảo CTĐT ĐD và ĐCCT các HP ở các nước trong khu vực Đông Nam Á và các nước phát triển.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 2: 3/3 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH của ngành ĐD được xây dựng một cách khoa học và có hệ thống, tuân thủ quy định về xây dựng CTĐT của BGD&ĐT, của ĐHĐN và TYD. CTDH ngành ĐD được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, có cấu trúc hợp lý, chặt chẽ về hình thức và nội dung, đáp ứng tốt yêu cầu về mục tiêu và CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của NH; và nhu cầu của thị trường lao động. CTDH thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi HP vào việc đạt được CĐR, trình tự logic, cập nhật và có tính tích hợp, liên ngành.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành ĐD [[H3.03.01.01](#)] được thiết kế tuân theo các quy định hiện hành của BGD&ĐT [[H1.01.01.02](#)], của ĐHĐN [[H1.01.01.03](#)] và TYD về quy trình thiết kế và phát triển CTDH [[H1.01.02.03](#)] dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, về trình độ ngoại ngữ, tin học và giáo dục quốc phòng – an ninh. Để đạt được CĐR của CTĐT, SV cần tích lũy đủ 132 TC với 2 khối kiến thức, bao gồm: kiến thức giáo dục đại cương (26TC) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (106TC). Nội dung, cấu trúc của CTDH được thiết kế ngoài việc đáp ứng yêu cầu kiến thức tối thiểu, kĩ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ, trách nhiệm theo quy định, SV còn được trang bị các có kỹ năng mềm như giao tiếp, NCKH, làm việc nhóm để thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, có tinh thần khởi nghiệp. Điều này được thể hiện trong bảng ma trận mối liên hệ giữa CĐR và các HP của CTĐT [[H1.01.02.05](#)]. Đặc biệt trong cấu trúc CTDH, tổng số TC thực hành là 56 TC, chiếm 42,4% trong tổng khối lượng kiến thức của CTDH. Thông qua các HP thực hành,

SV có nhiều cơ hội để học tập, củng cố và nâng cao kỹ năng chuyên môn sau khi tốt nghiệp. Kết quả đối sánh CTDH ngành ĐD của TYD, ĐHĐN với CTDH ngành ĐD của một số trường ĐH trong nước cũng cho thấy sự tương đồng [H1.01.01.19].

CTDH được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi hoặc học tập nâng cao trình độ của NH [H3.03.01.02]. Các HP trong CTDH được cấu trúc phù hợp, đảm bảo được sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất. Ngoài ra, các HP được lựa chọn để đưa vào CTDH được xác định rõ về thời lượng, về điều kiện tiên quyết. Tiến độ triển khai các HP theo học kỳ cũng được thể hiện rõ thông qua kế hoạch học tập toàn khóa cho từng khóa tuyển sinh [H2.02.01.02], kế hoạch ĐT hàng năm của Trường cũng được xây dựng theo quy trình [H3.03.01.03]; [H3.03.01.04], và được phân công cụ thể tới từng Bộ môn, GV phụ trách [H3.03.01.05], giúp SV dễ dàng lập kế hoạch học tập phù hợp cho mỗi kì học.

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong các HP của CTDH được xác định cụ thể, chi tiết và phù hợp, góp phần giúp NH đạt được CĐR. Ví dụ, để đạt được các CĐR về kiến thức, phương pháp giảng dạy thường được áp dụng gồm: giải thích cụ thể, thuyết trình, giải quyết vấn đề, dạy theo tình huống. Các phương pháp dạy học khác như mô phỏng, đóng vai, dạy học bên giường bệnh sẽ giúp NH đạt được các CĐR về kỹ năng chuyên môn, năng lực tự chủ, năng lực giao tiếp và làm việc nhóm. Tùy theo yêu cầu về CĐR của từng HP cụ thể mà GV sẽ linh hoạt lựa chọn các PPDH thích hợp, được thể hiện trong ĐCCT các HP trong CTĐT [H1.01.02.04].

Về phương pháp KTĐG kết quả NH, 100% các HP trong CTĐT đều xác định được phương pháp KTĐG phù hợp với nội dung và phương pháp giảng dạy, và được thể hiện trong ĐCCT HP. Các phương pháp KTĐG như kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, thuyết trình, thi vấn đáp, thi chạy trạm... được áp dụng tùy thuộc vào từng HP, và góp phần giúp NH đạt được CĐR ở các mức độ khác nhau. Các phương pháp KTĐG này sẽ được phổ biến đến NH khi bắt đầu giảng dạy HP và được quy định cụ thể, rõ ràng trong Quyết định số 4021/QĐ-ĐHĐN ngày 25/11/2019 về việc ban hành quy định về tổ chức thi KTHP và Quy trình rà soát, đánh giá KQHT của NH tại TYD [H3.03.01.06]. Theo đó, Trường sẽ tiến hành rà soát, đánh giá KQHT theo HP, theo từng học kỳ và theo KQHT toàn khóa nhằm giúp NH nhận thức đúng đắn KQHT và có kế hoạch cải tiến phương pháp học tập của mình.

Ngoài ra, nhằm đánh giá và cải tiến liên tục các phương pháp giảng dạy KTĐG NH, TYD thường xuyên rà soát CTĐT theo hướng dẫn rà soát cải tiến phương pháp KTĐG của ĐHĐN [H3.03.01.07]. Đồng thời, Trường cũng tổ chức các Hội thảo, hội nghị đổi mới phương pháp giảng dạy, KTĐG hướng đến CĐR [H3.03.01.08].

Vào cuối mỗi năm học, Phòng ĐT&ĐBCL của Trường sẽ phối hợp với Phòng KH-HTPT&CTSV để khảo sát NH và các bên liên quan về nội dung, PPDH, phương pháp KTĐG để kịp thời điều chỉnh. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% SV được lấy ý

kiến đều hài lòng với nội dung và phương pháp KTĐG theo tính chất đặc thù của từng HP [H1.01.01.16], đa số GV cho rằng nội dung của CTDH có tính cập nhật, thể hiện sự cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; mỗi HP có đóng góp vào việc đạt CĐR của CTĐT [H1.01.01.18].

2. Điểm mạnh

- CTDH của ngành ĐD được thiết kế phù hợp với CĐR của CTĐT. Trong đó các phương pháp dạy - học, KTĐG mỗi HP được xác định rõ ràng, phù hợp và hỗ trợ NH đạt được các CĐR cụ thể.

- Các HP trong CTDH đảm bảo được sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất.

3. Điểm tồn tại

- Việc đánh giá mức độ đạt được CĐR về năng lực học tập suốt đời đối với cựu SV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức các seminar, hội thảo về việc đánh giá mức độ đạt CĐR của SV, cựu SV	Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đổi mới CTĐT dựa trên CĐR	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Tiểu ban rà soát, cập nhật CTĐT.	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Cấu trúc của CTDH ngành ĐD được phân bổ thành các khối kiến thức theo trình tự từ đại cương, cơ sở ngành tới chuyên ngành [H3.03.01.01]. Tất cả các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung, có mục tiêu và CĐR rõ ràng, phù hợp với các CĐR của CTĐT và được thể hiện trong ma trận kỹ năng về mối liên hệ giữa CĐR và các HP trong bản mô tả CTĐT. Mức độ đóng góp của mỗi HP được xác định cụ thể thông qua mức hỗ trợ đóng góp của CĐR HP vào CĐR của CTĐT. Cụ thể, mức hỗ trợ của CĐR HP đối với CĐR của CTĐT được thể hiện ở các mức độ khác nhau phụ thuộc vào mức độ đóng góp của HP đó cho CĐR bao gồm: mức bắt đầu (mức I), mức nâng cao hơn mức bắt đầu

Các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm cung cấp cho NH những kiến thức về tư tưởng đạo đức, về tình hình chính trị, văn hóa xã hội của đất nước nhằm mục đích phát triển phẩm chất đạo đức, ý thức, năng lực về thể chất và các kỹ năng về tin học, ngoại ngữ. Các HP thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cung cấp kiến thức cơ sở mang tính chất tiên đề của ngành học, và kiến thức chuyên ngành ĐD. Mỗi HP được xây dựng với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập cân đối, giúp NH được trang bị đầy đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp nhằm đảm bảo CĐR của mỗi HP và CĐR của CTĐT [[H1.01.02.05](#)].

Đồng thời các ĐCCT HP cũng được rà soát, điều chỉnh và bổ sung CĐR, các phương pháp KTĐG dựa trên các góp ý của các bên liên quan như NTD [[H1.01.01.15](#)], SV [[H1.01.01.16](#)], SV năm cuối, cựu SV [[H1.01.01.17](#)] và GV về chất lượng của CTĐT [[H1.01.01.18](#)].

2. Điểm mạnh

- Các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/HP nhằm đạt được CĐR;

- Phương pháp dạy - học, KTĐG được xác định rõ ràng và bố trí phù hợp giúp NH có thể đạt được các CĐR.

3. Điểm tồn tại

- Số HP hỗ trợ cho CĐR về tinh thần khởi nghiệp còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các chuyên đề hỗ trợ nhằm phát huy tinh thần khởi nghiệp của SV.	- Khoa ĐD&KTYH; - Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp dạy-học, KTĐG theo hướng tiếp cận năng lực NH	- GV phụ trách HP; - Khoa ĐD&KTYH.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Cấu trúc CTDH ngành ĐD quy định rõ các khối kiến thức, đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống, có sự phân bố hợp lý giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu. Các HP trong CTDH được sắp xếp đảm bảo sự gắn kết và liên mạch các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, từ cơ bản đến chuyên sâu. Thời lượng của mỗi HP được thiết kế hợp lý để đảm bảo đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT [H3.03.01.01].

Cụ thể, CTDH năm 2023 có 57 HP với tổng số 132 TC, trong đó có 26 TC thuộc khối kiến thức đại cương và 106 TC khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó, số TC thực hành chiếm 42,4% (56TC). Trong 2 năm đầu SV sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản của các HP đại cương và cơ sở ngành; trong 2 năm sau đó SV chủ yếu được học các HP chuyên ngành liên quan trực tiếp đến chăm sóc người bệnh và thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp (KLTN).

Các HP được thiết kế trong CTDH theo trình tự logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ cơ sở đến chuyên ngành, từ lý thuyết đến thực hành, thực tập. SV có thời gian để học tập trên giảng đường và thời gian thực hành, thực tập, tự học và tự nghiên cứu. 100% HP trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và được bố trí hợp lý. Cụ thể, các HP là điều kiện tiên quyết được sắp xếp học trước; các HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được lên kế hoạch giảng dạy trong năm thứ nhất và thứ 2 để làm điều kiện tiên quyết cho các HP chuyên ngành ở năm thứ 3 và năm thứ 4. Với mỗi khóa học, Trường luôn xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa [H2.02.01.02] và kế hoạch đào tạo hàng năm [H3.03.01.04] thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.01.05], phổ biến rộng rãi đến NH và các bên liên quan thông qua trang thông tin điện tử của Trường [H3.03.03.01].

CTDH ngành ĐD được định kỳ rà soát hàng năm và cập nhật mỗi 2 năm theo kế hoạch chung của ĐHĐN [H1.01.01.12] và TYD [H1.01.01.13]; [H1.01.01.14] tuân thủ theo quy trình chặt chẽ về rà soát, cập nhật CTĐT trình độ ĐH của TYD [H1.01.02.03], để phù hợp hơn với các quy định hiện hành của BGD&ĐT [H1.01.01.02] và ĐHĐN [H1.01.01.03], đáp ứng mục tiêu đào tạo và CĐR. CTDH được ban hành lần đầu năm 2013 với phương thức ĐT theo học chế niên chế. Năm 2017, nhà trường đã chuyển đổi sang phương thức đào tạo TC nhằm nâng cao chất lượng ĐT và để đáp ứng nhu cầu xã hội. Từ đó CTDH cũng được điều chỉnh, từ 210 đơn vị học trình sang 138 TC. Năm 2019, CTDH được rà soát và bổ sung thêm một số HP thuộc khối kiến thức chung như chủ nghĩa xã hội khoa học, pháp luật đại cương... nhằm nâng cao nhận thức của SV về các vấn đề chính trị, xã hội trong thời kỳ đổi mới. Bên cạnh đó, TYD - ĐHĐN cũng từng bước điều chỉnh CTDH theo hướng phát triển năng lực NH bằng việc tách riêng phần lý thuyết và thực hành lâm sàng của các HP chuyên ngành. Năm 2021, CTDH tiếp tục được rà soát và điều chỉnh theo hướng cụ thể hóa các CĐR bằng các chỉ số đánh giá

(PI) có thể đo lường được; các HP, phương pháp dạy - học và KTĐG cũng được điều chỉnh để giúp NH có thể đạt được các CĐR. Trong phiên bản mới được ban hành năm 2023, số TC thực hành trong khối HP tự chọn cũng được tăng lên nhằm mục đích tăng cường năng lực thực hành nghề nghiệp. SV có thể lựa chọn các HP theo nhu cầu theo hướng chuyên ngành khác nhau như các HP nâng cao và các HP chuyên khoa Mắt, Răng - Hàm - Mặt, Tai - Mũi - Họng, Da liễu... Bên cạnh đó, có nhiều HP có tính tích hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm giúp NH có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành năng lực chuyên môn, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đặc biệt ở HP Dịch tễ - Thống kê - Nghiên cứu khoa học, Khóa luận và Thực tế tốt nghiệp, SV sẽ có cơ hội hình thành và rèn luyện kỹ năng NCKH, thực tập nghề nghiệp thông qua các hoạt động chuyên môn tại các cơ sở y tế khác nhau. Từ đó đưa ra định hướng nghề nghiệp, học tập trong tương lai.

Ngoài ra để góp phần hoàn thiện CTDH, TYD - ĐHĐN định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như SV [H1.01.01.16], cựu SV [H1.01.01.17] và GV [H1.01.01.18] để đáp ứng mục tiêu ĐT và xu thế phát triển của xã hội. Nội dung các HP cũng được đối sánh với các HP trong CTĐT ngành ĐD của các trường ĐH trong và ngoài nước [H1.01.01.19]. Từ đó, CTDH được điều chỉnh, cải tiến theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng và đạo đức, đáp ứng CĐR; tăng cường các kiến thức cập nhật, tăng thời lượng thực hành, thực tế cũng như tăng cường kết nối với NTD... thu hẹp khoảng cách giữa ĐT và thực tế công việc, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động [H1.01.01.22].

2. Điểm mạnh

- CTDH có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành; Có sự gắn kết, linh hoạt giữa các HP trong CTDH.

- Nội dung các học phần trong CTDH định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

- CTDH được thiết kế dựa trên việc đối sánh với các CTDH của các trường trong nước và khu vực, chưa tham khảo các CTDH của các nước tiên tiến.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện tham khảo, đối sánh với các CTDH của các nước tiên	- Tiểu ban rà soát, cập nhật CTĐT; - Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		tiến đề cập nhật CTDH			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và điều chỉnh CTDH đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu xã hội.	- Tiểu ban rà soát, cập nhật CTĐT; - Phòng ĐT&ĐBCL	02 năm một lần	

5. *Tự đánh giá*: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Thông qua mô tả các tiêu chí cho thấy, cấu trúc và nội dung của CTDH có những điểm mạnh nổi bật như được thiết kế phù hợp với CĐR và CTĐT; có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTDH đã có sự tham khảo, đối sánh với các CTĐT của các trường cùng ngành trong nước và khu vực; các phương pháp kiểm tra/ đánh giá của từng học phần trong CTDH được xây dựng với tiêu chí cụ thể, rõ ràng.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 3: 3/3 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong ĐT ĐH, phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò quan trọng. TYD tiếp cận theo hướng lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học, NCKH và các hoạt động lâm sàng nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các PPDH đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động, sáng tạo trong học tập cho NH. Để thực hiện điều này, CTĐT năm 2021 xác định rõ mục tiêu ĐT và CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Trong thiết kế ĐCCT đã có nhiều thay đổi về sử dụng các phương pháp dạy của GV và phương pháp học của SV. Đối với cách tiếp cận này Trường đã cụ thể hóa khi thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, chương trình xác định có những môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi GV và NH hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

TYD trực thuộc ĐHĐN được thành lập với nhiệm vụ: ĐT nguồn nhân lực y tế có trình độ ĐH, sau ĐH; bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ y tế trong các BV và các cơ sở y tế; NCKH, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học sức khỏe. Nhằm hoàn thành tốt những nhiệm vụ trên, trong năm 2021 KYD đã có quyết định ban hành văn bản tuyên bố chính thức nội dung về “*Sứ mạng - Tâm nhìn - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục*” [H1.01.01.06]. Trong nội dung ban hành kèm theo quyết định số 261/QĐ-KYD ngày 30/8/2021 của Trường khoa KYD, ĐHĐN, triết lý giáo dục đó là “*Nhân bản - Tự chủ - Chính trực*”. Nội dung triết lý giáo dục của KYD, ĐHĐN với ý nghĩa là lấy NH làm trung tâm, phát huy khả năng tự chủ của người dạy và NH, nuôi dưỡng tính chính trực và lòng trắc ẩn, đào tạo người cán bộ y tế có năng lực và y đức.

Triết lý giáo dục của KYD, ĐHĐN gắn liền với việc ĐT khối ngành khoa học sức khỏe (đào tạo ngành Y khoa, Răng – Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học) là ngành đặc thù chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng được phổ biến với nhiều hình thức và được giải nghĩa một cách chi tiết, cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu. Như vậy sẽ giúp cho NH nắm được triết lý giáo dục để có định hướng đúng đắn trong học tập và rèn luyện tu dưỡng đạo đức và đồng thời công bố cho xã hội, đơn vị sử dụng lao động hiểu rõ hơn về sản phẩm ĐT của Trường. Triết lý giáo dục của Trường hướng đến mục tiêu lấy NH làm trung tâm được thể hiện trong việc thiết kế, xây dựng CTĐT ngành ĐD theo hướng linh hoạt và đổi mới sáng tạo được thể hiện rõ ràng ngay cả trong CTĐT, ngoài các HP bắt buộc trong CTĐT, các HP của CTĐT được thiết kế theo hướng mở với rất nhiều HP tự chọn để SV có định hướng, chủ động lựa chọn hướng đi của mình trong nghề nghiệp tương lai, cùng với đó CTĐT luôn được rà soát, cập nhật để đáp ứng nhu cầu của NH và xu hướng phát triển, nhu cầu của xã hội thông qua việc lấy ý kiến của NH và các bên liên quan về CTĐT [H1.01.01.15]; [H1.01.01.16]; [H1.01.01.17]; [H1.01.01.18]. Ngoài ra, để phát huy tính tích cực, chủ động của SV trong quá trình học tập, Trường đã tổ chức nhiều các hoạt động để hỗ trợ, rèn luyện giúp SV có các kỹ năng mềm từ đó có khả năng tự học và học tập suốt đời như: các cuộc thi NCKH SV, các câu lạc bộ hội nhóm về học tập, các câu lạc bộ về kỹ năng và đặc biệt, với đặc thù là các SV ngành ĐD, các bạn SV luôn được khuyến khích tham gia các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng, các hoạt động hỗ trợ khám chữa bệnh từ đó nuôi dưỡng tinh thần yêu thương bệnh nhân, yêu ngành và trách nhiệm với cộng đồng đúng với triết lý giáo dục “*Nhân bản - Tự chủ - Chính trực*” [H4.04.01.01]. Ngay từ khi xây dựng triết lý giáo dục, KYD đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của CBVC, GV trong toàn Khoa, tổng hợp các ý kiến, thông qua Hội đồng KH&ĐT. Tại cuộc họp Hội đồng KH&ĐT, ngoài việc thống nhất triết lý giáo dục của Khoa, các thành viên Hội đồng còn phân tích, giải nghĩa các nội hàm của triết lý một cách rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu giúp cho CBVC, GV và SV có thể hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.02]. Sau khi có quyết định ban hành về triết lý giáo dục, KYD, ĐHĐN đã công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như thiết kế các bảng thông báo giới thiệu về sứ mạng tầm nhìn của KYD đặt ngay tại sảnh chính để tất cả CBGV và SV đều có thể dễ dàng nhìn thấy hàng ngày [H4.04.01.03], đồng thời nội

dung này còn được đưa lên trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <http://smp.udn.vn/su-mang-tam-nhin> và phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân [H1.01.03.03] giúp các thành viên của TYD biết được phương hướng và nỗ lực thực hiện đúng triết lý, hoàn thành tốt các mục tiêu giáo dục đã đặt ra.

Bên cạnh triết lý giáo dục, trong quyết định ban hành của KYD, ĐHĐN cũng đã xác định rõ về Sứ mạng - Tâm nhìn - Giá trị cốt lõi, theo đó Sứ mạng của Khoa là “*KYD, ĐHĐN có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ ĐH, sau ĐH; NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; góp phần xây dựng, phát triển nguồn nhân lực y tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước*”; Khoa cũng đã xác định rõ Tâm nhìn “*Phát triển KYD - ĐHĐN thành Trường ĐH Y Dược - ĐHĐN với các CTĐT tiên tiến, đa ngành, đa bậc học*” và Giá trị cốt lõi “*Trách nhiệm - Chất lượng - Phát triển - Hội nhập*”. Những nội dung “*Sứ mạng - Tâm nhìn - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục*” của KYD, ĐHĐN đáp ứng định hướng phát triển của ĐHĐN “*Chiến lược phát triển của ĐHĐN đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035*” [H1.01.01.05] và phù hợp với nội dung điều 38, 39, 40 của Luật giáo dục [H1.01.01.07].

Theo sát nội dung “*Sứ mạng - Tâm nhìn - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục*”, CTĐT ngành ĐD đã xác định các mục tiêu cụ thể, CĐR về phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng của SV và bản mô tả CTĐT [H2.02.01.01]. Để thực hiện mục tiêu giáo dục và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của NH theo CTĐT thì các ĐCCT trong CTĐT ngành ĐD đều nêu rõ mục tiêu, nội dung, PPDH, phương pháp đánh giá để đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu xã hội được thể rõ ở ĐCCT các HP [H1.01.02.04].

2. Điểm mạnh

- Triết lý giáo dục của TYD (trước đây là KYD), ĐHĐN đã phản ánh được tính khoa học, tính nhân văn và đặc thù nghề nghiệp giúp cho NH thông tin về triết lý giáo dục, mục tiêu ĐT rõ ràng và được truyền tải công khai theo nhiều kênh truyền thông của Trường.

3. Điểm tồn tại

- Triết lý giáo dục của TYD (trước đây là KYD) mới được ban hành trong năm 2021 nên việc tổ chức các buổi hội thảo để giới thiệu triết lý giáo dục còn hạn chế, dẫn đến có một số NTD cũng như cựu SV chưa thực sự hiểu biết sâu sắc về triết lý giáo dục của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm để chia sẻ nội hàm của TLGD của Trường đến các bên liên quan	- Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	Thông qua các hội thảo, Tuần Sinh hoạt công dân, làm việc với các BV, các kênh truyền thông của Trường
2	Phát huy điểm mạnh	Nêu bật ý nghĩa của TLGD của Trường đến NH và các bên liên quan thông qua các hoạt động như khai giảng, tuần sinh hoạt công dân SV, giảng dạy, sinh hoạt chuyên đề	- TYD, ĐHĐN	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đối với công tác dạy và học thì CDR chính là đích đến của cả hai quá trình: dạy và học; trong đó, hoạt động dạy thuộc về công tác của GV và hoạt động học thuộc về trách nhiệm của SV. Để có thể đánh giá đúng mức độ đạt của SV đối với mục tiêu môn học và đạt CDR thì các hoạt động dạy và học cần thiết phải có sự kết nối chặt chẽ, được đánh giá bởi hình thức phù hợp và có thể đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau, lồng ghép trong quá trình diễn ra các hoạt động dạy và học. Theo quy định, GV có trách nhiệm thiết kế nội dung học, tổ chức hoạt động dạy học và thiết lập các tiêu chí, phương pháp đánh giá, triển khai trong quá trình dạy học để đánh giá NH đạt kết quả đầu ra mong đợi. Các GV giảng dạy các HP thuộc chuyên ngành ĐT ĐD 100% đã tập huấn thông qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và một số cán bộ chủ chốt được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao dành cho các GV chính [[H4.04.02.01](#)]. Thêm

nữa, các GV còn được học tập, trao đổi, cập nhật bằng cách tham gia vào các hội thảo, lớp tập huấn có liên quan đến các phương pháp giảng dạy lí thuyết, thực hành của các nước tiên tiến như Đức, Nhật Bản để nâng cao phương pháp và vận dụng vào hoạt động dạy của GV [H4.04.02.02]. Về phía SV, mục tiêu của quá trình học tập chính là hướng đến đạt CĐR của chương trình. Để đáp ứng mục tiêu, SV cần biết rõ các CĐR cũng như các tiêu chí, nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá; chủ động tổ chức hoạt động học tập cá nhân, điều chỉnh hoạt động học tập sao cho đạt CĐR của chương trình [H1.01.01.02]; [H1.01.01.03]; [H1.01.01.04]; [H4.04.02.03]. Trong quá trình học tập của SV, các GV được phân công công tác GVCN đồng thời là CVHT của lớp sẽ phổ biến về CĐR chương trình học, theo dõi quá trình học tập và cố vấn cho SV các hoạt động học phù hợp với môn học khi SV gặp khó khăn; tư vấn SV chọn môn học trong HP tự chọn phù hợp với định hướng công việc chuyên ngành mong muốn trong tương lai của SV đồng thời đáp ứng được CĐR của chương trình [H1.01.01.02]; [H1.01.01.03]; [H4.04.02.04].

Các hoạt động dạy và học lí thuyết và thực hành tại TYD được thực hiện bao gồm thuyết trình trên lớp, giao nội dung tìm hiểu để nghiên cứu, thảo luận nhóm và trình bày về các vấn đề đã giao; hướng dẫn thực hành tại phòng thực hành, giao nhiệm vụ thực hành cho SV hoặc các nhóm SV tiến hành thực hiện và nhận xét; giao tình huống để SV/nhóm SV tự tìm hiểu, tiến hành hoạt động đóng vai mô phỏng các tình huống thực tế để vận dụng phân tích tình huống, lập kế hoạch can thiệp, chăm sóc... Bên cạnh đó, SV ngành ĐD được làm quen với môi trường học tập đa dạng từ rất sớm, bắt đầu từ năm thứ hai và liên tục cho đến khi tốt nghiệp, SV ĐD sẽ được học tập tại các khoa lâm sàng của các BV và các cơ sở Y tế tại cộng đồng. Tại môi trường BV, hoạt động dạy và học được hợp tác với các cơ sở để thực hiện đồng thời mời giảng các chuyên gia có kinh nghiệm để hỗ trợ truyền đạt kiến thức thực tế tại cơ sở cho SV [H4.04.02.05]; SV được hướng dẫn thực tập/ thực tế; giao ca bệnh để SV tiến hành khai thác, phân tích, lập kế hoạch chăm sóc và báo cáo. Các phương pháp dạy học tích cực được áp dụng rất thường xuyên thông qua các hoạt động học tập từ thực hành, thực tập, thực tế; SV có thể vận dụng được kiến thức chuyên môn và nâng cao hoạt động nhận thức thông qua các hoạt động làm việc thực tiễn liên quan đến chăm sóc người bệnh, qua đó có sự hiểu biết, học tập nâng cao về đạo đức, nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm nghề nghiệp để sau khi tốt nghiệp sẽ có thể đảm nhận được các công tác thuộc về chuyên môn ĐD tại các cơ sở Y tế [H4.04.02.06]; [H4.04.02.07]; [H4.04.02.08]; [H4.04.02.09]. Hoạt động giảng dạy nhằm tạo điều kiện cho SV phát triển các kỹ năng cá nhân và đạt được CĐR của HP và chương trình. Đối với mỗi HP, PPDH được xây dựng đa dạng và được GV sử dụng linh hoạt, phù hợp với nội dung học phần và đối tượng NH. Với các HP mang tính lí thuyết thì phương pháp các phương pháp giảng dạy cổ điển như thuyết trình và trình chiếu, đặt câu hỏi để SV vận dụng kiến thức tìm câu trả lời, giao bài tập vẫn được sử dụng thường xuyên; với các HP thực hành thì các phương pháp giảng dạy được sử dụng đa dạng hơn và cũng đặc thù hơn cho SV khối ngành khoa học sức khỏe. Một số

phương pháp đặc thù được phối hợp và vận dụng trong giảng dạy tại TYD, ví dụ PPDH bên giường bệnh trực tiếp (lâm sàng) hoặc mô phỏng tại cơ sở thực hành (tiền lâm sàng): SV được giảng dạy và học trực tiếp trên người bệnh/người bệnh mô phỏng thông qua việc khai thác thông tin trực tiếp từ người bệnh/tình huống mô phỏng, thăm khám từ đó đưa ra các nhận định cá nhân về tình trạng người bệnh, thảo luận và quyết định chẩn đoán chăm sóc phù hợp nhất cho tình trạng người bệnh; phương pháp dạy học thực hành theo bảng kiểm được vận dụng trong giảng dạy và đánh giá việc thực hành các kỹ thuật điều dưỡng nhằm hệ thống hoá các bước kỹ thuật và tránh bỏ sót khi thực hiện kỹ thuật trong giảng dạy, học tập và đánh giá SV. Phỏng theo nội dung và phương pháp giảng dạy mà các HP được thiết kế các hoạt động KTĐG tương ứng phù hợp để đáp ứng được với mục tiêu môn học và CĐR chương trình. Một số phương pháp KTĐG mang tính đặc thù được vận dụng cho việc đánh giá SV ĐD tại Trường như thi OSCE (chạy trạm): SV được giao các trạm thực hành hoặc lý thuyết thực hành trong một khoảng thời gian nhất định phải hoàn thành yêu cầu của trạm và luân chuyển liên tục qua các trạm cho đến khi hoàn thành tất cả trạm hỏi, kết quả đánh giá đưa ra dựa trên kết quả thực hiện tại các trạm của SV; hay phương pháp thi lâm sàng dựa trên ca bệnh: SV được chỉ định bệnh nhân để tiến hành các hoạt động khai thác thông tin, thăm khám và chăm sóc bệnh nhân sau đó viết báo cáo về ca bệnh (Quy trình chăm sóc); GV sẽ kiểm tra các thông tin trong báo cáo, đối chiếu trên thực tế người bệnh và phỏng vấn SV về ca bệnh để đánh giá mức độ đạt của SV. Các hoạt động giảng dạy và phương pháp đánh giá được trình bày trong ĐCCT HP tạo điều kiện thuận lợi nhằm đạt được CĐR của HP, góp phần vào việc đạt được CĐR của chương trình học [[H1.01.01.04](#)].

Ngoài ra, mô hình dạy học và KTĐG trực tuyến đã được ĐHĐN và TYD xây dựng, hướng dẫn và thực hành ứng dụng, đặc biệt trong các năm học 2019 - 2020; 2020 - 2021 nhằm đáp ứng yêu cầu về một mô hình giảng dạy đa dạng và hiện đại, có thể sử dụng trong các trường hợp có sự đình trệ hoạt động học tập tập trung do các điều kiện không mong muốn như dịch bệnh, thiên tai mà GV hay SV không thể đến Trường hoặc cần thiết phải giảng dạy từ xa [[H4.04.02.10](#)]; [[H4.04.02.11](#)]. Hoạt động trực tuyến còn được thực hiện với các hoạt động học tập ngoại khoá và hợp tác quốc tế giúp SV có cơ hội mở rộng hoạt động về hội nhập và phát triển đối với nghề nghiệp cũng như học tập kỹ năng làm việc trực tuyến [[H4.04.02.12](#)]. Hệ thống hỗ trợ quản lý dạy và học trực tuyến Elearning luôn được Trường chú trọng để kịp thời đáp ứng việc dạy và học, GV đã sử dụng để cung cấp thêm thông tin môn học, kế hoạch giảng dạy, học liệu để SV có thể tự học và còn có thể sử dụng E-learning để thực hiện kế hoạch KTĐG KQHT của SV được hiệu quả [[H4.04.02.13](#)].

Công tác đánh giá hoạt động dạy và hoạt động học tập, rèn luyện được thực hiện thường xuyên và thường quy cuối mỗi học kỳ và/hoặc năm học/khoá học. Đối với hoạt động học, ngoài việc GV đánh giá hoạt động học của SV thường xuyên tại lớp học, tại nơi thực tập thì Trường tiến hành các hoạt động kiểm tra, tổng kết KQHT, rèn luyện cuối kỳ/cuối năm học; thông qua việc theo dõi thường xuyên và KQHT, rèn luyện phần

nào đó có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động học của SV [H4.04.02.14]; [H4.04.02.15]. Đối với hoạt động dạy, để đảm bảo, Trường định kì tiến hành việc đánh giá hiệu quả của phương pháp giảng dạy của GV thông qua việc khảo sát ý kiến SV trong đó có bao gồm các tiêu chí liên quan đến PPDH đã cho kết quả tốt, đa số SV đều đánh giá mức độ hài lòng với hoạt động dạy học cũng như PPDH được sử dụng trong CTĐT [H1.01.01.17], đánh giá kết quả đào tạo thông qua các đơn vị hợp tác và sử dụng lao động thường xuyên cũng cho kết quả khả quan [H1.01.01.15]. Các kết quả khảo sát từ SV và các đơn vị có liên quan sẽ được thông báo kịp thời đến Trường, Bộ môn và GV nhằm có cơ sở điều chỉnh hoạt động dạy và học, phát huy điểm mạnh và khắc phục tồn tại. TYD - ĐHDN và Bộ môn ĐD cũng tiến hành thực hiện các tập huấn, seminar liên quan đến PPDH với mục đích cập nhật, nghiên cứu và đổi mới PPDH để phù hợp hơn với CTĐT. [H4.04.02.16].

2. Điểm mạnh

- Về phía hoạt động học, điểm mạnh của ngành ĐD là SV tốt nghiệp hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu làm việc của xã hội ở tất cả các vị trí công tác có liên quan đến ngành học, đồng thời có thể phát triển khả năng làm việc ở môi trường quốc tế; học tập nâng cao tại các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ.

- Về phía hoạt động dạy, đội ngũ GV thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, đổi mới PPDH theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của NH, kết hợp sáng tạo, linh hoạt phương pháp giảng dạy giữa trực tiếp và trực tuyến.

3. Điểm tồn tại

- Một số SV chọn ngành theo xu hướng của xã hội, chưa thích nghi được với chương trình học tập thuộc khối ngành khoa học sức khỏe đặc biệt là ngành ĐD nên dễ có tâm lý buồn và thất vọng khi ngành học không như mong đợi, đặc biệt là các SV năm thứ nhất và thứ hai.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các seminar về ngành ĐD để nói rõ các thuận lợi và khó khăn trong học tập đối với ngành ĐD. - Tổ chức các seminar về phương pháp dạy học và phương pháp học tập hiệu quả đối với ngành khoa học 	- Khoa ĐD&KTYH	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		sức khỏe ĐD để SV nắm bắt và thuận lợi hơn trong học tập.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, KTĐG để nâng cao chất lượng đào tạo của ngành ĐD nhằm đạt được các CĐR của ngành một cách hiệu quả hơn	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình dạy và học đều hướng đến mục tiêu cuối cùng là hình thành các kỹ năng có thể sử dụng trong hoạt động nghề nghiệp, trong cuộc sống và khả năng học tập suốt đời của NH. Các kỹ năng hướng đến xây dựng và rèn luyện cho NH bao gồm kỹ năng nhận biết, kỹ năng tìm kiếm, khả năng tư duy phân tích, tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng ứng dụng thực tế các kiến thức đã được đào tạo cùng với khả năng tự học, tự nghiên cứu. ĐCCT các HP thể hiện rất rõ việc hướng đến sự xây dựng và phát triển các kỹ năng thiết yếu thông qua các phương pháp giảng dạy và học tập đa dạng, lồng ghép các PPDH để giúp SV hình thành và rèn luyện được các kỹ năng cần thiết này [H1.01.02.04]. Bên cạnh việc dạy và học tập tại Trường để giúp hình thành và rèn luyện kỹ năng thì chương trình học còn có rất nhiều các hoạt động thực tập, thực tế, đi cộng đồng, thực hiện khoá luận, NCKH để SV có thể thực hành vận dụng và rèn luyện các kiến thức đã được học, tăng cường khả năng tự học, tự tìm hiểu để giải quyết các công việc, tình huống cụ thể từ đó dần hoàn thiện, thuần thục các kỹ năng, điều này thể hiện cụ thể ở các chương trình thực tập, thực tế, làm luận văn trong CTĐT [H1.01.01.04]; [H4.04.02.06]; [H4.04.02.07]; [H4.04.02.08]. Nhằm giúp SV có cơ hội tiếp cận với các phương thức học tập đa dạng, tiên tiến, Trường luôn tạo điều kiện để các GV, SV có cơ hội học tập thông qua các chương trình trao đổi SV với các nước khi có cơ hội, tạo điều kiện để chuyên gia trong nước và nước ngoài đến giao lưu, giảng dạy trực tiếp và tổ chức seminar trực tuyến, từ đó giúp SV mở rộng thế giới quan và có cơ hội tự tìm hiểu, học hỏi thêm về nghề nghiệp và các kỹ năng cần thiết [H4.04.03.01]; [H4.04.03.02]; [H4.04.03.03]. Thông qua các hoạt động này, SV được nâng cao tính tự tin, khả năng ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, khả năng quản lý thời gian

và đồng thời hình thành rất tốt các khả năng kết nối và phát triển các mối quan hệ thông qua học tập.

Trong CTĐT theo hệ thống TC luôn được thiết kế các giờ tự học bên cạnh các giờ lý thuyết và thực hành nhằm nâng cao tính chủ động và phát triển khả năng tự học của SV. Giờ tự học và tự nghiên cứu của SV đã được quy định rõ trong quy định giảng dạy bằng TC, SV chủ động thực hiện giờ tự học để học tập và nghiên cứu [[H1.01.01.02](#)]; [[H1.01.01.03](#)]. SV có thể sử dụng giờ tự học để ôn bài, làm bài tập hoặc bài tập nhóm ở thư viện hay ở nhà. GV của các HP có thể hướng dẫn SV sử dụng các giờ tự học đã được quy định cụ thể trong ĐCCT HP để thực hiện các bài tập được giao về nhà và thông qua kết quả kiểm tra bài tập về nhà có thể đánh giá một phần hoạt động tự học của SV. Các hoạt động tự học, tự nghiên cứu góp phần phát triển và nâng cao năng lực học tập suốt đời của SV. Để hỗ trợ cho hoạt động tự học của SV, Trường trang bị các môi trường thuận lợi như phòng thư viện, phòng tự học, phòng thực hành, thí nghiệm để SV có thể học tập và ôn tập khi cần [[H4.04.03.04](#)]. ĐCCT HP có các thông tin, danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo [[H1.01.02.04](#)]. Thư viện được trang bị các đầu sách, tài liệu tham khảo, tạp chí trong và ngoài nước, đồng thời GV hướng dẫn cho SV sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu này nhằm thúc đẩy và khuyến khích SV tự tìm hiểu, khám phá kiến thức, nghiên cứu, phát triển tính tự lập, chủ động trong học tập [[H4.04.03.05](#)]. Bộ môn ĐD hỗ trợ SV được có các hoạt động đăng kí mượn học cụ để tự thực hành không gây nguy hiểm trong các giờ học ôn tập hoặc ôn thi thực hành ngoài giờ học chính thức, giúp tăng cường tính chủ động, tự học, tự ôn tập của SV [[H4.04.03.06](#)]. Bên cạnh đó, trang thông tin trực tuyến của Trường được xây dựng có tích hợp trang học trực tuyến E-learning với đầy đủ các quy định, hướng dẫn để giúp GV/SV có thể tự tra cứu các thông tin như: thời khoá biểu, điểm kiểm tra đánh giá các HP, điểm thi cuối kỳ, thời gian thực tập, thực tế... đồng thời với dạy học trực tuyến, tương tác online, chia sẻ tài liệu học tập lên hệ thống cũng góp phần hỗ trợ khả năng tự học của SV [[H4.04.02.13](#)]. Các phần mềm giảng dạy trực tuyến như Zoom, Trans, Microsoft team, phần mềm kiểm tra đánh giá trực tiếp/trực tuyến trên máy tính đều được sử dụng để đưa vào hoạt động giảng dạy và kiểm tra trực tuyến một cách hiệu quả và đa dạng khi điều kiện dạy trực tiếp bị gián đoạn [[H4.04.02.10](#)]; [[H4.04.02.11](#)]. Các phần mềm mạng xã hội phổ biến như Facebook, Zalo cũng được ứng dụng làm kênh trao đổi thông tin nhanh giữa các lớp, SV và Trường; đáp ứng yêu cầu thông tin cấp tốc, hiệu quả, kịp thời và vẫn có sự quản lý của Trường một cách chặt chẽ [[H4.04.03.07](#)]. Các hoạt động giảng dạy/đánh giá và kết nối thông tin một cách đa dạng, phong phú, phù hợp với tính hiện đại hỗ trợ cho SV học cách tiếp cận, làm quen và thành thục nhanh chóng với các phương tiện học và thi mới mẻ, hiện đại, thông qua đó hình thành khả năng học tập và làm việc với các phương pháp mới và từ đó có thể tự học, kết nối, chia sẻ lẫn nhau qua nhiều kênh thông tin đa dạng ngày nay.

NCKH SV là hoạt động học và rèn luyện kỹ năng mà TYD - ĐHĐN chú trọng, Trường triển khai các hoạt động khuyến khích, hướng dẫn và hỗ trợ SV làm tiểu luận, KLTN, làm NCKH đồng thời SV có thể phối hợp với các GV làm các dự án khoa học

có thể công bố trên các tạp chí khoa học hoặc báo cáo tại khoa để SV bước đầu làm quen với nghiên cứu, rèn luyện được các kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý số liệu và trình bày, bảo vệ nghiên cứu của mình trước hội đồng khoa học [H4.04.03.08]. Dù tỷ lệ SV ngành ĐD tham gia NCKH còn chưa cao nhưng các đề tài đều được đánh giá cao về ý nghĩa thực tiễn [H4.04.03.09]. Thông qua các hoạt động khuyến khích, hướng dẫn làm tiểu luận, KLTN, làm NCKH giúp SV ĐD bước đầu làm quen và hình thành ý tưởng NCKH, góp phần tăng tỷ lệ SV tham gia NCKH trong những năm tới. Tương lai gần, Trường và Bộ môn ĐD sẽ tổ chức các buổi tọa đàm khoa học ĐD để SV có nhiều sân chơi và cơ hội để thực hiện nghiên cứu, báo cáo khoa học qua đó nâng cao hơn nữa năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV ĐD. Các SV đang học hoặc sau khi tốt nghiệp vẫn được Trường tiến hành khảo sát về chương trình và các hoạt động liên quan đến dạy và học để có thể có các ý kiến giúp nâng cao hoạt động ĐT, giúp SV hình thành và rèn luyện các kỹ năng, có khả năng học tập suốt đời [H1.01.01.17].

2. Điểm mạnh

- Các hoạt động dạy và học đa dạng hỗ trợ tích cực để NH hình thành, rèn luyện và nâng cao được các kỹ năng cũng như khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

- Hoạt động đánh giá năng lực học tập suốt đời của SV sau khi tốt nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên tổ chức khảo sát, hội thảo đánh giá năng lực học tập suốt đời của SV sau khi tốt nghiệp	TYD - ĐHĐN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo, seminar về đổi mới phương pháp dạy học và KTĐG nhằm nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời của SV	TYD - ĐHĐN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Các hoạt động dạy và học của đội ngũ GV thực hiện theo đúng triết lý giáo dục của Trường giúp SV đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong KHCN, phát triển nghề nghiệp. Các hoạt động dạy và học của các HP trong CTĐT đã đáp ứng tốt CĐR. Đội

ngũ GV trong Trường thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, đổi mới PPDH theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của NH. Các hoạt động dạy và học thông qua thực hành, lâm sàng đã được sử dụng tích cực, góp phần nâng cao khả năng đạt được CĐR của CTĐT. Tuy nhiên vấn đề ĐT trực tuyến chỉ mới được áp dụng trong giai đoạn dịch Covid-19 và một số GV và SV chưa thích nghi kịp với phương pháp này. Ngoài ra, việc đánh giá năng lực học tập suốt đời của SV sau tốt nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 4: 2/3 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7, 1/3 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 4/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của NH là một trong những khâu quan trọng của hoạt động ĐT và được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình theo học tại TYD. Kết quả đánh giá sẽ cung cấp cho bộ môn, Trường các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ NH cũng như giúp SV nắm rõ được tình hình học tập của mình để từ đó có những hoạch định đúng đắn, kịp thời trong tương lai. Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt CĐR của CTĐT ngành ĐD. Mục đích của việc KTĐG là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng mà SV đạt được so với mục tiêu của CTĐT cũng như mục tiêu của từng HP trong CTĐT ngành ĐD. Việc đánh giá này được TYD thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CĐR trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, công bằng. Cùng với đó, NH được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời KQHT, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. Các quy định về đánh giá KQHT của NH theo CTĐT ngành ĐD được công bố công khai đối với NH và các bên liên quan trước khi bắt đầu CTĐT.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá KQHT đã được thiết kế phù hợp nhằm giúp SV đạt được các CĐR, mỗi CĐR sẽ tương thích với các phương pháp, hình thức KTĐG khác nhau. Nội dung này đã được xây dựng ngay từ đầu trong khi xây dựng CTĐT được thể hiện chi tiết trong từng ĐCCT của HP [[H1.01.01.04](#)]; [[H1.01.02.04](#)]. Từ năm 2013, trên cơ sở quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT, Trường xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó quy định rõ ràng phương thức tuyển sinh, các tiêu chí đối với NH để được tuyển thẳng hay xét tuyển vào học ngành ĐD [[H5.05.01.01](#)].

Để có căn cứ đánh giá KQHT của NH, từ quy định đánh giá quá trình học tập theo hệ thống TC của BGD&ĐT, Trường đã xây dựng và ban hành Quy định về quy trình thi, KTĐG KQHT của NH. KQHT của SV được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ. [[H3.03.01.06](#)]. Từ mục tiêu và CĐR của

môn học, GV xác định các nội dung cần KTĐG, các cách thức KTĐG và những yêu cầu cụ thể việc KTĐG phù hợp với môn học. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: chuyên cần, thái độ, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm (trên máy tính bằng hệ thống E-learning nhằm nâng cao chất lượng, chuyển đổi số trong KTĐG và phân tích kết quả thi của HP [[H5.05.01.02](#)], vấn đáp, thực hành, thi chạy trạm tại các phòng lab, thi lâm sàng...với các tiêu chí, rubric [[H5.05.01.03](#)]; [[H1.01.02.04](#)] đánh giá rõ ràng để đo lường mức độ đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ, mức độ tự chủ tự chịu trách nhiệm của SV [[H3.03.01.06](#)]; [[H5.05.01.04](#)]; [[H5.05.01.05](#)]; [[H5.05.01.06](#)]. Các quy định này được GV thông tin đến SV trong buổi học đầu tiên của mỗi HP. Các kế hoạch thi KTHP được thông báo công khai trên hệ thống website của Trường, thông báo qua group Ban cán sự lớp để từ đó SV điều chỉnh phương pháp học tập của mình một cách phù hợp trong quá trình học và đạt kết quả như mong đợi [[H5.05.01.07](#)]; [[H5.05.01.08](#)].

Hàng năm Trường tiến hành rà soát việc thiết kế bài thi/KTĐG nhằm đảm bảo bám sát CĐR và đánh giá được mức độ NH đạt được CĐR của từng HP theo sự hướng dẫn của Ban Đào tạo và Đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐT&ĐBCLGD) - ĐHDN [[H3.01.01.07](#)], đảm bảo các CĐR HP được đánh giá đầy đủ và đo lường được. Bên cạnh đó Trường cũng tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về PPDH, KTĐG để từ đó nâng cao chất lượng ĐT và có các công cụ thích hợp để đánh giá chất lượng ĐT [[H5.05.01.05](#)]; [[H5.05.01.06](#)]; [[H5.05.01.09](#)].

Khi thiết kế đề thi các HP, GV chủ động thiết kế câu hỏi từ dễ đến phức tạp để đạt được CĐR của HP. Đề thi phải bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời đạt yêu cầu phân loại được năng lực của NH, phát huy khả năng tư duy, sáng tạo của NH và phân bổ thời gian phù hợp cho mỗi HP [[H1.01.02.04](#)]; [[H1.01.02.05](#)]; [[H3.03.02.01](#)]. Đề thi của ngành ĐD được Lãnh đạo Bộ môn phê duyệt, xem xét và chịu trách nhiệm trước Trường về chất lượng đề thi [[H5.05.01.09](#)]; [[H5.05.01.10](#)]. Để có đủ điều kiện làm KLTN, SV cần đạt các điều kiện theo quy định. Khi tích lũy từ 100 TC trở lên trở lên thì SV đủ điều kiện đăng ký HP thực tập tốt nghiệp. SV được đăng ký viết KLTN nếu đáp yêu cầu đạt mức điểm trung bình chung tích lũy từ 7.5 điểm (thang điểm 10) trở lên, tính đến hết kỳ thứ 5. Đề tài KLTN phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính thực tiễn cao. KLTN đều có quy định cụ thể và quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm KLTN được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV [[H1.01.01.02](#)]; [[H1.01.01.03](#)]; [[H4.04.02.08](#)].

Phòng ĐT&ĐBCL là đơn vị chuyên trách thực hiện các hoạt động KTĐG và là đơn vị phối hợp cùng các Bộ môn thực hiện việc tổ chức thi KTHP để đảm bảo việc đánh giá KQHT của SV là khách quan, chính xác và công bằng [[H5.01.01.11](#)].

2. Điểm mạnh

- Hình thức và nội dung đánh giá KQHT của NH được thể hiện rõ ràng trong ĐCCT đảm bảo phù hợp với các mức độ của CĐR của HP và CTĐT.

- Các hình thức đánh giá KQHT được thiết kế đa dạng, lượng giá được CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

- Đánh giá các CDR liên quan đến mức tự chủ trách nhiệm vẫn còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Kết hợp nhiều hình thức đánh giá (giữa kỳ, cuối kỳ, thi chạy trạm và thi lâm sàng trên bệnh nhân) và nhiều bên liên quan trong việc đánh giá mức độ tự chủ trách nhiệm NH	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện công tác đánh giá KQHT của NH theo đúng quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với mức độ CDR. - Sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. - Tăng cường hình thức kiểm tra trắc nghiệm bằng hệ thống E-learning	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Các tài liệu/hướng dẫn việc đánh giá KQHT NH của Trường xác định rõ ràng thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của NH. Các quy định về đánh giá KQHT của NH tại Trường được thực hiện đúng Quy chế ĐT của BGD&ĐT và những văn bản hướng dẫn cụ thể về việc ĐT theo hệ thống TC [[H1.01.01.02](#)]; [[H1.01.01.03](#)]; [[H3.03.01.06](#)].

Các tài liệu/hướng dẫn các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của NH được công bố công khai tới NH trước mỗi khoá học/kỳ học/HP trên trang website của Trường, phần mềm quản lý ĐT, cổng thông tin học tập trực tuyến, trong sổ tay SV và Group Zalo ban cán sự lớp [[H3.03.01.06](#)]; [[H5.05.01.07](#)]; [[H5.05.01.08](#)].

Việc đánh giá KQHT của SV được thực hiện tùy theo đặc điểm của mỗi HP, điểm tổng hợp đánh giá HP được tính căn cứ vào điểm thi KTHP và các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: Điểm chuyên cần; điểm kiểm tra giữa kỳ trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành/thí nghiệm; điểm tiểu luận. Điểm thi KTHP là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%. Hình thức thi KTHP có thể là viết (trắc nghiệm, tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, hoặc kết hợp các hình thức này. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá điểm thành phần và trọng số của các điểm thành phần trên do Bộ môn đề xuất, được BGH phê duyệt và phải được quy định trong ĐCCT của HP. [[H1.01.02.04](#)]; [[H5.05.01.04](#)]. Đối với HP chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: SV không được vắng quá 25% số giờ trên lớp mới được dự thi KTHP. Đối với HP thực hành: SV phải tham dự 100% các giờ thực hành. Điểm thực hành có thể là điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành hoặc điểm kiểm tra và thi KTHP trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của HP thực hành. [[H1.01.01.03](#)]; [[H3.03.01.06](#)]; [[H3.03.02.01](#)].

Điểm chuyên cần và giữa kì được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. Điểm cuối kì được cập nhật trên trang thông tin cá nhân của SV [[H5.05.02.01](#)]. Kế hoạch đào tạo trong đó nêu rõ thời gian thi dự kiến các HP, bảo vệ KLTN của Trường được ban hành trước mỗi năm học và phổ biến đến bộ môn, GV và SV [[H3.03.01.04](#)]. Thời gian thi KTHP chính thức do Phòng ĐT&ĐBCL xác định, sau đó được BGH phê duyệt và công bố cho SV trên website của Trường trước khi kỳ thi bắt đầu [[H5.05.01.07](#)]; [[H5.05.01.08](#)].

Việc đăng ký hình thức thi cuối kì của GV được thực hiện 01 lần vào đầu năm học nhằm đảm bảo tính khách quan, phù hợp với từng đối tượng SV của các năm, cũng như phù hợp với tình hình giảng dạy thực tế và được thông báo kịp thời đến SV [[H5.05.01.04](#)]. Công tác ra đề thi luôn đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, bám theo ĐCCT các HP và theo kế hoạch đánh giá CDR CTĐT, ngoài ra còn theo quy trình đánh giá chất lượng đề thi để đánh giá được trình độ của NH [[H1.01.02.04](#)]; [[H5.05.01.06](#)], [[H5.05.02.02](#)]. Việc tổ chức KTĐG, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các HP và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình KTĐG, các biểu mẫu đánh giá khoá học/môn học, đề tài, KLTN của Trường. [[H3.03.01.06](#)]; [[H5.05.01.11](#)]

Với bài thi KTHP, nếu NH chưa thoả mãn với kết quả thi thì có thể nộp đơn phúc khảo điểm thi. Đơn phúc khảo nộp trực tiếp cho Phòng ĐT&ĐBCL, Phòng có nhiệm vụ chuyển bài phúc khảo đến bộ môn phân công GV chấm lại và thông báo, cập nhật điểm thi nếu có thay đổi điểm chấm phúc khảo [[H5.05.02.03](#)]

Đánh giá thực tế tốt nghiệp và KLTN của SV đều có bộ tiêu chí cụ thể. Việc KTĐG và tổ chức thi đã bao quát nội dung, mục tiêu của từng HP cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Để được làm KLTN, SV phải đạt mức điểm trung bình chung tích lũy từ 7.5 điểm (thang điểm 10) và một số điều kiện khác được quy định cụ thể tại điều 2 trong quy định thực hiện KLTN đối với SV TYD - ĐHĐN. Đối với KLTN, Trường thông báo tới SV và GV hướng dẫn thông tin về quy định bảo vệ KLTN, hội đồng chấm, danh sách GV hướng dẫn, GV phản biện, mẫu trình bày khoá luận đến SV. Điểm khoá luận được công bố ngay sau buổi bảo vệ KLTN [[H4.04.02.08](#)].

Đồng thời cũng thông qua các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn như ĐCCT, văn bản hướng dẫn CDR, văn bản về công tác khảo thí,... NH dễ dàng nắm bắt và thực hiện giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng về kết quả thi, KQHT... Theo quy định của Trường về quy chế ĐT theo học chế TC, các quyết định, quy định hướng dẫn về công tác khảo thí, nhà trường đã yêu cầu tất cả GV lên lớp phải công khai ĐCCT vào buổi đầu tiên lên lớp nhằm cung cấp tài liệu học tập và hình thức thi của HP tới SV, Vào đầu mỗi khóa học, SV sẽ được tham gia tuần sinh hoạt công dân để phổ biến các quy định quy chế liên quan đến ĐT cũng như KTĐG; Trường đã phân công GVCN để có thể trực tiếp hỗ trợ người học khi có những thắc mắc trong quá trình học tập [[H1.01.03.03](#)].

Ngoài ra, để đánh giá khách quan, đảm bảo tính minh bạch và ngày càng cải tiến trong KTĐG, Nhà trường đã khảo sát lấy ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy và KTĐG hàng năm. Kết quả cho thấy, đa số NH đánh giá tốt về hoạt động KTĐG của Trường. [[H5.05.02.04](#)]; [[H5.05.02.05](#)]

2. Điểm mạnh

- Các quy định về KTĐG được công khai minh bạch bằng nhiều hình thức, đa dạng, thích hợp cụ thể như: về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi (trước mỗi khoá học/học kỳ/học phần). Vì vậy, NH dễ dàng nắm bắt, tuân thủ và khiếu nại nếu có sai sót.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng SV tham gia khảo sát đánh giá kết quả thi KTHP chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng quy mô SV tham gia khảo sát	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá KQHT của NH và	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		thông báo công khai đến NH. - Luôn cập nhật, đổi mới quy trình, quy định về đánh giá KQHT của NH và thông báo rộng rãi, công khai cho NH			

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Để giúp đánh giá được năng lực SV một cách toàn diện thì phương pháp đánh giá KQHT là một trong những phần quan trọng trong quy trình đánh giá KQHT của NH. Vì vậy, đội ngũ GV của ngành ĐD đã sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, phù hợp theo quy định về KTĐG [\[H3.03.01.06\]](#); [\[H5.05.01.04\]](#); [\[H5.05.01.10\]](#). Theo đó, việc đánh giá KQHT được thực hiện đối với HP, theo học kỳ và cho toàn khoá học.

Hình thức kiểm tra KQHT của NH ngành ĐD được thể hiện rất đa dạng và được quy định cụ thể trong ĐCCT HP, bao gồm: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Hình thức thi của mỗi HP được ghi rõ trong ĐCCT, nếu có thay đổi hình thức thi đều phải có sự thống nhất giữa các GV giảng dạy, Trưởng bộ môn và được BGH phê duyệt. Tất cả các phương pháp KTĐG đều được phổ biến cụ thể rõ ràng đến NH, tất cả GV đều phổ biến đến NH trong buổi học đầu tiên đối với các HP mình đảm nhận. [\[H1.01.02.04\]](#); [\[H5.05.01.04\]](#); [\[H5.05.01.05\]](#).

Về độ giá trị, ĐCCT HP có kế hoạch KTĐG, trong đó xác định rõ thành phần đánh giá tương ứng với các nội dung HP, phương pháp kiểm tra và hỗ trợ việc đo lường đánh giá mức đạt CĐR nào của HP. Đồng thời ĐHDN cũng hướng dẫn cụ thể việc rà soát, cải tiến các phương pháp KTĐG NH và chất lượng đề thi nhằm bám sát CĐR đã tuyên bố và giúp đo lường được CĐR cần đo [\[H1.01.02.05\]](#); [\[H3.03.01.06\]](#); [\[H3.03.01.07\]](#); [\[H5.05.01.05\]](#). Quy trình chấm được chuẩn hoá để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với NH. Việc sử dụng các tiêu chí đánh giá trong rubric giúp đảm bảo tính khách quan, minh bạch và nhất quán trong KTĐG đồng thời bám sát CĐR và phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt CĐR của NH [\[H3.03.01.06\]](#); [\[H5.05.01.03\]](#). Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể và được bộ môn xét duyệt [\[H3.03.01.06\]](#); [\[H5.05.01.10\]](#)

Bài kiểm tra của SV được chấm chi tiết theo đáp án được duyệt, bài tự luận thì GV chấm trực tiếp trên bài làm của SV, bài thi trắc nghiệm được chấm thông qua hai hình thức: do hệ thống E-learning (<http://daotao.smp.udn.vn:8181/smp/>) [H5.05.01.02] chấm đối với bài thi trên máy tính, còn bài thi trắc nghiệm làm trên phiếu trả lời trắc nghiệm thì được chấm thông qua phần mềm chấm trắc nghiệm để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với NH [H5.05.03.01]. Bắt đầu từ năm 2018 Trường có sử dụng phần mềm quản lý ĐT để Phòng ĐT&ĐBCL, GV nhập điểm thành phần công khai đến từng SV một cách nhanh chóng [H5.05.03.02]. Quy định về phương pháp đánh giá KQHT được thông báo cho SV [H5.05.03.03]. Điểm thi KTHP sẽ được đăng tải trên hệ thống trang cá nhân của SV [H5.05.02.01].

Sau mỗi học kì, để đánh giá được mức đạt CĐR của SV, Trường luôn chú trọng thực hiện các hoạt động phân tích KQHT; phân tích phổ điểm của một số HP, bảng tổng kết phổ điểm của một số HP, bảng tổng kết phổ điểm, tổ chức họp đánh giá việc tổ chức thi KTHP, đánh giá đề thi để có giải pháp cải tiến cho học kỳ tiếp theo [H3.03.01.07]; [H5.05.03.04]; [H5.05.01.05].

Ngoài ra, nhằm nâng cao hiệu quả của công tác KTĐG KQHT, Trường với đầu mối là Phòng ĐT&ĐBCL đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động KTĐG nhằm hướng tới tính chính xác, khách quan, công bằng [H5.05.02.05]. Kết quả phản hồi của SV về hoạt động đánh giá KQHT cho thấy, trên 80% NH đều hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng của phương pháp, quy trình và kết quả đánh giá. Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT của Trường.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã quy định về yêu cầu áp dụng nhiều phương pháp đánh giá để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đối với NH. Công tác đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo đúng quy trình và văn bản hướng dẫn của Trường.

- Việc KTĐG bằng công cụ rubric đã góp phần đánh giá cùng lúc được nhiều loại năng lực của NH.

3. Điểm tồn tại

- Chưa hoàn thiện ngân hàng câu hỏi/đề thi theo hướng chuẩn hoá cho các HP.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng ngân hàng câu hỏi/đề thi chuẩn hoá của từng HP	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Từ năm học 2023 - 2024	Đã thực hiện và mang đến hiệu

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
					quả cao trong công tác KTĐG
2	Phát huy điểm mạnh	- Đa dạng các phương pháp đánh giá KQHT của NH. - Tăng cường, rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các rubric đánh giá của các HP.	- Khoa ĐD&KTYH; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá KQHT của SV để nâng cao chất lượng đào tạo giúp SV chủ động trong cả quá trình học tập của mình. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về thi, kiểm tra trong đó có các nội dung về phản hồi kết quả đánh giá đến NH được thể hiện trong quy định ĐT ĐH theo hệ thống TC của TYD và quy định thi KTHP, quy định thi tốt nghiệp và bảo vệ KLTN trên cơ sở tuân theo các quy định chung của BGD&ĐT và ĐHĐN [H1.01.01.02]; [H1.01.01.03]. Quy định nêu rõ, điểm thi vấn đáp, thực hành, bảo vệ khóa luận được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Điểm thi (trắc nghiệm hoặc tự luận), tiểu luận, bài tập lớn KTHP được công bố chậm nhất 2 tuần sau khi thi, điểm phúc khảo bài thi được công bố chậm nhất đến người học trong vòng 4 tuần sau khi hết thời hạn phúc khảo [H3.03.01.06]; [H5.05.04.01]; [H5.05.04.02].

Để GV cũng như SV có thể tiếp cận các quy định về việc phản hồi KQHT của SV một cách kịp thời, nhà trường đã tiến hành phổ biến các văn bản quy định này tới các đối tượng sử dụng bằng nhiều hình thức khác nhau. Đối với GV, sau khi các quy định được ban hành hay cập nhật, trường sẽ gửi email thông báo đến từng email cá nhân để GV, ngoài ra các quy định này sẽ được đưa lên hệ thống văn bản trên trang thông tin điện tử của trường để CBGV có thể tra cứu khi cần thiết [H5.05.04.03]. Đối với SV, các quy định về phản hồi KQHT được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân và được quy định cụ thể trong sổ tay SV, đồng thời NH có thể tra cứu các quy định này trực tuyến

trên hệ thống cổng thông tin điện tử dành cho SV của Trường [[H5.05.04.04](#)]; [[H1.01.01.23](#)].

TYD đã xây dựng được phần mềm quản lý ĐT TC giúp Trường quản lý KQHT của NH chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ NH tra cứu KQHT của mình dễ dàng, nhanh chóng. SV truy cập vào hệ thống phần mềm bằng tài khoản cá nhân để tra cứu KQHT của mình, cùng với các hướng dẫn về cách tính điểm trung bình chung học tập được thể hiện trong Quy định ĐT theo hệ thống TC của TYD. Trên cơ sở những phản hồi về kết quả, SV có thể tự rút kinh nghiệm và cải thiện việc học tập của mình [[H5.05.04.05](#)]; [[H5.05.04.06](#)]. Đối với điểm chuyên cần và điểm các bài KTĐG quá trình, kết quả sẽ được thông báo đến SV ngay sau khi chấm xong, SV có thể phản hồi trực tiếp với GV nếu thấy kết quả chưa phù hợp. Nếu có điều chỉnh hay không điều chỉnh, GV thông báo công khai với SV và nêu rõ lý do. Sau đó GV vào điểm và nộp bảng điểm cho Phòng ĐT&ĐBCL để xét điều kiện thi kết thúc HP cho SV, đồng thời GV cập nhật lên hệ thống phần mềm trước khi thi KTHP [[H5.05.04.05](#)]. Sau kỳ thi KTHP, Phòng ĐT&ĐBCL thông báo GV đến nhận bài thi và tổ chức chấm thi theo quy định. Từ năm học 2020 - 2021, TYD đã tiến hành tổ chức thi trên máy tính với sự hỗ trợ của phần mềm thi trực tuyến đảm bảo khoa học, chính xác và cho kết quả nhanh thay vì GV phải chấm theo cách truyền thống. Bảng điểm thi KTHP sẽ được chuyển đến Phòng ĐT&ĐBCL để tiến hành nhập điểm lên phần mềm hệ thống, đối với các HP thi trên máy tính, hệ thống sẽ hỗ trợ đồng bộ hóa dữ liệu từ kết quả thi giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian và hạn chế sai sót trong quá trình nhập điểm thủ công. Từ đó SV có thể dễ dàng truy cập theo tài khoản cá nhân để tự kiểm tra một cách thuận tiện và nhanh chóng [[H5.05.04.06](#)].

Nhà trường đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá học tập của SV, do đó đã xây dựng hệ thống quản lý đo lường đánh giá chặt chẽ, khoa học, khách quan, chính xác, công bằng và phản hồi kịp thời tới NH để nâng cao chất lượng ĐT giúp SV có các biện pháp cải thiện việc học tập. Phòng ĐT&ĐBCL đã chủ động thông báo đến các GV của bộ môn để kịp thời cập nhật điểm đánh giá quá trình và phòng ĐT&ĐBCL cập nhật điểm thi KTHP của NH theo đúng thời gian quy định [[H3.03.02.01](#)]. Dựa vào KQHT, điểm rèn luyện của từng kì và biên bản xét học vụ, cảnh báo học vụ giúp SV có phương án học tập thích hợp tránh được tình trạng bị cảnh báo học vụ hay buộc thôi học do KQHT. Nhà trường đặc biệt quan tâm đến những SV thuộc diện cảnh báo, tồn đọng TC để tư vấn, định hướng SV có phương án, kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành khối lượng học tập trong thời hạn tối đa hoàn thành CTĐT. Trong trường hợp SV có mong muốn cải thiện thành tích học tập, đầu các kì học các SV đạt điểm D của các HP sẽ được đăng kí học lại để cải thiện KQHT. Bên cạnh đó, các CVHT, GVCN, sẵn sàng thực hiện việc khuyến khích, động viên SV có KQHT tốt; nhắc nhở những SV có KQHT chưa tốt; giải đáp những thắc mắc của NH và tư vấn cho NH những phương pháp học tập phù hợp [[H5.05.04.07](#)]; [[H4.04.02.04](#)]. Trường hợp SV bị buộc thôi học, nhà trường sẽ lập danh sách và thông báo về gia đình

theo đúng quy định trong quy chế ĐT [[H5.05.04.08](#)]; [[H5.05.04.09](#)]; [[H5.05.04.10](#)]. Để tiếp nhận ý kiến của SV về các nội dung liên quan đến phản hồi KQHT, hàng năm nhà trường đều tổ chức khảo sát lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy, hoạt động KTĐG của GV trong đó có các nội dung phản hồi về chấm thi và phản hồi về kết quả thi bao gồm: kết quả được thông báo rõ ràng, hình thức và thời gian thông báo đúng theo quy định, kết quả thi thực hành và vấn đáp được công bố ngay sau buổi thi, cách thức tra cứu kết quả thi dễ dàng và thuận tiện, NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT, đây là nguồn thông tin quan trọng giúp nhà trường và các GV bộ môn cải thiện phương pháp KTĐG phù hợp [[H5.05.04.11](#)]. SV còn có cơ hội phản ánh, đóng góp ý kiến của mình qua các cuộc họp lớp cùng GVCN sau mỗi học kỳ [[H5.05.04.07](#)]. Kết quả khảo sát ý kiến SV qua mỗi năm học, khóa học cho thấy hầu hết SV hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tại TYD. Qua các năm tỷ lệ sinh viên đồng ý với các nội dung khảo sát về phản hồi KQHT ngày càng được nâng cao, năm học 2021 - 2022 là 78,1%; năm học 2022 - 2023 là 89% và năm học 2023 - 2024 là 90% [[H5.05.04.11](#)].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng được hệ thống cổng thông tin SV trên phần mềm quản lý ĐT để giúp SV dễ dàng tiếp cận được KQHT một cách nhanh chóng và thuận lợi.

- Các CVHT, GVCN và các phòng chức năng luôn sẵn sàng tiếp nhận và giải quyết ý kiến phản hồi của SV thường xuyên về hoạt động phản hồi kết quả KTĐG.

- Từ năm học 2020 - 2021, TYD đã tiến hành tổ chức thi trên máy tính với sự hỗ trợ của phần mềm thi trực tuyến đảm bảo khoa học, chính xác và cho kết quả nhanh, giảm thời gian và hạn chế sai sót trong quá trình nhập điểm.

3. Điểm tồn tại

- Có một số HP GV thỉnh giảng từ BV, trường thành viên nên thời gian thi, việc chấm bài, trả kết quả thi đôi khi còn kéo dài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Phòng ĐT&ĐBCL và các trợ giảng chủ động theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ để GV thỉnh giảng hoàn thành việc giảng dạy đúng theo kế hoạch đào	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Năm học 2024 -2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		tạo để rút ngắn thời gian thi KTHP. - Chuyển hình thức thi sang thi trắc nghiệm trên máy tính để giảm thời gian chấm bài, trả kết quả			
2	Phát huy điểm mạnh	Cải tiến phương thức phản hồi kết quả nhanh chóng trên hệ thống phần mềm ĐT	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Năm học 2024 -2025	
		GV, các phòng chức năng cải tiến quy trình tiếp nhận phản hồi SV đảm bảo chính xác, nhanh chóng	- GV; -Phòng ĐT&ĐBCL.	Năm học 2024 -2025	
		Tiếp tục tăng cường triển khai hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính	Phòng ĐT&ĐBCL	Năm học 2024 -2025	

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt, mức 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện tốt quy chế ĐT ĐH chính quy theo hệ thống TC, các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT của SV được nhà trường xây dựng và quy định cụ thể trong Quy định tổ chức thi KTHP [H3.03.01.06] và các quy định, biểu mẫu, thông báo về việc khiếu nại KQHT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử để SV dễ dàng tiếp cận được [H5.05.04.04]; [H5.05.05.01]; [H5.05.05.02]; [H5.05.05.03]; [H5.05.05.04]; [H5.05.05.05]. Vào đầu mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức tuần sinh hoạt công dân để phổ biến đến toàn thể SV về quy chế ĐT ĐH chính quy theo hệ thống TC, trong đó có các nội dung về quy định, quy trình khiếu nại học tập. Đồng thời, các quy định này cũng được đưa vào sổ tay SV và được phổ biến cho NH vào đầu mỗi khóa học [H1.01.03.03]; [H1.01.01.23]. Trước khi bắt đầu các HP, GV sẽ phổ biến đến SV các nội dung về học tập KTĐG cũng như cách thức phản hồi của NH khi cần khiếu nại về học tập.

Sau khi kết thúc mỗi kì thi học kì, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ ra thông báo đến toàn thể SV để hướng dẫn cách thức, thời gian thực hiện việc phúc khảo bài thi, kết quả phúc khảo sẽ được tổng hợp công bố đến SV trên trang thông tin điện tử của Trường. Đối với hình thức thi thực hành, vấn đáp, KLTN SV được công bố điểm ngay sau khi kết thúc buổi thi và được giải đáp những thắc mắc nếu chưa hài lòng về kết quả bài thi [[H5.05.05.01](#)]; [[H5.05.05.02](#)]; [[H5.05.05.03](#)]; [[H5.05.05.04](#)]; [[H5.05.05.05](#)].

KQHT của NH được GV phụ trách HP thông báo và điểm được đưa lên phần mềm quản lý hệ thống ĐT của trường. SV có thể tiếp cận để xem điểm của từng HP của mình một cách dễ dàng [[H5.05.04.05](#)]. Trường hợp nếu phát hiện ra bất kỳ sai sót nào, SV có thể phản hồi về KQHT của mình với GV. Trong quá trình học tập, NH được quyền khiếu nại, phúc khảo KQHT. Cụ thể:

- Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy HP đó khi GV công bố KQHT, GV giảng dạy HP trực tiếp giải quyết các ý kiến của NH trước khi nhập điểm lên hệ thống ĐT để xét điều kiện dự thi kết thúc HP của SV.

- Đối với hình thức thi thực hành, vấn đáp, bảo vệ KLTN SV được công bố điểm ngay sau khi kết thúc buổi thi và được giải đáp những thắc mắc nếu chưa hài lòng về kết quả bài thi.

- Đối với điểm thi KTHP, điểm thi sẽ được Phòng ĐT&ĐBCL đưa lên hệ thống phần mềm quản lý ĐT, SV có thể dễ dàng tiếp cận được điểm thi thông qua tài quản của SV trên hệ thống [[H5.05.04.06](#)]. Trong vòng 01 tuần sau khi công bố điểm thi trên hệ thống, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ ra thông báo phúc khảo gửi đến toàn thể SV để NH có thể thực hiện quy trình đăng kí phúc khảo bài thi trong trường hợp có thắc mắc về kết quả bài thi. Đơn phúc khảo được lấy theo mẫu tại Phòng ĐT&ĐBCL hoặc tại website của trường. Thông báo phúc khảo và mẫu đơn đăng kí được công khai trên cổng thông tin điện tử của SV [[H5.05.05.02](#)]; [[H5.05.05.05](#)]. Phòng ĐT&ĐBCL có nhiệm vụ tiếp nhận các khiếu nại về kết quả thi của NH, tổng hợp danh sách SV phúc khảo bài thi và gửi biên bản cùng bài thi chấm phúc khảo đến Bộ môn [[H3.03.01.06](#)]; [[H5.05.05.03](#)]. Trường Bộ môn lập danh sách phân công cán bộ chấm phúc khảo bài thi theo quy định của trường. Việc chấm phúc khảo sẽ do trưởng bộ môn phân công hai GV khác với GV chấm lần 1 để quy trình đánh giá lại được hoàn toàn khách quan. Sau khi kết thúc thời gian phúc khảo, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ tổng hợp lại kết quả và thông báo kết quả phúc khảo đến SV. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng ĐT&ĐBCL dựa vào bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý ĐT [[H5.05.04.06](#)]. Sau các kì thi, Phòng ĐT&ĐBCL đã tiến hành tổng kết hoạt động thi, KTĐG và khiếu nại KQHT, đồng thời tổ đã tổng hợp vào sổ theo dõi khiếu nại, trả lời kết quả khiếu nại để nắm được tình hình phúc khảo qua các kì học nhằm kịp thời phát hiện những điểm sai sót, chưa hợp lý trong quy trình để có biện pháp cải tiến phù hợp [[H5.05.01.06](#)]; [[H5.05.05.06](#)].

Trong các năm học vừa qua từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, công tác tổ chức thi, kiểm tra luôn được quan tâm, đảm bảo tính chính xác, khách quan, số lượng bài thi đề nghị phúc khảo là không nhiều. Kết quả theo dõi cho thấy 100% đề

ngợi phúc khảo điểm của NH được nhà trường xác minh, trả lời kịp thời và thỏa đáng, được NH đánh giá cao, không có trường hợp SV khiếu nại về điểm sau khi phúc khảo [[H5.05.01.06](#)]; [[H5.05.05.06](#)].

Hàng năm, Phòng ĐT&ĐBCL đã thực hiện các khảo sát về quy trình KTĐG cũng như quy trình phúc khảo, khiếu nại KQHT để từ đó thu nhận các ý kiến đóng góp từ NH, đây là nguồn thông tin quan trọng giúp cải tiến các quy trình khiếu nại KQHT nhằm ngày càng cải tiến hơn chất lượng ĐT của nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy đa phần NH hài lòng về quy trình, cách thức và kết quả của việc khiếu nại KQHT [[H5.05.04.11](#)].

2. Điểm mạnh

- NH được thông báo đầy đủ, kịp thời các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong quá trình học.

- Hàng năm, việc khiếu nại về KQHT của NH được xử lý, giải quyết kịp thời, chính xác và thỏa đáng, không có trường hợp sinh viên khiếu nại sau phúc khảo.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý ĐT nhằm tạo điều kiện cho NH có thể phản hồi nhanh chóng khi phát hiện sai sót về KQHT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý ĐT	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến hơn nữa quy trình tiếp nhận và xử lý khiếu nại đảm bảo nhanh chóng, chính xác, kịp thời	- Khoa ĐD&KTYH; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Hàng năm	
		Tiếp tục đảm bảo quyền lợi của NH trong việc khiếu nại về KQHT	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Nhìn chung, hoạt động đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo đúng quy định, bám sát các hướng dẫn của ĐHDN và Quy định của Trường để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. TYD luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng,

mức tự chủ và trách nhiệm của NH thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CĐR, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, đề thi đảm bảo độ tin cậy được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi. KQHT của NH được phản hồi kịp thời, đúng quy định hằng kỳ để NH xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập, giúp cải thiện việc học tập. NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trước mỗi khóa học/kỳ học/HP.

Tuy nhiên, việc đánh giá các CĐR liên quan đến mức tự chủ và trách nhiệm còn gặp khó khăn, chủ yếu đánh giá thông qua 10 - 20% điểm thường xuyên. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá của một số HP chưa được sử dụng hiệu quả để cải thiện việc học tập của SV. Trường chưa triển khai hệ thống phúc khảo online để SV dễ dàng tiếp cận với quy trình phúc khảo, khiếu nại về KQHT, đây là những vấn đề mà TYD đã nhận thấy và đề xuất các biện pháp cần khắc phục trong năm 2024.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 5: 5/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên có ý nghĩa quan trọng đối với CTĐT của ngành. Đội ngũ này là cơ sở nền tảng để xây dựng, thực hiện, triển khai và phát triển CTĐT. Phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT cũng như đáp ứng chiến lược phát triển Trường hoàn thành sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường. Do đó, việc phân tích thực trạng đội ngũ GV, CBVC không chỉ nhằm đánh giá điểm mạnh, điểm yếu để thực hiện, triển khai CTĐT của ngành mà còn có vai trò to lớn trong việc đề xuất các giải pháp, biện pháp khắc phục các điểm yếu, phát huy các điểm mạnh về cả số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên, để từ đó xây dựng, điều chỉnh, thực hiện và phát triển CTĐT ngày càng hoàn thiện, tốt hơn đáp ứng mục tiêu, chiến lược của Trường và CĐR của CTĐT.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và thực hiện Chiến lược phát triển TYD đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045 [[H1.01.01.05](#)]; [[H1.01.01.06](#)] để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ) của đội ngũ GV, TYD đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV hằng năm. Kế hoạch này được xây dựng dựa trên căn cứ phân tích các thông tin về độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, phân tích nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, bản mô tả vị trí việc làm [[H6.06.01.02](#)]; [[H6.06.01.03](#)]. Dựa trên Bản mô tả công việc của vị trí việc làm

[H6.06.01.04], Trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ [H6.06.01.01]. Cùng với đó, hằng năm BGH luôn chú ý tiến hành rà soát, quy hoạch công tác cán bộ và tiến hành việc quy hoạch các chức danh cán bộ quản lý từ Trường bộ môn đến BGH [H6.06.01.05]. Mục tiêu của chiến lược phát triển đội ngũ của Trường là đến năm 2025 có tổng số 158 viên chức, người lao động; trong đó đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu viên (NCV) là 100 viên chức; số lượng GV, trợ giảng tiến sĩ, thạc sĩ được nâng cao. Để thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ đã đề ra, Trường đã thực hiện quy trình tuyển dụng GV với các quy định và yêu cầu nghiêm ngặt, dựa trên quy định cụ thể của ĐHĐN [H6.06.01.07], cụ thể:

* Điều kiện, tiêu chuẩn chung:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên; ưu tiên người có độ tuổi dưới 40 tuổi (muốn gắn bó lâu dài với Đại học Đà Nẵng);
- Có phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng và hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;
- Có đủ sức khoẻ để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ (không bị dị tật, phát âm rõ ràng...);
- Có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật tốt;
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp tuyển dụng.

+ Đối với Trợ giảng: có bằng đại học trở lên; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh Trợ giảng;

+ Đối với Giảng viên: có bằng thạc sĩ trở lên; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh Giảng viên;

+ Đối với Chuyên viên, Kế toán viên: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm; có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với chức danh nghề nghiệp tuyển dụng hoặc có cam kết bổ túc chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong thời hạn 01 (một) năm sau khi được tuyển dụng.

- Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:

- + Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng..

* **Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể:** Có bằng đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng. Ưu tiên: Ứng viên có kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương đương.

Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm GV được thực hiện rõ ràng, công khai, minh bạch trên Website của Trường và ĐHĐN [[H6.06.01.08](#)], đối với những ứng viên có trình độ tiến sĩ có thể được đặc cách thi tuyển. Đội ngũ GV từng bước được trẻ hóa nhưng vẫn đảm bảo sự kế thừa giữa các thế hệ, Trường có chiến lược phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn và cũng như có hình thức hỗ trợ phù hợp đối với các GV, trợ giảng trẻ để nâng cao trình độ. Chính sách hỗ trợ phát triển cho đội ngũ GV học tập được xác định trong các chiến lược phát triển và quy định chi tiêu nội bộ của ĐHĐN [[H6.06.01.09](#)]. GV học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi. GV học tập ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản. Kế hoạch tuyển dụng GV hàng năm của Trường được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trên nhu cầu của Bộ môn, sau đó họp thống nhất chỉ tiêu và tiến hành lập tờ trình đề xuất ĐHĐN thực hiện các bước tuyển dụng. Chỉ tiêu tuyển dụng được xác định dựa vào nhu cầu, vị trí việc làm và chủ trương được duyệt. Tính đến tháng 09/2024, Trường có 41 GV và trợ giảng tham gia giảng dạy ngành Điều dưỡng. Trong đó, có 01 PGS.TS chiếm tỷ lệ 2,5%, 07 TS chiếm tỷ lệ 17,5%, 24 ThS chiếm tỷ lệ 58,5% trên tổng số GV [[H6.06.01.02](#)]. Các cá nhân được tuyển dụng tạo nguồn GV phải đáp ứng các tiêu chuẩn về điều kiện đào tạo bồi dưỡng: có bằng Thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành theo yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng theo quy định tại Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020; đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đối với vị trí việc làm cần tuyển; có nguyện vọng trở thành GV và cam kết làm việc lâu dài tại Trường [[H6.06.01.10](#)]. Ngoài ra, để xây dựng được đội ngũ kế cận đảm bảo cho chiến lược phát triển trong tương lai, Trường đã được ĐHĐN cho phép tuyển dụng các vị trí trợ giảng, nguồn nhân sự này sẽ được cử đi đào tạo, nâng cao trình độ để phục vụ giảng dạy và NCKH. Đội ngũ GV khi được tuyển dụng phải thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của một GV đó là thực hiện nhiệm vụ giảng dạy NCKH, PVCD và nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định tại quy định chi tiết chế độ làm việc của GV ĐHĐN và của Trường [[H6.06.01.11](#)]. Dựa vào phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV [[H6.06.01.03](#)], Trường tăng cường thúc đẩy hợp tác với các trường đại học trong và ngoài nước, đặc biệt là hợp tác quốc tế với các trường đại học ở các nước phát triển, từ đó GV được giới thiệu để học tiến sĩ hoặc tham gia các khóa ngắn hạn. Trong 5 năm qua, giảng viên giảng dạy ngành Điều dưỡng đã có 03 GV đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; 18 GV đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước [[H6.06.01.12](#)]. Bên cạnh đó, các GV luôn có ý thức học tập, nâng cao trình độ, hướng tới đạt chuẩn năng lực GV [[H6.06.01.13](#)]. Trường và ĐHĐN đã triển khai thực hiện các chính sách về nhân sự đối với GV theo đúng quy định hiện hành [[H6.06.01.14](#)]. Trường đã thực hiện việc thủ tục chấm dứt hợp đồng, cho thôi việc và cho nghỉ hưu đối với GV theo các quy định hiện hành của Luật lao động, Luật viên chức và theo quy định của ĐHĐN [[H6.06.01.16](#)],

một số GV có trình độ sau khi nghỉ hưu được Trường xem xét mời làm cố vấn, chuyên gia để tham gia vào công tác giảng dạy [[H6.06.01.17](#)]

2. Điểm mạnh

- Trường đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch phát triển đội ngũ GV để triển khai đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Trường đã tuyển được đội ngũ trợ giảng, GV trẻ, có năng lực, có trình độ chuyên môn tốt đã bổ nhiệm được những cán bộ có uy tín, có năng lực quản lý vào các vị trí công tác.

3. Điểm tồn tại

- Việc tuyển dụng GV trình độ Tiến sĩ ngành Điều dưỡng gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ GV đạt trình độ tiến sĩ còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển kế hoạch phát triển đội ngũ theo chiến lược đã đề ra	Phòng HC-TH	Hàng năm	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2024 - 2029 chú trọng đến phát triển đội ngũ giảng viên trình độ Tiến sĩ đặc biệt có chính sách đào tạo bồi dưỡng các GV thuộc ngành Điều dưỡng	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Tính đến tháng 09/2024, Trường có 41 GV và trợ giảng tham gia giảng dạy ngành Điều dưỡng. Trong đó, có 01 PGS.TS chiếm tỷ lệ 2,5%, 07 TS chiếm tỷ lệ 17,5%, 24

ThS chiếm tỷ lệ 58,5% trên tổng số GV [H6.06.01.02]. Như vậy, tổng số GV có trình độ sau đại học của ngành Điều dưỡng là 34/41, chiếm 82,9%.

Bảng 2.9. Bảng tỉ lệ giảng viên cơ hữu/sinh viên

(Tính theo Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của BGD&ĐT Quy định về chỉ tiêu tuyển sinh Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non)

Năm học	Tỉ lệ 01 GV quy đổi	Số SV chính quy	Số SV chính quy/ 01 GV quy đổi
2018 - 2019	30,8	140	4,5
2019 - 2020	34,8	135	3,9
2020 - 2021	38,1	119	3,1
2021 - 2022	43	135	3,1
2023 - 2024	45	135	3,0

Đội ngũ GV của ngành với số lượng đông và ngày càng nâng cao về chất lượng, trình độ, kinh nghiệm nên đảm bảo được chất lượng giảng dạy cũng như tư vấn học thuật cho người học cơ bản đáp ứng được yêu cầu ĐT [H6.06.01.13]; [H1.01.01.18]. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Trường thực hiện theo Quyết định số 4194/QĐ-ĐHĐN ngày 08/12/2021 của ĐHĐN ban hành quy định về chế độ làm việc của GV ĐHĐN và Quyết định số 5369/QĐ-ĐHĐN ngày 18/12/2023 của ĐHĐN ban hành quy định chi tiết chế độ làm việc của KYD, ĐHĐN [H6.06.01.11]. Định mức giờ chuẩn cho GV trong một năm học là 270 giờ, GV được bổ nhiệm chức danh lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác khác được giảm trừ giờ chuẩn và các trường hợp GV được miễn giảm giờ chuẩn được quy định trong Quy định về chế độ làm việc của GV của ĐHĐN. Ngoài ra còn có các điều kiện được quy định rõ ràng để tính vượt giờ cho GV. Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV là 600 giờ. Định mức thời gian PVCĐ và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác cho mỗi GV trong từng năm học là 350 giờ hành chính.

Các GV được phân công giảng dạy theo đúng năng lực chuyên môn và chuyên ngành nghiên cứu [H3.03.01.05], hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H6.06.02.01]; [H6.06.02.02]. Về công tác giảng dạy, trước mỗi học kỳ giảng dạy, Trường triển khai công việc phân công giảng dạy, báo giảng đến từng Bộ môn, trên cơ sở đó Trường triển khai cho các Bộ môn tiến hành phân công giảng dạy, Trường xét duyệt và chuyển về Phòng ĐT&ĐBCL tiến hành thực hiện báo giảng. Trong những năm vừa qua, chưa ghi nhận trường hợp GV phàn nàn, gửi đơn thư khiếu nại về phân công nhiệm vụ. Sau mỗi học kỳ, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ thống kê toàn bộ khối lượng

giảng dạy qui định của GV, từ đó Bộ phận tài vụ căn cứ khối lượng này để thanh toán giờ giảng cho GV. Đồng thời, Phòng KH-HTPT&CTSV cũng tiến hành thống kê và thực hiện qui định giờ NCKH theo qui định. Ngoài việc quản lý trực tiếp của Trường, bộ môn, các Phòng chức năng của Trường kiểm tra giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV [H6.06.02.01]. Các tiêu chí về giảng dạy, NCKH, PVCĐ là cơ sở để Trường tiến hành đánh giá xếp loại viên chức hàng năm, kết quả cho thấy trong 5 năm qua, toàn bộ GV trong Trường đều hoàn thành công việc, đa số GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H6.06.02.03].

2. Điểm mạnh

- Khối lượng công việc của GV được quy định theo giờ chuẩn, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy định đối với GV;

- Tỷ lệ GV/NH đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo ngành ĐD bậc đại học theo quy định.

- Có đánh giá xếp loại chất lượng viên chức hàng năm bằng có tiêu chí cụ thể.

3. Điểm tồn tại

- Công tác đánh giá xếp loại chất lượng viên chức được tiến hành định kỳ vào cuối năm học tuy nhiên vẫn chưa có bộ tiêu chí cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xếp loại viên chức của Trường	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ	TYD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường xác định công tác nhân sự là khâu then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với sự ổn định phát triển của Trường. Do đó, công tác nhân sự được chú trọng ở tất cả các mặt, công tác tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV được Trường thực hiện theo kế hoạch, đúng quy trình, đúng quy định có tiêu chí rõ ràng [H6.06.01.14]; [H6.06.01.08]. Dựa trên Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2022 - 2025 của TYD [H6.06.01.04], Trường đã thực hiện công tác tuyển dụng, lựa chọn GV theo các văn bản quy định của ĐHĐN [H6.06.01.07].

Hàng năm, Trường phối hợp với Ban Tổ chức Cán bộ (TCCB), ĐHĐN ra thông báo tuyển dụng và bồi dưỡng CBVC đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các đơn vị [H6.06.01.06]. Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, đặc biệt phát triển các nhà giáo có năng lực, Trường đã thống nhất các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên để có đội ngũ chất lượng phục vụ mục tiêu phát triển của Trường; trong đó yêu cầu người được tuyển dụng phải đạt các tiêu chí cơ bản:

- Có trình độ chuyên môn giỏi; có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới
- Có đạo đức tốt, sức khỏe tốt
- Có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc
- Yêu nghề, gắn bó với Trường

Thông báo tuyển dụng được công khai rộng rãi bằng văn bản và trên website của ĐHĐN và Trường, đồng thời được phổ biến qua nhiều kênh truyền thông khác như trang thông tin mạng xã hội của Trường [H6.06.01.06]. Tất cả GV này đều trải qua kỳ thi tuyển viên chức và sát hạch về chuyên môn với sự cạnh tranh cao theo quy định của ĐHĐN. Quy trình này được thực hiện một cách chặt chẽ và minh bạch theo quy định [H6.06.01.07]. Sau khi trúng tuyển, ĐHĐN sẽ tiến hành các thủ tục công nhận trúng tuyển, kí hợp đồng làm việc theo qui định và phân công về các đơn vị để thực hiện công việc [MC khác]. Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, đảm bảo việc thực hiện CTĐT, Trường đã có các chính sách nhân sự như: thu hút đội ngũ cán bộ, GV có trình độ cao trong tuyển dụng, chính sách nâng bậc lương trước thời hạn, cử đi ĐT, bồi dưỡng... [H6.06.01.14]; [H6.06.01.09]. Trong 5 năm qua, Trường đã tuyển dụng được 05 GV có trình độ tiến sĩ và 10 GV có trình độ thạc sĩ [H6.06.01.15]. Về công tác bổ nhiệm viên chức được quy định rõ trong Quy chế bổ nhiệm của ĐHĐN [H6.06.01.05] và được công khai, phổ biến đến toàn thể viên chức. Trường luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Trường được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. GV thực hiện các hoạt động chuyên môn dưới sự quản lý và giám sát của trưởng bộ môn. Trách nhiệm của GV, cán bộ quản lý được quy định rõ ràng trong văn bản của ĐHĐN [H6.06.01.11]. Mức độ xếp loại chất lượng là tiêu chí quan trọng được xem xét khi tiến hành công tác bổ nhiệm, điều chuyển [H6.06.02.03]. Từ năm 2018 đến nay, TYD đã thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 42 vị trí lãnh đạo, quản lý các đơn vị ,tiếp nhận 02 GV [H6.06.03.01].

2. Điểm mạnh

- Các GV được tuyển dụng, bổ nhiệm đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, luôn luôn giúp đỡ đồng nghiệp khi cần và cố gắng, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

- Việc xây dựng kế hoạch ĐT bồi dưỡng để các đội ngũ GV để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng quản lý còn gặp nhiều khó khăn khi triển khai.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng lộ trình đào tạo, bồi dưỡng	Phòng HC-TH	Cuối năm 2024 tiến hành thực hiện và định kỳ tiến hành mỗi năm 01 lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Căn cứ vào tiêu chí cụ thể quy định cũng như sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Theo định hướng phát triển của Trường đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu. Các GV của Trường đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh nghề nghiệp yêu cầu theo quy định của BGD&ĐT [H6.06.01.10]. Trường đã sử dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chí xác định năng lực của GV. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó quy định chi tiết về yêu cầu năng lực, về hiểu biết, kiến thức, trình độ và kỹ năng cần thiết đối với từng vị trí GV, NCV [H6.06.01.04]. Năng lực của GV còn được xác định khi tuyển dụng bao gồm các tiêu chuẩn cụ thể: Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng, có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học phù hợp với chức danh nghề nghiệp tuyển dụng [H6.06.01.06]. Năng lực của đội ngũ GV được xác định dựa trên cả 3 yêu cầu: năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ [H6.06.01.11], 100% tỷ lệ GV có chứng chỉ nghiệp vụ sư

phạm, 100% tỷ lệ GV trình độ tin học, ngoại ngữ bắt buộc theo quy định [[H6.06.01.13](#)]. Như vậy, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Để nâng cao chất lượng đào tạo, theo định hướng phát triển của Trường đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu. Các giảng viên của Trường đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh nghề nghiệp yêu cầu theo quy định của BGD&ĐT yêu cầu năng lực, về hiểu biết, kiến thức, trình độ và kỹ năng cần thiết đối với từng vị trí GV, NCV [[H6.06.01.04](#)]. Năng lực của GV còn được xác định khi tuyển dụng bao gồm các tiêu chuẩn cụ thể: Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng, có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học phù hợp với chức danh nghề nghiệp tuyển dụng [[H6.06.01.06](#)]. Như vậy, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Để nâng cao chất lượng ĐT, Trường trình ĐHĐN ban hành Quy định về tổ chức dạy học lâm sàng [[H6.06.04.01](#)] trong đó chú trọng việc thiết kế và triển khai chương trình dạy và học, xây dựng ĐCCT, triển khai các phương pháp dạy, học, đánh giá theo CDR, năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học. Trường trình ĐHĐN ban hành Quy định đối với GV trong việc tham gia hội thảo, hướng dẫn SV làm KLTN, ĐT thực tế hoặc đưa SV đi thực tập, hướng dẫn SV NCKH [[H5.05.04.02](#)] Đồng thời Trường áp dụng các quy định hiện hành đối với nội dung quy định GV PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác [[H6.06.01.11](#)]. Việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện thông qua các khảo sát lấy ý kiến với đầu mối là Phòng ĐT&ĐBCL đã khảo sát lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV; hoạt động KTĐG. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của SV đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH [[H1.01.01.16](#)].

Trường đã thực hiện việc đánh giá xếp loại viên chức hàng năm trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước và của ĐHĐN, trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH. Năm học 2022 - 2023, tiêu chí dùng để đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động tập trung chủ yếu vào kết quả hoạt động khi thực hiện nhiệm vụ và kết quả của đơn vị được giao phụ trách [[H6.06.04.02](#)]; [[H6.06.04.03](#)]. Để có kết quả đánh giá năng lực của GV chính xác và khách quan, Trường đã bám sát các văn bản do ĐHĐN ban hành liên quan đến công tác đánh giá, xếp loại chất lượng theo từng năm học và hướng dẫn đến toàn thể viên chức, người lao động của Trường cũng như các đơn vị thuộc Trường về tiêu chí đánh giá, quy trình thực hiện, thẩm quyền quyết định,... để thuận tiện trong quá trình thực hiện công tác. Trong quá trình thực hiện công tác, GV được đánh giá, xếp loại chất lượng chủ yếu thông qua các phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động, trong mỗi phiếu đánh giá quy định cụ thể các tiêu chí.

Công tác đánh giá GV được Trường thực hiện theo từng năm học một cách công khai, công bằng, khách quan, đúng thẩm quyền, đúng quy trình. Theo đó, mỗi GV sẽ tự làm phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động và tự nhận mức xếp loại chất lượng, sau đó sẽ tiến hành đánh giá tại đơn vị mà viên chức, người lao động sinh hoạt và trình cấp có thẩm quyền quyết định mức xếp loại chất lượng. Thông qua, kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động cho thấy 100% GV hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó tỷ lệ GV hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc là rất cao [H6.06.04.03]. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động hàng năm được lưu trữ tại Phòng HC-TH để làm cơ sở cho việc bình xét khen thưởng, đề bạt, bổ nhiệm GV [H6.06.04.04].

2. Điểm mạnh

- Năng lực của đội ngũ GV đa đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện của văn bản quy phạm pháp luật thông qua bằng cấp, chứng chỉ;

- Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm được tiến hành theo đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng thẩm quyền (đã tập trung chủ yếu vào kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động đơn vị được giao phụ trách) thông qua đó đánh giá được năng lực của đội ngũ GV.

3. Điểm tồn tại

- Việc xác định năng lực của đội ngũ GV vẫn còn chủ yếu dựa vào bằng cấp, chứng chỉ; chưa có nhiều công cụ, phương khác để xác định chính xác năng lực;

- Trường vẫn đang trong quá trình xây dựng tiêu chí cụ thể để áp dụng trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá, xếp loại GV	Phòng HC-TH	Cuối năm 2024 tiến hành thực hiện và cập nhật định kỳ mỗi năm 01 lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Căn cứ vào tiêu chí cụ thể quy định đã ban hành cũng như sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó, cụ thể: căn cứ nhu cầu ĐT, bồi dưỡng của GV thông qua báo cáo đánh giá hàng năm và chiến lược phát triển [H1.01.01.06], Trường đã xây dựng kế hoạch ĐT, bồi dưỡng tới từng vị trí làm việc theo từng năm và theo giai đoạn. Để xác định cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ GV, NCV, Trường triển khai xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CBVC vào cuối năm tài chính [H6.06.01.01]. Hoạt động bồi dưỡng, ĐT, phát triển đội ngũ GV của: căn cứ nhu cầu ĐT, bồi dưỡng của GV thông qua báo cáo đánh giá hàng năm và chiến lược phát triển. Hoạt động bồi dưỡng, ĐT, phát triển đội ngũ GV của Trường luôn được thực hiện bám sát quy định hiện hành [H6.06.01.14]. Kế hoạch về ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn GV được Trường xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, dựa vào nhu cầu được đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV và phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Trường và ĐHĐN [H1.01.01.06]. Công tác khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT/bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ GV được thực hiện thường niên [H6.06.01.03]. Phòng HC-TH là đơn vị đầu mối triển khai các hoạt động ĐT, bồi dưỡng, Phòng thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban TCCB, ĐHĐN để cử GV tham gia các CTĐT trong và ngoài nước với các nội dung chủ yếu về khoa học sức khỏe, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV chính (hạng II) [H6.06.01.12]; [H6.06.05.02]. Trường thông báo công khai các chương trình học bổng nước ngoài tạo điều kiện để cán bộ GV tham gia dự tuyển [H6.06.05.05]. Theo quy định, mỗi GV sau khi được tuyển dụng sẽ được GV có trình độ và kinh nghiệm hướng dẫn, giúp đỡ phát triển năng lực chuyên môn [H6.06.05.03]. Điều này cũng tạo điều kiện cho các GV phát triển chuyên môn và năng lực. Trong giai đoạn từ 2018 - 2024, 03 GV đã hoàn thành CTĐT tiến sĩ. Hiện tại, Trường có 07 GV đang học nghiên cứu sinh. Để công tác ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV đạt hiệu quả, Trường luôn chú trọng theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động bồi dưỡng, ĐT nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ GV [H6.06.05.04]. Trên 75% GV đều được tạo điều kiện để tham gia học tập, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.01.12]. Dự kiến đến năm 2025, sẽ có thêm 04 GV nhận bằng Tiến sĩ (TS).

Bảng 2.10. Danh sách đội ngũ GV đang tham gia đào tạo trình độ Tiến sĩ tính đến năm 2024

STT	Giảng viên	Năm sinh	Năm tốt nghiệp cao học	Năm đăng kí học tiến sĩ	Năm dự kiến/hoàn thành	Quốc gia
1	Nguyễn Thị Kim Chi	1987	2015	2021	2024	Việt Nam
2	Phan Xuân Thương	1990	2018	2021	2025	Áo
3	Lê Công Tuấn Anh	1993	2019	2022	2025	Đức
4	Phạm Thị Ngọc Trinh	1991	2018	2023	2026	Việt Nam
5	Nguyễn Thị Hà	1986	2015	2024	2027	Việt Nam

Dựa trên các kế hoạch của Trường, ĐHĐN xem xét và xác định kế hoạch cũng như ngân sách cho các hoạt động ĐT và phát triển của GV; Kế hoạch ĐT, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV được xây dựng gắn liền với mục tiêu, sứ mạng của ĐHĐN và của Trường, theo đó định hướng đến năm 2030 đội ngũ GV của Trường đáp ứng về số lượng và đảm bảo chất lượng, có cơ cấu hợp lý; ngân sách cho các hoạt động ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được thực hiện từ nguồn kinh phí được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHĐN [[H6.06.01.09](#)]. Chính sách hỗ trợ phát triển liên quan để tạo điều kiện cho đội ngũ GV được nâng cao năng lực, sử dụng được những GV có trình độ chuyên môn cao được xác định qua các văn bản bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực: ĐT, bồi dưỡng; kéo dài thời gian công tác, chế độ hưu trí; tinh giản biên chế, nâng bậc lương; xét chuyển chức danh nghề nghiệp; PVCD, công tác nghiên cứu viên, công tác NCKH.

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch ĐT, phát triển đội ngũ GV được xây dựng phù hợp với yêu cầu của CTĐT phù hợp với quy hoạch tổng thể, chiến lược phát triển của Trường và được triển khai thực hiện nghiêm túc;

- Trường đã triển khai và áp dụng các chế độ chính sách khuyến khích GV đi học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

- Việc xây dựng kế hoạch ĐT, bồi dưỡng theo yêu cầu của CTĐT hàng năm để tạo ra định hướng phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV còn hạn chế;

- Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV chưa được giám sát, đánh giá hằng năm bằng các công cụ, phương pháp, quy định cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm	Phòng HC-TH	Cuối năm 2024 tiến hành thực hiện và định kỳ tiến hành mỗi năm 01 lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Giám sát, đánh giá hằng năm kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, bồi dưỡng của GV	Phòng HC-TH	Cuối năm 2024 tiến hành thực hiện và định kỳ tiến hành mỗi năm 01 lần	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho việc ĐT cũng như NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV, TYD có chính sách công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen...) [H6.06.06.01]. Công tác thi đua, khen thưởng được Trường rất coi trọng. Điều này có ý nghĩa rất lớn trong việc động viên và khuyến khích các GV tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH, hoạt động nâng cao trình độ ĐT, nghiệp vụ và các hoạt động PVCĐ [H6.06.02.01].

Việc đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện công khai, minh bạch theo trình tự, kế hoạch hàng năm: GV tự đánh giá, tập thể Bộ môn đánh giá, Trường đánh giá. Các tiêu chí để đánh giá GV được xác định rõ ràng trong bộ tiêu chí đánh giá. Căn cứ vào hiệu quả công việc, kết quả xếp loại GV theo 4 mức với các mức là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.02.03]. Việc khen thưởng cho GV chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Trường thường xuyên tiến hành đánh giá GV nhằm giúp GV có thông tin phản hồi về hoạt động dạy học và các công tác khác; qua đó có những điều chỉnh hoạt động dạy học, cải tiến nâng cao chất lượng dạy học và chất lượng ĐT tại Trường [H6.06.06.02]. Đồng thời, là căn cứ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, ĐT GV hoặc thực hiện luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và dự trữ nguồn cán bộ quản lý, lãnh đạo [H6.06.01.12]; [H6.06.01.08]; [H6.06.03.01]. Căn cứ vào chức vụ, vị trí công việc khác nhau của mỗi cán bộ, GV, hàng năm, từ đầu năm học Trường xây dựng và ban hành bảng phân công giảng dạy cụ thể đối với GV, NCV [H3.03.01.05].

Hồ sơ năng lực cán bộ, GV được xem là căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ GV [H6.06.01.13]; [H6.06.01.02]. Công tác đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện dựa trên khối lượng công việc được giao như: giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và PVCD hàng năm [H3.03.01.05]; [H6.06.01.11]; [H6.06.01.14]. Cán bộ GV của ngành và Trường thường xuyên tham gia các hoạt động tình nguyện, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, và nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động cộng đồng về bảo vệ môi trường [H6.06.02.01].

Trên cơ sở đánh giá, xếp loại GV của Phòng/Bộ môn, Trường tiến hành họp bình xét xếp loại, đánh giá thi đua toàn Trường để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBGV và được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại. Nếu không có thông tin phản hồi, Trường sẽ ra quyết định công nhận đánh giá, xếp loại GV toàn Trường [H6.06.02.03]; [H6.06.04.03].

Với từng chức danh công việc, Trường xác định khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy theo quy định của ĐHĐN. Trong một năm học, ngoài việc GV phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải tham gia thực hiện các nhiệm vụ để hoàn thành định mức giờ NCKH [H6.06.01.11]. Trên cơ sở đó, Trường có quy định thanh toán tiền vượt giờ, khen thưởng đối với các bài báo khoa học bằng tiếng nước ngoài đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao [H6.06.01.09]; [H6.06.06.03]. Dựa vào những kết quả đánh giá xếp loại viên chức, Trường có các hình thức khen thưởng đối với GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời có nhắc nhở đối với GV không hoàn thành nhiệm vụ để từ đó có biện pháp điều chỉnh, cải thiện hoạt động của GV [H6.06.04.04]. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ GV đã tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động KH&CN [H6.06.02.01]. Kết quả quản trị đội ngũ GV, NCV đến năm 2023 được báo cáo rõ ràng, cụ thể [H6.06.04.03]; [H6.06.06.04]. Tính đến tháng 10/2023, Trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV công khai, minh bạch, rõ ràng [H6.06.02.03]; [H6.06.04.03]. Trong 5 năm qua, nhiều GV trong Trường đã đạt được danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; có GV đạt danh hiệu thi đua cấp Bộ; GV được tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN [H6.06.04.04].

2. Điểm mạnh

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường triển khai thực hiện theo quy trình, tiêu chí rõ ràng và công khai, minh bạch, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Nhiều GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến, giấy khen của Giám đốc ĐHĐN, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, đặc biệt có GV đạt bằng khen cấp Bộ.

3. Điểm tồn tại

- GV, NCV tham gia góp ý về các chính sách quản trị công việc, về hoạt động đánh giá thi đua, khen thưởng đối với GV, NCV chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác lấy ý kiến đóng góp của GV, nghiên cứu viên về các chính sách quản trị công việc, về hoạt động đánh giá thi đua, khen thưởng đối với GV, nghiên cứu viên	Phòng HC-TH	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Ứng dụng hiệu quả CNTT trong quản trị công việc	Phòng HC-TH, KH-HTPT&C TSV	Hàng năm	
		Tiếp tục phổ biến quy định tiêu chuẩn xếp loại khen thưởng thi đua các cấp đến GV, NCV để CBVC biết và phấn đấu đạt được	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao chất lượng đào tạo, bên cạnh công tác giảng dạy Trường luôn xác định NCKH là một nhiệm vụ cốt lõi. Các chính sách về NCKH được ĐHĐN ban hành và luôn điều chỉnh định kì để phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, sứ mạng và tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Trường, các quy định cũng như quy trình hướng dẫn hoạt động NCKH được công khai, rõ ràng, cụ thể trong sổ tay nghiên cứu khoa học dành cho GV [[H6.06.07.01](#)]. Bên cạnh đó, ĐHĐN ban hành quy định về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ cấp ĐHĐN bao gồm: công bố bài báo khoa học, xuất bản sách, hoàn thành đề tài các cấp, hướng dẫn sinh viên NCKH, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị cấp Trường/Ngành, hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia, các khóa seminar, tập huấn. Trường đã triển khai xây dựng các kế hoạch về hoạt động NCKH của Trường [[H6.06.07.02](#)].

Hàng năm, các hoạt động NCKH của Trường được lập kế hoạch, tổ chức, quản lý và thống kê bởi Phòng KH-HTPT&CTSV [\[H6.06.02.01\]](#). Để thúc đẩy hoạt động NCKH và đánh giá kết quả đạt được của các GV; ĐHĐN đã ban hành quy định trong đó xác định rõ các tiêu chuẩn cho hoạt động NCKH. Theo đó, mỗi GV phải phân bổ thời gian làm việc trong năm học để thực hiện nhiệm vụ khoa học [\[H6.06.01.04\]](#); [\[H6.06.01.14\]](#); [\[H3.03.01.05\]](#). Số lượng giờ thực hiện NCKH của mỗi GV trong năm học phụ thuộc theo từng chức danh nghề nghiệp, bao gồm: Giáo sư; GV cao cấp, Phó giáo sư; GV chính và GV phải thực hiện lần lượt là: 840 giờ; 720 giờ; 660 giờ và 600 giờ. Các GV chức vụ quản lý được giảm trừ từ 10%-90% số giờ theo từng trường hợp cụ thể [\[H6.06.01.11\]](#).

Hoạt động NCKH của GV được thúc đẩy bởi một số quỹ như Quỹ phát triển KH&CN quốc gia Việt Nam, BGD&ĐT, Quỹ phát triển KH&CN ĐHĐN, Quỹ phát triển KH&CN của các Tỉnh/Thành, ... Dựa trên hồ sơ năng lực của GV [\[H6.06.01.13\]](#), GV sẽ đề xuất các dự án NCKH, sẽ được đánh giá trước khi phê duyệt, định kỳ sẽ có báo cáo tiến độ đề tài nhằm giám sát tình hình thực hiện NCKH các cấp của GV [\[H6.06.07.03\]](#). Bên cạnh đó, dưới sự hướng dẫn của GV, SV được tham gia NCKH và đặc biệt là tham gia vào các cuộc thi NCKH các cấp để nâng cao năng lực NCKH [\[H6.06.07.04\]](#). Trường cũng đã kịp thời công nhận, khen thưởng và động viên các GV có các công trình KHCN tiêu biểu [\[H6.06.06.03\]](#). Đó cũng là một căn cứ để Trường đánh giá phân loại GV, NCV hằng năm [\[H6.06.04.03\]](#).

TYD, ĐHĐN luôn xác định NCKH là một hoạt động thường xuyên của GV bên cạnh công tác giảng dạy. Vì vậy, hàng năm ĐHĐN cũng như TYD luôn tổ chức triển khai thực hiện các đề tài NCKH các cấp, các hội nghị, hội thảo quốc tế đồng thời khuyến khích GV tham gia báo cáo, viết các bài báo để đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế [\[H6.06.07.02\]](#). Các ấn phẩm khoa học của Trường được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng. Từ năm 2018 - 2023 đến nay, Trường đã và đang thực hiện 11 đề tài KHCN các cấp, trong đó năm 2018 có 01 đề tài cấp bộ và 3 đề tài cấp cơ sở; năm 2020 có 2 đề tài cấp ĐHĐN; năm 2021 có 1 đề tài cấp thành phố và 2 đề tài cấp cơ sở; năm 2022 có 1 đề tài cấp cơ sở; năm 2023 có 1 đề tài cấp ĐHĐN [\[H6.06.02.01\]](#). Số lượng bài báo khoa học đã công bố là 117 bài liên quan đến các lĩnh vực y dược, khoa học sức khỏe, ... được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, uy tín với 73 bài báo trên các tạp chí SCIE/Scopus/ESCI/Tạp chí quốc tế khác và 44 bài báo ở các tạp chí trong nước cụ thể: năm 2018 có 8 bài báo quốc tế và 2 bài báo trong nước; năm 2019 có 6 bài báo quốc tế và 7 bài báo trong nước; năm 2020 có 13 bài báo quốc tế, 9 bài báo trong nước; năm 2021 có 17 bài báo quốc tế và 7 bài báo trong nước; năm 2022 có 17 bài báo quốc tế và 15 bài báo trong nước; năm 2023 có 12 bài báo quốc tế và 4 bài báo trong nước [\[H6.06.02.01\]](#). Để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của GV, hàng năm, Phòng KH-HTPT&CTSV luôn có các báo cáo, thống kê, đánh giá về hoạt động NCKH được triển khai trong năm. [\[H6.06.07.03\]](#).

Kết quả từ các số liệu trên cho thấy các công bố bài báo khoa học được cải thiện đáng kể, trong đó công bố quốc tế được cải thiện cả về số lượng và chất lượng, nổi bật nhất là công bố trên tạp chí quốc tế uy tín năm 2022 tăng gấp nhiều lần so với 2018. Từ những kết quả trên Trường sẽ xây dựng kế hoạch cho những năm tiếp theo.

2. Điểm mạnh

- Giai đoạn từ 2018 - 2023 số lượng đề tài NCKH của Trường đã được tăng lên đáng kể.

- Các hoạt động NCKH được quy định cụ thể trong các văn bản của ĐHĐN.

3. Điểm tồn tại

- GV mới tuyển dụng chưa có nhiều kinh nghiệm trong NCKH và đang tập trung vào bồi dưỡng chuyên môn và đi học nâng cao trình độ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường thúc đẩy hợp tác với các nhà khoa học trong và ngoài nước để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động NCKH	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
		Khuyến khích các GV trẻ bắt đầu NCKH ngay cả trong quá trình đi học và bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao kinh nghiệm	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy cơ chế khen thưởng để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 6

Trong những năm qua, căn cứ tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu chiến lược, kế hoạch của Trường đã xây dựng, phát triển đội ngũ GV, nhân viên đảm bảo cả về số lượng và chất lượng nhằm thực hiện tốt nhất CTĐT. Một mặt, đội ngũ GV, nhân viên của Trường hàng năm được bổ sung và nâng cao trình độ. Mặt khác, đội ngũ GV, nhân viên của Trường không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ công tác ĐT, CDR của CTĐT cũng như phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân. Tuy nhiên, bên cạnh đó, khả năng ngoại ngữ của đội ngũ CBGV vẫn còn hạn chế. Do đó, trong tương lai, việc nâng cao trình độ ngoại ngữ

là một trong những yêu cầu cấp thiết đối với đội ngũ CBGV của Trường với những giải pháp cụ thể và đồng bộ để phục vụ tốt hơn việc thực hiện và phát triển CTĐT.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6: 4/7 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 4/7, 3/7 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên Trường bao gồm nhân viên làm việc tại Phòng chức năng, Trung tâm Thí nghiệm và Tiền lâm sàng (TTTTN&TLS). Đội ngũ nhân viên của Trường được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Đội ngũ nhân viên của Trường có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa ĐT nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ phòng thực nghiệm, cán bộ CNTT và các dịch vụ hỗ trợ được Trường thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ phù hợp với chiến lược phát triển của Trường và ĐHĐN [H7.07.01.01]. Việc xác định nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, Phòng chức năng, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm của Trường [H6.06.01.04]. Hàng năm, Trường phối hợp với Ban TCCB, ĐHĐN ra thông báo tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho Trường [H6.06.01.06]. Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên chất lượng phục vụ mục tiêu phát triển của Trường; trong đó yêu cầu người được tuyển dụng phải đạt các tiêu chí cơ bản:

- Có trình độ văn bằng phù hợp với vị trí dự tuyển
- Có đạo đức tốt, sức khỏe tốt
- Đáp ứng trình độ tin học, ngoại ngữ theo quy định hiện hành.

Chính sách tuyển dụng đội ngũ nhân viên của Trường công khai, minh bạch. Các thông báo tuyển dụng, bồi dưỡng ... được đăng tải trên website của ĐHĐN, Trường để toàn thể CBVC được biết, thực hiện. Việc tuyển chọn viên chức được thực hiện thông qua hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển, [H6.06.01.07]. Những văn bản về quản lý và sử dụng viên chức đều được phổ biến đến toàn thể thể cán bộ và từ trước đến nay Trường chưa gặp phải khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quản lý và sử dụng đội ngũ nhân viên.

Trường đã có chế độ, chính sách nhằm thu hút ưu đãi đối với nhân viên mới được tuyển dụng như: Trong thời gian tập sự, nhân viên được hưởng ngay thu nhập tăng thêm,

các chế độ phúc lợi theo Quy chế Chi tiêu nội bộ của ĐHĐN [[H6.06.01.09](#)]. Hàng năm, Trường đã cử nhân viên các Phòng, trung tâm tham dự các lớp ĐT, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ [[H7.07.01.03](#)]. Trong năm 2023, Trường đã triển khai công tác chuyển đổi ngạch 02 viên chức từ ngạch kỹ sư, kỹ thuật Y sang ngạch GV; 01 viên chức từ ngạch kỹ thuật Y sang trợ giảng [[H7.07.01.04](#)]. Hiện nay, có đội ngũ nhân viên đáp ứng được yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm [[H6.06.01.04](#)] và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường [[H7.07.01.05](#)]. Trong đó có, 35 biên chế và 02 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP. Về Đội ngũ nhân viên chia theo trình độ chuyên môn có 08 thạc sĩ, 23 ĐH, 04 trình độ khác và chia thành các nhóm: 22 chuyên viên cán sự làm việc tại các Phòng chức năng; 01 chuyên viên thực hiện công tác thư viện, thực hiện nhiệm vụ quản lý phòng đọc, hỗ trợ SV và GV khai thác tài liệu, học liệu; 06 kỹ thuật viên làm việc tại các phòng thực hành, thí nghiệm của các bộ môn; 02 kế toán viên thực hiện nghiệp vụ kế toán, tài chính; 02 nhân viên bao gồm (vệ sinh, lái xe), đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH, và các hoạt động PVCD.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ NV, Trường thường xuyên lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên có liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên của Trường. Đội ngũ nhân viên nhận được đánh giá phản hồi tốt về mức độ phục vụ từ các bên liên quan, tỉ lệ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỉ lệ trên 85% [[H7.07.03.05](#)]; [[H7.07.01.06](#)]. Ngoài ra, việc lấy ý kiến đánh giá được thực hiện định kỳ và lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của Trường, các buổi họp Trường. Trong 05 năm qua, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của chương trình, nhà Trường luôn đảm bảo yêu cầu công việc, đáp ứng được nhu cầu cho các hoạt động ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD.

2. Điểm mạnh

- Có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác);

- Nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) về cơ bản đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Triển khai phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ	Phòng HC-TH	Hàng năm	

	điểm tồn tại	nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ		Bắt đầu từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung, nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. *Tự đánh giá*: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Để thu hút được đông đảo nhân viên có năng lực, hỗ trợ tốt cho các công tác ĐT, đảm bảo chất lượng, NCKH và PVCĐ, TYD đã triển khai các kế hoạch, thông báo về việc tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm của ĐHĐN. Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm nhân viên của Trường được thực hiện theo quy định trên cơ sở các văn bản của Chính phủ, Bộ Nội Vụ, BGD&ĐT và ĐHĐN [[H6.06.01.07](#)]; [[H6.06.01.06](#)]. Tiêu chí tuyển dụng nhân viên được đánh giá không chỉ dựa trên bằng cấp tương ứng với vị trí công việc của ứng viên, mà còn bao gồm trình độ tiếng Anh, khả năng ứng dụng CNTT, đạo đức nghề nghiệp và kinh nghiệm làm việc [[H7.07.01.02](#)].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở yêu cầu của vị trí công việc và các năng lực cần có được xác định trong Bản mô tả công việc của vị trí việc làm [[H6.06.01.04](#)]. Các nhân viên hỗ trợ của Trường đều đáp ứng tiêu chí tuyển dụng như: có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe tốt và hồ sơ rõ ràng; hiểu biết về chuyên môn, nghiệp vụ và có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí công việc [[H07.07.01.02](#)]. Về tiêu chí bổ nhiệm lãnh đạo đối với nhân viên được xác định rõ ràng, căn cứ theo Đề án vị trí việc làm và quy chế của ĐHĐN [[H6.06.01.04](#)]. Đội ngũ nhân viên của Trường được tuyển dụng, bổ nhiệm theo các tiêu chí cụ thể, rõ ràng và phù hợp với quy định pháp luật; qua đó đội ngũ này ngày càng được bổ sung về số lượng và chất lượng [[H6.06.01.15](#)].

Hàng năm, để xây dựng những tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được rõ ràng, hiệu quả, Trường căn cứ trên yêu cầu công việc, phân tích khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về nhu cầu và ý kiến góp ý về vị trí việc làm để đưa ra tiêu chuẩn phù hợp các tiêu chí tuyển dụng, [[H7.07.02.01](#)] kế hoạch tuyển dụng, kết quả tuyển dụng đều được phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng trên trang thông tin điện tử của Trường [[H7.07.02.02](#)]. Bên cạnh đó, các Quyết định bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên khi được ban hành đều được công bố công khai đến các đơn vị [[H7.07.01.04](#)].

2. Điểm mạnh:

- Các nhân viên được tuyển dụng đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, luôn luôn giúp đỡ đồng nghiệp khi cần và cố gắng, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ GV, chuyên viên có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng, nghiệp vụ tương ứng với vị trí việc làm.

3. Điểm tồn tại:

- Việc phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm ở Trường chưa được triển khai một cách hoàn chỉnh dẫn đến kết quả khảo sát chưa làm rõ mức độ đáp ứng và chưa có giải pháp khắc phục cụ thể.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có kế hoạch và tiến hành triển khai khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm một cách bài bản và hiệu quả.	Phòng HC-TH	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch ĐT bồi dưỡng để các đội ngũ nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng quản lý.	Phòng HC-TH	Hàng năm	
		Cần tham mưu thêm hình thức khen thưởng, động viên kịp thời cho các viên chức, người lao động có thành tích xuất sắc.	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định thông qua các yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học...theo chức danh nghề nghiệp bằng cách thông qua các bằng cấp, chứng chỉ của đội ngũ nhân viên [H7.07.01.02]. Ngoài ra, năng lực của đội ngũ nhân viên còn được xác định và đánh giá theo các tiêu chí được quy định theo văn bản quy phạm pháp luật như: chính trị tư tưởng; đạo đức, lối sống; tác phong, lễ l貌 làm việc; ý thức tổ chức kỷ luật và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường có 02 cấp: hỗ trợ trực tiếp và hỗ trợ gián tiếp. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ trực tiếp gồm các chuyên viên làm việc trực tiếp tại các phòng chức

năng, trung tâm; nhân viên hỗ trợ gián tiếp gồm các giảng viên kiêm nhiệm phụ trách công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, giáo vụ bộ môn [H7.07.01.01].

Trường đã tiến hành công tác đánh giá xếp loại viên chức, người lao động theo bộ tiêu chí mới, tập trung chủ yếu vào kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả đơn vị được giao phụ trách [H7.07.03.01]. Mỗi năm học, Trường đều dựa trên những kế hoạch, công văn, hướng dẫn của ĐHĐN để tiến hành công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động một cách khách quan, công bằng, đúng quy trình và đúng thẩm quyền [H7.07.03.02].

Dựa trên những quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản của ĐHĐN thì năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá hàng năm thông qua công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động. Quy trình được thực hiện như sau:

1. Viên chức, người lao động tự làm Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng và tự nhận xét mức xếp loại chất lượng [H7.07.03.03].

2. Viên chức, người lao động tổ chức cuộc họp, các thành viên tham dự cuộc họp sau khi nghe báo cáo kết quả hoạt động trong năm học tiến hành đóng góp ý kiến và các ý kiến phải được ghi vào biên bản cuộc họp [H7.07.03.04].

3. Sau khi tiến hành công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động tại Trường, Phòng HC-TH đầu mối trong việc hoàn thiện, nộp hồ sơ về Ban TCCB theo đúng quy định (Phiếu đánh giá, biên bản họp, báo cáo đánh giá, nhận xét chi bộ, bảng tổng hợp kết quả) [H7.07.03.03]; [H7.07.03.04]; [H7.07.03.06]. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động hàng năm cho thấy, trên 95% nhân viên được đánh giá ở mức hoàn thành tốt các nhiệm vụ trở lên [H7.07.03.05]. Căn cứ vào kết quả đánh giá xếp loại mà các nhân viên được khen thưởng và công nhận đột xuất hoặc hằng năm từ cấp ĐHĐN và TYD [H7.07.03.07].

Các dịch vụ được cung cấp bởi đội ngũ nhân viên đối với SV đã được cải tiến liên tục, đặc biệt là khi Trường đã tiến hành khảo sát hàng năm về SV và GV đối với các hoạt động có liên quan. Hoạt động của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được công nhận và đánh giá bởi nhà Trường thông qua đánh giá hàng năm [H7.07.01.06].

2. Điểm mạnh:

- Năng lực của đội ngũ nhân viên về cơ bản đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện của văn bản quy phạm pháp luật thông qua tiêu chí tuyển dụng, bằng cấp, chứng chỉ.

- Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm được tiến hành theo đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng thẩm quyền (đã tập trung chủ yếu vào kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động đơn vị được giao phụ trách) thông qua đó đánh giá được năng lực của đội ngũ nhân viên.

- Đã triển khai khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan đối với đội ngũ nhân viên ở các năm gần đây.

3. Điểm tồn tại:

- Việc xác định năng lực của đội ngũ nhân viên vẫn còn chủ yếu dựa vào bằng cấp, chứng chỉ, chưa có nhiều công cụ, phương khác để xác định chính xác năng lực;
- Trường vẫn đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện tiêu chí cụ thể để áp dụng trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng.

4. *Kế hoạch hành động:*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng phương án nhằm đánh giá, xác định chính xác năng lực của đội ngũ nhân viên	Phòng HC-TH	Trong năm học 2024-2025; các năm tiếp theo tiếp tục điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế tại Trường	
		Xây dựng và áp dụng tiêu chí cụ thể trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng dựa trên Quy định chi tiết chế độ làm việc của giảng viên Trường Y Dược	Toàn thể viên chức, người lao động, các đơn vị thuộc TYD	Năm học 2024-2025 tiến hành áp dụng chính thức; các năm học tiếp theo tiến hành điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tế tại Trường	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ NV	Phòng HC-TH	Hàng năm	
		Tiếp tục triển khai khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan đối với đội ngũ nhân viên	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. *Tự đánh giá:* Mức độ đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực và kỹ năng đáp ứng yêu cầu xây dựng một đại học nghiên cứu y dược tiên tiến. Trường đặc biệt quan tâm và chú trọng việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Đây là căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm, theo

đó có 02 hình thức đào tạo, bồi dưỡng: đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) và Bồi dưỡng ngắn hạn dưới 90 ngày, bồi dưỡng dài hạn trên 90 ngày [H6.06.01.01]. Từ năm 2019 đến năm 2023, Trường tạo điều kiện cũng như khuyến khích viên chức học tập nâng cao trình độ, cụ thể căn cứ vào bảng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của viên chức đăng ký [H7.07.04.01], Trường sẽ ra quyết định cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.02] và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng sẽ được chi trả theo Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHĐN và Trường [H6.06.01.09] và căn cứ vào hệ thống văn bản quản lý về đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.3] cũng như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường [H6.06.01.01]. Công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức ngày càng được chú trọng thể hiện qua việc thường xuyên cập nhật hệ thống văn bản quản lý về đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.3] cũng như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường [H6.06.01.01].

Hiện nay, Trường gồm 03 phòng chức năng, 19 bộ môn và 01 Trung tâm với quy định cụ thể về chức năng và nhiệm vụ của từng Phòng chức năng và Trung tâm Thí nghiệm và Tiền lâm sàng (TN&TLS) [H7.07.01.05]. Mỗi viên chức đảm nhận vị trí chuyên môn đều có chức năng nhiệm vụ cụ thể dựa trên bản mô tả công việc [H6.06.01.04]. Để thực hiện công việc ngày càng tốt hơn đòi hỏi viên chức không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu này, Trường đã thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ viên chức từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm cho phù hợp, qua khảo sát có 04 nhóm nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng: (1) Bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước dành cho viên chức ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, cán sự; (2) Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý nhà nước, văn hóa công sở; (3) Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; (4) Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy y học [H6.06.01.03]. Trong năm 2018, Trường đã cử 02 viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học (thạc sĩ), 03 viên chức học khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương; năm 2019 có 01 viên chức cử đi đào tạo trình độ sau đại học (tiến sĩ), 01 viên chức học khóa bồi dưỡng kỹ thuật viên xét nghiệm; năm 2020 có 03 viên chức học khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương và 02 viên chức học khóa bồi dưỡng ngạch Kế toán viên; năm 2021 cử 01 viên chức cử đi đào tạo trình độ sau đại học (tiến sĩ), 02 viên chức học khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương, 02 viên chức học khóa bồi dưỡng ngạch Kế toán trưởng, 03 viên chức học khóa bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu qua mạng; năm 2022 có 07 viên chức học khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương; năm 2023 có 05 viên chức học khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương và có 01 viên chức học khóa Tập huấn hỗ trợ xây dựng công cụ đánh giá GV [H7.07.04.04] .

Đào tạo đội ngũ viên chức có trình độ chuyên môn, đáp ứng với yêu cầu công việc, vị trí việc làm luôn được lãnh đạo Trường xem trọng và được xem là mục tiêu chiến lược của Trường thể hiện qua kinh phí mà Trường, Trường đã dành một phần kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.04]. Đồng thời, Trường phân công 01 chuyên viên Phòng HC-TH phụ trách các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển

chuyên môn, nghiệp vụ [\[H6.06.01.04\]](#). Việc triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức của Trường hàng năm sẽ phòng HC-TH phối hợp với Ban TCCB thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng. Để khuyến khích, nâng cao trình độ đội ngũ viên chức hàng năm trong dự trù kinh phí hoạt động của Trường có xác định ngân sách chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân viên; ngân sách được phân bổ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHQĐHN. Đa số viên chức hài lòng với các khóa đào tạo, bồi dưỡng. [\[H7.07.04.05\]](#).

2. Điểm mạnh

- Hàng năm Trường đã khảo sát và cử viên chức tham gia các khóa tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức trên cơ sở phù hợp với nhu cầu của viên chức.

- Viên chức sau khi tham gia các khóa ĐT, bồi dưỡng về cơ bản đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc.

3. Điểm tồn tại:

- Hiện nay, viên chức chủ yếu tập trung tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, số lượng viên chức tham gia ĐT sau ĐH còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện cho viên chức được dành thời gian đi ĐT sau ĐH	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hàng năm tiến hành khảo sát và đánh giá về nhu cầu ĐT, bồi dưỡng của viên chức	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã và đang triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ viên chức dựa trên việc quản trị theo kết quả công việc nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [\[H7.07.05.01\]](#). Để đánh giá kết quả công việc thực hiện của đội ngũ viên chức, người lao động Trường

thực hiện theo quy định về theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ viên chức, trong đó trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận [\[H7.07.05.02\]](#).

Hàng năm vào cuối năm học, Trường tiến hành đánh giá hiệu quả công việc của viên chức dựa trên Bản mô tả vị trí việc làm của CBVC là căn cứ để xác định mức độ hoàn thành công việc cũng là cơ sở để đánh giá xếp loại viên chức có hoàn thành nhiệm vụ vào mỗi cuối năm học [\[H6.06.01.04\]](#). Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ viên chức theo từng năm học được thực hiện theo quy trình sau [\[H7.07.03.04\]](#):

(1) Viên chức, người lao động tự đánh giá theo Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng và tự nhận mức xếp loại chất lượng;

(2) Đơn vị nơi viên chức, người lao động sinh hoạt tổ chức cuộc họp, các thành viên tham dự cuộc họp sau khi nghe báo cáo kết quả hoạt động trong năm học tiến hành đóng góp ý kiến và các ý kiến phải được ghi vào biên bản cuộc họp;

(3) Sau khi đơn vị tiến hành họp, phải có trách nhiệm nộp tất cả hồ sơ về Phòng HC-TH để tổng hợp và tiến hành các bước tiếp theo. Căn cứ báo cáo tự đánh giá, mức xếp loại chất lượng đối với viên chức và các ý kiến tại cuộc họp nhận xét, đánh giá của đơn vị, Phòng HC-TH đề xuất nội dung đánh giá, mức xếp loại chất lượng đối với viên chức và trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định. Sau khi tiến hành công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động tại Trường, Phòng HC - TH đầu mỗi trong việc hoàn thiện, nộp hồ sơ về Ban TCCB theo đúng thời gian quy định (Phiếu đánh giá, biên bản họp, báo cáo đánh giá, nhận xét Chi bộ, bảng tổng hợp kết quả).

Dựa trên báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động [\[H7.07.03.06\]](#), những viên chức, người lao động hoàn thành tốt công việc và nhiệm vụ được giao khác luôn nhận được những những khen thưởng từ các cấp như Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động là cơ sở để đề xuất các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng kịp thời [\[H7.07.05.03\]](#); bên cạnh đó đội ngũ viên chức của Trường được tham gia NCKH và đạt nhiều thành tích nổi trội như sáng kiến kinh nghiệm [\[H7.07.05.04\]](#).

Việc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ viên chức, người lao động là quá trình công nhận sự nỗ lực đạt được hiệu quả trong công việc qua đó tạo động lực cho mỗi cá nhân viên chức, người lao động thông qua việc khen thưởng công nhận. Từ quy trình đánh giá trên có thể thấy rõ tất cả viên chức, người lao động đều được tham gia và nêu ý kiến trong cuộc họp đánh giá xếp loại viên chức, người lao động. Điều đó cho thấy công tác đánh giá xếp loại viên chức được thực hiện công khai, dân chủ và minh bạch, đội ngũ viên chức hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền [\[H7.07.03.05\]](#). Bên cạnh đó, nhằm tạo động lực cho viên chức hỗ trợ tốt cho hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Trường áp dụng các chính sách nhân sự như quy chế nâng bậc lương trước hạn cho viên chức và người lao động của ĐHĐN do lập

thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, quy định về xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức,.. [\[H7.07.05.05\]](#).

2. Điểm mạnh

- Việc quản trị theo kết quả công việc đảm bảo Trường đang hoạt động một cách hiệu lực, hiệu quả. Tạo sự gắn kết cá nhân với các phòng, ban với mục tiêu chung của Trường gồm hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của viên chức góp phần thay đổi tác phong làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ viên chức, bao gồm khen thưởng và công nhận tạo động lực cho viên chức, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho đào tạo, NCKH học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

- Do tính chất công việc nên tỉ lệ viên chức đăng ký NCKH và các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm làm việc chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng các văn bản quy phạm nội bộ xác định rõ cơ chế để khuyến khích đội ngũ viên chức, người lao động thực hiện các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm, NCKH	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên bao gồm khen thưởng và công nhận	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Kết luận tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên thường xuyên được quy hoạch, rà soát, sắp xếp hợp lý đảm bảo nâng cao chất lượng phục vụ. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ Trường được tuyển chọn đúng tiêu chuẩn, phù hợp đáp ứng tốt CTĐT. Công tác quy hoạch đội ngũ NV hỗ trợ giảng dạy, NCKH, học tập của GV và SV được thực hiện khoa học. Tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Trường luôn tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế Văn hóa công sở của của Trường. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Trường đề ra được

xác định và đánh giá theo quy định. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Trường đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Trường có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ. Tuy nhiên, Trường chưa có quy định về số giờ tập huấn bồi dưỡng hàng năm cho cán bộ hỗ trợ. Kinh phí dành cho chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ, nhân viên trong quá trình làm việc còn hạn chế. Còn ít các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ hỗ trợ. Những tồn tại này sẽ được khoa khắc phục trong thời gian tới.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7: 2/5 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7, 3/5 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 4/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

CTĐT lấy NH làm trung tâm với mục tiêu phát triển kiến thức và năng lực đáp ứng với các yêu cầu CDR của chương trình. Chính vì vậy NH và hoạt động hỗ trợ NH đóng một vai trò rất quan trọng trong đảm bảo chất lượng của CTĐT nhằm giúp NH có những điều kiện thuận lợi nhất để hoàn thành tốt chương trình học của mình. Những hoạt động này bao gồm xác lập và công khai chính sách tuyển sinh của Nhà trường, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, xây dựng hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan Nhà trường. Những dữ kiện thu thập được sẽ là cơ sở để đảm bảo chất lượng và cải thiện việc học tập của SV, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ĐT, nghiên cứu và rèn luyện của NH.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

TYD và ĐHĐN luôn luôn chú trọng công tác tuyển sinh qua từng năm và đó cũng là cơ sở để Trường nâng cao chất lượng và từng bước mở rộng quy mô SV, ngành học, CSVC, ... Hiện nay Trường đang ĐT 05 ngành Y khoa, Răng – Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học. Chính sách tuyển sinh của ngành ĐD được xác định rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Đề án tuyển sinh [H5.05.01.01] được xây dựng đúng theo quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT [H8.08.01.01] và hướng dẫn thực hiện quy chế tuyển sinh của ĐHĐN và quy chế tuyển sinh của TYD [H8.08.01.02].

Chính sách tuyển sinh các năm từ 2018 đến nay được cụ thể hóa trong Đề án tuyển sinh [H5.05.01.01], Báo cáo hậu kiểm [H8.08.01.03], Báo cáo kết quả tuyển sinh [H8.08.01.04] và Kế hoạch tuyển sinh [H8.08.01.05], Quy chế tuyển sinh trình độ ĐH của BGD&ĐT [H8.08.01.01] và các công văn, quy định của ĐHĐN. Đề án tuyển sinh [H5.05.01.01] và các thông tin liên quan đến tuyển sinh như quy định về tuyển sinh, thông tin về ngành học, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển,... được công khai trên trang thông tin tuyển sinh của Trường [H8.08.01.06] tại địa chỉ (<http://smp.udn.vn/tuyen-sinh>) và được cập nhật vào hệ thống trang tuyển sinh của ĐHĐN (<http://ts.udn.vn/>). Trường triển khai, đẩy mạnh quảng bá, truyền thông công tác tuyển sinh trực tuyến trên website (<http://smp.udn.vn/tuyen-sinh>), Facebook địa chỉ <https://www.facebook.com/smp.udn.vn/> và tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh của ĐHĐN, Báo tổ chức tại các tỉnh/TP Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, [H8.08.01.05]; [H8.08.01.06]; [H8.08.01.07] và được cập nhật vào hệ thống trang tuyển sinh của ĐHĐN (<http://ts.udn.vn/>).

Để nâng cao chất lượng và số lượng của SV vào Trường đã thành lập các đoàn tư vấn tuyển sinh tại các địa phương. Bên cạnh đó, hàng năm, TYD đã thành lập tổ tuyển sinh tuyển sinh đại học hệ chính quy [H8.08.01.08] cùng với hội đồng tuyển sinh của ĐHĐN để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, thanh tra tuyển sinh, quy định tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn.

Từ trước năm 2020, phương thức xét tuyển đối với ngành ĐD là xét tuyển dựa trên điểm thi THPT quốc gia với 50 chỉ tiêu. Từ năm 2020 trở đi, Trường đã bổ sung thêm một phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học bạ THPT với 50 chỉ tiêu cho 02 phương thức. Tổ hợp xét tuyển dựa trên tổ hợp gốc là Toán - Hóa học - Sinh học. Từ năm 2021 trở đi, Trường có bổ sung thêm một tổ hợp nữa là Toán - Sinh học - Tiếng Anh. Trường nói riêng cũng như ĐHĐN nói chung luôn quan tâm, tham gia tích cực trong công tác tư vấn tuyển sinh tại Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên để quảng bá, tư vấn qua các kênh về ngành ĐD, phương thức tuyển sinh, cơ hội việc làm đến các bạn thí sinh tại các trường THPT [H5.05.01.01]; [H8.08.01.05]; [H8.08.01.07].

Các số liệu thống kê về điểm trúng tuyển, số lượng thí sinh trúng tuyển [H8.08.01.09], số lượng sinh viên nhập học hàng năm [H8.08.01.10] đã được Phòng ĐT&ĐBCL báo cáo đầy đủ với BGH và ĐHĐN nhằm đánh giá công tác tuyển sinh.

Bảng 2.11. Bảng thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất

Năm học	Chỉ tiêu	Điểm trúng tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học
2024 -2025	50	22,65	60	45
2023 - 2024		20,95	57	39
2022 - 2023		19,1	116	32
2021 - 2022		20,65	120	43

2020 - 2021		19,7	83	40
2019 - 2020		18	66	51
2018 - 2019		18,15	51	40

Trước khi ban hành chính sách tuyển sinh hàng năm, Trường lấy ý kiến đóng góp từ các bên có liên quan như: Ban Giám đốc ĐHĐN và các Ban chức năng có liên quan của ĐHĐN [H8.08.01.11] nên chính sách tuyển sinh của Trường luôn được hoàn thiện, đảm bảo đúng theo các quy định tuyển sinh hiện hành. Từ năm 2018 đến nay, thống kê cho thấy trên 90% SV tốt nghiệp ngành ĐD tại Trường đã có việc làm tại các BV, Trung tâm Y tế, doanh nghiệp và các trường Đại học [H8.08.01.12]. Qua đó cho thấy nhu cầu việc làm ngành ĐD hiện tại là rất lớn [H8.08.01.13], Trường cần đẩy mạnh hơn công tác tuyển sinh và ĐT ngành này nhằm đảm bảo số lượng cũng như chất lượng điều dưỡng viên phục vụ tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Hàng năm Trường và ĐHĐN đã họp tổng kết công tác tuyển sinh, khảo sát các lĩnh vực liên quan và phân tích các chỉ tiêu chưa đạt từng ngành để tìm ra giải pháp, kế hoạch truyền thông, tư vấn tuyển sinh để tiếp tục bổ sung hoàn thiện trong thời gian đến đạt chỉ tiêu đề ra hàng năm [H8.08.01.14].

2. Điểm mạnh

- Chính sách tuyển sinh của Trường rõ ràng, công khai, chi tiết, phù hợp với ngành ĐT và được cập nhật hàng năm, thu hút được nhiều thí sinh quan tâm.
- Trường được sự hỗ trợ, quan tâm và đóng góp ý kiến từ ĐHĐN trong công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy định.
- Trường luôn cập nhật, hoàn thiện đề án tuyển sinh, kế hoạch tư vấn tuyển sinh hàng năm để phù hợp hơn với thực tế và theo nhu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

- Công tác quảng bá về chính sách tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh, các phương thức chưa được rộng rãi ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên.
- Chính sách tuyển sinh được cập nhật hàng năm tuy nhiên việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Hoàn thiện các kế hoạch cụ thể để truyền thông, tư vấn tuyển sinh và mở rộng tư vấn tuyển sinh tại các tỉnh	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV;	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		ngoài miền Trung như các tỉnh khu vực Tây Nguyên. - Mở rộng hơn việc lấy ý kiến đóng góp về chính sách tuyển hàng năm đến NTD, doanh nghiệp, trường THPT....	- Khoa ĐD&KTYH.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật chính sách tuyển sinh hàng năm và đa dạng hóa hơn nữa các hình thức thông tin đến đối tượng tuyển sinh	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xây dựng xác định căn cứ vào quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT [H8.08.01.01], quy chế tuyển sinh của ĐHQĐ [H8.08.01.02], đồng thời dựa trên cơ sở góp ý của các bên liên quan [H8.08.01.11]. Các hình thức tuyển sinh đa dạng cập nhật theo từng năm học bao gồm: tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia và tuyển sinh dựa vào kết quả xét kết quả học bạ THPT, xét tuyển thẳng.... Từ năm 2020, Trường đã mở rộng tổ hợp xét tuyển bao gồm 2 tổ hợp: Toán + Hóa học + Sinh học và Toán + Sinh học + Tiếng Anh để đa dạng hơn đối tượng NH. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh qua các năm [H5.05.01.01]. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website của ĐHQĐ (<https://ts.udn.vn/>) và Trường <http://smp.udn.vn/tuyen-sinh> [H8.08.01.06].

Để đảm bảo tuyển chọn được NH phù hợp với ngành tuyển sinh, hàng năm các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH luôn được rà soát theo từng năm học nhằm đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành và cập nhật theo sự thay đổi trong hình thức thi, hình thức xét tuyển của BGD&ĐT. Các báo cáo, biên bản về kết quả tuyển sinh và đánh

giá, kiểm tra công tác tuyển sinh đều được Trường báo cáo đầy đủ, rõ ràng và công khai [[H8.08.01.03](#)]; [[H8.08.01.04](#)]; [[H8.08.01.14](#)]; [[H8.08.02.01](#)].

Bảng 2.12. Phương pháp và tiêu chí tuyển chọn NH ngành ĐD từ năm 2018

Năm học	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Chỉ tiêu	50	50	Chỉ tiêu theo KQ thi THPT: 25 Chỉ tiêu theo học bạ THPT: 25	Chỉ tiêu theo KQ thi THPT: 25 Chỉ tiêu theo học bạ THPT: 25	Chỉ tiêu theo KQ thi THPT: 25 Chỉ tiêu theo học bạ THPT: 25	Chỉ tiêu theo KQ thi THPT: 20 Chỉ tiêu theo học bạ THPT: 25 Chỉ tiêu xét tuyển thẳng: 05	Chỉ tiêu theo KQ thi THPT: 25 Chỉ tiêu theo học bạ THPT: 20 Chỉ tiêu xét tuyển thẳng: 05
Nhập học	40	35	40	43	32	39	45
Phương pháp tuyển chọn	Tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia						
	Tuyển sinh dựa vào kết quả học bạ THPT						Xét tuyển thẳng theo quy chế Tuyển sinh
Tổ hợp xét tuyển	Toán + Sinh học + Hóa học	Toán + Sinh học + Hóa học	Toán + Sinh học + Hóa học	1. Toán + Hóa học + Sinh học 2. Toán + Sinh học + Tiếng Anh	1. Toán + Hóa học + Sinh học 2. Toán + Sinh học + Tiếng Anh	1. Toán + Hóa học + Sinh học 2. Toán + Sinh học + Tiếng Anh	1. Toán + Hóa học + Sinh học 2. Toán + Sinh học + Tiếng Anh
Điểm trúng tuyển	18,15	18	19,7	20,65	19,10	20,95	22,65

Sau khi hoàn thành công tác tuyển chọn NH hằng năm, Trường sẽ KTĐG quá trình thực hiện công tác tuyển chọn NH để rút kinh nghiệm, đưa ra các giải pháp điều chỉnh bổ sung cho các năm tiếp theo [[H8.08.01.03](#)]; [[H8.08.01.04](#)]; [[H8.08.01.14](#)].

2. Điểm mạnh

- Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, cập nhật theo từng năm và được sự nhất trí, thống nhất của Trường, Hội đồng ngành, Bộ môn và ĐHĐN nên đã tuyển đúng, tuyển theo chỉ tiêu hàng năm.

- Việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh và hình thức tuyển sinh đã tạo điều kiện cho những em học sinh có nhiều cơ hội lựa chọn khác nhau có thể theo đuổi ngành học.

3. Điểm tồn tại

- Từ năm 2020, ĐHĐN và Trường đã sử dụng hình thức tuyển sinh xét tuyển học bạ THPT nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến về các hình thức tuyển chọn, đặc biệt là các hình thức xét tuyển qua các kênh truyền thông và các đợt tư vấn tuyển sinh trực tiếp đến các trường THPT ...	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc xây dựng hệ thống tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH đa dạng, lựa chọn tổ hợp tuyển sinh phù hợp và mở rộng các tổ hợp tuyển sinh.	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh cải tiến nâng cao CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy NH làm trung tâm, Trường luôn quan tâm và tích cực thực hiện các biện pháp nhằm hỗ trợ SV học tập tốt và rèn luyện tốt. Trường đã xây dựng hệ thống quản lý giảng dạy và học tập cho GV và hệ thống cho phép SV đăng ký khối lượng học tập, theo dõi quá trình học tập, rèn luyện của SV thông qua cổng GV Uniteacher và cổng SV Unistudent trên hệ thống phần mềm quản lý ĐT. Đây là một công cụ giúp giám sát tự tiến bộ trong học tập của SV [[H5.05.04.03](#)]; [[H5.05.04.04](#)]. Phòng ĐT&ĐBCL chịu trách nhiệm quản lý hoạt động ĐT, giám sát sự tiến bộ trong học tập, KQHT, khối lượng học tập và cảnh báo học vụ của NH. Tại Phòng ĐT&ĐBCL các chuyên viên được phân công trực tiếp phụ trách các CTĐT [[H8.08.03.01](#)]. Phòng KH-HTPT&CTSV chịu trách nhiệm quản lý kết quả rèn luyện, các chuyên viên được phân công phụ trách việc quản lý này [[H8.08.03.02](#)].

Căn cứ Quy định công tác GVCN kiêm CVHT của TYD đã ban hành [[H8.08.03.03](#)], Trường đều có quyết định phân công GVCN lớp để thường xuyên hỗ trợ và tư vấn, giúp cho NH học tập và rèn luyện tốt hơn, kịp thời phát hiện những vướng mắc, khó khăn của SV trong quá trình học từ đó giải quyết kịp thời vấn đề để SV có thể hoàn thành chương trình học đúng thời hạn [[H8.08.03.04](#)]. Bên cạnh đó, để hỗ trợ Trường thực hiện theo dõi, đánh giá kết quả rèn luyện và kịp thời báo cáo những biến động về KQHT, rèn luyện của SV, Trường đã ban hành quy định về tiêu chuẩn, chức năng và nhiệm vụ đối với Ban Cán sự lớp [[H8.08.03.05](#)]. Ngoài ra, Trường luôn có các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của SV để kịp thời theo dõi, hỗ trợ [[H8.08.03.06](#)].

Căn cứ vào Thông tư Ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của BGD&ĐT [[H1.01.01.02](#)] cũng như của ĐHĐN [[H1.01.01.03](#)], Trường đã ban hành quy chế đào tạo hệ thống TC, quy định về tổ chức thi KTHP [[H8.08.03.07](#)], quản lý điểm và đánh giá HP [[H3.03.02.01](#)]; [[H7.07.01.05](#)], quy định về KLTN [[H8.08.03.08](#)], quy định về tổ chức dạy - học thực tập lâm sàng tại Trường [[H8.08.03.09](#)]. Mỗi NH đều có tài khoản riêng để phục vụ việc truy cập thông tin và kiểm tra KQHT, SV sẽ chủ động nắm bắt được thông tin về quá trình học tập tích lũy các TC, từ đó giúp SV có thể lên kế hoạch để phân bổ thời gian hoàn thành các TC đúng thời hạn. Các cơ sở dữ liệu được cập nhật thường xuyên đảm bảo tính chính xác. KQHT hằng kì được gửi trực tiếp đến NH để tiện theo dõi và phản hồi các thắc mắc [[H5.05.03.02](#)]. GVCN kiêm CVHT và các GV trong bộ môn căn cứ vào KQHT để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn NH điều chỉnh kế hoạch học tập. CTĐT ngành ĐD và kế hoạch toàn khóa được thực hiện theo hệ thống niên chế và TC được đăng tải lên website của Trường để NH theo dõi, NH còn được hỗ trợ ĐT trực tuyến [[H1.01.01.01](#)]; [[H2.02.01.02](#)]; [[H5.05.04.04](#)]. Đối với NH tốt nghiệp theo hệ thống TC phải tích lũy tối thiểu 142 TC (với CTĐT năm 2019 và 2021) và 132 TC (với CTĐT năm 2023). Số lượng TC được phân bổ hợp lý giữa các kì, trong đó các môn học đại cương về chính trị, pháp luật được phân bổ đều vào các học kì để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong năm học đầu tiên khi

NH mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1-2 HP liên quan đến chuyên ngành để các GV của bộ môn tiếp cận NH ngay từ đầu, kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như định hướng cho NH tham gia vào các nhóm NCKH. Các kì học được phân bổ hợp lí từ lí thuyết, thực hành, thực tập BV để NH phát triển đầy đủ kiến thức, kĩ năng, đảm bảo hầu hết NH có thể tốt nghiệp đúng tiến độ. Với CTĐT phân bổ trong 4 năm học, trong 2 năm học đầu tiên, SV sẽ được học các kiến thức cơ bản về khối ngành sức khỏe để có những nền móng ban đầu khi tiếp cận với ngành học, ở năm học tiếp theo SV sẽ bắt đầu thực hành lâm sàng tại các BV để rèn luyện các kĩ năng nghề nghiệp, SV sẽ tham gia thực tế tốt nghiệp tại kì học cuối để trải nghiệm thực tế môi trường làm việc cũng như có định hướng về chuyên ngành sẽ làm sau khi tốt nghiệp [H2.02.01.01]; [H1.01.01.19].

Trường đã tích hợp phần mềm quản lý ĐT trên hệ thống website <http://daotao.smp.udn.vn:8082/> và tiến hành đánh giá định kì để phân tích, tổng hợp KQHT cho từng NH. Đây là cơ sở dữ liệu để theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện cũng như theo dõi tiến độ học tập, thi học, tốt nghiệp. Hàng năm, Phòng ĐT&ĐBCL đều tiến hành xét học vụ, để kịp thời phát hiện những trường hợp SV bị chậm tiến độ học tập, từ đó có biện pháp nhắc nhở, cảnh cáo học vụ để kịp thời nắm bắt thông tin, giúp SV có kế hoạch để cải thiện việc học, cũng như nhà trường, cán bộ quản lý khối lớp và GVCN có những biện pháp hỗ trợ để giúp cho SV đủ điều kiện hoàn thành chương trình học đúng hạn [H5.05.04.08]; [H5.05.04.09]; [H8.08.03.10].

2. Điểm mạnh

- Trường có phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu được cập nhật liên tục và đảm bảo chính xác cung cấp kịp thời, các số liệu công khai minh bạch cho NH, phục vụ hiệu quả công tác ĐT và quản lý cũng như giúp SV theo dõi sát tiến trình học tập.

- Trường có hệ thống cán bộ hỗ trợ cho NH như cán bộ phụ trách khối ngành, bộ môn, GVCN hầu hết là GV người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với NH và lực lượng Ban Cán sự lớp nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của NH gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ tối đa cho NH.

3. Điểm tồn tại

Một số SV đặc biệt là các SV năm đầu còn khó khăn trong việc tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết trong quá trình học tập, sinh hoạt tại môi trường mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường phổ biến, thông tin cho NH chủ động tìm đến các Phòng	- Phòng ĐT&ĐBCL, KH-	Hàng năm/học kỳ	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		chức năng, GVCN, CVHT để được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong học tập và rèn luyện như trong tuần sinh hoạt công dân, trong các buổi sinh hoạt lớp của GVCN vào mỗi kì học. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho NH tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ.	HTPT&CTSV; - Khoa ĐD&KTYH.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của NH, đặc biệt là các SV bị cảnh báo học vụ để có biện pháp hỗ trợ kịp thời.	- Phòng ĐT&ĐBCL, KH- HTPT&CTSV; - Khoa ĐD&KTYH.	Hàng năm/học kỳ	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao hiệu quả chất lượng của CTĐT, Trường luôn quan tâm, hỗ trợ và xây dựng các hoạt động và dịch vụ tư vấn NH kịp thời ngay từ thời gian nhập học cho đến khi tốt nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả học tập và cơ hội việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp bao gồm hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa...

Trường đã ban hành Quy định công tác GVCN kiêm CVHT [[H8.08.03.03](#)]. Từ đó lựa chọn những GV có đủ năng lực, phẩm chất đạo đức, có kinh nghiệm trong công tác chuyên môn, NCKH trở thành GVCN kiêm CVHT [[H8.08.03.04](#)], để theo dõi sát sao quá trình học tập của NH, kịp thời tư vấn, định hướng giúp NH nâng cao, cải thiện KQHT và rèn luyện. Đối với những NH là người dân tộc thiểu số hoặc có hoàn cảnh khó khăn, Trường chỉ đạo Phòng KH-HTPT&CTSV luôn chủ động tìm các nguồn học bổng tài trợ để hỗ trợ một phần kinh phí cho NH học tập tốt. Công tác xét cấp học bổng

khuyến khích học tập được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo nguồn học phí được trích đầy đủ để cấp học bổng khuyến khích học tập cho SV theo quy định của BGD&ĐT [H8.08.04.01]. TYD cũng đã ban hành quy định về việc xét học bổng khuyến khích học tập [H8.08.04.02]. Đồng hành cùng SV bên cạnh các Phòng chức năng, bộ môn là Đoàn Thanh niên, đây là đơn vị luôn sát sao với các hoạt động của SV. Bên cạnh việc hỗ trợ học tập và NCKH, Trường còn chú trọng phát triển kỹ năng mềm cho NH. Các hoạt động ngoại khóa bổ ích cho NH được Đoàn Thanh niên thường xuyên tổ chức, thu hút đông đảo NH tham gia như Chiến dịch “Mùa hè xanh”, Ngày hội “Tân sinh viên”, Chương trình hiến máu nhân đạo, Chương trình “Xuân tình nguyện”, “Mùa Đông Yêu Thương”. Hàng năm, Đoàn Thanh niên luôn tổ chức các hoạt động ngoại khóa để tạo sân chơi giao lưu học hỏi cho SV như Hội trại truyền thống, giải bóng đá, bóng chuyền, tình nguyện hè [H8.08.04.03]; [H8.08.04.04]. Tất cả các hoạt động diễn ra sôi nổi, năng động, sáng tạo và đảm bảo theo quy định của Trường cũng như ĐHDN [H8.08.04.04]; [H8.08.04.05]; [H8.08.04.06]... Đồng thời Đoàn Thanh niên cũng là đầu mối để thành lập các câu lạc bộ SV để đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa cũng như hỗ trợ cho công tác học tập: CLB Blouses Trắng, Bóng chuyền, Medzic, L-Club, Dược khoa, Câu lạc bộ học tập... [H8.08.04.07]. NH cũng được đăng ký bảo hiểm y tế mỗi năm nhằm đảm bảo quyền lợi về chế độ chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở y tế cho NH trong quá trình học tập tại Trường [H8.08.04.08]. Ngoài ra, Trường luôn phối hợp chặt chẽ với gia đình, cơ quan và chính quyền địa phương để quản lý có hiệu quả và động viên NH học tập tốt hơn, đặc biệt là những NH có KQHT chưa tốt hoặc bị những vấn đề về tâm sinh lý, kịp thời giải thích, cảnh báo sớm để NH và gia đình nắm bắt tình hình, động viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho NH trong suốt quá trình học tập tại Trường.

Để triển khai các hoạt động hỗ trợ cho NH, hàng năm Trường luôn tạo điều kiện để NH tiếp xúc với các doanh nghiệp các NTD; tổ chức Hội nghị viện trường đến các cơ sở thực hành để lên kế hoạch thực tập của NH được gửi tới các BV trước khi năm học mới bắt đầu, liên hệ thực tập BV thường kỳ và thực tập tốt nghiệp cho NH [H8.08.04.09]. Năm 2022 và năm 2023 TYD với đầu mối là Phòng KH-HTPT&CTSV đã tổ chức chương trình tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng để tạo cơ hội cho các SV tốt nghiệp được tiếp xúc, liên lạc với các doanh nghiệp, cơ sở y tế, từ đó tăng cơ hội việc làm cho SV khi ra trường [H8.08.04.10]. Ngoài ra, những cán bộ GV đặc biệt là của Ngành ĐD vẫn luôn quan tâm, chủ động kết nối với các đơn vị, các cơ sở y tế để giới thiệu những cơ hội việc làm tốt đến với SV [H8.08.04.09].

Trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân SV đầu khóa nhằm giới thiệu tới NH lịch sử phát triển Trường, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, CTĐT, giúp NH nắm bắt tiếp cận các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định công dân để nhanh chóng thích nghi với môi trường học tập mới trong trường ĐH [H1.01.03.03]. Trong khuôn khổ của Tuần Sinh hoạt công dân SV, có đại diện BGH và ĐHDN, các Phòng chức năng, đại diện các BV, cơ quan ban ngành để giải đáp, tư vấn cho NH các vấn đề có liên quan đến học tập, rèn luyện, cơ hội việc làm sau này. Bên

cạnh đó, Trường còn cung cấp sổ tay SV để mỗi NH tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học tập [H1.01.01.23]. Ngoài ra, TYD luôn chủ động kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài như Nhật Bản và Đức để mở ra cơ hội cho các bạn SV tốt nghiệp có cơ hội được học tập làm việc với các tổ chức nước ngoài. Đây là một thị trường tiềm năng với nhu cầu tuyển dụng về nhân lực Y tế đặc biệt là ngành ĐD rất lớn. Để các hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ SV ngày càng hiệu quả, Trường đã có báo cáo, phân tích, đánh giá hàng năm với đầu mối là Phòng KH-HTPT&CTSV và Đoàn Thanh niên [H8.08.04.04]; [H8.08.04.11]; [H8.08.01.13].

Để đảm bảo việc triển khai các hoạt động hỗ trợ NH đạt được hiệu quả cao, trong quá trình thực hiện Trường đã tiến hành khảo sát về mức độ hài lòng của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm để có biện pháp điều chỉnh phù hợp. Qua khảo sát ý kiến phản hồi kết quả thu được 90% đánh giá từ mức độ bình thường trở lên về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm [H8.08.04.12]; [H8.08.04.13].

2. Điểm mạnh

- Trường đã có các bộ phận bao gồm Phòng KH-HTPT&CTSV, GVCN, cán bộ quản lý khối lớp luôn tích cực hỗ trợ tối đa cho NH để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập.

- Đoàn thanh niên là đơn vị đầu mối đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ, cho SV để phát triển các kỹ năng lẫn kiến thức, cũng như giúp SV tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

- Việc khảo sát lấy kiến của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm mới được triển khai thực hiện có hệ thống gần đây.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lên kế hoạch, phương pháp thực hiện khảo sát lấy kiến của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm cách hiệu quả và có quy củ hơn	Phòng KH-HTPT&CTSV, ĐT&ĐBCL	Tháng 9 hàng năm	
2	Phát huy	- Tiếp tục tăng cường các hoạt động tư vấn	- Phòng ĐT&ĐBCL,	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	<p>học tập đảm bảo duy trì trong suốt quá trình học và các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH hàng năm.</p> <p>- Đoàn thanh niên tiếp tục mở rộng đa dạng hóa các hoạt động để thu hút nhiều hơn nữa số lượng SV tham gia vào các hoạt động ngoại khóa</p>	<p>KH-HTPT&CTSV; - Khoa ĐD&KTYH.</p> <p>Đoàn thanh niên, Phòng KH-HTPT&CTSV</p>		

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thỏa mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm mục đích tạo một môi trường ĐD thân thiện, thoải mái để GV và NH được giảng dạy và học tập trong môi trường thuận lợi nhất từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy học, Trường luôn có chính sách về đảm bảo môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho NH. Bên cạnh các quy định đảm bảo về nội quy SV, nội quy cơ quan [[H8.08.05.01](#)]; [[H8.08.05.02](#)], Trường cũng đã ban hành các quy định đảm bảo các nội quy về an toàn, hoạt động, môi trường và cảnh quan của tòa nhà để NH, cán bộ, GV được làm việc, học tập, rèn luyện một cách hiệu quả [[H8.08.05.03](#)]; [[H8.08.05.04](#)]; [[H8.08.04.04](#)]; [[H8.08.05.05](#)]. CBNV, Phòng KH-HTPT&CTSV, GV bộ môn luôn nhiệt tình hỗ trợ giải đáp những thắc mắc, khó khăn trong quá trình học tập, sinh hoạt tại môi trường ĐH để SV yên tâm, tập trung vào quá trình học tập. Trong quá trình học tập, nếu SV gặp các vấn đề liên quan đến học tập, sức khỏe, tâm lý... có thể giải bày thông qua GVCN để được hỗ trợ tư vấn, giúp đỡ [[H8.08.03.03](#)].

Để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giảng dạy, học tập Trường đã bố trí hợp lý các khu giảng đường, khu hành chính, thí nghiệm, thể thao, giải trí. Hiện tại TYD có các Tòa nhà chính là Tòa nhà A dành cho BGH, các Phòng chức năng và các phòng giảng đường, tòa nhà B dành cho các hoạt động thực hành, thí nghiệm văn phòng bộ môn, các giảng đường. Việc bố trí này tạo thuận lợi cho quá trình học tập, giảng dạy và quản lý các phòng thực hành, thí nghiệm đồng thời đảm bảo an toàn, vệ sinh trong quá trình hoạt động tại các phòng thí nghiệm, thực hành [[H8.08.05.06](#)]. Là đơn vị thành viên của

ĐHĐN, mặc dù chưa có khu ký túc xá riêng nhưng Trường đã có văn bản đề nghị và được các đơn vị thành viên hỗ trợ khu ký túc xá dành cho NH với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi và nhiều chính sách hỗ trợ internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt [H8.08.05.07]. Xác định rõ sức khỏe là yếu tố quan trọng để NH thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Trường có phòng y tế ngay tại tầng 1 với lực lượng cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ SV về vấn đề y tế cơ bản và dữ liệu y tế học đường được cập nhật thường xuyên [H8.08.05.08]. Hàng năm, Trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ và hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho NH [H8.08.05.09]; [H8.08.04.08].

Trường cũng đã thuê công ty bảo vệ chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho cơ quan, thường xuyên thay phiên ca trực kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khu vực trong tòa nhà và báo cáo kịp thời, nhanh chóng nếu xảy ra sự cố. Hàng năm, các hệ thống đảm bảo an toàn trường học như phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh học đường luôn được kiểm tra đảm bảo hoạt động tốt [H8.08.05.05].

ĐHĐN và Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, an toàn giao thông và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường [H8.08.04.04]. Trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt băng rôn và hình ảnh pano tại tầng 1 để NH, cán bộ, GV luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân [H1.01.01.05]; [H1.01.01.06].

Hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại, sạch sẽ, bố trí khoa học tạo cho NH và GV làm việc thoải mái, hiệu quả. Định kỳ, Trường và Hội đồng ngành ĐD tổ chức đối thoại với SV để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV để đưa ra những giải pháp cho các vấn đề mà SV gặp phải. Qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi kết quả thu được đa số SV hài lòng với những điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan mà Trường mang lại [H8.08.04.13]; [H2.02.03.04].

2. Điểm mạnh

- NH được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường ĐT thuận lợi về an toàn, cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại

- Từ năm 2021, Trường mới lấy ý kiến khảo sát đầy đủ của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục lấy ý kiến NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan	Phòng HC-TH, KH-HTPT&CTSV, ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Nâng cấp, mở rộng diện tích, cải tạo môi trường, cảnh quan tạo tâm lý thoải mái cho NH	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Thông qua mô tả các tiêu chí cho thấy, đối với tiêu chuẩn NH và hoạt động hỗ trợ NH, CTĐT có những điểm mạnh nổi bật sau: hình thức tuyển sinh đa dạng cùng chính sách tuyển sinh rõ ràng, công khai giúp thu hút được nhiều học sinh giỏi tại nhiều tỉnh thành trong cả nước; việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh và hình thức tuyển sinh đã tạo điều kiện cho học sinh có nhiều cơ hội khác nhau có thể đăng ký ngành học. Trường đã có các bộ phận bao gồm Phòng KH-HTPT&CTSV, GVCN, CVHT luôn tích cực hỗ trợ tối đa cho NH để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập. NH được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường ĐT thuận lợi về an toàn, cảnh quan xanh, sạch, đẹp; được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa, thi đua để cải rèn luyện kiến thức và kỹ năng. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau: việc khảo sát lấy kiến của các bên liên quan về đề án tuyển sinh, chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm mới chỉ được triển khai gần đây và cần mở rộng thêm quy mô, đối tượng khảo sát.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 8: 5/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Với các nguồn lực và CSVC hiện có, Trường và Bộ môn ĐT trang bị đảm bảo các điều kiện CSVC để phục vụ cho các hoạt động đào tạo và NCKH của GV và NH. Hệ thống CSVC đang được vận hành và sử dụng như phòng làm việc, phòng học, thư viện, hệ thống phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT với các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đã được xây mới, đồng bộ và nâng cấp.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

TYD có tổng diện tích đất là 2,3 hecta, tổng diện tích sử dụng 2 khối nhà 5 tầng khoảng 16,000 m² trong đó cụ thể: khu hiệu bộ 34 phòng tổng diện tích sử dụng là 1551 m²; 16 phòng giảng đường tổng diện tích sử dụng: 1476 m²; 47 phòng thực hành, thí nghiệm tổng diện tích sử dụng: 4713m² ; 01 phòng hội trường tổng diện tích sử dụng là 252 m² và 01 khu Tiền lâm sàng với tổng diện tích sử dụng 1100m² [H8.08.05.06]. Trường có đủ phòng học lý thuyết thuộc các khu vực giảng đường là các Tầng 3, 4, 5 thuộc khối nhà A với trung bình tỷ lệ diện tích sàn/SV là 3,19 m². Đối với khu vực các phòng chức năng, Trường có các tầng 1, 2, và 1 phần tầng 3 khối nhà 5 tầng cho các phòng chức năng và các văn phòng Trường. Tầng 3,4 tại Trung tâm Y khoa cũng bố trí các giảng đường, phòng làm việc Các phòng chức năng và Trường có không gian rộng rãi thuận lợi cho cán bộ làm việc cũng như đón tiếp SV, hệ thống các phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại khối nhà B.

Các giảng đường, phòng học thí nghiệm thực hành, khu thực hành Tiền lâm sàng được thiết kế phù hợp cùng với trang thiết bị của từng phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.01.01]; kèm theo được đầu tư và nâng cấp như trang thiết bị chuyên ngành, bàn ghế, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, quạt [H9.09.01.02]. Bên cạnh đó, một số lượng lớn phòng được trang bị điều hòa để hỗ trợ các hoạt động dạy - học cũng như nghiên cứu. Trường trang bị đầy đủ máy scan và máy photocopy cho các phòng chức năng và mỗi chuyên viên đều có máy tính được kết nối mạng internet và máy in rất thuận tiện cho cho các chuyên viên thực hiện công việc, diện tích các phòng chức năng theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn của BGD&ĐT ban hành [H9.09.01.03]. Đồng thời, các khu vực giảng đường và khu vực các phòng chức năng đều được bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy sử dụng phòng và cán bộ phục vụ.

Bộ môn ĐD được trang bị hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, hệ thống phòng làm việc của Bộ môn bao gồm 01 văn phòng Bộ môn và 01 phòng thực hành (lab). Văn phòng làm việc của Bộ môn được trang bị máy in, máy tính, điều hòa, tủ đựng tài liệu phù hợp yêu cầu công việc [H8.08.05.06]. Trường giao cho Trung tâm TN&TLS quản lý điều tiết các trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng; xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị hàng năm nhằm bổ sung, bảo trì, thay thế và nâng cấp CSVC [H9.09.01.04]. Bên cạnh đó, Trường luôn công khai các kế hoạch, dự án xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các hệ thống phòng học và các phòng chức năng đến cán bộ và GV hàng năm các danh mục trang thiết bị sau khi hình thành từ các nguồn đầu tư các Dự án được kiểm kê, báo cáo cho cấp trên hàng năm [H9.09.01.05]. Kết quả khảo sát cho thấy khoảng 90% CBGV và 85,5% SV hài lòng về hệ thống phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH [H7.07.01.06].

2. Điểm mạnh

- Tất cả các giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, quạt. Phòng thí nghiệm và thực hành điều lắp đặt máy điều hoà, giảng đường rộng rãi, thoáng mát.

- Phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đều được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng yêu cầu công việc.

3. Điểm tồn tại

- Một số phòng học chưa được trang bị máy điều hoà và một số phòng thí nghiệm chưa được trang bị máy chiếu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch và các dự án đầu tư về phòng thực hành thí nghiệm, phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	- Phòng HC-TH - Bộ môn ĐD - Trung tâm TN&TLS	Hàng năm	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất lắp máy điều hoà cho các phòng học cần thiết và máy chiếu cho phòng thực hành, thí nghiệm	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện được bố trí tại tầng 2 tòa nhà B, TYD [H9.09.02.01], mở cửa từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần để phục vụ cho nhu cầu mượn sách của GV và SV. Thư viện có 01 phòng lưu trữ [H9.09.02.02], 01 phòng đọc [H9.09.02.03] và 01 phòng tự học [H9.09.02.04] được trang bị máy tính, phủ sóng internet, điều hoà không khí và bàn ghế. Để công tác quản lý được hiệu quả, Thư viện đã xây dựng các văn bản quy định phòng giáo trình [H9.09.02.05], nội quy phòng đọc, nội quy Thư viện [H9.09.02.06].

Vào đầu mỗi năm học, Trường có tổ chức giới thiệu Thư viện trong tuần sinh hoạt công dân để SV biết được quy định và hướng dẫn cách sử dụng, đăng nhập vào hệ thống Thư viện cũng như chia sẻ tài liệu hướng dẫn cho SV tham khảo [H9.09.02.07]. Trang thông tin Thư viện điện tử Primo của Trường

<http://libs.udn.vn/primolibrary/libweb/action/search.do?vid=lyd> được kết nối hệ thống biên mục Aleph hỗ trợ bạn đọc tìm kiếm thông tin tài liệu, bài giảng, KLTN, đề tài NCKH [H9.09.02.08]. Ngoài ra, Trường có liên kết với Thư viện số Trung tâm Thông tin học liệu và Truyền thông, ĐHQĐ, Trường Đại học Y - Dược Cần Thơ và Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế để mở rộng nguồn học liệu giúp GV, SV có thêm nguồn tài liệu tham khảo phong phú, dễ dàng truy cập dữ liệu mọi lúc mọi nơi [H9.09.02.09].

Thư viện Trường có nguồn học liệu đầy đủ bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo ở dạng bản cứng và bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ. Hiện tại vốn tài liệu in mà Thư viện quản lý là 488 đầu sách với 1610 bản. Trong đó, tài liệu tiếng Việt chiếm số lượng lớn. Tài liệu để phục vụ giảng dạy và tham khảo các học phần được mô tả trong ĐCCT của ngành ĐD đáp ứng tương đối đầy đủ [H9.09.02.10]; [H1.01.02.04].

Ngoài tài liệu bản cứng, Thư viện còn quan tâm phát triển nguồn tài liệu điện tử bao gồm luận văn, đề tài NCKH để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của GV và SV [H9.09.02.11]. Để phục vụ hiệu quả mục đích đào tạo và nghiên cứu, Thư viện luôn phối hợp chặt chẽ với Phòng, Bộ môn trong việc cập nhật tài liệu dựa trên các đề cương chi tiết CTĐT ngành ĐD, mua bổ sung tài liệu mới theo yêu cầu của Phòng, Bộ môn và thông báo về sách mới được bổ sung để GV biết, tham khảo và giới thiệu cho SV [H9.09.02.12]; [H9.09.02.13].

Hàng năm, Thư viện Trường phục vụ trung bình khoảng gần 2000 lượt bạn đọc. Những loại tài liệu được quan tâm, sử dụng nhiều là Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Thực vật dược, Nhãn khoa, Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa với tổng số 162 lượt mượn, trả [H9.09.02.14]. Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả của hoạt động Thư viện cũng như nâng cao vai trò của Thư viện trong hoạt động ĐT, trong các năm gần đây, bên cạnh khảo sát về CSVC và nguồn học liệu, thì Thư viện còn tiến hành khảo sát ý kiến của bạn đọc về chất lượng phục vụ của Thư viện vào cuối năm học. Dữ liệu thu được từ các cuộc khảo sát là căn cứ để Thư viện nhìn nhận ra những mặt hạn chế và lên kế hoạch cải tiến chất lượng cho các năm học sau [H9.09.02.15].

2. Điểm mạnh:

- Thư viện, phòng đọc và phòng tự học bố trí ngay khu vực yên tĩnh, làm việc và phòng học của Trường, có nội quy, quy định, hướng dẫn đầy đủ được trang bị bàn ghế, máy tính, mạng internet, điều hòa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của GV và SV.

- SV được tiếp cận nguồn tài liệu số phong phú từ Trường, Trung tâm Thông tin Học liệu và truyền thông, ĐHQĐ, Trường Đại học Y - Dược Cần Thơ và Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

3. Điểm tồn tại:

- Tài liệu để phục vụ giảng dạy và tham khảo các học phần với mỗi phiên bản CTĐT còn thiếu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng của GV, các KLTN phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV. - Ứng dụng CNTT trong quản lý Thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn. 	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường đầu tư, bổ sung, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo hàng năm trong điều kiện cho phép.	Phòng KH-HTPT&CTSV, HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

TYD, Bộ môn ĐD có đủ phòng thực hành, thí nghiệm được bố trí tại tầng 4 tòa nhà B [H8.08.05.06] đáp ứng đầy đủ nội dung các bài thực hành, thí nghiệm trong CTĐT ngành ĐD, các nghiên cứu của GV và SV. Bộ môn hiện có 01 phòng thực hành chuyên môn đầy đủ các trang thiết bị [H9.09.03.01] và được sự quản lý và điều tiết của Trung tâm TN&TLS. Phòng thực hành đều có thời khóa biểu phân công cán bộ phòng giám sát thiết bị và hướng dẫn SV làm thí nghiệm [H9.09.03.02] Ngoài ra còn các HP đại cương phục vụ ngành ĐD được trang bị đầy đủ trang thiết bị giúp SV nắm bắt được kiến thức các HP cơ sở ngành.

Phòng thực hành ĐD luôn được tăng cường đầu tư các dự án, kế hoạch mua sắm hàng năm [H9.09.01.04] được trang bị đầy đủ thiết bị để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu, từ các khóa học thực nghiệm đến các mục đích chuyên ngành như dự án, NCKH của SV và GV, và luận văn của SV. Thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng và được theo dõi tình trạng làm việc và ghi chú trong sổ ghi chép giám sát [H4.04.03.06]. Bộ môn ĐD thường xuyên phổ biến đến người làm việc

trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng thực hành [H9.09.03.03], quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ.

Hệ thống phòng thực hành được thiết kế khoa học, đảm bảo an toàn điện, an toàn hóa chất, an toàn cháy nổ. GV và SV làm việc tại phòng thực hành luôn mang áo blouse và dép vào phòng thực hành. SV luôn được học và kiểm tra các quy trình an toàn trước khi thực hiện các thao tác thực hành. Phòng thực hành đều có nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành. Các hoạt động dạy - học, NCKH của SV được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ phụ trách phòng thực hành, đảm bảo việc sử dụng hệ thống phòng thực hành có hiệu quả [H9.09.03.03]. Để đảm bảo các trang thiết bị trong phòng thực hành. Hằng năm Trường thường lập kế hoạch đầu tư, mua sắm, sửa chữa duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để đáp ứng nhu cầu về ĐT và nghiên cứu [H9.09.01.04]. Vào đầu mỗi năm học, Bộ môn đều có kế hoạch và đề xuất mua sắm thiết bị, dụng cụ, hóa chất. Bộ môn có hồ sơ theo dõi, quản lý, cập nhật các trang thiết bị theo từng năm học [H9.09.03.01]. Hàng năm, Trường có kế hoạch và phân bổ kinh phí cho bảo dưỡng các trang thiết bị; đầu tư mua sắm trang thiết bị để thay thế, cập nhật đáp ứng yêu cầu CTĐT. Bộ môn ĐD luôn nhận được hỗ trợ từ Trường và ĐHĐN về việc mua và bảo trì thiết bị cho phòng thí nghiệm, thực hành. Nhằm khảo sát thực trạng, nhu cầu sử dụng các phòng thực hành, thí nghiệm để cải tiến và ngày càng nâng cao chất lượng phục vụ tốt cho quá trình dạy và học, Trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thực hành đối với nhu cầu dạy học và NCKH. Kết quả cho thấy trên đa số CBGV và NH hài lòng về tình trạng phòng thí nghiệm, phòng thực hành [H9.09.03.04].

2. Điểm mạnh

- Ngành ĐD là một trong những ngành ĐT đầu tiên trình độ ĐH hệ chính quy của Trường nên được ĐHĐN, BGH quan tâm đầu tư, củng cố CSVC nhằm đáp ứng và hoàn thiện theo các quy định với mong muốn các SV sau khi tốt nghiệp ứng dụng ngay các kiến thức sau khi ngồi trên ghế nhà trường.

- Bộ môn ĐD có phòng thực hành được bố trí hợp lý và các trang bị hiện đại được đầu tư thường xuyên. Bộ môn ĐD luôn nhận được hỗ trợ từ Trường và ĐHĐN về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa.

3. Điểm tồn tại

- Còn thiếu một số thiết bị chuyên sâu để giới thiệu SV tiếp cận và phục vụ cho công tác đào tạo chuyên sâu và các hướng nghiên cứu mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả phòng thực hành theo ngành, đáp ứng yêu cầu ĐT của Trường	- Khoa ĐD&KTYH và Trung tâm TN&TLS	Hàng năm	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng các dự án thiết bị mô phỏng lâm sàng tăng cường cho các hướng học tập và nghiên cứu mới.	- Khoa ĐD&KTYH và Trung tâm TN&TLS; - Phòng HC-TH.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã trang bị 125 bộ máy tính để bàn, 02 máy chủ, 05 máy tính xách tay, 17 bộ máy chiếu, cơ bản đáp ứng nhu cầu cho các phòng chức năng, bộ môn, trung tâm và trang bị cho giảng đường, phòng thực hành [H9.09.04.01]. Tất cả các máy tính làm việc đều được kết nối mạng LAN và hệ thống đường truyền cáp quang (03 đường truyền) với dung lượng 300Mbps/ đường truyền của nhà cung cấp dịch vụ VNPT [H9.09.04.02]. Trường có 03 phòng máy tính được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho việc dạy học và KTĐG [H9.09.04.03].

Phòng KH-HTPT&CTSV là đơn vị phụ trách mảng CNTT của Trường [H9.09.04.04]. Mỗi CBGV, SV của Trường được cấp tài khoản Office 365 do Microsoft tài trợ cho tổ chức giáo dục để sử dụng các ứng dụng như Outlook, MS Teams, OneDrive,... [H9.09.04.05]. Trường có hệ thống phần mềm Quản lý ĐT Unisoft được cài đặt trên Server tại Tầng 4 tòa nhà Trường nên việc chia sẻ, truy cập dữ liệu thuận lợi [H9.09.04.06]. Mỗi CBGV, SV của Trường được cấp một tài khoản để sử dụng các phân hệ của phần mềm. SV của Trường truy cập và sử dụng Cổng SV thông qua địa chỉ <http://daotao.smp.udn.vn:8082/> đây là cổng đăng ký tin chỉ, tra cứu điểm học tập và rèn luyện, thông tin thời khóa biểu, học phí,...[H9.09.04.07]. Cổng thông tin dành cho GV <http://daotao.smp.udn.vn:8081> hỗ trợ GV quản lý các thông tin hồ sơ cá nhân và hoạt động ĐT (xem và quản lý các thông tin lịch giảng, lịch coi thi, lớp học, điểm danh SV, tra cứu thông tin điểm danh, điểm môn học, sổ lên lớp, nhận xét giảng dạy, lập biểu mẫu báo cáo) [H9.09.04.08]. Cổng khảo sát đánh giá tại địa chỉ <http://daotao.smp.udn.vn:89> được khai thác sử dụng cho việc khảo sát, đánh giá [H9.09.04.09]. Hệ thống điều hành tác nghiệp <http://dieuhanh.udn.vn> giúp chia sẻ văn bản và điều hành công việc kịp thời,

chính xác [H9.09.04.10]; Hệ thống quản lý nhân sự HRM được tích hợp trên cổng <http://hrm.udn.vn> với các chức năng quản trị nguồn nhân lực của Trường bao gồm tuyển dụng, ĐT, đánh giá... giúp quá trình quản lý nhân lực trong Trường được thuận tiện hơn [H9.09.04.11]; Hệ thống quản lý tài sản công <https://qltsapp.misa.vn/> được xây dựng nhằm mục đích quản lý, theo dõi tình trạng, số lượng các trang thiết bị và phục vụ cho công tác kiểm kê tài sản hằng năm [H9.09.04.12]; Trang thông tin điện tử của Trường <http://smp.udn.vn> thông tin về các hoạt động chung, ĐT, nghiên cứu, hợp tác quốc tế, tích hợp cổng SV, cổng GV, cổng E-Learning và Thư viện [H9.09.04.13]. Từ năm học 2020 - 2021, Trường đã xây dựng cổng hỗ trợ học tập và thi trực tuyến E-Learning, quản lý đề thi và tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính trên nền tảng Moodle <http://daotao.smp.udn.vn:8181/smp> [H9.09.04.14] và có đính kèm các hướng dẫn và quy định có liên quan trên cổng [H9.09.04.15]. Trang thông tin thư viện điện tử <http://lib.smp.udn.vn/primo-explore/search?vid=lyd> kết nối tìm kiếm tài liệu, bài giảng, KLTN, đề tài NCKH [H9.09.04.16].

Trường thường tổ chức các đợt tập huấn cho CBGV, SV về việc ứng dụng CNTT trong dạy và học [H9.09.04.17]. Đồng thời biên soạn các tài liệu hướng dẫn để hỗ trợ CBGV, SV trong quá trình sử dụng [H9.09.04.18]. Hệ thống CNTT được vận hành thông suốt và thường xuyên xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp các thiết bị CNTT, quá trình sử dụng phòng máy, thiết bị CNTT được ghi chép trong các sổ theo dõi [H9.09.04.19]. Bên cạnh đó, hệ thống CNTT được cập nhật hằng năm nhằm cải tiến, nâng cấp đáp ứng nhu cầu sử dụng [H9.09.04.20]. Năm học 2020 - 2021, Trường đã khảo sát lấy ý kiến phản hồi về CSVC, trang thiết bị hệ thống CNTT, phần mềm kết quả đạt được về mức độ hài lòng đạt 70%, năm học 2021 - 2022 là 73% và năm học 2022 - 2023 là 81,4% [H9.09.04.21]. Với kết quả khảo sát này về cơ bản hạ tầng CNTT, phần mềm đã đáp ứng hoạt động quản lý và ĐT tại Trường.

2. Điểm mạnh:

- Trường có hệ thống CNTT được đầu tư đầy đủ, bảo dưỡng và nâng cấp thường xuyên.

- Triển khai các phần mềm trong quản lý ĐT tại Trường đã hỗ trợ rất nhiều trong công việc chuyên môn, giúp giảm tải thủ tục hành chính giấy tờ, chính xác và chuyên nghiệp hơn. Đặc biệt hệ thống có tính liên thông giữa các phần mềm giúp nâng cao hiệu quả công việc.

3. Điểm tồn tại:

- Tài khoản Office 365 (Microsoft 365) của Trường hiện tại do Tổ Quản trị mạng, ĐHĐN quản lý nên Trường chưa chủ động trong việc cấp phát tài khoản.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chuyển tài khoản Microsoft 365 của cán bộ, GV, SV về cho Trường quản trị	Tổ Quản trị mạng - ĐHĐN, Phòng KH-HTPT&CTSV	Năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống phần mềm phục vụ quản lý ĐT	Phòng KH-HTPT&CTSV và các đơn vị có liên quan	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua, Trường đã thực hiện các văn bản hướng dẫn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho người lao động [[H9.09.05.01](#)]. Trên cơ sở các văn bản quy định, Trường ban hành văn bản quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho người lao động, người học đảm bảo và tuân thủ các yêu cầu của các bộ ngành liên quan, trên cơ sở các quy định của Nhà nước, các quy định về tiêu chuẩn điều kiện an toàn lao động, bảo hộ, vệ sinh, đối với các cơ sở giáo dục để phù hợp với sự phát triển của Trường trong giai đoạn hiện nay và đáp ứng yêu cầu của ngành Y tế [[H9.09.05.02](#)]. Đồng thời Trường cũng rất quan tâm đến các hoạt động của người khuyết tật, những công trình xây dựng đều có thiết kế khu vực, lối đi vào, nhà vệ sinh cho người khuyết tật đến liên hệ công tác làm việc ở khu hiệu bộ của Trường [[H9.09.05.03](#)].

Trường đã ký hợp đồng với Công ty vệ sinh thành phố Đà Nẵng [[H9.09.05.04](#)] xử lý rác thải môi trường, vận chuyển rác thải hàng ngày, riêng rác thải y tế ở các phòng thí nghiệm thực hành được đưa về Trung tâm Y khoa để xử lý [[H9.09.05.05](#)]; hợp đồng Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Green Passion dọn vệ sinh thường xuyên trong các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, phòng làm việc, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên Trường; thường xuyên phun thuốc diệt muỗi, phòng chống dịch bệnh có khả năng bùng phát như sốt xuất huyết, ...đảm bảo vệ sinh cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn vệ sinh môi trường; Đoàn trường, các nhóm, câu lạc bộ SV của Trường phát động phong trào bảo vệ môi trường khu vực xung quanh bên ngoài Trường, phối hợp với các địa phương bên ngoài Trường đảm bảo vệ sinh môi trường.

Hàng năm, Trường hợp đồng với Trung tâm Y khoa - ĐHĐN tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBVC, người lao động [[H9.09.05.06](#)] và tổ chức khám sức khỏe cho

SV mới nhập học [[H8.08.05.09](#)]. Trường trang bị bảo hộ lao động cho các CBVC, người lao động theo đúng các quy định của ngành y tế [[H9.09.05.07](#)]. Trường thành lập Đội PCCC&CHCN và phối hợp với Văn phòng ĐHĐN, Công an PCCC quận Ngũ Hành Sơn xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng chữa cháy tại chỗ của Trường, xây dựng phương án PCCC trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức diễn tập các phương án PCCC trong phạm vi Trường [[H9.09.05.08](#)]. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các thiết bị PCCC xem còn tem dán, hạn sử dụng hay không, bổ sung các trang thiết bị chữa cháy kịp thời bổ sung các trang thiết bị, các tiêu lệnh về PCCC [[H9.09.05.09](#)].

Trường đã phân công CBVC trực tăng cường để đảm bảo an ninh trật tự tại Trường trong những dịp lễ, tết; có kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an ninh - trật tự tại cơ quan. Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Thành Long đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường 24/24 giờ kể cả ngày lễ, tết [[H9.09.05.10](#)]. Phòng Y tế có 06 cán bộ là được phân trực để xử trí những tình huống sức khỏe bất thường cho CBVC và SV.

Trường còn thực hiện các cuộc khảo sát để thu thập phản hồi của người học và giảng viên về mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn. Các báo cáo đã làm rõ những vấn đề chính cần giải quyết để cải thiện môi trường học tập cho cả người học và cán bộ [[H9.09.05.11](#)].

Ngoài ra, Trạm Y tế của Trường được phân công có cán bộ để xử trí những tình huống sức khỏe bất thường cho cán bộ viên chức, giảng viên và sinh viên [[H9.09.05.12](#)].

2. Điểm mạnh

- Với CSVC mới được ĐHĐN đầu tư xây dựng và giao cho Trường sử dụng (năm 2018 và cuối năm 2021) nên trong thời gian vừa qua về môi trường, sức khỏe, an toàn, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự được quan tâm.

3. Điểm tồn tại:

- Việc hỗ trợ cho người khuyết tật mới chỉ dừng lại ở tầng 1, các tầng 2,3,4,5 chưa có để hỗ trợ cho người khuyết tật. Công tác đảm bảo sức khỏe môi trường hiện nay được phổ biến và triển khai đến các Phòng chức năng, Bộ môn, CBVC, người lao động và SV trong toàn Trường thông qua các kênh truyền thống như trong cuộc họp, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa..., chưa được phổ biến tuyên truyền rộng rãi qua các kênh thông tin khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất thành lập đội/nhóm sinh viên các lớp hỗ trợ người khuyết tật theo các lớp (nếu có) hỗ trợ khi di chuyển lên các tầng học; Tuyên truyền thông tin qua các kênh tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, qua Fanpage, nhóm Zalo, Giáo viên chủ nhiệm ...	Phòng KH-HTPT&CTSV, Đoàn TN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên cập nhật và quan tâm đến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn. - Tăng cường cây xanh trong tòa nhà.	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Nhìn chung CSVC, trang thiết bị và thư viện hiện có của Trường đã đáp ứng đủ cơ bản về trang thiết bị cần thiết cho công tác ĐT ngành ĐD hiện nay. Phòng thí nghiệm, thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại, Thư viện được trang bị và đầu tư thường xuyên về trang thiết bị và đa dạng các đầu sách để NH học tập tham khảo mỗi khi có nhu cầu. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT, các phần mềm hỗ trợ công việc hiện đại, được cập nhật công nghệ liên tục đảm bảo nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, làm việc và các công tác khác. Trường được ĐHĐN hỗ trợ bố trí ký túc xá cho NH ăn ở, học tập và sinh hoạt thuận lợi ngay vị trí gần Trường. Trường luôn quan tâm, thực hiện các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường đáp ứng tốt nhất cho CBGV và NH.

Trong thời gian tới, Trường sẽ tiếp tục được ĐHĐN hỗ trợ mở rộng diện tích, đầu tư thêm kinh phí để nâng cấp CSVC, trang bị thêm các thiết bị dạy học, hạ tầng CNTT, các tài liệu tham khảo, giáo trình, tăng cường công tác quản lý theo dõi và sử dụng tài sản nâng cao công tác an toàn, môi trường, sức khỏe để nâng cao chất lượng về CSVC để phục vụ tốt công tác ĐT và NCKH.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 9: 4/5 tiêu chí đạt yêu cầu mức 5/7, 1/5 tiêu chí đạt yêu cầu mức 4/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

TYD - ĐHĐN với sứ mệnh ĐT nguồn nhân lực y tế trình độ ĐH và sau ĐH; NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân; là động lực quan trọng cho sự phát triển nguồn nhân lực y tế vừa khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Chính vì vậy, Trường rất chú trọng việc nâng cao chất lượng giáo dục trong suốt quá trình xây dựng, triển khai và phát triển CTĐT giúp NH đạt được CĐR và Chuẩn năng lực cơ bản của ĐD Việt Nam. Quá trình thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục được tiến hành một cách chặt chẽ và có hệ thống thông qua các hoạt động thu thập thông tin ý kiến phản hồi của các bên liên quan để rà soát và phát triển CTDH; đảm bảo chất lượng trong KTĐG; áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học; cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích; tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động thu thập, phân tích thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan là cơ sở cực kỳ quan trọng trong việc thiết kế và phát triển CTDH nhằm đáp ứng CĐR CTĐT và nhu cầu xã hội. ĐHĐN đã ban hành Chiến lược ĐBCLGD với mục tiêu hoàn thiện, củng cố và thúc đẩy phát triển tốt hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, xây dựng hệ thống giám sát chất lượng các CTĐT, giám sát chất lượng CĐR CTĐT, mức đạt CĐR của NH [[H1.01.01.05](#)]. Hoạt động thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được TYD tổ chức thực hiện thông qua sự phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, trong đó Phòng ĐT&ĐBCL chịu trách nhiệm chính [[H10.10.01.01](#)]. Nhằm đảm bảo hiệu quả và chất lượng trong quá trình thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, TYD đã ban hành Quy trình khảo sát các bên liên quan [[H10.10.01.02](#)]. Từ việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan, tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát, đối chiếu với yêu cầu của Bộ và sứ mạng, tầm nhìn của ĐHĐN và TYD, Trường tiến hành đánh giá CTĐT, rà soát, điều chỉnh, phát triển CTĐT.

Quá trình thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan đối với ngành ĐD được tiến hành thực hiện với SV, cựu SV, GV và cán bộ hỗ trợ, NTD với các nội dung liên quan đến từng đối tượng. Đối với SV khảo sát về CTĐT, CĐR, phương pháp giảng dạy, KTĐG, CSVC và dịch vụ hỗ trợ; đối với SV sau khi tốt nghiệp khảo sát về CTĐT, tình hình việc làm; đối với GV và cán bộ hỗ trợ khảo sát về CTĐT, CĐR, CSVC và dịch vụ hỗ trợ; đối với NTD khảo sát về CTĐT hiện hành, chất lượng SV tốt nghiệp. Quá trình này được thực hiện thông qua các buổi hội thảo, email và phiếu khảo sát trực tiếp [[H10.10.01.03](#)]. Ngoài ra, hoạt động thu thập thông tin phản hồi của SV, GV và các nhà chuyên môn còn được nhà trường thu thập qua các kênh diễn đàn của

SV, cựu SV hay các Hội nghị đối thoại giữa SV và BGH [H10.10.01.04]; [H10.10.01.05]. Hơn nữa, nhà trường còn thực hiện tổng hợp và thống kê nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội theo thời điểm [H10.10.01.06]. Sau đó, dữ liệu khảo sát sẽ được tổng hợp, phân tích và báo cáo đến đơn vị phụ trách đề xuất điều chỉnh, cập nhật và bổ sung CTĐT [H10.10.01.07].

Trên cơ sở của các ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, TYD tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT ngành ĐD. [H1.01.01.13]; [H1.01.01.20]. Từ kết quả thu được sau quá trình rà soát, TYD đã điều chỉnh và cập nhật CTDH ngành ĐD vào năm 2019, 2021 và 2023 đảm bảo CDR của CTĐT với một số nội dung nổi bật:

Năm	Nội dung cập nhật	Đóng góp cải tiến
2019	Bổ sung thêm một số HP thuộc khối kiến thức chung như chủ nghĩa xã hội khoa học, pháp luật đại cương	Nâng cao nhận thức của SV về các vấn đề chính trị, xã hội trong thời kỳ đổi mới.
	Tách riêng phần lý thuyết và thực hành lâm sàng của các HP chuyên ngành.	Điều chỉnh CTDH theo hướng phát triển năng lực NH, đáp ứng nhu cầu việc làm sau khi tốt nghiệp
2021	CTDH tiếp tục được rà soát và điều chỉnh theo hướng cụ thể hóa các CDR bằng các chỉ số đánh giá (PI) có thể đo lường được; các HP, phương pháp dạy - học và KTĐG cũng được điều chỉnh	Cụ thể hóa chuẩn, giúp NH có thể đạt được các CDR.
2023	Số TC thực hành trong khối HP tự chọn cũng được tăng lên	Nhằm mục đích tăng cường năng lực thực hành nghề nghiệp. SV có thể lựa chọn các HP theo nhu cầu theo hướng chuyên ngành khác nhau như các HP nâng cao và các HP chuyên khoa Mắt, Răng - Hàm - Mặt, Tai - Mũi - Họng, Da liễu...
	Nhiều HP có tính tích hợp cả lý thuyết và thực hành	Nhằm giúp NH có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành năng lực chuyên môn, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn
	Tích hợp các HP Dịch tễ - Thống kê - NCKH ĐD SV, Khóa luận và TTTN	SV sẽ có cơ hội hình thành và rèn luyện kỹ năng NCKH thông qua các hoạt động chuyên môn tại các cơ sở y tế khác nhau. Từ đó đưa ra định hướng nghề nghiệp, học tập trong tương lai

Ngoài ra CTDH được điều chỉnh, cải tiến theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ trách nhiệm, đáp ứng CĐR; tăng cường các kiến thức cập nhật, tăng thời lượng thực hành, thực tế cũng như tăng cường kết nối với NTD... thu hẹp khoảng cách giữa ĐT và thực tế công việc, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động [H1.01.01.01].

2. Điểm mạnh

- Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn, phương pháp thu thập khoa học và tin cậy.

- Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiếp nhận và sử dụng hiệu quả để cải tiến CTDH và nâng cao chất lượng ĐT.

3. Điểm tồn tại

- Hình thức lấy ý kiến phản hồi phụ thuộc chủ yếu vào khảo sát, các hình thức hội nghị, hội thảo, đối thoại trực tiếp với các bên liên quan còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành đa dạng hơn các hình thức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, tổ chức các hội nghị, hội thảo, đối thoại lấy ý kiến trực tiếp	Phòng ĐT&ĐBCL, HC-HT, KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì thường xuyên hoạt động triển khai lấy ý kiến và phân tích ý kiến phản hồi của các bên liên quan với các phương pháp thu thập khoa học và tin cậy	Phòng ĐT&ĐBCL, HC-HT, KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	

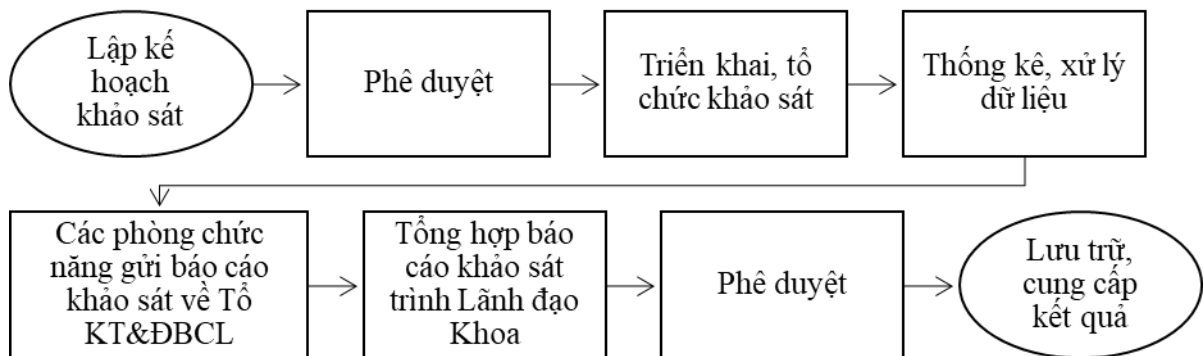
5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Phát triển CTDH có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng ĐT nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội. Nhận thức được vai trò quan trọng này, TYD đã ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH dựa trên các văn bản quy định của BGD&ĐT, ĐHĐN và tình hình, hoạt động thực tiễn của Trường do Phòng ĐT&ĐBCL đảm nhiệm vai trò làm đầu mối [H1.01.01.02]; [H1.01.01.03]; [H10.10.01.01].

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH gồm các bước: (1) Phân tích nhu cầu; (2) xác định mục tiêu môn học; (3) Lập kế hoạch thiết kế, xây dựng CTDH; (4) Phê duyệt; (5) Triển khai thực hiện; (6) Rà soát, cải tiến, cập nhật; (7) Lưu hồ sơ. Để phát triển CTDH, ĐHĐN và TYD đã ban hành CĐR trình độ ĐH các ngành ĐT của TYD, ĐHĐN; Quy trình biên soạn, thẩm định, lựa chọn và sử dụng giáo trình tại TYD, ĐHĐN; Quy trình xây dựng kế hoạch ĐT năm học tại TYD, ĐHĐN; Quy trình khảo sát các bên liên quan [H10.10.02.01]. Sau khi ban hành các Quy trình, TYD tiến hành lấy ý kiến khảo sát các đơn vị liên quan để đánh giá, cải tiến quy trình phù hợp với tình hình thực tế của Trường nhằm kịp thời điều chỉnh, cập nhật và phát triển CTDH [H10.10.02.02]. Căn cứ vào kế hoạch và hướng dẫn của ĐHĐN, Trường đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật CTĐT bằng cách thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan về CTĐT, CĐR và hoạt động giảng dạy của GV theo quy trình đã trình bày ở Hình 10.1 [H10.10.01.03]; [H10.10.01.07]; [H1.01.01.13].



Hình 1.3. Quy trình khảo sát các bên liên quan

Dựa trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các bên cũng như các cuộc họp của BGH nhà Trường đã điều chỉnh và cập nhật một số nội dung trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH như trong xây dựng CTDH, nội dung dạy học đã thay đổi số lượng HP, phân bổ lại số tiết giảng dạy và tăng cường số tiết cho những HP thực hành chuyên ngành nhằm nâng cao kỹ năng lâm sàng, bổ sung thêm HP thuộc khối kiến thức hỗ trợ để trang bị và rèn luyện, phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng nghề cho SV, thay đổi phương pháp giảng dạy phù hợp với tình hình thực tế, điều chỉnh CĐR của CTĐT và xây dựng Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP [H10.10.02.03]; [H1.01.02.04]; [H1.01.01.20]; [H1.01.01.04]. Đặc biệt, Trường đã tập trung hơn vào việc phân tích nhu cầu xã hội, điều này thể hiện qua Bảng thống kê nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị [H10.10.01.06]. Những nội dung

trên cho thấy, TYD đã có những bước cải tiến các nội dung trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH để trở nên phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

2. Điểm mạnh

- Các quy trình xây dựng và phát triển CTĐT được ban hành rõ ràng và hướng dẫn cụ thể, phù hợp với quy định của BGD&ĐT và có cải tiến để phù hợp với tình hình thực tiễn tại TYD.

- Khi ban hành quy trình mới, TYD đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

- Chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi một cách cụ thể từ các chuyên gia, hầu hết đều dừng lại ở mức tổng quát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thêm các Hội thảo về phát triển CTĐT để lấy ý kiến phản hồi cụ thể từ các chuyên gia	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT phù hợp với từng hoàn cảnh và giai đoạn	Phòng ĐT&ĐBCL Bộ môn ĐD	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình dạy và học, KTĐG KQHT là những khâu rất quan trọng không thể thiếu trong các bước thực thi nội dung của CTDH. KTĐG KQHT là bước cuối cùng, không chỉ phản ánh năng lực học tập của SV, mà còn phản ánh hiệu quả phương pháp giảng dạy của GV, từ đó có những điều chỉnh CĐR CTĐT phù hợp. Với mục đích đảm bảo thực hiện CĐR, TYD đã áp dụng hệ thống các quy trình để rà soát quá trình tổ chức dạy học và KTĐG phù hợp với các quy định của BGD&ĐT và ĐHĐN [[H10.10.03.01](#)]. Ngoài ra, hàng năm Trường cũng ban hành kế hoạch, thành lập các ban rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT để thực hiện điều chỉnh CTĐT nếu cần nhằm đảm bảo NH có thể đạt được các CĐR của CTĐT [[H10.10.03.02](#)].

Quá trình dạy và học được Trường giao cho Phòng ĐT&ĐBCL làm đầu mối quản lý chính, phân công cụ thể vào mỗi học kỳ và quản lý sát sao bằng các sổ đầu bài và phần mềm ĐT, đảm bảo cả GV và SV đều nghiêm túc trong quá trình dạy và học. Qua bảng phân công giảng dạy, mỗi GV tự kiểm soát và điều chỉnh kịp thời tiến trình giảng dạy của mình sao cho phù hợp với kế hoạch đã thiết kế [H3.03.01.05]. Một kênh truyền thông khác để theo dõi khối lượng giờ dạy của GV là sổ đầu bài. Sổ ghi chép này còn là một công cụ quan trọng để Bộ môn và Trường giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các HP [H10.10.03.03].

Việc KTĐG KQHT được giao cho Phòng ĐT&ĐBCL dực chịu trách nhiệm và phối hợp với các Phòng chức năng, Bộ môn thực hiện. Trong đó nêu rõ, đề thi KTHP phải bám sát mục tiêu HP, đo lường được CĐR đã quy định trong chương trình, đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, phân loại được KQHT của SV. Thời gian dịch Covid-19, quá trình dạy và học, đánh giá KQHT diễn ra trực tuyến; để đảm bảo chất lượng, Phòng ĐT&ĐBCL đã tham mưu cho Trường ban hành Quy định tổ chức KTĐG trực tuyến [H10.10.03.04].

Với mục đích chuẩn hóa hoạt động KTĐG KQHT, đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng và phù hợp với mục tiêu ĐT, góp phần chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giảng dạy; đồng thời giúp NH chủ động lập kế hoạch học tập có chiến lược và phương pháp, đáp ứng CĐR của HP, các Bộ môn đã xây dựng ĐCCT các HP, trong ĐCCT đã chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần KTĐG [H1.01.02.04]. Các lần KTĐG trong một học kỳ bao gồm: chuyên cần, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H5.05.01.09]. Mỗi HP có thể có nhiều nội dung và hình thức đánh giá khác nhau, được quy định thành 3 cột điểm thành phần, với mỗi nhóm HP khác nhau thì 3 cột điểm thành phần cũng khác nhau [H3.03.02.01]. Sau khi kiểm tra, GV sẽ nhập điểm và lưu trữ bảng điểm bằng phần mềm hệ thống quản lý trực tuyến dành cho GV [H5.05.03.02]. Hàng kỳ, hàng năm, sau khi có kết quả KTĐG các HP của SV và kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động KTĐG, Phòng ĐT&ĐBCL cũng tổ chức họp, báo cáo kết quả công tác tổ chức thi KTHP [H5.05.01.06].

Các năm học qua, Phòng ĐT&ĐBCL đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy; hoạt động KTĐG KQHT của GV [H10.10.01.02]; [H10.10.03.05]; [H10.10.03.06]. Tất cả các nội dung khảo sát về Phương pháp và phương tiện giảng dạy của GV được đánh giá từ mức độ trung bình trở lên chiếm tỉ lệ trên 75%. GV có thái độ thân thiện, tôn trọng và khuyến khích NH tham gia phát biểu ý kiến, xây dựng bài học được đánh giá cao nhất (97.62%). Và có 78.7% SV đồng ý là đề thi phù hợp với mục tiêu, CĐR HP và các nội dung đã giảng dạy. Những kết quả khảo sát đều được tổng hợp thành báo cáo, gửi cho BGH, các Phòng chức năng và Bộ môn để tham khảo và có biện pháp cải tiến [H10.10.03.07].

Ngoài ra, các lớp đã tổ chức buổi họp lớp để trao đổi về tình hình học tập, kết quả kiểm tra cũng như các nội dung liên quan đến quá trình học của SV từng học kỳ để tư vấn cho SV và có những kế hoạch điều chỉnh cho phù hợp [H05.05.04.07]. Trong

năm học trước, Trường cũng đã tổ chức buổi đối thoại SV với BGH để có thể nắm bắt tâm tư nguyện vọng và giải quyết kịp thời các mối quan tâm của SV [H2.02.03.04].

Tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan về phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG KQHT được tiếp thu và giúp cho Trường đánh giá sự tương thích, phù hợp giữa phương pháp dạy học, phương pháp KTĐG KQHT với CDR CTĐT [H10.10.03.08]. Bên cạnh đó Trường cũng tiến hành rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật CTĐT ngành ĐD qua các năm [H1.01.01.20]; [H1.01.01.22].

2. Điểm mạnh

- Quy trình KTĐG KQHT được quy định rõ ràng, hình thức KTĐG đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng HP. Quy trình rà soát quá trình đánh giá KQHT của NH được thiết kế và tổ chức chặt chẽ.

- Tổ chức các buổi họp lớp, đối thoại, khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về quá trình dạy học và KTĐG KQHT.

- Hoạt động rà soát, đánh giá quá trình dạy học, phương pháp đánh giá KQHT được triển khai định kỳ, một cách có hệ thống thường xuyên theo từng học kỳ.

3. Điểm tồn tại

- Chưa tổ chức được các buổi hội thảo về đổi mới giảng dạy và học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức các buổi hội thảo về đổi mới giảng dạy và học tập.	Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động KTĐG KQHT theo quy định	TYD	Hàng năm	
		Triển khai thêm các phương pháp mới trong dạy học, đánh giá KQHT.	TYD	Từ năm 2024 - 2025	
		Khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động KTĐG	TYD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ĐH. Xác định tầm quan trọng của hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, ĐHĐN đã ban hành chiến lược phát triển KH&CN và xem đây là động lực then chốt để phát triển giáo dục một cách toàn diện và cụ thể là ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học [H10.10.04.01]. Điều này được thể hiện rõ qua thông qua việc ban hành các quy định và chính sách khuyến khích liên quan đến hoạt động NCKH của GV và SV [H10.10.04.02].

Với nhiệm vụ được giao trong chiến lược phát triển KH&CN và tinh thần cống hiến cho giáo dục, đội ngũ CBGV của TYD đã thực hiện nhiều đề tài NCKH, xuất bản sách hay chủ trì các dự án KH&CN và mang lại những kết quả đáng kể trong thời gian vừa qua từ đề tài cấp cơ sở cho đến cấp ĐHĐN. Nhiều sản phẩm khoa học, bài báo công bố trong nước và các bài báo công bố quốc tế hay từ các dự án các cấp được nghiệm thu [H10.10.04.03]. Các đề tài NCKH và sáng kiến kinh nghiệm đều bắt nguồn từ các vấn đề nảy sinh trong quá trình dạy và học, kết quả đạt được đã đóng góp trực tiếp vào việc cải tiến việc dạy và học tại TYD. Trong các buổi giảng dạy lý thuyết hay cả thực hành lâm sàng thì kết quả NCKH của GV điều được lồng ghép vào để cập nhật kiến thức chuyên ngành mới nhất đến người học (Bảng 2.13). Ngoài ra, các báo cáo NCKH còn được dùng tài liệu tham khảo cho SV nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn cũng như hiểu biết về kỹ năng NCKH [H10.10.04.04]. Sáng kiến Ứng dụng mã nguồn mở moodle tổ chức thi KTHP hình thức trắc nghiệm trên máy tại Trường cũng được đưa vào ứng dụng nhằm cải tiến hoạt động KTĐG học tập của SV [H9.09.04.17].

Để thúc đẩy phong trào NCKH và nâng cao chất lượng của các hoạt động KH&CN, TYD thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, seminar để phổ biến các kết quả NCKH, kiến thức chuyên ngành, kỹ năng lâm sàng mới nhất đến GV và SV nhà trường [H6.06.07.02]. Bên cạnh đó, không chỉ hướng đến đối tượng GV mà SV còn được khuyến khích tham gia NCKH và đặc biệt là tham gia vào các cuộc thi NCKH các cấp để nâng cao năng lực NCKH cũng như một số kỹ năng cần thiết cho bản thân trong học tập như: kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, tư duy, phản biện; kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo khoa học [H6.06.07.05]; [H10.10.04.05].

Bảng 2.13. Bảng Thống kê các kết quả nghiên cứu khoa học của Khoa được áp dụng vào hoạt động dạy và học (trong 5 năm học gần nhất)

STT	Tên đề tài	Năm nghiệm thu	Học phần
2	Dengue hemophagocytic syndrome: A systematic review and meta-analysis on epidemiology, clinical signs, outcomes, and risk factors	2018	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm. Chương 5: Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm lây qua đường da,

STT	Tên đề tài	Năm nghiệm thu	Học phần
			niêm và vật chủ trung gian
4	Nghiên cứu tình hình bệnh viêm gan siêu vi B, C và thực trạng chẩn đoán, điều trị, theo dõi viêm gan B, C tại Đà Nẵng	2019	Chăm sóc sức khỏe nội khoa. Chương 3: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh lý nội tiêu hóa
5	Methodological steps used by authors of systematic reviews and meta-analyses of clinical trials: a cross-sectional study	2019	Dịch tễ - Thống kê – Phương pháp nghiên cứu khoa học. Bài học: Các mô hình thiết kế nghiên cứu.
6	Nghiên cứu tình hình nuôi con bằng sữa mẹ ở trẻ từ 0-24 tháng tuổi tại Việt Nam và các yếu tố liên quan	2020	Chăm sóc sức khỏe trẻ em. Chương 3: dinh dưỡng trẻ em
8	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp dạy học dựa trên vấn đề vào giảng dạy học phần Nội khoa tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	2021	Chăm sóc sức khỏe nội khoa
10	Nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong thời gian nằm viện sau sinh và các yếu tố liên quan	2022	Chăm sóc sức khỏe trẻ em. Chương 3: dinh dưỡng trẻ em

2. Điểm mạnh

- Các kết quả NCKH đã được áp dụng vào quá trình dạy và học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Hoạt động NCKH trong GV và SV ngày càng được đẩy mạnh.

3. Điểm tồn tại

- Việc ứng dụng vào thực tiễn các đề tài NCKH của GV còn chưa đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Đưa ra Quy định về định hướng nghiên cứu của GV phải phù hợp	Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	

	điểm tồn tại	với chuyên ngành và có thể áp dụng vào quá trình dạy và học.			
2	Phát huy điểm mạnh	Thúc đẩy phong trào NCKH trong GV và SV bằng nhiều chính sách khen thưởng	Phòng KH-HTPT&CTSV Phòng HC - TH Đoàn TN	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình nâng cao và phát triển chất lượng ĐT thì vai trò của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác là hết sức quan trọng, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho NH trong quá trình học tập và rèn luyện tại TYD. Chính vì vậy, việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện nhằm góp phần vào công tác ĐBCLGD trong Chiến lược phát triển ĐHĐN thời gian đến [[H01.01.01.05](#)]; [[H10.10.05.01](#)]. Xác định công tác thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, Trường đã ban hành kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các đối tượng là SV, cựu SV và GV nhằm đánh giá mức độ đáp ứng của các tiện ích và dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [[H10.10.05.02](#)]. Căn cứ vào các kết quả trên, Trường tiến hành phân tích hiện trạng và khả năng đáp ứng nhu cầu của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đối với hoạt động ĐT [[H10.10.05.03](#)]. Sau đó, Trường đã thường xuyên rà soát, đầu tư, cải tiến hệ thống CSVC, sửa chữa các trang thiết bị phòng thí nghiệm, phòng thực hành và tăng cường các hoạt động hỗ trợ NH nhằm đáp ứng và phát triển CTDH. Cụ thể, hằng năm, Trường đều tiến hành kiểm kê tài sản cố định và lên kế hoạch sửa chữa, mua sắm trang thiết bị mới để phục vụ cho việc dạy và học tối ưu nhất [[H10.10.05.04](#)]; [[H10.10.05.05](#)].

Sau khi thực hiện các biện pháp đánh giá, giám sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, Trường đã thực hiện các biện pháp cải tiến. Cụ thể, TYD đã được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng tòa nhà thí nghiệm, thực hành, đây được xem là một bước tiến lớn trong việc nâng cao chất lượng về CSVC và tiện ích cho CTDH. Từ đó, Trường đã ban hành quyết định thành lập Trung tâm TN&TLS và Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị này nhằm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Trung tâm đạt hiệu quả cao nhất [[H10.10.05.06](#)]. Về Thư viện, Trường đã bố trí thư viện và phòng đọc ở một không gian yên tĩnh và thoáng đãng, bao gồm rất nhiều đầu sách từ giáo trình, tài liệu tham khảo cho đến các tạp chí NCKH; phòng đọc được phủ sóng wifi tốc độ cao. Để đa

dạng và phong phú nguồn tài liệu, Trường luôn có kế hoạch đầu tư và trích ngân sách cho việc cập nhật thêm nhiều nguồn tài liệu mới nhằm giúp cho NH được tiếp thu với kiến thức hiện đại mới nhất từ đó góp phần nâng cao chất lượng ĐT. Các nguồn tài liệu mở online cũng được Trường chú trọng đầu tư và phát triển. Vào đầu mỗi năm học, Trường có tổ chức giới thiệu Thư viện trong tuần sinh hoạt công dân để sinh viên biết được quy định và hướng dẫn cách sử dụng, đăng nhập vào hệ thống Thư viện cũng như chia sẻ tài liệu hướng dẫn cho sinh viên tham khảo. Trang thông tin Thư viện điện tử Primo của Trường http://libs.udn.vn/primo_library/libweb/action/search.do?vid=lyd được kết nối hệ thống biên mục Aleph hỗ trợ bạn đọc tìm kiếm thông tin tài liệu, bài giảng, khoá luận tốt nghiệp, đề tài NCKH. Đặc biệt, TYD có hệ thống thư viện trực tuyến, là thành viên của hệ thống thư viện ĐHQĐN ALNET, SV có thể tra cứu nguồn tài liệu của tất cả các trường đại học thành viên. Đây là một nguồn dữ liệu thông tin khổng lồ, đa lĩnh vực mà SV có thể truy cập sử dụng bất cứ lúc nào. Ngoài ra, Trường còn liên kết với Trường Đại học Y - Dược Cần Thơ, Trường Đại học Y - Dược Huế để mở rộng nguồn học liệu, giúp GV, SV có thêm nguồn tài liệu tham khảo phong phú, dễ dàng truy cập dữ liệu mọi lúc mọi nơi [H10.10.05.07]. Về hệ thống CNTT, Trường chú trọng xây dựng hệ thống CNTT để quản lý và phục vụ hoạt động dạy và học bằng việc Phòng KH-HTPT&CTSV thường xuyên tổ chức tập huấn và chuyển giao công nghệ cho các phòng ban, GV và SV để sử dụng hiệu quả tối ưu hệ thống CNTT của Trường. Các văn phòng làm việc của trường đều được trang bị máy tính, máy in cấu hình đồng bộ và kết nối mạng internet tốc độ cao [H10.10.05.08]. Về phòng thí nghiệm và thực hành, Trường luôn có chủ trương đầu tư mạnh mẽ cho hệ thống các phòng thí nghiệm và phòng thực hành nhằm nâng cao khả năng nghiên cứu và kỹ năng tiền lâm sàng cho SV. Đây là bước đệm vững chắc cho SV trước những kỳ thực tập chính thức tại các BV, các cơ sở thực hành nghiên cứu. Do đó mà, Phòng thí nghiệm và phòng thực hành luôn được nâng cấp, trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập hiệu quả nhất [H10.10.05.09]. Bên cạnh đó, công tác chăm sóc sức khỏe cho GV và SV cũng được quan tâm. Điều này thể hiện qua việc Trường đã thành lập Tổ Y tế học đường nhằm xử trí những tình huống xấu liên quan đến sức khỏe của SV, CBGV tại Trường. Các công tác khác như đối thoại SV với Nhà trường, họp lớp chủ nhiệm cũng được duy trì thường xuyên nhằm nắm bắt tư tưởng, nguyện vọng của SV hay những vướng mắc, khó khăn còn tồn tại của Trường; hay các hoạt động ngoại khóa, đoàn thể ngày càng được tổ chức nhiều hơn để giúp cho SV có thể rèn luyện, nâng cao kỹ năng mềm cho bản thân. Tất cả điều đó đã góp phần chung vào việc cải thiện chất lượng đào tạo tại TYD [H10.10.05.10]; [H10.10.05.11].

2. Điểm mạnh

- Trường đã chú trọng đến việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích;
- Trường đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến CSVC.

3. Điểm tồn tại

- Nguồn tài liệu tham khảo của ngành ĐD chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung nguồn tài liệu tham khảo của ngành ĐD	- Khoa ĐD&KTYH; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Tại TYD cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cấu trúc một cách hệ thống và được phân công phụ trách cụ thể theo chức năng và nhiệm vụ của từng đơn vị trực thuộc. Những quy trình, quy định và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan được thể hiện một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống. Trong đó, Phòng ĐT&ĐBCL chịu trách nhiệm chính triển khai hoạt động đánh giá chất lượng của Trường thông qua ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT; chất lượng hoạt động giảng dạy, KTĐG của GV; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích, tiện ích giáo dục và mức độ đáp ứng của khóa học; mức độ đáp ứng của hệ thống CSVC; tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [[H10.10.01.02](#)]; [[H10.10.01.01](#)]; [[H5.05.01.11](#)]; [[H10.10.01.02](#)]. Trong đó, Phòng ĐT&ĐBCL chịu trách nhiệm chính triển khai hoạt động đánh giá chất lượng của Trường thông qua ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT; chất lượng hoạt động giảng dạy, KTĐG của GV; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích, tiện ích giáo dục và mức độ đáp ứng của khóa học; mức độ đáp ứng của hệ thống CSVC; tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. [[H10.10.01.02](#)], [[H10.10.01.01](#)]; [[H5.05.01.11](#)].

Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi và các loại thông tin cần phản hồi từ các bên liên quan được mô tả như Bảng 2.14.

Bảng 2.14. Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi và các loại thông tin cần phản hồi từ các bên liên quan

Stt	Đối tượng	Loại thông tin cần phản hồi	Hình thức thu thập ý kiến phản hồi	Đơn vị thực hiện
1	Sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - CTĐT - Hoạt động giảng dạy của GV - Hoạt động KTĐG KQHT NH của GV - Chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục - Chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm - Chất lượng khóa học - Môi trường làm việc, an toàn, sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát trực tuyến qua Google form/ UniServey - Phiếu khảo sát giấy - Hội nghị đối thoại giữa SV và Lãnh đạo khoa/ Các Phòng chức năng - Phản hồi thông qua giờ sinh hoạt lớp, giờ học 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL - Phòng KH-HTPT&CTS V
2	Cựu sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - CTĐT - Tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát trực tuyến qua google form Khảo sát qua gọi điện thoại 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL
3	Giảng viên và cán bộ hỗ trợ	<ul style="list-style-type: none"> - CTĐT - CSVC và chất lượng phục vụ - Môi trường làm việc, an toàn, sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu khảo sát giấy - Khảo sát trực tuyến qua google form - Các cuộc họp, Hội nghị cán bộ viên chức thường niên 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL - Phòng HC-TH
4	Nhà tuyển dụng	<ul style="list-style-type: none"> - CTĐT 	Phiếu khảo sát	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL

Bên cạnh việc thực hiện các khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV qua bảng câu hỏi [[H10.10.06.01](#)], Trường còn tiếp nhận ý kiến phản hồi của SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp [[H5.05.04.07](#)], các buổi đối thoại giữa SV với BGH, các Trưởng phòng ban chức năng [[H2.02.03.04](#)]. Ý kiến phản hồi của CBGV cũng được khảo sát dựa trên các bảng câu hỏi [[H10.10.06.02](#)] và thông qua các cuộc họp [[H1.01.01.20](#)]; [[H1.01.01.21](#)], Hội nghị CBVC được tổ chức thường niên, [[H10.10.06.03](#)], hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan [[H10.10.06.04](#)].

Sau quá trình khảo sát, các kết quả được tổng hợp và phân tích, làm cơ sở để thực hiện cải tiến các hoạt động ĐT và nghiên cứu [[H10.10.06.05](#)]. Đối với Bộ môn, kết quả khảo sát được dùng để điều chỉnh, phát triển CTĐT và CDR [[H1.01.01.20](#)];

[[H1.01.01.01](#)], [[H10.10.06.06](#)]; [[H10.10.06.07](#)]; [[H10.10.06.01](#)]; [[H10.10.06.02](#)]. Đối với GV, kết quả khảo sát là cơ sở để đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và KTĐG [[H10.10.06.01](#)]. Đối với các Phòng chức năng, đây là cơ sở điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [[H10.10.06.01](#)]; [[H10.10.06.02](#)]. Đối với Trường, tất cả các kết quả từ việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được dùng để xây dựng và điều chỉnh chiến lược phát triển Trường [[H10.10.06.05](#)].

Hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được rà soát, đánh giá hiệu quả và đề xuất các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng khảo sát. Thông qua các quá trình khảo sát, hệ thống bảng câu hỏi và khảo sát có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thu thập được các thông tin phản hồi chuẩn xác nhất và thích hợp với tình hình hiện tại của xã hội [[H10.10.06.01](#)]; [[H10.10.06.02](#)]; [[H10.10.06.06](#)]; [[H10.10.06.07](#)]. Bên cạnh đó, Trường cũng cải tiến công cụ khảo sát bằng cách ứng dụng CNTT vào việc khảo sát qua hệ thống khảo sát NH trên website của Trường [[H10.10.06.08](#)]. Kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng các bảng số liệu thuận tiện cho việc trích xuất, phân tích dữ liệu và đảm bảo tính hệ thống và chuẩn xác. Theo quy trình ban hành, Phòng ĐT&ĐBCL là đơn vị đầu mối tổ chức tất cả các hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Tuy nhiên để mang lại hiệu quả cao hơn, BGH đã thực hiện phân công cho các đơn vị tự chủ trì tổ chức các khảo sát liên quan đến lĩnh vực của mình. [[H10.10.06.09](#)] Theo đó, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ khảo sát các bên liên quan về CTĐT, hoạt động giảng dạy; Phòng HC-TH phụ trách khảo sát về CSVC, chất lượng phục vụ hỗ trợ, môi trường làm việc; Phòng KH-HTPT&CTSV khảo sát về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp; Phòng ĐT&ĐBCL vẫn nhận nhiệm vụ khảo sát về hoạt động KTĐG KQHT, đồng thời là đơn vị phối hợp với các đơn vị khác trong tất cả các hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Cải tiến này đã làm cho nội dung khảo sát được đầy đủ và phù hợp hơn.

2. Điểm mạnh

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá, phân tích, tổng hợp và cải tiến, là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội;

- Quy trình khảo sát, thông tin khảo sát có sự thay đổi và điều chỉnh theo tình hình của từng giai đoạn.

3. Điểm tồn tại

- Các đối tượng của quá trình khảo sát như SV, cựu SV và NTD chưa nhiệt tình tham gia đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành quy định tham gia khảo sát đối với SV. - Tăng cường tổ chức hội thảo với NTD lao động và cựu SV để thu thập thông tin phản hồi đầy đủ hơn. 	Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì và không ngừng cải tiến các hình thức khảo sát hiện có. - Mở rộng, áp dụng CNTT nhiều hơn vào quá trình khảo sát. 	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Hoạt động nâng cao chất lượng CTĐT đã được TYD quan tâm trong suốt quá trình ĐT thông qua việc mô tả cụ thể nội dung của các tiêu chí. TYD đã ban hành và triển khai thực hiện các quy trình như quy trình thiết kế và phát triển CTĐT; quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT; quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT; quy trình thi và đánh giá nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT, đồng thời khi ban hành các quy trình mới thì Trường đều tiến hành rà soát và chỉnh sửa để hoàn thiện và cải tiến chất lượng. Trong quá trình đánh giá và cải tiến chất lượng, Trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và những thông tin thu thập được đều được tổng hợp, phân tích và sử dụng để rà soát, bổ sung và điều chỉnh nhằm đạt hiệu quả tối ưu của các quy trình và dịch vụ, tiện ích tại Trường. Tuy nhiên, việc phản hồi thông tin khảo sát của các bên liên quan còn hạn chế, dữ liệu khảo sát chưa thật sự phong phú và đa dạng.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 10: 5/6 tiêu chí đạt yêu cầu mức 5/7, 1/6 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Sau quá trình ĐT, kết quả đầu ra chính là cơ sở để đánh giá chất lượng ĐT của mỗi ngành học. Vì vậy, mỗi ngành học đều được xây dựng kế hoạch phát triển rõ ràng và được giám sát chặt chẽ để đảm bảo CDR của CTĐT. Kết quả đầu ra của CTĐT được

thể hiện qua tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, loại hình và số lượng của các hoạt động NCKH của SV và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Cơ sở dữ liệu thu thập được chính là nguồn thông tin cần thiết phục vụ cho việc điều chỉnh và phát triển CTĐT.

Tiêu chuẩn 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả quá trình học tập của SV là một trong những chỉ số quan trọng nhằm đánh giá được hiệu quả và chất lượng ĐT. Để giám sát quá trình học tập của NH, Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp với Phòng KH-HTPT&CTSV để thống kê và giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học của SV. Trường xây dựng hệ thống quản lý ĐT qua các quy chế, quy định ĐT ĐH theo hệ thống TC, các phần mềm/website ĐT quản lý tốt nghiệp và thôi học, kế hoạch và biểu mẫu xét tốt nghiệp, quy trình xử lý học vụ cho SV, quy trình rà soát, đánh giá KQHT để thu thập dữ liệu về SV đang theo học CTĐT [[H11.11.01.01](#)]; [[H11.11.01.02](#)]; [[H5.05.03.02](#)]; [[H11.11.01.03](#)]; [[H11.11.01.04](#)]; [[H11.11.01.05](#)]; [[H10.10.03.01](#)].

Hàng năm, Trường thống kê số lượng SV nghỉ học, tổng SV toàn khóa, SV tốt nghiệp để xác định tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp theo từng khóa học và làm căn cứ để phân tích, đánh giá tình hình học tập của SV [[H11.11.01.06](#)]; [[H11.11.01.07](#)]; [[H5.05.04.08](#)]; [[H5.05.04.09](#)]; [[H11.11.01.08](#)]; [[H11.11.01.09](#)]. Từ các số liệu này, đặc biệt là tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, cảnh báo học vụ hàng năm, Trường đề xuất các biện pháp hỗ trợ học tập, cải tiến chất lượng để tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỉ lệ thôi học [[H11.11.01.10](#)]. Cụ thể, thông tin về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV 5 năm gần đây được thể hiện qua bảng 2.15 và bảng 2.16:

Bảng 2.15. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng (của 5 năm gần đây)

Khóa	Tổng số sinh viên tốt nghiệp	Số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn (4 năm)	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn (%)	Số lượng SV chưa TN
2015 - 2019	52	47	90,4	0
2016 - 2020	49	48	98	0
2017 - 2021	20	17	85	0
2018 - 2022	29	23	79,3	1
2019 - 2023	26	20	71,4	2
2020 - 2024	36	34	94,4	2

Bảng 2.16. Tỉ lệ sinh viên thôi học ngành Điều dưỡng (của 5 năm gần đây)

Năm học	Tổng số sinh viên	Số lượng sinh viên thôi học					
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Tổng	Tỉ lệ (%)
2018-2019	170	4	1	0	0	5	2,94
2019-2020	147	6	4	1	0	11	7,48
2020-2021	125	1	1	3	2	7	5,6
2021-2022	139	0	2	1	0	3	2,16
2022-2023	133	1	1	0	0	2	1,5

Bảng 2.17. Tỉ lệ sinh viên thôi học và lý do sinh viên thôi học

Lý do thôi học	Tỉ lệ sinh viên thôi học/buộc thôi học				
	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
Xét học vụ và buộc thôi học	2,94	4,76	4,8	1,44	1,5
Thôi học có đơn	0	2,72	0,8	0,72	0

Theo kết quả thống kê bảng 2.15, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ khá cao và mang tính chất ổn định. Số SV tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định chiếm tỷ lệ thấp. Nguyên nhân SV tốt nghiệp chậm tiến độ là do một số SV không tích lũy đủ số TC, SV thiếu các điều kiện về CDR ngoại ngữ theo quy định. Bảng 2.16 và bảng 2.17 cho thấy tỉ lệ SV thôi học của ngành ĐD chiếm tỉ lệ nhỏ so với SV toàn khóa. Có được kết quả này là nhờ Trường đã áp dụng hệ thống TC linh hoạt, trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Trường đã triển khai lịch thi tăng cường đợt bổ sung cho các bạn SV, triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm đảm bảo tiến độ học tập cho SV kịp tốt nghiệp [[H11.11.01.11](#)]; [[H11.11.01.12](#)].

Trường luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua hệ thống CVHT, GVCN và có những biện pháp để hỗ trợ SV hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp, duy trì họp lớp định kỳ [[H11.11.01.13](#)]; [[H5.05.04.07](#)]. Trường có tổ chức Hội nghị đối thoại SV và BGH hằng năm để nắm được tình hình học tập của SV, tìm ra nguyên nhân SV thôi học và chậm tốt nghiệp [[H2.02.03.04](#)]. SV thôi học tại Trường có lý do phần lớn tập trung vào hoàn cảnh khó khăn, SV năm 1 và năm 2, khi các em còn chưa ổn định tâm lý và có những định hướng học tập khác. Những SV tốt nghiệp trễ là do thiếu chứng chỉ chưa đạt CDR ngoại ngữ, chưa tích lũy đủ số TC. Để khắc phục nguyên nhân tốt nghiệp trễ, Trường có phần mềm quản lý học tập của SV.

Mỗi SV có một tài khoản riêng để dàng theo dõi các thông báo của Trường, KQHT của sinh viên để kịp thời đảm bảo tiến độ học tập [H11.11.01.14]. Hằng năm, Trường phối hợp với Trường Đại học Ngoại Ngữ thông báo cho SV nhiều đợt thi CĐR ngoại ngữ trong năm để SV kịp nộp chứng chỉ đầu ra tốt nghiệp [H11.11.01.15].

Hằng năm, Trường đều tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành ĐD. Qua bảng thống kê cho thấy từ năm 2021 có tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn thấp hơn, lý do là do ảnh hưởng của dịch Covid -19, để khắc phục tình trạng SV chậm tốt nghiệp Trường đưa ra các biện pháp để khắc phục. Năm học 2019 - 2020, tỉ lệ SV thôi học cao (7,48% trong đó thôi học có đơn là 2,72%), từ năm học 2020 - 2021 thì tỉ lệ thôi học giảm do có sự hỗ trợ kịp thời với các SV khó khăn trong dịch Covid - 19. Ngoài ra, Trường còn tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành ĐD của Trường với Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương [H11.11.01.16]. Kết quả đối sánh cho thấy tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành ĐD của Trường và Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương trong những năm gần đây là tương đương nhau. Việc đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn với Trường khác cùng CTĐT, hình thức đào tạo làm căn cứ để đề xuất các điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo.

Bảng 2.18. Bảng đối sánh tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn

Khóa	Trường	Số lượng sinh viên theo học	Số lượng SVTN đúng thời gian đào tạo chuẩn	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn (%)
2014 - 2018	Trường Y Dược	44	39	88,6
	ĐHKTYT Hải Dương	207	195	94,2
2015 - 2019	Trường Y Dược	52	47	90,4
	ĐHKTYT Hải Dương	197	167	84,77
2016 - 2020	Trường Y Dược	49	48	98
	ĐHKTYT Hải Dương	187	174	93,05
2017 - 2021	Trường Y Dược	20	17	85
	ĐHKTYT Hải Dương	213	183	85,92
2018 - 2022	Trường Y Dược	29	23	79,3
	ĐHKTYT Hải Dương	234	177	75,64

Trường đã tổ chức đa dạng hoạt động chào đón tân SV, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và định hướng nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm giới thiệu cho SV nắm rõ CDR của CTĐT, quy chế ĐT, cơ hội việc làm [[H1.01.03.03](#)]; [[H11.11.01.17](#)]. Từ đó SV nắm được tổng thể chương trình đang theo học, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Nhờ áp dụng đa dạng các hoạt động hỗ trợ SV nên tỉ lệ SV ngành ĐD của Trường tốt nghiệp đúng hạn ngày càng cao, tỉ lệ thôi học giảm đáng kể.

2. Điểm mạnh

- Các CVHT, trợ lý ĐT luôn duy trì sinh hoạt lớp thường xuyên để nắm bắt được tình hình học tập của lớp, báo cáo kịp thời để có hướng giải quyết cho SV.

- Trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát KQHT của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học, tỉ lệ SV tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

- SV còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ, tin học theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng ĐT&ĐBCL, GVCN thường xuyên nhắc nhở tiến độ học tập của SV, đặc biệt là tiêu chí về CDR. Căn cứ vào tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp để xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng như đổi mới phương pháp dạy học, tạo đam mê học tập, yêu nghề của SV.	- Phòng ĐT&ĐBCL, GVCN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý ĐT và hệ thống GVCN. -Thực hiện theo dõi, cập nhật danh sách, thống kê tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp và đề xuất phương án giúp giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp. - Tiếp tục các chính sách hỗ trợ cho SV có hoàn cảnh khó	- Phòng ĐT&ĐBCL - Phòng KH-HTPT&CTSV - GVCN	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		khăn, trao học bổng cho SV có thành tích học tập đạt kết quả cao			

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian của một khóa ĐT là thời gian cần thiết cho SV hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian tốt nghiệp trung bình, KQHT trong từng học kỳ được Trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT&ĐBCL là đầu mối phối hợp với Phòng KH-HTPT&CTSV theo dõi thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học hoặc nhiều khóa học trong CTĐT. Thời gian tốt nghiệp trung bình, KQHT trong từng kỳ được Phòng ĐT&ĐBCL, Phòng KH-HTPT&CTSV, GVCN giám sát [H10.10.01.01]; [H4.04.02.04]. CVHT đơn đốc, tư vấn để SV cải tiến KQHT và tốt nghiệp đúng hạn. Bên cạnh đó, để giám sát quá trình học tập của SV, Trường ban hành quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H11.11.02.01].

Thời gian học tại Trường của SV được thực hiện theo quy chế ĐT ĐH và hệ chính quy theo hệ thống TC của BGD&ĐT [H11.11.01.01]. Từ năm 2017, TYD, ĐHĐN bắt đầu ĐT theo hệ thống TC. Thời gian ĐT và nghiên cứu trong trường ĐH kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 8 năm [H11.11.01.02]. Hằng năm, Trường đã tiến hành các đợt xét tốt nghiệp để từ đó có cơ sở thống kê thời gian tốt nghiệp của SV [H11.11.01.06]; [H11.11.01.07]. Cụ thể, thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành ĐD trong 5 năm gần đây được thể hiện qua bảng 2.19 [H11.11.02.02].

Bảng 2.19. Thống kê thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành Điều dưỡng (trong 5 năm gần đây)

Khóa học	Sinh viên tốt nghiệp	Sinh viên tốt nghiệp					Thời gian tốt nghiệp trung bình
		Số lượng	3,5 năm	4 năm	4,5 năm	5 năm	
2015 - 2019	52	0	47	5	0	0	4,05
2016 - 2020	49	0	48	0	1	0	4,02
2017 - 2021	20	0	17	2	1	0	4,1

Khóa học	Sinh viên tốt nghiệp	Sinh viên tốt nghiệp					Thời gian tốt nghiệp trung bình
	Số lượng	3,5 năm	4 năm	4,5 năm	5 năm	6 năm	
2018 - 2022	29	0	23	4	1	0	4,11
2019 - 2023	26	0	20	5	1	-	4,13
2020 - 2024	36	0	34	-	-	-	4,00

Qua số liệu cho thấy đa số SV của ngành ĐD hoàn thành CTĐT đúng thời hạn (4 năm). Hằng kỳ, Trường đã có kế hoạch ĐT công khai để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ. Hằng năm, Trường đều tổ chức tổng kết/đánh giá KQHT, rèn luyện, phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV để kịp thời tư vấn và đưa ra các biện pháp hỗ trợ NH tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.02.03]. Vào đầu mỗi năm học, các lớp đều tổ chức đại hội lớp, chi đoàn, thông qua báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động năm học, các ý kiến tham luận, CVHT đưa ra những định hướng để hỗ trợ SV trong quá trình học tập. Căn cứ tình hình học tập của từng SV, CVHT tư vấn cho SV đăng ký TC phù hợp và định hướng kế hoạch học tập cho từng SV, đặc biệt những SV bị cảnh báo học vụ. Bên cạnh hai đợt thi mỗi học kỳ, SV có kỳ thi học kỳ bổ sung để cho những SV bị covid 19, SV năm cuối hoãn thi được thi KTHP và hoàn thành chương trình học đúng tiến độ. Số lượng SV hoãn thi được thi đợt bổ sung được thể hiện qua bảng 2.20 [H11.11.01.11].

Bảng 2.20. Thống kê số lượng sinh viên ngành Điều dưỡng thi đợt bổ sung

Năm học	Số lượng sinh viên thi đợt bổ sung
2020 - 2021	1
2021 - 2022	35
2022 - 2023	0

Bên cạnh đó, tỉ lệ SV tốt nghiệp trễ hơn so với thời gian dự kiến vẫn còn tồn tại. Một số nguyên nhân khiến SV tốt nghiệp không đúng hạn như SV chưa tích lũy đủ CDR về ngoại ngữ, một số SV có hoàn cảnh khó khăn. Để khắc phục nguyên nhân về CDR, hàng năm Đại học Ngoại ngữ là đơn vị tổ chức thi các chứng chỉ tiếng anh đầu ra cho SV của ĐHĐN, đã tổ chức nhiều đợt thi trong năm tạo điều kiện để SV lựa chọn thời gian thi phù hợp. Đồng thời, Trường cũng đã có các thông báo nhắc nhở để SV đăng kí thi chứng chỉ ngoại ngữ đúng hạn [H11.11.01.15]. Trên cơ sở tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc SV tốt nghiệp trễ hạn, Trường tiến hành đối sánh kết quả xếp loại đối với NH tốt nghiệp trong 5 năm gần đây để làm căn cứ cải tiến chất lượng ĐT, nâng cao tỉ lệ SV đạt điểm khá, giỏi, đảm bảo NH tốt nghiệp đúng tiến độ [H1.01.03.02]. Tại Hội nghị cố vấn công tác giao ban GVCN và CVHT đã được bàn luận và đánh giá để có biện

pháp cải tiến chất lượng học tập của SV [[H11.11.01.13](#)]. Những biện pháp này đã góp phần tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn.

Trường tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành ĐD của TYD, ĐHDN với Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương. Kết quả đối sánh thể hiện qua bảng 2.21. [[H11.11.02.04](#)]

Bảng 2.21. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Điều dưỡng

Khóa	Trường	Số lượng SVTN đúng thời gian đào tạo chuẩn	Số lượng sinh viên quá thời gian chuẩn	Chưa tốt nghiệp	Thời gian tốt nghiệp trung bình (tháng)
2014 - 2018	Trường Y Dược	39	4	0	4,03
	ĐHKTYT Hải Dương	75	5	0	4,07
2015 - 2019	Trường Y Dược	47	5	0	4,05
	ĐHKTYT Hải Dương	96	28	0	4,24
2016 - 2020	Trường Y Dược	48	1	0	4,02
	ĐHKTYT Hải Dương	139	8	0	4,06
2017 - 2021	Trường Y Dược	17	3	0	4,1
	ĐHKTYT Hải Dương	95	16	0	4,14
2018 - 2022	Trường Y Dược	23	4	2	4,11
	ĐHKTYT Hải Dương	124	27	5	4,12

Kết quả bảng 2.21 cho thấy SV ngành ĐD của Trường có thời gian tốt nghiệp trung bình ngắn hơn Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương trong 5 năm gần đây. Việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với Trường khác cùng CTĐT, hình thức ĐT làm căn cứ để đề xuất các điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng ĐT.

Ngoài những giải pháp được đưa ra, Trường còn tiến hành báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế thời gian tốt nghiệp trung bình của SV và đưa ra các biện pháp mạnh cho việc cải tiến chất lượng học tập của SV [[H11.11.02.05](#)]

2. Điểm mạnh

- Trường có hệ thống giám sát, quản lý KQHT, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV.
- Trường có những giải pháp giúp SV đảm bảo tiến độ học tập.
- Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV, GVCN luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên tài khoản cá nhân để SV nắm thông tin, sớm hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

- Còn một số ít SV còn chưa chủ động với kế hoạch học tập cá nhân dẫn đến tình trạng còn một số ít SV chậm tốt nghiệp so với tiến độ chung của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiến hành khảo sát thống kê những khó khăn của SV trong quá trình học tập. - Phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa GVCN, cán bộ lớp, cán bộ Đoàn để giám sát tình hình học tập của SV. Kịp thời nhắc nhở SV toàn thành các điều kiện CDR.	- Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp phòng KH-HTPT&CTS, GVCN	Từ Năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát của Trường	Phòng ĐT&ĐBCL	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: Đạt 5/7

Tiêu chuẩn 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Mong muốn SV sau khi tốt nghiệp sớm có việc làm, đúng chuyên ngành ĐT, thu nhập phù hợp, môi trường làm việc ổn định không chỉ là mục tiêu của riêng SV mà còn là mục tiêu của CTĐT của TYD, ĐHĐN. Tỷ lệ SV có việc làm, khả năng làm việc của SV là một thước đo quan trọng để đánh giá chất lượng của CTĐT. Với mục đích đó, Trường đã xây dựng và ban hành quy trình khảo sát, kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thống kê, giám sát tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp một cách có hệ thống, đồng thời đề xuất các biện pháp cải tiến, có các biện pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm [[H10.10.01.02](#)]; [[H10.10.03.05](#)].

Hằng năm, Trường tiến hành khảo sát về tình hình việc làm của SV, thời điểm khảo sát là 12 tháng sau khi tốt nghiệp. Việc khảo sát được thực hiện đồng bộ theo mẫu phiếu khảo sát thống nhất và được thực hiện bởi Phòng ĐT&ĐBCL [[H10.10.01.01](#)]; [[H11.11.03.01](#)]. Do tình hình thực tế, cựu SV làm việc ở nhiều nơi khác nhau và tình hình dịch bệnh Covid-19 giai đoạn 2020 - 2022 phức tạp, nên hình thức khảo sát được sử dụng chủ yếu là khảo sát online thông qua google form, phần mềm khảo sát, đồng thời nhắc nhở phản hồi/phản hồi trực tiếp qua điện thoại [[H11.11.03.02](#)].

Kết quả khảo sát cho thấy cơ hội việc làm một phần phụ thuộc vào KQHT, phần khác phụ thuộc vào tay nghề thực tế, tinh thần trách nhiệm, sự cầu tiến của bản thân và phần lớn SV ngành ĐT nhanh chóng có việc làm sau khi tốt nghiệp, trong đó đa số được

làm đúng với chuyên ngành đào tạo tại các BV, trung tâm y tế, phòng khám trong cả nước, được các NTD đánh giá tốt về kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Tuy nhiên, vẫn còn một số SV mới ra trường cần phải rèn luyện thêm các kỹ năng mềm. [[H8.08.01.12](#)].

Bảng 2.22. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm theo mốc thời gian tốt nghiệp

Thời điểm	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Trong vòng 6 tháng sau tốt nghiệp	75,7%	71%	52%	93,3%	99,3%	75,9%
Trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp	91,9%	100%	96%	95,8%	100%	93%

Thống kê cho thấy tỉ lệ SV thuộc các ngành của TYD có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp đạt trên 90%, điều này cho thấy nhu cầu việc làm trong ngành ĐD nói riêng, ngành chăm sóc sức khỏe nói chung đang rất lớn. Những kết quả khảo sát này đã được Trường cập nhật và đăng tải lên website của Trường (<http://smp.udn.vn/>) [[H11.11.03.03](#)].

Hằng năm, căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp, Phòng ĐT&ĐBCL đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm với ngành ĐD của Trường. Bên cạnh đó Trường tiến hành đối sánh tỉ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp của TYD, ĐHDN và ĐH Tây Nguyên. Kết quả đối sánh cho thấy tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm của ngành ĐD tương đối cao [[H11.11.03.04](#)].

Bảng 2.23. Bảng đối sánh tình hình sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của ngành Y khoa và ngành Điều dưỡng của Trường

Stt	Tên ngành đào tạo	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Y khoa	-	-	47 (83,9%)	65 (50,8%)	35 (93%)
2	Điều dưỡng	34 (87%)	48 (96%)	28 (71,8%)	11 (68,7%)	15 (100%)

Bảng 2.24. Bảng đối sánh tình hình sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của TYD, ĐHDN và ĐH Tây Nguyên

Năm	Tên ngành đào tạo	Y khoa	Điều dưỡng
2018	TYD	-	34 (87%)
	ĐH Tây Nguyên	105 (66,7%)	37 (67,3%)

Năm	Tên ngành đào tạo	Y khoa	Điều dưỡng
2019	TYD	-	48 (96%)
	ĐH Tây Nguyên	150 (93,8%)	24 (80,0%)
2020	TYD	47 (83,9%)	28 (71,8%)
	ĐH Tây Nguyên	-	-
2021	TYD	65 (50,8%)	11 (68,7%)
	ĐH Tây Nguyên	251 (71,7%)	16 (66,7%)
2022	TYD	35 (93%)	15 (100%)
	ĐH Tây Nguyên	201 (85,9%)	38 (84,4%)

Bên cạnh khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp, Trường cũng chú trọng đến lấy ý kiến phản hồi của các NTD. Các NTD đánh giá tốt về CTĐT ngành ĐD, cho thấy CTĐT này là phù hợp, SV khi ra trường cơ bản đáp ứng được nhu cầu NTD. Ngoài ra các NTD cũng có đóng góp ý kiến để cải tiến CTĐT, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động [[H1.01.01.15](#)].

Dựa trên kết quả khảo sát, Trường đã tổ chức buổi thảo luận nguyên nhân và đề xuất các biện pháp cải thiện tình hình việc làm của SV. Kết quả này cũng là cơ sở để phục vụ cho việc điều chỉnh CDR, CTĐT, ĐCCT HP, phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG kết quả HP nhằm đáp ứng nhu cầu của các NTD [[H11.11.03.05](#)]; [[H11.11.03.06](#)].

2. Điểm mạnh

- Tỷ lệ SV ngành ĐD có việc làm sau tốt nghiệp cao, làm đúng chuyên ngành, vận dụng những kiến thức đã học vào công việc, đáp ứng được yêu cầu của NTD.
- Trường có quy trình theo dõi và giám sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp nhằm cải tiến chất lượng ĐT.
- Trường đã theo dõi, phân tích số liệu khảo sát và thực hiện đối sánh tỉ lệ Nh tốt nghiệp có việc làm giữa ngành ĐD với với ngành khác thuộc Trường.

3. Điểm tồn tại

- Việc khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV đôi khi còn khó khăn do SV đã đi làm và không còn học tập tại trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao tỷ lệ tham gia khảo sát: liên lạc qua các kênh khác nhau, các nhóm cựu SV, phỏng vấn qua điện thoại...	- Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khảo sát và thống kê tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp	- Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL	Hằng năm	
		Cải tiến chất lượng CTĐT, CDR để đáp ứng nhu cầu của xã hội	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Hằng năm	
		Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho NH.	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nằm trong sứ mạng chung của ĐHQĐN [H1.01.01.05]. TYD, ĐHQĐN có sứ mạng ĐT nguồn nhân lực y tế trình độ ĐH và sau ĐH; NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân; là động lực quan trọng trong sự phát triển nguồn nhân lực y tế của khu vực miền Trung - Tây nguyên và cả nước, đây cũng là sứ mạng chung của ĐHQĐN [H1.01.01.05]. Trong chiến lược phát triển KH&CN của ĐHQĐN cũng nêu rõ: Hoạt động NCKH là động lực then chốt để phát triển ĐHQĐN theo định hướng nghiên cứu và hoạt động nghiên cứu phải gắn liền với ĐT để nâng cao chất lượng ĐT và CDR [H10.10.04.01]. Chính vì vậy, hoạt động NCKH rất được chú trọng trong quá trình tổ chức ĐT của TYD, trong đó có hoạt động NCKH SV. Việc này được cụ thể hóa bằng các văn bản do ĐHQĐN và TYD ban hành dựa trên cơ sở hướng dẫn của các văn bản do BGD&ĐT quy định [H11.11.04.01]. Trên cơ sở chiến lược và định hướng phát triển NCKH của Trường, các hoạt động NCKH của SV được xác lập thông qua các loại hình: thực hiện các nhiệm vụ NCKH và các sáng kiến thuộc lĩnh vực đào tạo phù hợp với khả năng; tham gia các hội thảo, hội nghị, seminar, các cuộc thi học thuật hay các cuộc thi về KH&CN các cấp; triển khai ứng dụng vào thực tiễn học tập và cuộc sống; công bố các kết quả NCKH trên các kênh thông tin của Nhà

trường. Điều này cho thấy chiến lược cũng như các loại hình NCKH của SV được xác lập hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và CĐR của CTĐT [H11.11.04.02]. Hoạt động này được tổ chức và quản lý bởi Phòng KH-HTPT&CTSV [H10.10.01.01]. Trong chiến lược phát triển KH&CN của ĐHĐN cũng nêu rõ: Hoạt động NCKH là động lực then chốt để phát triển ĐHĐN theo định hướng nghiên cứu và hoạt động nghiên cứu phải gắn liền với ĐT để nâng cao chất lượng ĐT và CĐR [H10.10.04.01]. Chính vì vậy, hoạt động NCKH rất được chú trọng trong quá trình tổ chức ĐT của TYD, trong đó có hoạt động NCKH SV. Việc này được cụ thể hóa bằng các văn bản do ĐHĐN và TYD ban hành dựa trên cơ sở hướng dẫn của các văn bản do BGD&ĐT quy định [H11.11.04.01]. Trên cơ sở chiến lược và định hướng phát triển NCKH của Trường, các hoạt động NCKH của SV được xác lập thông qua các loại hình: thực hiện các nhiệm vụ NCKH và các sáng kiến thuộc lĩnh vực ĐT phù hợp với khả năng; tham gia các hội thảo, hội nghị, seminar, các cuộc thi học thuật hay các cuộc thi về KH&CN các cấp; triển khai ứng dụng vào thực tiễn học tập và cuộc sống; công bố các kết quả NCKH trên các kênh thông tin của Nhà trường. Điều này cho thấy chiến lược cũng như các loại hình NCKH của SV được xác lập hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và CĐR của CTĐT [H11.11.04.02]. Hoạt động này được tổ chức và quản lý bởi Phòng KH-HTPT&CTSV [H10.10.01.01].

Để đáp ứng năng lực NCKH đối với CĐR của CTĐT, từ những học kỳ đầu tiên trong CTĐT, HP phương pháp NCKH sức khỏe đã được giảng dạy và truyền tải đến SV ngành ĐD dưới nhiều hình thức như bài tập lớn, tiểu luận hay đến cuối khóa SV có thể thực hiện và bảo vệ KLTN để hoàn thành CTĐT của ngành ĐD, điều này giúp SV rèn luyện và nâng cao kỹ năng NCKH từ trong chính CTĐT của mình [H11.11.04.03].

Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV, hằng năm TYD tiến hành triển khai kế hoạch đăng ký đề tài SV NCKH cấp Trường với các văn bản hướng dẫn quy trình và các biểu mẫu thực hiện đề tài NCKH được cung cấp cụ thể trong sổ tay SV NCKH, gồm các bước: (1) Đề xuất đề tài; (2) Phê duyệt danh mục đề tài; (3) Xây dựng đề cương; (4) Phê duyệt đề cương; (5) Triển khai thực hiện; (6) Nghiệm thu; (7) Triển khai ứng dụng [H11.11.04.04]; [H11.11.04.05]. Trong quá trình thực hiện đề tài NCKH, SV sẽ được GV hướng dẫn cụ thể về mặt chuyên môn và Phòng KH-HTPT&CTSV hỗ trợ SV trong việc tuân thủ thực hiện các quy trình quản lý NCKH. Các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm bố trí thiết bị, dụng cụ của phòng thí nghiệm, tài liệu tham khảo trong thời gian SV thực hiện nhiệm vụ. Nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của SV được trích từ nguồn thu của TYD [H11.11.04.06]. Khi thực hiện thống kê và đối sánh tình hình NCKH của SV toàn Trường cho thấy NCKH của SV ngành ĐD còn hạn chế. Đến năm học 2021 - 2022, tình hình NCKH của SV ngành ĐD bước đầu có cải thiện hơn với việc thực hiện 02 đề tài NCKH cấp Khoa [H11.11.04.07]. Bên cạnh đó, khi thực hiện đối sánh với tình hình NCKH của SV ngành ĐD so với ngành YK của nhà trường cho thấy số lượng đề tài NCKH của SV ngành ĐD còn hạn chế. Khi đối sánh với Trường ĐH Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng, SV ngành ĐD của TYD có thực hiện nhiều hơn 2 đề tài và thấp hơn

hiều so với Trường ĐHY - Dược Huế [H11.11.04.08]. Trước tình hình trên, để khuyến khích hoạt động NCKH trong SV, TYD đã tổ chức cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học” hằng năm [H11.11.04.09]. SV ĐD cũng đã tham gia Cuộc thi SV NCKH KYD lần thứ 2 năm 2023 và có đề tài lọt vào vào chung kết. Những năm vừa qua, thông qua các đề tài nghiên cứu mà SV YK đã thực hiện như “Tỷ lệ tiêm vaccine COVID-19 mũi nhắc lại và các yếu tố liên quan ở SV ĐN”, “Nghiên cứu diễn tiến kéo dài một số triệu chứng COVID-19 và các yếu tố liên quan” hay “Tìm hiểu tình hình tiêm vắc-xin HPV của sinh viên Khoa Y - Dược”, có thể thấy các đề tài phù hợp với xu thế phát triển mới của thời đại. Việc các đề tài được SV đăng ký thực hiện và đã được Hội đồng nghiệm thu công nhận kết quả phản ánh rõ ràng các đề tài nghiên cứu phù hợp với khả năng của SV [H11.11.04.10]. Bên cạnh việc thực hiện các đề tài NCKH, SV còn tích cực tham gia các Hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế. Điều này giúp cho SV được giao lưu, học hỏi và là động lực phát triển NCKH của bản thân mỗi người góp phần chung vào phong trào NCKH của TYD [H11.11.04.11]. Kết quả hoạt động nghiên cứu của SV được theo dõi, đánh giá và là một trong những cơ sở làm căn cứ cộng điểm rèn luyện và xét học bổng [H11.11.04.12].

Việc phát triển hệ thống CSVC, phòng thí nghiệm, Trung tâm TN&TLS được chú trọng nâng cấp, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của GV và SV của TYD phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH, điều này được thể hiện qua số lượng đề tài NCKH đã được nghiệm thu [H11.11.04.13]. Bên cạnh đó, Trường cũng ký hợp tác, tăng cường liên kết với một số trường ĐH trên thế giới để gửi SV học tập và nghiên cứu ngắn hạn nhằm nâng cao khả năng NCKH, chất lượng đào tạo và CĐR của CTĐT [H11.11.04.14].

2. Điểm mạnh

- Các loại hình hoạt động NCKH của SV đã được xác lập với nội dung phong phú và phù hợp với khả năng của SV.

- Trường triển khai và áp dụng nhiều chính sách để khuyến khích SV thực hiện NCKH.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng đề tài NCKH của SV ngành ĐD còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường đề ra chủ trương, định hướng nghiên cứu, chỉ tiêu và khuyến khích GV và	- TYD; - Phòng KH-HTPT&CTSV; - Khoa	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		SV ngành ĐD, kết hợp các nhóm nghiên cứu giữa GV và SV ngành ĐD.	ĐD&KTYH.		
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy, mở rộng các loại hình hoạt động NCKH. - Tìm kiếm thêm nhà tài trợ cho các đề tài NCKH.	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chuẩn 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng của một CTĐT được thể hiện qua mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT đó. Hiểu rõ vấn đề này, ĐHĐN đã có Quyết định số 3982/QĐ-ĐHĐN ban hành Chiến lược ĐBCLGD ĐHĐN đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 [H11.11.05.01]. Để thực hiện hóa chiến lược đó, TYD đã ban hành Quy trình và Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan và giao cho Phòng ĐT&ĐBCL làm đầu mối chính, phối hợp với các Tổ chức năng tiến hành các cuộc khảo sát lấy ý kiến của GV, NH, NH đã tốt nghiệp, NTD về các vấn đề liên quan đến đào tạo [H10.10.01.02]; [H10.10.03.05].

Cụ thể, trong các năm học vừa qua, SV ngành ĐD của Trường được khảo sát về CTĐT, các hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động KTĐG KQHT, chất lượng và hiệu quả các hoạt động hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm, mức độ đáp ứng của CNTT và các khảo sát dịch vụ hỗ trợ ĐT khác [H11.11.05.02]. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các nội dung khảo sát về CĐR và CTĐT được đánh giá từ mức độ trung bình trở lên có tỉ lệ trên 90%, điển hình một số nội dung được đánh giá hài lòng trên 97% như phương pháp giảng dạy của GV, các kỹ năng mềm được ĐT tại trường đáp ứng yêu cầu công việc, nội dung CTĐT có tỉ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy, giờ giấc và kế hoạch giảng dạy của GV. Công tác xây dựng đề thi, các hoạt động KTĐG KQHT cũng được đánh giá ở mức khá hài lòng. Tuy nhiên, thời khóa biểu, các dịch vụ hỗ trợ ĐT như máy chiếu, loa, micro, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành cần phải đầu tư, nâng cấp thêm. Một số kỹ năng mà CTĐT cần bổ sung nhất đối

với ngành ĐD là kỹ năng mềm và kỹ năng học tập. Khảo sát cũng cho thấy đánh giá về chất lượng phục vụ và hỗ trợ của TYD đáp ứng nhu cầu của SV đạt tỉ lệ đồng ý cao (95,2%). Các nội dung khảo sát về môi trường giáo của Trường được đánh giá mức độ khá trở lên đạt trên 95% [H11.11.05.03].

SV đã tốt nghiệp cũng được khảo sát về CTĐT và tình hình việc làm sau 01 năm tốt nghiệp [H11.11.05.04]. Trên 70% cựu SV đồng ý các nội dung khảo sát về CTĐT, và cũng có các ý kiến góp ý điều chỉnh CTĐT như tăng thời gian thực hành kỹ năng, kỹ thuật cho SV trước khi đi BV. SV sau tốt nghiệp có việc làm đạt tỉ lệ cao (100%), điều này cho thấy CĐR phù hợp với các NTD và nhu cầu việc làm trong ngành chăm sóc sức khỏe còn cao. Khảo sát cũng cho thấy SV có việc làm sớm trước 6 tháng cao hơn sau 6 tháng, SV sau tốt nghiệp rất chủ động trong vấn đề tìm kiếm việc làm [H11.11.05.05].

Bên cạnh các khảo sát đối với SV, Trường cũng đã triển khai các khảo sát lấy ý kiến phản hồi đối với đội ngũ CBGV về CTĐT. 100% GV tham gia khảo sát đồng ý CĐR phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Trường. Các nội dung khảo sát khác về CTĐT cũng được đánh giá trung bình trở lên chiếm tỷ lệ cao, đa số trên 85% [H1.01.01.18].

Bảng 2.25. Cán bộ, Giảng viên đánh giá cấu trúc và nội dung CTĐT ngành Điều dưỡng năm 2024

TT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐÁNH GIÁ					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Tổng cộng
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(4) + (5)
1	Nội dung của CTĐT mang tính cập nhật	0%	0%	19,05%	66,67%	14,29%	80,95%
2	CTĐT thể hiện sự cân đối giữa kiến thức khối đại cương và chuyên ngành	0%	0%	4,76%	80,95%	14,29%	95,24%
3	CTĐT thể hiện rõ các môn cơ bản, cơ sở, chuyên ngành và KLTN	0%	0%	0%	85,71%	14,29%	100%
4	Mỗi môn học có đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của CTĐT	0%	0%	9,52%	80,95%	9,52%	90,48%
5	Đề cương môn học cung cấp đủ thông tin giúp SV đạt được CĐR của môn học	0%	4,76%	0%	85,71%	9,52%	95,24%

TT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐÁNH GIÁ					
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Tổng cộng
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(4) + (5)
6	Các HP trong CTĐT được sắp xếp theo thứ tự hợp lý	0%	0%	28,57 %	66,67 %	4,67%	71,43%
<i>Trung bình</i>		0%	0,79%	10,32 %	77,78 %	11,11 %	88,89%

Các NTD là một trong những đối tượng khảo sát mà Trường đặc biệt quan tâm. Theo kết quả khảo sát, các NTD cũng rất đồng ý với CTĐT ngành ĐD của Trường, 100% các NTD đồng ý với CTĐT và CDR CTĐT ngành ĐD đáp ứng yêu cầu của họ, tuy nhiên cần tăng cường các học phần đào tạo kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, NCKH. Ngoài ra, các NTD cũng đóng góp các ý kiến cải thiện chất lượng đầu ra hơn nữa để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động như nâng cao kỹ năng thực hành cho học viên ĐD, đặc biệt là thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch, cần bổ sung thêm những kiến thức về chuẩn năng lực cơ bản ĐD Việt Nam, các văn bản pháp luật và dưới luật, kỹ năng lâm sàng,... Các kỹ năng về ngoại ngữ, tin học cũng cần được nâng cao hơn nữa [H1.01.01.15].

Bảng 2.26. Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường so với yêu cầu công việc thực tế tại đơn vị (về kiến thức, thái độ, kỹ năng) năm 2024

Chưa hài lòng	Tạm hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng
0%	0%	83,3%	16,7%

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường tổ chức Hội nghị CBVC toàn trường lấy ý kiến đóng góp vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới; góp ý cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý ĐT [H10.10.06.03].

Kết thúc các khảo sát, các Phòng chức năng sẽ tổng hợp, xử lý số liệu và viết báo cáo gửi về cho BGH, Bộ môn ĐD, đồng thời làm kết quả đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan qua các năm [H11.11.05.06]. Trường tổ chức các buổi về tư vấn việc làm, đặc biệt đối với SV sắp tốt nghiệp nhằm tăng cường các hoạt động hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm được đánh giá đáp ứng nhu cầu của SV [H8.08.04.10]. Bên cạnh đó, Trường cũng đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT ngành ĐD, hội nghị đối thoại giữa SV và BGH, từ đó đề xuất các biện pháp cải tiến, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTDH [H10.10.06.05]; [H2.02.03.04]; [H11.11.05.07]. Việc này được thể hiện rõ qua các lần chỉnh sửa CDR và CTĐT của Trường [H1.01.01.22].

2. Điểm mạnh

- Trường đã thực hiện được nhiều các khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các nội dung khác nhau liên quan đến các hoạt động ĐT, làm cơ sở để Trường nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu.

- Đề xuất các biện pháp cải tiến, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTDH.

- Thực hiện một số khảo sát bước đầu liên tục qua các năm học, số lượng người tham gia khảo sát dần tăng về số lượng, mức độ tin cậy của các khiêu khảo sát cao, đã có kế hoạch cải tiến sau khi khảo sát

3. Điểm tồn tại

- Chưa thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT của Trường với các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT của Trường với các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế.	Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp với các Phòng chức năng liên quan	Hằng năm	
		Tăng cường mối quan hệ với các bên liên quan, mở rộng phạm vi khảo sát, tổ chức các hội nghị lấy ý kiến của các bên liên quan.	Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp với các Phòng chức năng liên quan	Năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan và sử dụng để điều chỉnh CTĐT, nâng cao chất lượng ĐT.	TYD	Hằng năm	
		Làm kế hoạch cải tiến	Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp với các Phòng chức năng liên quan	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 11

TYD - ĐHĐN đã tiến hành giám sát, hỗ trợ thường xuyên cho NH và có các biện pháp đánh giá và cải tiến kịp thời do đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian thiết kế của

khóa học ngày càng được đảm bảo, hoạt động NCKH của SV luôn được chú trọng và khuyến khích, vấn đề việc làm của SV sau khi tốt nghiệp luôn được giám sát và thu thập thông tin. Thông qua đó cho thấy, CĐR cơ bản đáp ứng các mục tiêu của CTĐT. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: SV ngành ĐD chưa chủ động tham gia vào các hoạt động NCKH; một số hoạt động khảo sát của các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 11: 3/5 tiêu chí đạt yêu cầu mức 5/7, 2/5 tiêu chí đạt mức 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau khi tiến hành tự đánh giá nội bộ CTĐT ngành ĐD theo các tiêu chuẩn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, TYD, ĐHĐN rút ra các kết luận sau:

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Mục tiêu ĐT của ngành ĐD được xác định rõ ràng, cụ thể, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của Luật GDĐH và sứ mạng, tầm nhìn của Trường.

- Việc xây dựng, hoàn thiện và cập nhật mục tiêu CTĐT được thực hiện trên cơ sở xem xét nhu cầu của thị trường lao động, khảo sát các bên liên quan và tham khảo đối sánh với các CTĐT khác.

- CĐR CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể đáp ứng mục tiêu của CTĐT và phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của TYD và ĐHĐN; bao quát được cả yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với SV.

- CĐR được rà soát, cập nhật tuân thủ theo các quy định hiện hành của BGD&ĐT, ĐHĐN và TYD; có thể đo lường được thông qua CĐR của các HP và được thể hiện rõ trong ĐCCT HP.

- CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, phù hợp với các quy định hiện hành và được công bố công khai.

- CĐR được cập nhật dựa trên đối sánh với Khung trình độ quốc gia, Chuẩn năng lực và Chuẩn đạo đức của ĐD Việt Nam, đối sánh với CĐR của các CTĐT cùng ngành trong nước đã được kiểm định.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

- Bản mô tả CTĐT ngành ĐD được trình bày cụ thể, rõ ràng, đầy đủ thông tin giúp NH, NTD và cơ quan thẩm định có thể có cái nhìn tổng quát về CTĐT.

- Các nội dung của bản mô tả CTĐT ngành ĐD được cập nhật thường xuyên và kịp thời.

- ĐCCT các HP ngành ĐD được rà soát, cập nhật thường xuyên.

- Nội dung trình bày cụ thể, cấu trúc ĐCCT được thống nhất ở tất cả các HP.

- Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP ngành ĐD được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

- CTDH của ngành ĐD được thiết kế phù hợp với CĐR của CTĐT. Trong đó các phương pháp dạy - học, KTĐG mỗi HP được xác định rõ ràng, phù hợp và hỗ trợ NH đạt được các CĐR cụ thể.

- Các HP trong CTDH đảm bảo được sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất.

- Các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/HP nhằm đạt được CĐR;

- Phương pháp dạy – học, KTĐG được được xác định rõ ràng và bố trí phù hợp giúp NH có thể đạt được các CĐR.

- CTDH có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành; Có sự gắn kết, linh hoạt giữa các HP trong CTDH.

- Nội dung các HP trong CTDH định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Triết lý giáo dục của KYD, ĐHĐN đã phản ánh được tính khoa học, tính nhân văn và đặc thù nghề nghiệp giúp cho NH thông tin về triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo rõ ràng và được truyền tải công khai theo nhiều kênh truyền thông của Trường.

- Về phía hoạt động học, điểm mạnh của ngành ĐD là SV tốt nghiệp hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu làm việc của xã hội ở tất cả các vị trí công tác có liên quan đến ngành học, đồng thời có thể phát triển khả năng làm việc ở môi trường quốc tế; học tập nâng cao tại các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ.

- Về phía hoạt động dạy, đội ngũ GV thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của NH, kết hợp sáng tạo, linh hoạt phương pháp giảng dạy giữa trực tiếp và trực tuyến.

- Các hoạt động dạy và học đa dạng hỗ trợ tích cực để NH hình thành, rèn luyện và nâng cao được các kỹ năng cũng như khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

- Hình thức và nội dung đánh giá KQHT của NH được thể hiện rõ ràng trong ĐCCT đảm bảo phù hợp với các mức độ của CĐR của HP và CTĐT.

- Các hình thức đánh giá KQHT được thiết kế đa dạng, lượng giá được CĐR của CTĐT.

- Các quy định về KTĐG được công khai minh bạch bằng nhiều hình thức, đa dạng, thích hợp cụ thể như: về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi (trước mỗi khoá học/học kỳ/học phần). Vì vậy, NH dễ dàng nắm bắt, tuân thủ và khiếu nại nếu có sai sót.

- Nhà trường đã quy định về yêu cầu áp dụng nhiều phương pháp đánh giá để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đối với NH. Công tác đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo đúng quy trình và văn bản hướng dẫn của Trường.

- Việc KTĐG bằng công cụ rubric đã góp phần đánh giá cùng lúc được nhiều loại năng lực của NH.

- Nhà trường đã xây dựng được hệ thống cổng thông tin SV trên phần mềm quản lý ĐT để giúp SV dễ dàng tiếp cận được KQHT một cách nhanh chóng và thuận lợi.

- Các CVHT, GVCN và các phòng chức năng luôn sẵn sàng tiếp nhận và giải quyết ý kiến phản hồi của SV thường xuyên về hoạt động phản hồi kết quả KTĐG.

- Từ năm học 2020 - 2021, TYD đã tiến hành tổ chức thi trên máy tính với sự hỗ trợ của phần mềm thi trực tuyến đảm bảo khoa học, chính xác và cho kết quả nhanh,

giảm thời gian và hạn chế sai sót trong quá trình nhập điểm.

- NH được thông báo đầy đủ, kịp thời các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong quá trình học.

- Hằng năm, việc khiếu nại về KQHT của NH được xử lý, giải quyết kịp thời, chính xác và thoả đáng.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

- Trường đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch phát triển đội ngũ GV để triển khai đáp ứng tốt các yêu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD.

- Trường đã tuyển được đội ngũ trợ giảng, GV trẻ, có năng lực, có trình độ chuyên môn tốt đã bổ nhiệm được những cán bộ có uy tín, có năng lực quản lý vào các vị trí công tác.

- Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy định đối với GV;

- Tỷ lệ GV/NH đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu ĐT ngành ĐD bậc ĐH theo quy định.

- Có đánh giá xếp loại chất lượng viên chức hàng năm bằng có tiêu chí cụ thể.

- Các GV được tuyển dụng, bổ nhiệm đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, luôn luôn giúp đỡ đồng nghiệp khi cần và cố gắng, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực của đội ngũ GV về cơ bản đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện của văn bản quy phạm pháp luật thông qua bằng cấp, chứng chỉ;

- Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm được tiến hành theo đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng thẩm quyền (đã tập trung chủ yếu vào kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động đơn vị được giao phụ trách) thông qua đó đánh giá được năng lực của đội ngũ GV.

- Kế hoạch ĐT, phát triển đội ngũ GV được xây dựng phù hợp với yêu cầu của CTĐT phù hợp với quy hoạch tổng thể, chiến lược phát triển của Trường và được triển khai thực hiện nghiêm túc;

- Trường đã triển khai và áp dụng các chế độ chính sách khuyến khích GV đi học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường triển khai thực hiện theo quy trình, tiêu chí rõ ràng và công khai, minh bạch, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Nhiều GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến, giấy khen của Giám đốc ĐHĐN, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đặc biệt có GV đạt bằng khen cấp Bộ.

- Giai đoạn từ 2018 - 2023 số lượng đề tài NCKH của Trường đã được tăng lên đáng kể.

- Các hoạt động NCKH được quy định cụ thể trong các văn bản của ĐHĐN.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

- Có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác).

- Nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) về cơ bản đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Các nhân viên được tuyển dụng đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, luôn luôn giúp đỡ đồng nghiệp khi cần và cố gắng, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ GV, chuyên viên có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng, nghiệp vụ tương ứng với vị trí việc làm.

- Năng lực của đội ngũ nhân viên về cơ bản đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện của văn bản quy phạm pháp luật thông qua tiêu chí tuyển dụng, bằng cấp, chứng chỉ.

- Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm được tiến hành theo đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng thẩm quyền (đã tập trung chủ yếu vào kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động đơn vị được giao phụ trách) thông qua đó đánh giá được năng lực của đội ngũ nhân viên.

- Đã triển khai khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan đối với đội ngũ nhân viên ở các năm gần đây.

- Hàng năm Trường đã khảo sát và cử viên chức tham gia các khóa tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức trên cơ sở phù hợp với nhu cầu của viên chức.

- Viên chức sau khi tham gia các khóa ĐT, bồi dưỡng về cơ bản đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc.

- Việc quản trị theo kết quả công việc đảm bảo Trường đang hoạt động một cách hiệu lực, hiệu quả. Tạo sự gắn kết cá nhân với các phòng, ban với mục tiêu chung của Trường gồm hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của viên chức góp phần thay đổi tác phong làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ viên chức, bao gồm khen thưởng và công nhận tạo động lực cho viên chức, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho ĐT, NCKH học và các hoạt động PVCĐ.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Chính sách tuyển sinh của Trường rõ ràng, công khai, chi tiết, phù hợp với ngành ĐT và được cập nhật hàng năm, thu hút được nhiều thí sinh quan tâm.

- Trường được sự hỗ trợ, quan tâm và đóng góp ý kiến từ ĐHĐN trong công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy định.

- Trường luôn cập nhật, hoàn thiện đề án tuyển sinh, kế hoạch tư vấn tuyển sinh hàng năm để phù hợp hơn với thực tế và theo nhu cầu của xã hội.

- Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, cập nhật theo từng năm và được sự nhất trí, thống nhất của Trường, Khối ngành, Bộ môn và ĐHĐN nên đã tuyển đúng, tuyển theo chỉ tiêu hàng năm.

- Việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh và hình thức tuyển sinh đã tạo điều kiện cho những em học sinh có nhiều cơ hội lựa chọn khác nhau có thể theo đuổi ngành học.

- Trường có phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu được cập nhật liên tục và đảm bảo chính xác cung cấp kịp thời, các số liệu công khai minh bạch cho NH, phục vụ hiệu quả công tác ĐT và quản lý cũng như giúp SV theo dõi sát tiến trình học tập.

- Trường có hệ thống cán bộ hỗ trợ cho NH như cán bộ phụ trách khối ngành, bộ môn, GVCN hầu hết là GV người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với NH và lực lượng Ban Cán sự lớp nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của NH gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ tối đa cho NH.

- Trường đã có các bộ phận bao gồm Phòng KH-HTPT&CTSV, GVCN, cán bộ quản lý khối lớp luôn tích cực hỗ trợ tối đa cho NH để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập.

- Đoàn thanh niên là đơn vị đầu mối đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ, cho SV để phát triển các kỹ năng lẫn kiến thức, cũng như giúp SV tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng.

- NH được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an toàn, cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Tất cả các giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, quạt. Phòng thí nghiệm và thực hành điều lắp đặt máy điều hoà, giảng đường rộng rãi, thoáng mát.

- Phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đều được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thư viện, phòng đọc và phòng tự học bố trí ngay khu vực yên tĩnh, làm việc và phòng học của Trường, có nội quy, quy định, hướng dẫn đầy đủ được trang bị bàn ghế, máy tính, mạng internet, điều hòa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của GV và SV.

- SV được tiếp cận nguồn tài liệu số phong phú từ Trường, Trung tâm Thông tin Học liệu và truyền thông, ĐHĐN, Trường ĐH Y - Dược Cần Thơ và Trường ĐH Y - Dược, ĐH Huế.

- Ngành ĐD là một trong những ngành ĐT đầu tiên trình độ ĐH hệ chính quy của Trường nên được ĐHĐN, BGH quan tâm đầu tư, củng cố CSVC nhằm đáp ứng và hoàn thiện theo các quy định với mong muốn các SV sau khi tốt nghiệp ứng dụng ngay các kiến thức sau khi ngồi trên ghế nhà trường.

- Bộ môn ĐD có phòng thực hành được bố trí hợp lý và các trang bị hiện đại được đầu tư thường xuyên. Bộ môn ĐD luôn nhận được hỗ trợ từ Trường và ĐHĐN về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa.

- Trường có hệ thống CNTT được đầu tư đầy đủ, bảo dưỡng và nâng cấp thường xuyên.

- Triển khai các phần mềm trong quản lý ĐT tại Trường đã hỗ trợ rất nhiều trong công việc chuyên môn, giúp giảm tải thủ tục hành chính giấy tờ, chính xác và chuyên nghiệp hơn. Đặc biệt hệ thống có tính liên thông giữa các phần mềm giúp nâng cao hiệu quả công việc.

- Với CSVC mới được ĐHĐN đầu tư xây dựng và giao cho Trường sử dụng (năm 2018 và cuối năm 2021) nên trong thời gian vừa qua về môi trường, sức khỏe, an toàn, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự được quan tâm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

- Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn, phương pháp thu thập khoa học và tin cậy.

- Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiếp nhận và sử dụng hiệu quả để cải tiến CTDH và nâng cao chất lượng ĐT.

- Các quy trình xây dựng và phát triển CTĐT được ban hành rõ ràng và hướng dẫn cụ thể, phù hợp với quy định của BGD&ĐT và có cải tiến để phù hợp với tình hình thực tiễn tại TYD.

- Khi ban hành quy trình mới, TYD đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

- Quy trình KTĐG KQHT được quy định rõ ràng, hình thức KTĐG đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng HP. Quy trình rà soát quá trình đánh giá KQHT của NH được thiết kế và tổ chức chặt chẽ.

- Tổ chức các buổi họp lớp, đối thoại, khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về quá trình dạy học và KTĐG KQHT.

- Hoạt động rà soát, đánh giá quá trình dạy học, phương pháp đánh giá KQHT được triển khai định kỳ, một cách có hệ thống thường xuyên theo từng học kỳ.

- Các kết quả NCKH đã được áp dụng vào quá trình dạy và học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Hoạt động NCKH trong GV và SV ngày càng được đẩy mạnh.

- Trường đã chú trọng đến việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

- Trường đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến CSVC.

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá, phân tích, tổng hợp và cải tiến, là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Quy trình khảo sát, thông tin khảo sát có sự thay đổi và điều chỉnh theo tình hình của từng giai đoạn.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

- Các CVHT, trợ lý ĐT luôn duy trì sinh hoạt lớp thường xuyên để nắm bắt được tình hình học tập của lớp, báo cáo kịp thời để có hướng giải quyết cho SV.

- Trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát KQHT của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học, tỉ lệ SV tốt nghiệp.

- Trường có hệ thống giám sát, quản lý KQHT, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV.
- Trường có những giải pháp giúp SV đảm bảo tiến độ học tập
- Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV, CVHT luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên tài khoản cá nhân để SV nắm thông tin, sớm hoàn thành CTĐT.
- Tỷ lệ SV ngành ĐD có việc làm sau tốt nghiệp cao, làm đúng chuyên ngành, vận dụng những kiến thức đã học vào công việc, đáp ứng được yêu cầu của NTD.
- Trường có quy trình theo dõi và giám sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp nhằm cải tiến chất lượng ĐT.
- Trường đã theo dõi, phân tích số liệu khảo sát và thực hiện đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm giữa ngành ĐD với với ngành khác thuộc Trường.
- Các loại hình hoạt động NCKH của SV đã được xác lập với nội dung phong phú và phù hợp với khả năng của SV.
- Nhiều chính sách khuyến khích SV thực hiện NCKH.
- Trường đã thực hiện được nhiều các khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các vấn đề khác nhau liên quan đến các hoạt động ĐT, làm cơ sở để Trường nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu.
- Đề xuất các biện pháp cải tiến, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTDH.
- Thực hiện một số khảo sát bước đầu liên tục qua các năm học, số lượng người tham gia khảo sát dần tăng về số lượng, mức độ tin cậy của các khiếu khảo sát cao, đã có kế hoạch cải tiến sau khi khảo sát.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT được thực hiện với quy mô chưa lớn, hình thức chưa đa dạng.
- Việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CDR của CTĐT được thực hiện với quy mô chưa lớn. Các phản hồi của các bên liên quan về CDR còn tương đối ít.
- Việc cập nhật CDR chưa tham khảo được ý kiến của các chuyên gia và NTD lao động ngoài nước.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

- CTĐT ngành ĐD chỉ tham khảo các trường giảng dạy ĐD trong nước và khu vực Đông Nam Á, chưa tham khảo CTĐT ĐD của trường ở các nước phát triển.
- ĐCCT HP chưa có sự tham khảo của ĐCCT ngành ĐD các nước tiên tiến và trong khu vực.
- Chưa xây dựng được cổng thông tin có thể vừa nhận phản hồi vừa tương tác với các ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

- Việc đánh giá mức độ đạt được CDR về năng lực học tập suốt đời đối với cựu SV còn hạn chế.

- Số học phần hỗ trợ cho CDR về tinh thần khởi nghiệp còn ít.

- CTDH được thiết kế dựa trên việc đối sánh với các CTDH của các trường trong nước và khu vực, chưa tham khảo các CTDH của các nước tiên tiến.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Triết lý giáo dục của KYD mới được ban hành trong năm 2021 nên việc tổ chức các buổi hội thảo để giới thiệu triết lý giáo dục còn hạn chế, dẫn đến có một số NTD cũng như cựu SV chưa thực sự hiểu biết sâu sắc về triết lý giáo dục của Khoa.

- Một số SV chọn ngành theo xu hướng của xã hội, chưa thích nghi được với chương trình học tập thuộc khối ngành khoa học sức khoẻ đặc biệt là ngành ĐD nên dễ có tâm lí buồn và thất vọng khi ngành học không như mong đợi, đặc biệt là các SV năm thứ nhất và thứ hai.

- Hoạt động đánh giá năng lực học tập suốt đời của SV sau khi tốt nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

- Đánh giá các CDR liên quan đến mức tự chủ trách nhiệm vẫn còn gặp khó khăn.

- Số lượng SV tham gia khảo sát đánh giá kết quả thi KTHP chưa được nhiều.

- Chưa hoàn thiện ngân hàng câu hỏi/đề thi theo hướng chuẩn hoá cho các HP.

- Có một số HP GV thỉnh giảng từ BV, trường thành viên nên thời gian thi, việc chấm bài, trả kết quả thi đôi khi còn kéo dài.

- Trường chưa xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý ĐT nhằm tạo điều kiện cho NH có thể phản hồi nhanh chóng khi phát hiện sai sót về KQHT.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

- Việc tuyển dụng GV các ngành lâm sàng gặp nhiều khó khăn như GV Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu.

- Tỷ lệ GV đạt trình độ tiến sĩ còn thấp.

- Công tác đánh giá xếp loại chất lượng viên chức được tiến hành định kỳ vào cuối năm học tuy nhiên vẫn chưa có tiêu chí cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV.

- Việc xây dựng kế hoạch ĐT bồi dưỡng để các đội ngũ GV để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng quản lý còn gặp nhiều khó khăn khi triển khai.

- Việc xác định năng lực của đội ngũ GV vẫn còn chủ yếu dựa vào bằng cấp, chứng chỉ; chưa có nhiều công cụ, phương khác để xác định chính xác năng lực;

- Trường vẫn đang trong quá trình xây dựng tiêu chí cụ thể để áp dụng trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng.

- Việc khảo sát nhu cầu ĐT, bồi dưỡng đối với đội ngũ GV chưa thật sự được triển khai liên tục, bám sát thực tế;

- Việc xây dựng kế hoạch ĐT, bồi dưỡng theo yêu cầu của CTĐT hàng năm để tạo ra định hướng phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV còn hạn chế;

- Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, nghiên cứu viên chưa được giám sát, đánh giá hằng năm bằng các công cụ, phương pháp, quy định cụ thể.

- GV, Nghiên cứu viên tham gia góp ý về các chính sách quản trị công việc, về hoạt động đánh giá thi đua, khen thưởng đối với GV, NCV chưa nhiều.

- GV mới tuyển dụng chưa có nhiều kinh nghiệm trong NCKH và đang tập trung vào bồi dưỡng chuyên môn và đi học nâng cao trình độ.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

- Chưa có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Việc phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm ở Trường chưa được triển khai một cách hoàn chỉnh dẫn đến kết quả khảo sát chưa làm rõ mức độ đáp ứng và chưa có giải pháp khắc phục cụ thể.

- Việc xác định năng lực của đội ngũ nhân viên vẫn còn chủ yếu dựa vào bằng cấp, chứng chỉ, chưa có nhiều công cụ, phương pháp để xác định chính xác năng lực;

- Trường vẫn đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện tiêu chí cụ thể để áp dụng trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng.

- Hiện nay, viên chức chủ yếu tập trung tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, số lượng viên chức tham gia ĐT sau ĐH còn khiêm tốn.

- Do tính chất công việc nên tỉ lệ viên chức đăng ký NCKH và các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm làm việc chưa cao.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Công tác quảng bá về chính sách tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh, các phương thức chưa được rộng rãi ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên.

- Chính sách tuyển sinh được cập nhật hàng năm tuy nhiên việc lấy ý kiến các bên liên qua chưa rộng rãi.

- Từ năm 2020, ĐHĐN và Trường đã sử dụng hình thức tuyển sinh xét tuyển học bạ THPT nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức này.

- Một số NH chưa ý thức được tầm quan trọng của việc tìm đến các tổ chức năng, GVCN để được hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời khi gặp khó khăn trong học tập.

- Việc khảo sát lấy kiến của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm mới được triển khai thực hiện có quy củ gần đây.

- Từ năm 2021, Trường mới lấy ý kiến khảo sát đầy đủ của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Một số phòng học chưa được trang bị máy điều hoà và một số phòng thí nghiệm chưa được trang bị máy chiếu.

- Tài liệu để phục vụ giảng dạy và tham khảo các HP với mỗi phiên bản CTĐT còn thiếu.

- Còn thiếu một số thiết bị chuyên sâu để giới thiệu SV tiếp cận và phục vụ cho công tác đào tạo chuyên sâu và các hướng nghiên cứu mới.

- Tài khoản Office 365 (Microsoft 365) của Trường hiện tại do Tổ Quản trị mạng, ĐHĐN quản lý nên Trường chưa chủ động trong việc cấp phát tài khoản.

- Việc hỗ trợ cho người khuyết tật mới chỉ dừng lại ở tầng 1, các tầng 2,3,4,5 chưa có để hỗ trợ cho người khuyết tật. Công tác đảm bảo sức khỏe môi trường hiện nay được phổ biến và triển khai đến các Phòng chức năng, Bộ môn, CBVC, người lao động và SV trong toàn Trường thông qua các kênh truyền thông như trong cuộc họp, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa..., chưa được phổ biến tuyên truyền rộng rãi qua các kênh thông tin khác.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

- Hình thức lấy ý kiến phản hồi phụ thuộc chủ yếu vào khảo sát, các hình thức hội nghị, hội thảo, đối thoại trực tiếp với các bên liên quan còn ít.

- Chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi một cách cụ thể từ các chuyên gia, hầu hết đều dừng lại ở mức tổng quát.

- Chưa tổ chức được các buổi hội thảo về đổi mới giảng dạy và học tập.

- Việc ứng dụng vào thực tiễn các đề tài NCKH của GV còn chưa đồng bộ.

- Nguồn tài liệu tham khảo của ngành ĐD chưa đa dạng.

- Các đối tượng của quá trình khảo sát như SV, cựu SV và NTD chưa nhiệt tình tham gia đánh giá.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

- SV còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ, tin học theo quy định.

- Còn một số ít SV còn chưa chủ động với kế hoạch học tập cá nhân dẫn đến tình trạng còn một số ít SV chậm tốt nghiệp so với tiến độ chung của Trường.

- Việc khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV đôi khi còn khó khăn do SV đã đi làm và không còn học tập tại trường.

- Số lượng đề tài NCKH của SV ngành ĐD còn hạn chế.

- Chưa thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT của Trường với các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT Điều dưỡng

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan với quy mô lớn hơn và với nhiều hình thức khác nhau (trực tiếp, trực tuyến)	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai rà soát, cập nhật định kỳ mục tiêu của CTĐT để đáp ứng các nhu cầu của thị trường lao động.	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	2 năm một lần	
3	Khắc phục điểm tồn tại	- Triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR với quy mô lớn hơn: - Mở rộng phạm vi khảo sát Hình thức khảo sát đa dạng hơn: trực tiếp, trực tuyến - Tách riêng khảo sát nội dung CĐR để có phản hồi cụ thể hơn.	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Từ năm 2024 - 2025	
4	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, cập nhật CĐR theo nhu cầu của thị trường lao động trong nước và thế giới.	- Tổ rà soát CTĐT; - Phòng ĐT&ĐBCL	2 năm một lần kể từ năm 2024.	
5	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên cập nhật nhu cầu của các chuyên gia và ý kiến của các NTD quốc tế để rà soát, cập nhật CĐR	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Từ năm học 2024 - 2025	
6	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường rà soát, điều chỉnh chương trình và kế hoạch đào tạo để phù hợp với CĐR CTĐT ngành ĐD	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Tổ rà soát CTĐT.	02 năm một lần từ năm 2024	

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện tham khảo, đối sánh CTĐT ngành ĐD của Trường với CTĐT ĐD của các nước tiên tiến trên thế giới.	- Tổ rà soát CTĐT - Khoa ĐD&KTYH.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Rà soát, cập nhật các nội dung trong bản mô tả CTĐT một cách tổng thể từ mục tiêu, CDR cho đến kế hoạch giảng dạy, ĐCCT. - Phát huy việc đối sánh CTĐT với những trường đào tạo trong và ngoài nước.	- Tổ rà soát CTĐT; - Phòng ĐT&ĐBCL.	2 năm 1 lần bắt đầu năm 2024	
3	Khắc phục điểm tồn tại	Đối sánh với ĐCCT ngành ĐD các nước tiên tiến và trong khu vực.	- Tổ rà soát CTĐT - Khoa ĐD&KTYH.	Từ năm học 2024 - 2025	
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến của các chuyên gia, NTD, SV và GV để cập nhật và giải quyết khó khăn.	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng công thông tin để có thể nhận phản hồi của các bên liên quan trong quá trình công khai	Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 – 2025	
6	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường việc giới thiệu điểm mạnh của CTĐT ngành ĐD và ĐCCT các HP bằng nhiều hình thức đến các bên liên quan - Thường xuyên cập nhật những thay đổi và công bố liên tục bằng nhiều phương thức khác nhau	- Phòng KH-HTPT&CTSV - Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức các seminar, hội thảo về việc đánh giá mức độ đạt CDR của SV, cựu SV	- Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đổi mới CTĐT dựa trên CDR	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Tiểu ban rà soát, cập nhật CTĐT.	2 năm 1 lần	
3	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các chuyên đề bổ trợ nhằm phát huy tinh thần khởi nghiệp của SV.	- Khoa ĐD&KTYH; - Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Từ năm học 2024 - 2025	
4	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp dạy-học, KT&DG theo hướng tiếp cận năng lực NH	- GV phụ trách HP - Khoa ĐD&KTYH.	Hàng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện tham khảo, đối sánh với các CTDH của các nước tiên tiến để cập nhật CTDH	- Tiểu ban rà soát, cập nhật CTĐT; - Phòng ĐT&ĐBCL;	Từ năm học 2024 - 2025	
6	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và điều chỉnh CTDH đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu xã hội.	- Tiểu ban rà soát, cập nhật CTĐT; - Phòng ĐT&ĐBCL.	02 năm một lần	

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm để chia sẻ nội hàm của TLGD của Khoa đến các bên liên quan	Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	Thông qua các hội thảo, Tuần SHCD, Làm việc với các BV, các kênh truyền thông của Trường
2	Phát huy điểm mạnh	Nêu bật ý nghĩa của TLGD của Trường đến NH và các bên liên quan thông qua các hoạt động như khai giảng, tuần sinh hoạt công dân SV, giảng dạy, sinh hoạt chuyên đề	- TYD, ĐHĐN	Từ năm học 2024 - 2025	
3	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các seminar về ngành ĐD để nói rõ các thuận lợi và khó khăn trong học tập đối với ngành ĐD. - Tổ chức các seminar về phương pháp dạy học và phương pháp học tập hiệu quả đối với ngành khoa học sức khỏe ĐD để SV nắm 	- Khoa ĐD&KTYH.	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		bắt và thuận lợi hơn trong học tập.			
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, KTĐG để nâng cao chất lượng ĐT của ngành ĐD nhằm đạt được các CDR của ngành một cách hiệu quả hơn	- Phòng ĐT&ĐBCL - Khoa ĐD&KTYH.	Hàng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên tổ chức khảo sát, hội thảo đánh giá năng lực học tập suốt đời của SV sau khi tốt nghiệp	TYD - ĐHĐN	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo, seminar về đổi mới phương pháp dạy học và KTĐG nhằm nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời của SV	TYD - ĐHĐN	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Kết hợp nhiều hình thức đánh giá (giữa kỳ, cuối kỳ, thi chạy trạm và thi lâm sàng trên bệnh nhân) và nhiều bên liên quan trong việc đánh giá mức độ tự chủ trách nhiệm NH	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện công tác đánh giá KQHT của NH theo đúng quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với mức độ CDR. - Sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. - Tăng cường hình thức kiểm tra trắc nghiệm bằng hệ thống E-learning 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH; - Phòng KH-HTPT&CTSV. 	Hàng năm	
3	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng quy mô SV tham gia khảo sát	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV. 	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá KQHT của NH và thông báo công khai đến NH. - Luôn cập nhật, đổi mới quy trình, quy định về đánh giá KQHT của NH và thông báo rộng rãi, công khai cho NH 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL 	Hàng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng ngân hàng câu hỏi/đề thi chuẩn hoá của từng HP	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL; 	Từ năm học 2023 - 2024	Đã thực hiện và

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
			- Khoa ĐD&KTYH.		mang đến hiệu quả cao trong công tác KTĐG
6	Phát huy điểm mạnh	- Đa dạng các phương pháp đánh giá KQHT của NH. - Tăng cường, rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các rubric đánh giá của các HP.	- Khoa ĐD&KTYH; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Hàng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại	- Phòng ĐT&ĐBCL và các trợ giảng chủ động theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ để GV thỉnh giảng hoàn thành việc giảng dạy đúng theo kế hoạch đào tạo để rút ngắn thời gian thi KTHP. - Chuyển hình thức thi sang thi trắc nghiệm trên máy tính để giảm thời gian chấm bài, trả kết quả	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Năm học 2024 -2025	
8	Phát huy điểm mạnh	Cải tiến phương thức phản hồi kết quả nhanh chóng trên hệ thống phần mềm ĐT	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Năm học 2024 -2025	
		GV, các phòng chức năng cải tiến quy trình tiếp nhận phản hồi SV đảm bảo chính xác, nhanh chóng	- GV; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Năm học 2024 -2025	
		Tiếp tục tăng cường triển khai hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính	- Phòng ĐT&ĐBCL	Năm học 2024 -2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
9	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý ĐT	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Từ năm học 2024-2025	
10	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến hơn nữa quy trình tiếp nhận và xử lý khiếu nại đảm bảo nhanh chóng, chính xác, kịp thời	- Khoa ĐD&KTYH; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Hàng năm	
		Tiếp tục đảm bảo quyền lợi của NH trong việc khiếu nại về KQHT	- Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển kế hoạch phát triển đội ngũ theo chiến lược đã đề ra	Phòng HC-TH	Năm học 2024 - 2025	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kế hoạch ĐT bồi dưỡng giai đoạn 2024 - 2029 chú trọng đến phát triển đội ngũ GV Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu	Phòng HC-TH	Năm học 2024 - 2025	
3	Khắc phục tồn tại	Phòng HC - TH đề xuất bổ sung thêm nhiều cơ chế, chính sách để khuyến khích GV đi học Tiến sĩ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đảm bảo yêu cầu	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024-2025	
4	Phát huy điểm mạnh	Giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để đảm bảo chất lượng hoạt	TYD	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		động ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD			
5	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng lộ trình ĐT, bồi dưỡng	Phòng HC-TH	Cuối năm 2024 tiến hành thực hiện và định kỳ tiến hành mỗi năm 01 lần	
6	Phát huy điểm mạnh	Căn cứ vào tiêu chí cụ thể quy định cũng như sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển	Phòng HC-TH	Hàng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá, xếp loại GV	Phòng HC-TH	Cuối năm 2024 tiến hành thực hiện và cập nhật định kỳ mỗi năm 01 lần	
8	Phát huy điểm mạnh	Căn cứ vào tiêu chí cụ thể quy định đã ban hành cũng như sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển	Phòng HC-TH	Hàng năm	
9	Khắc phục điểm tồn tại	Khảo sát nhu cầu ĐT, bồi dưỡng đối với đội ngũ GV	Phòng HC-TH	Cuối năm 2024 tiến hành thực hiện và định kỳ	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
				tiến hành mỗi năm 01 lần	
10	Phát huy điểm mạnh	Giám sát, đánh giá hàng năm kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, bồi dưỡng của GV	Phòng HC-TH	Cuối năm 2024 tiến hành thực hiện và định kỳ tiến hành mỗi năm 01 lần	
11	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác lấy ý kiến đóng góp của GV, NCV về các chính sách quản trị công việc, về hoạt động đánh giá thi đua, khen thưởng đối với GV, NCV.	Phòng HC-TH	Từ năm 2024 - 2025	
12	Phát huy điểm mạnh	Ứng dụng hiệu quả CNTT trong quản trị công việc	- Phòng HC-TH; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Hàng năm	
		Tiếp tục phổ biến quy định tiêu chuẩn xếp loại khen thưởng thi đua các cấp đến GV, NCV để CBVC biết và phấn đấu đạt được	Phòng HC-TH	Hàng năm	
13	Khắc phục tồn tại	Tăng cường thúc đẩy hợp tác với các nhà khoa học trong và ngoài nước để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động NCKH	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
		Khuyến khích các GV trẻ bắt đầu NCKH ngay cả trong quá trình đi học và bồi	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		duyệt chuyên môn để nâng cao kinh nghiệm			
14	Phát huy điểm mạnh	Phát huy cơ chế khen thưởng để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ	Phòng HC-TH	Hàng năm Bắt đầu từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung, nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ	Phòng HC-TH	Hàng năm	
3	Khắc phục tồn tại	Cần có kế hoạch và tiến hành triển khai khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm một cách bài bản và hiệu quả.	Phòng HC-TH	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch ĐT bồi dưỡng để các đội ngũ nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng quản lý.	Phòng HC-TH	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		Cần tham mưu thêm hình thức khen thưởng, động viên kịp thời cho các viên chức, người lao động có thành tích xuất sắc.	Phòng HC-TH	Hàng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng và áp dụng tiêu chí cụ thể trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng dựa trên Quy định chi tiết chế độ làm việc của GV TYD	Toàn thể viên chức, người lao động, các đơn vị thuộc TYD	Năm học 2024 - 2025 tiến hành áp dụng chính thức; các năm học tiếp theo tiến hành điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tế tại Trường	
6	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên	Phòng HC-TH	Hàng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng cơ chế hoặc chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện cho viên chức được dành thời gian đi ĐT sau ĐH	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	
8	Phát huy điểm mạnh	Hàng năm tiến hành khảo sát và đánh giá về nhu cầu ĐT, bồi dưỡng của viên chức	Phòng HC-TH	Hàng năm	
9	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng các văn bản quy phạm nội bộ xác định rõ cơ chế để khuyến khích đội ngũ viên chức, người lao động thực hiện các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm, NCKH	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
10	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên bao gồm khen thưởng và công nhận	Phòng HC-TH	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Hoàn thiện các kế hoạch cụ thể để truyền thông, tư vấn tuyển sinh và mở rộng tư vấn tuyển sinh tại các tỉnh ngoài miền Trung như các tỉnh khu vực Tây Nguyên. - Mở rộng hơn việc lấy ý kiến đóng góp về chính sách tuyển hàng năm đến NTD, doanh nghiệp, trường THPT....	- Phòng ĐT&ĐBCL; - KH-HTPT&CTS; - Khoa ĐD&KTYH.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật chính sách tuyển sinh hàng năm và đa dạng hóa hơn nữa các hình thức thông tin đến đối tượng tuyển sinh	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
3	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến về các hình thức tuyển chọn, đặc biệt là các hình thức xét tuyển qua các kênh truyền thông và các đợt tư vấn tuyển sinh trực tiếp đến các trường THPT ...	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc xây dựng hệ thống tiêu chí và phương pháp tuyển chọn nH đa dạng, lựa chọn tổ hợp tuyển sinh	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		phù hợp và mở rộng các tổ hợp tuyển sinh.			
5	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường phổ biến, thông tin cho NH chủ động tìm đến các phòng chức năng, GVCN, CVHT để được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong học tập và rèn luyện như trong tuần sinh hoạt công dân, trong các buổi sinh hoạt lớp của GVCN vào mỗi kì học. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho NH tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ.	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV; - Khoa ĐD&KTYH. 	Hàng năm/học kỳ	
6	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của NH, đặc biệt là các SV bị cảnh báo học vụ để có biện pháp hỗ trợ kịp thời.	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV; - Khoa ĐD&KTYH. 	Hàng năm/học kỳ	
7	Khắc phục điểm tồn tại	Lên kế hoạch, phương pháp thực hiện khảo sát lấy kiến của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm cách hiệu quả và có quy củ hơn	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV. 	Tháng 9 hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục tăng cường các hoạt động tư vấn học tập đảm bảo duy trì trong suốt quá trình học và các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV; - Khoa ĐD&KTYH. 	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		- Đoàn thanh niên tiếp tục mở rộng đa dạng hóa các hoạt động để thu hút nhiều hơn nữa số lượng SV tham gia vào các hoạt động ngoại khóa	Đoàn thanh niên, Phòng KH-HTPT&CTSV		
9	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục lấy ý kiến NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan	Phòng HC-TH KH-HTPT&CTSV, ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
10	Phát huy điểm mạnh	Nâng cấp, mở rộng diện tích, cải tạo môi trường, cảnh quan tạo tâm lý thoải mái cho NH	Phòng HC-TH	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch và các dự án đầu tư về phòng thực hành thí nghiệm, phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	- Phòng HC-TH; - Khoa ĐD&KTYH; - Trung tâm TN&TLS.	Hàng năm	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất lắp máy điều hòa cho các phòng học cần thiết và máy chiếu cho phòng thực hành, thí nghiệm	- Phòng HC-TH	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh	- Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng của GV, các KLTN phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV.	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
		- Ứng dụng CNTT trong quản lý Thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn.			
4	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường đầu tư, bổ sung, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo hàng năm trong điều kiện cho phép.	- Phòng KH-HTPT&CTS V; - Phòng HC-TH.	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả phòng thực hành theo ngành, đáp ứng yêu cầu đào tạo của Trường	- Khoa ĐD&KTYH và Trung tâm TN&TLS	Hàng năm	
6	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng các dự án thiết bị mô phỏng lâm sàng tăng cường cho các hướng học tập và nghiên cứu mới.	- Khoa ĐD&KTYH và Trung tâm TN&TLS; - Phòng HC-TH.	Hàng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại	Chuyển tài khoản Microsoft 365 của CBGV, SV về cho Trường quản trị	- Tổ Quản trị mạng – ĐHĐN; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Năm học 2024 - 2025	
8	Phát huy điểm mạnh	Quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống phần mềm phục vụ quản ĐT	Phòng KH-HTPT&CTSV và các đơn vị có liên quan	Hàng năm	
9	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất thành lập đội/nhóm sinh viên hỗ trợ người khuyết tật (nếu có) khi di chuyển lên các tầng trên; Đẩy mạnh	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
		tuyên truyền trên các kênh facebook, zalo ...			
10	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên cập nhật và quan tâm đến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn. - Tăng cường cây xanh trong tòa nhà	- Phòng HC-TH	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành đa dạng hơn các hình thức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, tổ chức các hội nghị, hội thảo, đối thoại lấy ý kiến trực tiếp	- Phòng ĐT&ĐBCL, HC-TH, KH-HTPT&CT SV	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì thường xuyên hoạt động triển khai lấy ý kiến và phân tích ý kiến phản hồi của các bên liên quan với các phương pháp thu thập khoa học và tin cậy	Phòng ĐT&ĐBCL, HC-TH, KH-HTPT&CT SV	Hàng năm	
3	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thêm các Hội thảo về phát triển CTĐT để lấy ý kiến phản hồi cụ thể từ các chuyên gia	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CT SV	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
4	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT phù hợp với từng hoàn cảnh và giai đoạn	Phòng ĐT&ĐBCL Bộ môn ĐD	Từ năm học 2024 - 2025	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức các buổi hội thảo về đổi mới giảng dạy và học tập.	Phòng ĐT&ĐBCL	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động KTĐG KQHT theo quy định	TYD	Hằng năm	
		Triển khai thêm các phương pháp mới trong dạy học, đánh giá KQHT.	TYD	Từ năm 2024 - 2025	
		Khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động KTĐG	TYD	Hằng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại	Đưa ra Quy định về định hướng nghiên cứu của GV phải phù hợp với chuyên ngành và có thể áp dụng vào quá trình dạy và học.	Phòng KH-HTPT&CT SV	Từ năm học 2024 - 2025	
8	Phát huy điểm mạnh	Thúc đẩy phong trào NCKH trong GV và SV bằng nhiều chính sách khen thưởng	Phòng KH-HTPT&CT SV, HC-TH, Đoàn TN	Từ năm học 2024 - 2025	
9	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung nguồn tài liệu tham khảo của ngành ĐD	Bộ môn ĐD Phòng KH-HTPT&CT SV	Từ năm học 2024 - 2025	
10	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Phòng ĐT&ĐBCL	Hằng năm	
11	Khắc phục điểm tồn tại	- Ban hành quy định tham gia khảo sát đối với SV. - Tăng cường tổ chức hội thảo với NTD lao động và cựu SV để thu thập thông tin phản hồi đầy đủ hơn.	Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
12	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì và không ngừng cải tiến các hình thức khảo sát hiện có. - Mở rộng, áp dụng CNTT nhiều hơn vào quá trình khảo sát	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng ĐT&ĐBCL, CVHT thường xuyên nhắc nhở tiến độ học tập của SV, đặc biệt là tiêu chí về CĐR. Căn cứ vào tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp để xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng như đổi mới phương pháp dạy học, tạo đam mê học tập, yêu nghề của SV.	Phòng ĐT&ĐBCL, CVHT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý ĐT và hệ thống CVHT. - Thực hiện theo dõi, cập nhật danh sách, thống kê tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp và đề xuất phương án giúp giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp. - Tiếp tục các chính sách hỗ trợ cho SV có hoàn cảnh khó khăn, trao học bổng cho SV có thành tích học tập đạt kết quả cao	- Phòng ĐT&ĐBCL - Phòng KH-HTPT&CTSV - CVHT	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
3	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiến hành khảo sát thống kê những khó khăn của SV trong quá trình học tập - Phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa CVHT, cán bộ lớp, cán bộ Đoàn để giám sát tình hình học tập của SV. Kịp thời nhắc nhở SV toàn thành các điều kiện CDR	Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp Phòng KH-HTPT&CTSV, CVHT	Từ Năm học 2023 - 2024	
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát của Trường	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao tỷ lệ tham gia khảo sát: liên lạc qua các kênh khác nhau, các nhóm cựu SV, phỏng vấn qua điện thoại...	- Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Năm học 2024 - 2025	
6	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khảo sát và thống kê tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp	- Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Hàng năm	
		Cải tiến chất lượng CTĐT, CDR để đáp ứng nhu cầu của xã hội	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa ĐD&KTYH.	Hàng năm	
		Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho NH.	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại	Trường đề ra chủ trương, định hướng nghiên cứu, chỉ tiêu và khuyến khích GV và SV ngành ĐD, kết hợp các nhóm nghiên cứu giữa GV và SV ngành ĐD	- TYD - Phòng KH-HTPT&CTSV - Khoa ĐD&KTYH.	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
8	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy, mở rộng các loại hình hoạt động NCKH. - Tìm kiếm thêm nhà tài trợ cho các đề tài NCKH.	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
9	Khắc phục điểm tồn tại	Đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT của Trường với các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế.	Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp với các Phòng chức năng liên quan	Hàng năm	
		Tăng cường mối quan hệ với các bên liên quan, mở rộng phạm vi khảo sát, tổ chức các hội nghị lấy ý kiến của các bên liên quan.	Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp với các Phòng chức năng liên quan	Năm 2024 - 2025	
10	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan và sử dụng để điều chỉnh CTĐT, nâng cao chất lượng ĐT.	TYD	Hàng năm	
		Làm kế hoạch cải tiến	Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp với các Phòng chức năng liên quan	Hàng năm	

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT (Phụ lục)

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tên cơ sở giáo dục: Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng

Mã: TYD

Tên CTĐT: Ngành Điều dưỡng

Mã CTĐT: 7720301

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					x					
Tiêu chí 1.2					x					
Tiêu chí 1.3					x					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					x					
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3					x					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					x					
Tiêu chí 3.2					x					
Tiêu chí 3.3					x					
Tiêu chuẩn 4								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2					x					
Tiêu chí 4.3					x					
Tiêu chuẩn 5								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					x					
Tiêu chí 5.2					x					
Tiêu chí 5.3					x					
Tiêu chí 5.4					x					
Tiêu chí 5.5					x					
Tiêu chuẩn 6								4,43	7	100
Tiêu chí 6.1				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức	Số	Tỷ lệ
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3					x					
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5					x					
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					x			4,40	5	100
Tiêu chí 7.2					x					
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					x			5,00	5	100
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3					x					
Tiêu chí 8.4					x					
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					x			4,80	5	100
Tiêu chí 9.2				x						
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					x			4,83	6	100
Tiêu chí 10.2					x					
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4				x						
Tiêu chí 10.5					x					
Tiêu chí 10.6					x					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					x			4,60	5	100
Tiêu chí 11.2					x					
Tiêu chí 11.3					x					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức	Số	Tỷ lệ
Tiêu chí 11.4				x				4,79	50	100
Tiêu chí 11.5				x						
Đánh giá chung CTĐT								4,79	50	100

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 8 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

TS.BS. Lê Viết Nho

Tên cơ sở giáo dục: Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng

Mã: DDY

Tên CTĐT: Điều dưỡng

Mã CTĐT: 7720301

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<i>Tiêu chuẩn 1</i>			3	100%
Tiêu chí 1.1	Đ			
Tiêu chí 1.2	Đ			
Tiêu chí 1.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 2</i>			3	100%
Tiêu chí 2.1	Đ			
Tiêu chí 2.2	Đ			
Tiêu chí 2.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 3</i>			3	100%
Tiêu chí 3.1	Đ			
Tiêu chí 3.2	Đ			
Tiêu chí 3.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 4</i>			3	100%
Tiêu chí 4.1	Đ			
Tiêu chí 4.2	Đ			
Tiêu chí 4.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 5</i>			5	100%
Tiêu chí 5.1	Đ			
Tiêu chí 5.2	Đ			
Tiêu chí 5.3	Đ			
Tiêu chí 5.4	Đ			
Tiêu chí 5.5	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 6</i>			7	100%
Tiêu chí 6.1	Đ			
Tiêu chí 6.2	Đ			
Tiêu chí 6.3	Đ			
Tiêu chí 6.4	Đ			
Tiêu chí 6.5	Đ			
Tiêu chí 6.6	Đ			
Tiêu chí 6.7	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 7</i>			5	100%
Tiêu chí 7.1	Đ			
Tiêu chí 7.2	Đ			
Tiêu chí 7.3	Đ			
Tiêu chí 7.4	Đ			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 7.5	Đ			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	Đ		5	100%
Tiêu chí 8.2	Đ			
Tiêu chí 8.3	Đ			
Tiêu chí 8.4	Đ			
Tiêu chí 8.5	Đ			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	Đ		5	100%
Tiêu chí 9.2	Đ			
Tiêu chí 9.3	Đ			
Tiêu chí 9.4	Đ			
Tiêu chí 9.5	Đ			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	Đ		6	100%
Tiêu chí 10.2	Đ			
Tiêu chí 10.3	Đ			
Tiêu chí 10.4	Đ			
Tiêu chí 10.5	Đ			
Tiêu chí 10.6	Đ			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	Đ		5	100%
Tiêu chí 11.2	Đ			
Tiêu chí 11.3	Đ			
Tiêu chí 11.4	Đ			
Tiêu chí 11.5	Đ			
Đánh giá chung CTĐT			55	100%

Ghi chú:

- Ghi mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt;
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 8 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

TS.BS. Lê Viết Nho

PHẦN IV: PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7)

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày / /2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng

Tiếng Anh: The University of Danang - School of Medicine and Pharmacy

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: TYD

Tiếng Anh: UD-SMP

3. Tên trước đây (nếu có): Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học Đà Nẵng

5. Địa chỉ: Khu đô thị Đại học Đà Nẵng, Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (84).236.7.109.357

Email: smp@ac.udn.vn

Website: <http://smp.udn.vn>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 2024

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2013

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 8/2017

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thực

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng

Tiếng Anh: The University of Danang - School of Medicine and Pharmacy

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng

Tiếng Anh: The University of Danang - School of Medicine and Pharmacy

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: Khoa Y Dược

Tiếng Anh: School of Medicine and Pharmacy

15. Mã CTĐT: 7720301

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khu đô thị Đại học Đà Nẵng, Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

18. Số điện thoại liên hệ: (84).236.7109.357

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2013
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 8/2017

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,...quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

TYD trực thuộc ĐHĐN được thành lập theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐĐH ngày 02/5/2024 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021-2026, trên cơ sở là KYD, ĐHĐN (16/3/2007) với nhiệm vụ: ĐT nguồn nhân lực y tế có trình độ ĐH, sau ĐH; bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ y tế trong các BV và các cơ sở y tế; NCKH, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y - dược.

TYD hiện đang đào tạo đại học 05 ngành gồm Y khoa, Dược học, Răng - Hàm - Mặt, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học. Sau hơn 17 năm xây dựng và phát triển, Trường đã đào tạo được nhiều thế hệ bác sĩ, dược sĩ và cử nhân cho xã hội, các SV ra trường đều tìm được công việc phù hợp, đúng với chuyên môn được ĐT và có định hướng tương lai rõ ràng.

GV của Trường có năng lực và kinh nghiệm thực hiện các công trình NCKH, hợp tác trong nước và quốc tế đối với lĩnh vực liên quan đến các CTĐT của Trường, gồm 67 GV và trợ giảng cơ hữu, 38 GV cơ hữu theo Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong ĐT khối ngành sức khỏe.

Hiện tại hệ thống CSVC và trang thiết bị cơ bản đáp ứng được việc triển khai ĐT các CTĐT. Đặc biệt, TYD có Trung tâm TN&TLS với việc bố trí không gian CSVC và trang thiết bị các phòng thí nghiệm liên quan đảm bảo năng lực và chất lượng ĐT theo quy định.

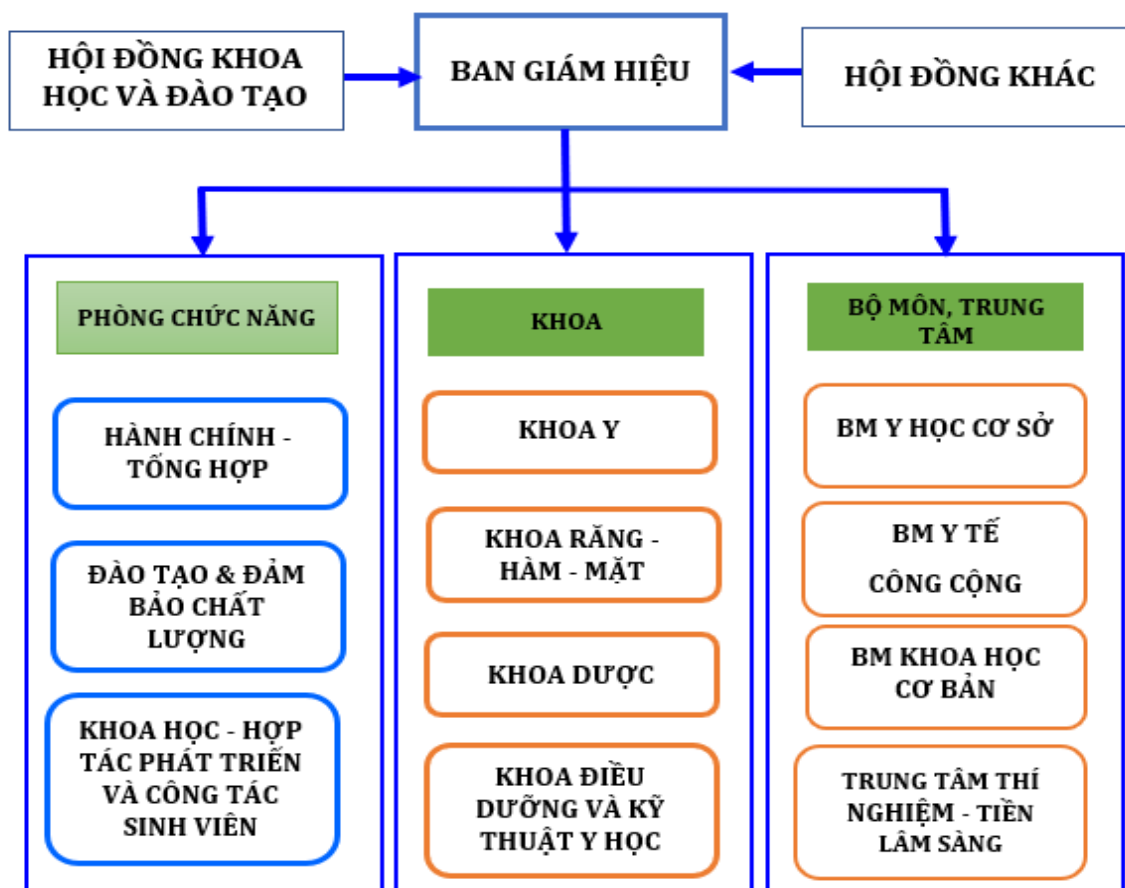
Về thư viện, học liệu đã được trang bị cơ bản đảm bảo phục vụ việc học tập, nghiên cứu của GV và SV. Trong thời gian đến, thư viện sẽ tiếp tục được đầu tư mua sắm các đầu sách nâng cao liên quan đến các CTĐT đồng thời liên kết với thư viện của các đơn vị trong ĐHĐN và các đơn vị cùng ngành ngoài ĐHĐN.

Thời gian qua, TYD đã có hợp tác chặt chẽ trong ĐT nhân lực y tế thể hiện ở hợp đồng viện trường đối với cơ sở thực hành chính tại BV Đà Nẵng, BV Phụ sản - Nhi Đà Nẵng cũng như nhiều BV đa khoa, chuyên khoa lớn khác tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh lân cận như BV C Đà Nẵng, BV Ung Bướu Đà Nẵng, BV Tâm thần Đà Nẵng, BV Y học cổ truyền Đà Nẵng, BV Phục hồi chức năng Đà Nẵng, BV đa khoa Trung ương Quảng Nam, BV đa khoa Khu vực Quảng Nam, các Trung tâm Y tế và nhiều cơ sở y - dược khác. Nhờ vậy, SV có môi trường và điều kiện thực hành tốt, góp phần nâng cao chất lượng ĐT.

Ngoài các cơ sở thực hành tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh lân cận, TYD còn có

hợp tác với các cơ sở ĐT trong nước như ĐH Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Y Dược Cần Thơ và ngày càng mở rộng mối quan hệ hợp tác với các cơ sở ĐT. Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, ngoài mối quan hệ với Tổ chức Y tế thế giới, Trường đã mở rộng các mối quan hệ với Trường ĐH Ludwig – Maxilians (Đức), hàng năm trường này tổ chức khóa học ngắn hạn tại Đức và TP. Hồ Chí Minh cho GV Trường Y Dược, ĐH Nantes (Pháp) tạo điều kiện cho các GV học Thạc sĩ, “forever learning foundation” hàng năm ưu tiên ứng cử viên là GV TYD học tập tại Úc 3 tháng. Bên cạnh đó, Trường còn liên kết, hợp tác với các trường ĐH trên thế giới như ĐH Aston (Anh), ĐH Ubon Ratchathani (Thái Lan) cũng như Tổ chức Deviemed (Đức),... nhằm phát triển đội ngũ, tăng sức mạnh của Trường, qua đó đã thể hiện được tiềm năng là một trong những cơ sở ĐT chất lượng của cả nước.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (Vẽ sơ đồ riêng)



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
A. Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Ban Giám đốc	Nguyễn Ngọc Vũ	1969	PGS.TS Giảng viên cao cấp Giám đốc	0905029990	nnvu@ac.udn.vn
		Lê Thành Bắc	1966	PGS.TS Giảng viên cao cấp Phó Giám đốc	0913423178	ltbac@ac.udn.vn
		Lê Quang Sơn	1964	PGS.TS Giảng viên cao cấp Phó Giám đốc	0983048505	lqson@ac.udn.vn
		Nguyễn Mạnh Toàn	1971	PGS.TS Giảng viên cao cấp Phó Giám đốc	0905141514	nmtoan@ac.udn.vn
B. Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Ban giám hiệu	Lê Viết Nho	1967	TS.BS Giảng viên chính Hiệu trưởng	0905154572	lvnho@smp.udn.vn
		Lê Viết Nhiệm	1986	TS.BS Giảng viên chính Phó Hiệu trưởng	0985968137	lvnhiem@smp.udn.vn
		Lê Kim Trọng	1983	ThS.BSCKII Giảng viên	0914886839	lktrong@smp.udn.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
				Phó Hiệu trưởng		
II. Phòng chức năng						
1	Hành chính – Tổng hợp	Nguyễn Đức Bảo	1986	ThS Giảng viên Trưởng phòng	0988808283	ndbao@smp.udn.vn
		Lê Văn Phụng	1964	ThS Giáo viên trung học Phó Trưởng phòng	0914048585	lvphung@smp.udn.vn
		Đỗ Tấn Phúc	1992	KS Chuyên viên Phó Trưởng phòng	0935405704	dtphuc@smp.udn.vn
2	Đào tạo và Đảm bảo chất lượng	Phạm Thị Ngọc Trinh	1991	ThS.BS Giảng viên Trưởng phòng	905804426	ptntrinh@smp.udn.vn
		Nguyễn Đức Nhơn	1993	ThS.BS Giảng viên Phó Trưởng phòng	0372129784	ndnhon@smp.udn.vn
		Nguyễn Thành Nam	1993	ThS.BS Giảng viên Phó Trưởng phòng	0947474369	ntnam@smp.udn.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
3	Khoa học – Hợp tác phát triển và Công tác Sinh viên	Nguyễn Thị Thu Hiền	1990	ThS Giảng viên Phó Trưởng phòng	0905945253	ntthien@smp.udn.vn
		Nguyễn Tấn Minh	1984	ThS Chuyên viên Phó Trưởng phòng	0983738541	ntminh@smp.udn.vn
III. Khoa						
1	Khoa Y	Lê Viết Nho	1967	TS.BS Giảng viên chính Trưởng khoa	0905154572	lvnho@smp.udn.vn
		Hồ Khả Vĩnh Nhân	1985	ThS.BS Giảng viên Phó Trưởng khoa	0983004019	hkvnhan@smp.udn.vn
2	Khoa Răng – Hàm – Mặt	Phan Thế Phước Long	1967	TS.BS Giảng viên Trưởng khoa	0939027331	ptplong@smp.udn.vn
3	Khoa Dược	Trương Phú Chí Hiếu	1995	ThS.DS Giảng viên Phó Trưởng khoa	773018019	tpchieu@smp.udn.vn
4	Khoa Điều dưỡng và Kỹ	Lê Viết Nhiệm	1986	TS.BS Giảng viên chính Trưởng khoa	0985968137	lvnhiem@smp.udn.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	thuật Y học	Trương Thị Mỹ Phượng	1986	TS.BS Giảng viên Phó Trưởng khoa	0982559779	ttmphuong@smp.udn.vn
IV. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Đoàn thanh niên	Nguyễn Thành Nam	1993	ThS.BS Giảng viên Bí thư đoàn	0947474369	ntnam@smp.udn.vn
2.	Công đoàn	Nguyễn Tấn Minh	1984	ThS Chuyên viên Chủ tịch công đoàn	0983738541	ntminh@smp.udn.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 5

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27)

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	
Không chính quy	x	
Từ xa		x
Liên kết đào tạo với nước ngoài		x
Liên kết đào tạo trong nước		x

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Liên thông vừa làm vừa học

32. Tổng số các ngành đào tạo: 5

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	35	72	107
I.1	Đội ngũ trong biên chế	33	70	103
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	02	02	04
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	13	10	23
Tổng số		48	82	130

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	01	01	0	01	02	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	11	11	02	06	01	0
5	Thạc sĩ	39	39	01	20	11	0
6	Đại học	20	20	03	0	03	0

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	71	71	06	27	17	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 88 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 66,6%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35):

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	01	01	0	01	02	0	3
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	11	11	02	06	01	0	26

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
5	Thạc sĩ	1	39	39	01	20	11	0	171
6	Đại học	0,3	20	20	03	0	03	0	16,8
	Tổng		71	71	06	27	17	0	

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	01	1,4	01	0	0	0	01	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	11	15,5	08	03	0	05	01	05	0
5	Thạc sĩ	39	54,9	11	28	06	29	04	0	0
6	Đại học	20	28,2	07	13	14	06	0	0	0
	Tổng	71	0	27	44	20	40	6	5	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 34,9 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 15,5 %

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,47%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học
----	------------------	--

		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	80%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20%	0%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0%	0%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0%	0%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0%	0%
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020		52		35	18/30	19,5	0
2020-2021		83		40	19,7/30	21,9	0
2021-2022		116		43	20,65	22,4	0
2022-2023		116		32	19,01	21,2	0
2023-2024	551	57	11,02	39	20,95	22,2	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	-	-	-	-	-
2. Học viên cao học	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
3. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	165	124	138	148	158
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác: Vừa học vừa làm	85	-	-	-	-

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	-	32m ²	32m ²	32m ²	32m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	-	300	300	300	300
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	Không có số liệu (dịch covid-19)	36	28	38	46
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	-	8m ²	8m ²	8m ²	8m ²

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Số lượng (người)	0	0	10	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	7,3	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015- 2019	2016- 2020	2017- 2021	2018- 2022	2019- 2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	51	54	19	26	25
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2019	2016 - 2020	2017 - 2021	2018 - 2022	2019 - 2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	51	54	19	26	25
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	76,12%	93,10%	73,08%	65,00%	71,43%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2019	2016 - 2020	2017 - 2021	2018 - 2022	2019 - 2023
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	100%	100%	85,71%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	0	0	14,29%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp.	-	-	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	76%		68,8%	83,3%	43%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	20%		0	16,7%	57%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	6-8 triệu		-	-	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2019	2016 - 2020	2017 - 2021	2018 - 2022	2019 - 2023
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	96%			100%	81,82%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	4%			0	18,18%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0			0	0

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	1	1	0	2
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	0	3	1	2
	Tổng		0	0	1	4	1	4

Cách tính: $Cột\ 9 = cột\ 3 * (cột\ 4 + cột\ 5 + cột\ 6 + cột\ 7 + cột\ 8)$

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 4

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi)

trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 4/107

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020	0	0	0
2	2021	0	0	0
3	2022	0	0	0
4	2023	0	0	0
5	2024	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	4	8	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	4	8	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:
Không

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	3	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	0	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	13	17	18	24	13	127,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	9	7	15	14	3	48
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		22	24	33	38	16	175,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 175,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 175,5/107

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	17	26	0
Từ 6 đến 10 bài báo	1	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	2	0	0
Trên 15 bài báo	2	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	22	26	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	0	0	0	0,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
	Tổng		1	0	0	0	0	0,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5/107

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	1	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019 - 2020	0
2020 - 2021	0
2021 - 2022	5 Nơi cấp: Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ Thời gian cấp: 2022 Người được cấp: TS. Trần Mạnh Hùng (Đồng sở hữu)
2022 - 2023	0
2023 - 2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước
55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 600000 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²) 2400 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 1551 m² Nơi học: 1776 m² Nơi vui chơi giải trí:

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

Tổng diện tích phòng học: 1776 m²

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7401 m²/1290 người học

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 294 đầu sách

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 37 máy

- Dùng cho người học học tập: 88 máy

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 88/1257

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 71

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 66,4%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 15,5%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 54,9%

2. Người học

Tổng số người học chính quy (người): 145

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 145/16

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 94,4

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 95%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 5%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): Từ 5 - 10 triệu

Stt	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%)		96%	89,7 %	100%	100%
2	Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%)		4%	10,3%	%	0%
3	Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ)		Khoảng 5 triệu	Khoảng 6 triệu	Từ 5 – 7 triệu	Từ 5 – 10 triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 90%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 10%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4/107

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0/107

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 8/107

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 175,5/107

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5/107

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 88 máy tính/1290 người học

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7401 m²/ 1290 người học

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: Không có

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan: Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký,... (Phụ lục 1); Kế hoạch TĐG (Phụ lục 2); các bảng biểu tổng hợp, thống kê,...

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Số: 4069/QĐ-ĐHĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng thuộc Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Xét Tờ trình số 376/TTr-TYD ngày 19/9/2024 của Trường Y Dược về việc đề nghị kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng thuộc Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trường ban Ban Đào tạo và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng thuộc Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai, rà soát, hoàn thiện công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.



Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 920/QĐ-ĐHĐN ngày 12/3/2024 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc kiện toàn Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng thuộc Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban có liên quan của Đại học Đà Nẵng, Hiệu trưởng Trường Y Dược, Trưởng các bộ phận có liên quan thuộc Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTĐBCL.



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG**

(Kèm theo Quyết định số 4069/QĐ-ĐHĐN ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc
Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ	Giám đốc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN)	Chủ tịch Hội đồng (HĐ)
2	PGS.TS. Lê Thành Bắc	Phó Giám đốc ĐHĐN	Phó Chủ tịch HĐ
3	TS.BS. Lê Viết Nho	Hiệu trưởng Trường Y Dược (TYD) - ĐHĐN	Phó Chủ tịch HĐ thường trực
4	TS.BS. Lê Viết Nhiệm	Phó Hiệu trưởng, TYD	Ủy viên thường trực
5	ThS.BS. Nguyễn Đức Nhơn	Phó Trưởng phòng Phòng Đào tạo và Đảm bảo chất lượng (ĐT&ĐBCL), TYD	Thư ký
6	ThS. Nguyễn Đức Tiến	Chánh Văn phòng, ĐHĐN	Ủy viên
7	TS. Cao Xuân Tuấn	Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ, ĐHĐN, Thư ký Hội đồng ĐHĐN	Ủy viên
8	TS. Trần Đình Khôi Quốc	Trưởng ban Ban Đào tạo và Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHĐN	Ủy viên
9	TS. Trương Lê Bích Trâm	Phó Trưởng ban Ban Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Ủy viên
10	ThS.BSCKII. Lê Kim Trọng	Phó Hiệu trưởng, TYD	Ủy viên
11	ThS. Nguyễn Đức Bảo	Trưởng phòng Phòng Hành chính - Tổng hợp (HC-TH), TYD	Ủy viên
12	ThS. Nguyễn Tấn Minh	Phó Trưởng phòng Phòng KH-HTPT&CTSV, TYD	Ủy viên
13	ThS. Trương Thị Mỹ Phượng	Phó Trưởng khoa Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật y học (ĐD&KTYH), TYD	Ủy viên
14	ThS. Nguyễn Thị Hà	Giảng viên Bộ môn (BM) Điều dưỡng, TYD	Ủy viên
15	Nguyễn Thị Anh Ngọc	Sinh viên lớp DD22, KYD	Ủy viên

(Danh sách trên gồm có 15 người)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 4069/QĐ-ĐHĐN ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Đức Nhơn	Phó Trưởng phòng Phòng ĐT&ĐBCL, TYD	Trưởng ban
2	ThS. Lê Vũ Thái Sơn	Chuyên viên Phòng ĐT&ĐBCL, TYD	Thành viên
3	KS. Cao Thị Phương Dung	Chuyên viên Phòng KH-HTPT&CTSV, TYD	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Giảng viên BM Điều dưỡng, TYD	Thành viên
5	CN. Nguyễn Thị Ngọc Dung	Chuyên viên Phòng HC-TH, TYD	Thành viên
6	ThS. Lê Thị Lại	Chuyên viên Phòng KH-HTPT&CTSV, TYD	Thành viên
7	ThS. Đoàn Như Quỳnh	Chuyên viên Ban Đào tạo và Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHĐN	Thành viên

(Danh sách trên gồm có 07 người)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 5	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra		
1	ThS.BS. Nguyễn Thành Nam	Phó Trưởng phòng Phòng ĐT&ĐBCL	Nhóm trưởng
2	ThS. Lê Thị Lài	Chuyên viên Phòng KH-HTPT&CTSV	Thư ký
3	TS. Nguyễn Văn Song	Giảng viên BM KTXN&HAYH	Thành viên
4	ThS. Phan Hoàng Thủy	Chuyên viên Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên
5	CN. Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	Chuyên viên Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên
6	BS. Hứa Thị Kim Chung	Trợ giảng BM Nội	Thành viên

(Danh sách trên gồm có 28 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 4069/QĐ-ĐHDN ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học		
1	ThS. Trương Thị Mỹ Phượng	Phó Trưởng khoa Khoa DD&KTYH	Nhóm trưởng
2	ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Giảng viên BM Điều dưỡng	Thư ký
3	KS. Lê Vũ Thủy Triều	Chuyên viên Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên
4	ThS. Đỗ Thị Thúy Duy	Phó trưởng BM Điều dưỡng	Thành viên
5	CN. Phạm Thị Thu	Nhân viên Trung tâm Thí nghiệm & Tiễn lâm sàng (TN&TLS)	Thành viên
Nhóm 2	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học		
1	ThS. Nguyễn Thị Hà	Giảng viên BM Điều dưỡng	Nhóm trưởng
2	ThS. Lê Vũ Thái Sơn	Chuyên viên Phòng ĐT&ĐBCL	Thư ký
3	CN. Nguyễn Bình Thảo Nguyên	Trợ giảng BM Điều dưỡng	Thành viên
4	ThS.BS. Nguyễn Đức Nhơn	Phó Trưởng phòng Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên
5	Nguyễn Thị Anh Ngọc	Sinh viên DD22	Thành viên
Nhóm 3	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên		
1	ThS. Nguyễn Đức Bảo	Trưởng phòng Phòng HC-TH	Nhóm trưởng
2	CN. Nguyễn Thị Ngọc Dung	Chuyên viên Phòng HC-TH	Thư ký
3	CN. Nguyễn Đoàn Thảo Hiền	Chuyên viên Phòng HC-TH	Thành viên
4	CN. Lê Thị Phượng	Chuyên viên Phòng HC-TH	Thành viên
5	ThS. Ngô Thị Ngọc Bích	Chuyên viên Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên
Nhóm 4	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học Tiêu chuẩn 9: CSVC và trang thiết bị		
1	ThS. Nguyễn Tấn Minh	Phó Trưởng phòng Phòng KH-HTPT&CTSV	Nhóm trưởng
2	KS. Cao Thị Phương Dung	Chuyên viên Phòng KH-HTPT&CTSV	Thư ký
3	CN. Nguyễn Đức Thảo Duyên	Chuyên viên Phòng KH-HTPT&CTSV	Thành viên
4	KS. Đỗ Tấn Phúc	Phó Trưởng phòng Phòng HC-TH	Thành viên
5	CN. Nguyễn Thị Mỹ Linh	Chuyên viên Phòng HC-TH	Thành viên
6	ThS. Hồ Thị Thanh Mai	Trưởng Trung tâm TN&TLS	Thành viên
7	CN. Phạm Thị Anh Đào	Chuyên viên Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1378/KH-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 4 năm 2021

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm, nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện Chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tài liệu hướng dẫn kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng; Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng được thành lập theo Quyết định số: 1377/QĐ-ĐHĐN ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng. Hội đồng gồm có 17 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo)

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn viết Báo cáo tự đánh giá cho toàn thể cán bộ của Khoa (Nội bộ + Chuyên gia)

- rà soát cơ sở dữ liệu, kiểm tra nội dung, nội hàm của các tiêu chuẩn, tiêu chí

- Mã hóa thông tin minh chứng, tổng hợp và hoàn chỉnh danh mục minh chứng và minh chứng

- Tổng hợp và hoàn chỉnh Báo cáo tự đánh giá (ver1)



- Gửi chuyên gia nhận xét và góp ý về Báo cáo tự đánh giá
- Hiệu chỉnh theo góp ý của chuyên gia
- Gửi Lãnh đạo Khoa phê duyệt
- Hoàn chỉnh Báo cáo tự đánh giá (ver2)

b) Các nhóm công tác

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 1	Tháng 4 đến Tháng 7	
2	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 2	Tháng 4 đến Tháng 7	
3	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 3	Tháng 4 đến Tháng 7	
4	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học Tiêu chuẩn 9: CSVC và trang thiết bị	Nhóm 4	Tháng 4 đến Tháng 7	
5	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 5	Tháng 4 đến Tháng 7	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Tập huấn nghiệp vụ tìm minh chứng

a) Thời gian: Tháng 3, 4

b) Thành phần:

- Hội đồng tự đánh giá
- Ban thư ký
- Các nhóm chuyên trách

2. Tập huấn viết báo cáo tự đánh giá

a) Thời gian: Tháng 7, 8

b) Thành phần:

- Hội đồng tự đánh giá
- Ban thư ký
- Các nhóm chuyên trách

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT.

VI. Dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/ cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	TC 1, TC 2, TC 3	- Thu thập MC - Viết BC tự đánh giá - Các hoạt động rà soát, điều chỉnh, bổ sung - Đánh giá nội bộ	- Cán bộ của Khoa - Cán bộ của Khoa - Khoa và các bên liên quan - Kinh phí do Trường khoa phê duyệt	Tháng 4 đến tháng 7	
2	TC 4, TC 5	- Thu thập MC - Viết BC tự đánh giá - Các hoạt động rà soát, điều chỉnh, bổ sung - Đánh giá nội bộ	- Cán bộ của Khoa - Cán bộ của Khoa - Khoa và các bên liên quan - Kinh phí do Trường khoa phê duyệt	Tháng 4 đến tháng 7	
3	TC 6, TC 7	- Thu thập MC - Viết BC tự đánh giá - Các hoạt động rà soát, điều chỉnh, bổ sung - Đánh giá nội bộ	- Cán bộ của Khoa - Cán bộ của Khoa - Khoa và các bên liên quan - Kinh phí do Trường khoa phê duyệt	Tháng 4 đến tháng 7	
4	TC 8, TC 9	- Thu thập MC - Viết BC tự đánh giá	- Cán bộ của Khoa - Cán bộ của Khoa	Tháng 4 đến tháng 7	



		- Các hoạt động rà soát, điều chỉnh, bổ sung - Đánh giá nội bộ	- Khoa và các bên liên quan - Kinh phí do Trường khoa phê duyệt		
5	TC 10, TC 11	- Thu thập MC - Viết BC tự đánh giá - Các hoạt động rà soát, điều chỉnh, bổ sung - Đánh giá nội bộ	- Cán bộ của Khoa - Cán bộ của Khoa - Khoa và các bên liên quan - Kinh phí do Trường khoa phê duyệt	Tháng 4 đến tháng 7	

VII. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

- Thu thập thông tin cựu sinh viên và nhà tuyển dụng
- Thời gian: Tháng 5 - Tháng 6/2021
- Kinh phí: Trường khoa phê duyệt kế hoạch và kinh phí

VIII. Kế hoạch thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

- Thuê 1-2 chuyên gia để tư vấn tìm minh chứng và viết Báo cáo tự đánh giá
- Thời gian: Tháng 3, 4/2021 và Tháng 7, 8/2021
- Kinh phí: Trường khoa phê duyệt kế hoạch và kinh phí

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí phân loại và mã hoá các minh chứng thu được, Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (07 tháng) theo lịch trình dự kiến như sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1-2 Tháng 4/2021	1. Họp Ban lãnh đạo Khoa và Bộ môn Điều dưỡng để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian và xác định các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá CTĐT Điều dưỡng.
	2. Giám đốc ĐHĐN ra quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá CTĐT Điều dưỡng.
	3. Họp Hội đồng Tự đánh giá CTĐT và Ban thư ký để:

	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch Tự đánh giá CTĐT
Tuần 3-4 Tháng 4/2021	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.
	2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho cán bộ chủ chốt liên quan
	3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> - Bản kế hoạch Tự đánh giá CTĐT đã được phê duyệt, - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG - Trình Giám đốc ĐHQĐN đề nghị ban hành kế hoạch TĐG
	4. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách giúp việc cho Hội đồng
Tuần 5-8 Tháng 5/2021	<p>Trưởng các nhóm chuyên trách tổ chức họp các nhóm chuyên trách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích tiêu chuẩn/tiêu chí - Xây dựng danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập - Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm để triển khai thu thập minh chứng - Thu thập thông tin và minh chứng. - Xác định các minh chứng đã có, các minh chứng nào cần được phục dựng, bổ sung. - Nghiên cứu nội dung của minh chứng để đánh giá mức độ phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9-15 Tháng 6, 7/2021	<p>Trưởng các nhóm chuyên trách tổ chức họp các nhóm chuyên trách:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân công các thành viên viết báo cáo cho từng tiêu chí, thực hiện mã hóa minh chứng khi viết báo cáo (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết).

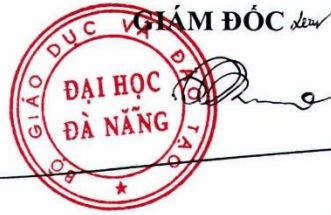


	2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (có thể thu thập thông tin bổ sung).
Tuần 16 Tháng 7/2021	1. Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; 2. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17-18 Tháng 8/2021	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất chỉnh sửa (nếu cần) 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, tổ chức năng để thảo luận về Báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý. 3. Ban thư ký hiệu chỉnh báo cáo TĐG theo ý kiến của Hội đồng tự đánh giá
Tuần 19 Tháng 8/2021	1. Ban thư ký gửi báo cáo TĐG cho cán bộ tư vấn để hiệu chỉnh 2. Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện minh chứng theo yêu cầu của HĐTĐG
Tuần 20-21 Tháng 8, 9/2021	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét Báo cáo tự đánh giá và đề xuất hiệu chỉnh theo yêu cầu của tư vấn 2. Ban thư ký hiệu chỉnh báo cáo TĐG theo ý kiến của Hội đồng tự đánh giá 3. Hội đồng TĐG thông qua báo cáo TĐG lần 2
Tuần 22-23 Tháng 9/2021	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, Tổ chức năng, phòng ban) trong nội bộ Khoa Y Dược và ĐHĐN 2. Các bộ môn, Tổ chức năng, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG
Tuần 24-25 Tháng 9, 10/2021	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện 2. Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo TĐG lần cuối

	3. Gửi cho cán bộ tư vấn xem lại báo cáo TĐG lần 2, Hội đồng tự đánh giá hiệu chỉnh theo yêu cầu của tư vấn
	4. Hoàn thiện báo cáo TĐG
Tuần 26 Tháng 10/2021	1. Khoa Y Dược gửi báo cáo TĐG và công văn cho ĐHĐN, Bộ GDĐT. 2. Khoa Y Dược bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo để phục vụ cho công tác đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Khoa Y Dược (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong ĐHĐN, KYD (để th/h);
- Lưu: VT, ĐBCLGD.

**PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ**

3. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (Phụ lục 9).

BẢNG DANH MỤC MINH CHỨNG NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo						
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	1	H1.01.01.01	Quyết định Về việc cho phép Khoa Y Dược mở ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ Đại học	Số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25/6/2013	ĐHĐN	
	2		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
	3		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	4		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	5		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	6		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	
	7		Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	

8	H1.01.01.02	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	
9		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
10		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
11		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
12		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
13		Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	
14	H1.01.01.03	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
15		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số QĐ 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	

16	H1.01.01.04	Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2013	Số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25/6/2013	ĐHĐN	
17		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
18		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
19		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
20		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
21	H1.01.01.05	Quyết định công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Đại học Đà Nẵng	Số 1628/QĐ-ĐHĐN ngày 31/3/2015	ĐHĐN	
22		Quyết định về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2035	Số 1219/QĐ- HĐĐHĐN ngày 17/4/2018	ĐHĐN	
23		Nghị quyết về việc ban hành chiến lược phát triển của Đại học Đà Nẵng đến năm 2023 và tầm nhìn đến năm 2025	Số 23/NQ-HĐĐHĐN ngày 28/4/2023	ĐHĐN	
24	H1.01.01.06	Thông báo Công bố "Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi" của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 86/TB - KYD ngày 02/7/2014	KYD	
25		Quyết định ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	261/QĐ-KYD ngày 30/08/2021	KYD	
26		Quyết định ban hành chiến lược phát triển của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045	Số 293/QĐ-KYD ngày 05/5/2023	KYD	

27	H1.01.01.07	Luật giáo dục đại học 2012	Số 08/2012-QH13 ngày 18/6/2012	Quốc hội	
28		Luật giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung 2018	Số 34/2018-QH14 ngày 19/11/2018	Quốc hội	
29	H1.01.01.08	Thông tư quy định hoạt động của Điều dưỡng trong bệnh viện	Số 31/2021-TT-BYT ngày 28/12/2021	Bộ Y tế	
30	H1.01.01.09	Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Số 1352/QĐ-BYT ngày 24/4/2012	Bộ Y tế	
31		Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Số 3474/QĐ-BYT ngày 28/12/2022	Bộ Y tế	
32		Bảng đối sánh mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Năm 2023	KYD	
33		Bảng đối sánh chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Năm 2023	KYD	
34		H1.01.01.10	Chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng	Số 20/QĐ-HDD ngày 10/9/2012	Hội Điều dưỡng
35	H1.01.01.11	Khung trình độ năng lực quốc gia Việt Nam	Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Hà Nội	
36	H1.01.01.12	Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2018-2019	Số 4369/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 17/12/2018	ĐHĐN	
37		Công văn số 14 về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2019-2020	Số 14/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 03/01/2020	ĐHĐN	
38		Công văn số 4714 về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2020-2021	Số 4714/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 25/12/2020	ĐHĐN	
39		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2021-2022	Số 4560//ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 31/12/2021	ĐHĐN	

40		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2022-2023	Số 27/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 05/01/2023	ĐHĐN	
41		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2023-2024	Số 5621/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 29/12/2023	ĐHĐN	
42	H1.01.01.13	Kế hoạch rà soát Chương trình đào tạo Khoa Y Dược 2019	Số 123/KH-KYD ngày 12/9/2019	KYD	
43		Kế hoạch điều chỉnh khung Chương trình đào tạo Khoa Y Dược 2021	Số 52/KH-KYD ngày 23/2/2021	KYD	
44		Kế hoạch về việc Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng 2021	Số 159/KH-KYD ngày 03/6/2021	KYD	
45		Kế hoạch Rà soát, xây dựng, điều chỉnh Chương trình đào tạo, bản mô tả học phần và đề cương chi tiết các học phần của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 773/KH-KYD ngày 30/12/2022	KYD	
46		Kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 213/KH-KYD ngày 03/4/2024	KYD	
47		Công văn lấy ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 413/ĐHĐN-KYD ngày 18/01/2021	ĐHĐN	
48		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023	Số 54/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	

49		Kế hoạch khảo sát sinh viên, giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 55/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
50		Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên về Chương trình đào tạo năm học 2021-2022 Khoa Y - Dược	Số 63/KH-KYD ngày 15/02/2022	KYD	
51	H1.01.01.14	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược 2019	Số 2912/QĐ-ĐHĐN ngày 11/9/2019	ĐHĐN	
52		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng KYD 2021	Số 135/QĐ-KYD ngày 10/5/2021	KYD	
53		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y - Dược 2022	Số 778/QĐ-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
54		Quyết định thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y - Dược 2022	Số 779/QĐ-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
55		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 214/QĐ-KYD ngày 04/4/2024	KYD	
56		Quyết định thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 215/QĐ-KYD ngày 04/4/2024	KYD	

57	H1.01.01.15	Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1301/BVĐN ngày 24/10/2019	Bệnh viện Đà Nẵng	
58		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1149/BVPSNĐN ngày 30/10/2019	Bệnh viện Phụ sản - Nhi ĐN	
59		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2020-2021	Ngày 02/7/2021	KYD	
60		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2021-2022	Số 247/KH-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
61		Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	
62	H1.01.01.16	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2020	Năm 2020	KYD	
63		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2021	Ngày 20/06/2021	KYD	
64		Báo khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021 - 2022	Số 274/BC-KYD ngày 10/5/2022	KYD	

65		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/5/2023	KYD	
66		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 464/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
67	H1.01.01.17	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa Y Dược năm học 2022-2023	Số 546/BC-KYD ngày 23/8/2023	KYD	
68		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2021	Năm 2021	KYD	
69		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 354/BC-KYD ngày 29/6/2022	KYD	
70		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 20/8/2021	KYD	
71	H1.01.01.18	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	Số 340/BC-KYD ngày 14/6/2022	KYD	
72		Báo cáo khảo sát ý kiến giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 329/BC-KYD ngày 17/5/2023	KYD	

73	H1.01.01.19	Bảng đối sánh Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chương trình đào tạo các trường trong và ngoài nước	Năm 2023	KYD	
74	H1.01.01.20	Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2019	Ngày 17/9/2019	KYD	
75		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2021	Ngày 30/9/2021	KYD	
76		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2023	Ngày 14/04/2023	KYD	
77		Biên bản Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2022	Ngày 25/6/2022	KYD	
78	H1.01.01.21	Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2019	Ngày 05/11/2019	KYD	
79		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2020	Ngày 19/6/2020	KYD	
80		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2021	Ngày 04/8/2021	KYD	
81		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y - Dược 2022	Ngày 16/03/2022	KYD	

82		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y - Dược 2023	Ngày 27/12/2023	KYD	
83	H1.01.01.22	Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2018-2019	Ngày 20/6/2019	KYD	
84		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2019-2020	Ngày 15/03/2020	KYD	
85		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2020-2021	Ngày 25/06/2021	KYD	
86		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2021-2022	Ngày 22/11/2021	KYD	
87	H1.01.01.23	Sổ tay sinh viên năm học 2019 - 2020	Năm 2019	KYD	
88		Sổ tay sinh viên năm học 2020 - 2021	Năm 2020	KYD	
89		Sổ tay sinh viên năm học 2021 - 2022	Năm 2021	KYD	
90		Sổ tay sinh viên năm học 2022 - 2023	Năm 2022	KYD	
91		Sổ tay sinh viên năm học 2023 - 2024	Năm 2023	KYD	
92	H1.01.01.24	Trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục giới thiệu ngành Điều dưỡng	Năm 2024	TYD	

Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.	93	H1.01.01.04	Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
	94		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	95		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	96		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	97		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	
	98		Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	
	99		Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	

100	H1.01.01.02	Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
101		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
102		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
103		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
104	H1.01.01.11	Khung trình độ năng lực quốc gia Việt Nam	Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Hà Nội	
105	H1.01.02.01	Công văn về việc đối sánh chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo với Khung trình độ năng lực quốc gia Việt Nam	Số 1581/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 14/5/2020	ĐHĐN	
106		Ma trận đối sánh Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019 với Khung trình độ quốc gia	Năm 2019	KYD	
107	H1.01.02.02	Ma trận đối sánh Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021 với Khung trình độ quốc gia	Năm 2021	KYD	

108		Ma trận đối sánh Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023 với Khung trình độ quốc gia	Năm 2023	KYD	
109	H1.01.01.09	Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Số 1352/QĐ-BYT ngày 24/4/2012	Bộ Y tế	
110		Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Số 3474/QĐ-BYT ngày 28/12/2022	Bộ Y tế	
111		Bảng đối sánh mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Năm 2023	KYD	
112		Bảng đối sánh chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Năm 2023	KYD	
113	H1.01.01.10	Chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng	Số 20/QĐ-HĐD ngày 10/9/2012	Hội Điều dưỡng	
114	H1.01.01.03	Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	
115		Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
116		Quy chế đào tạo ĐH và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
117		Quyết định Ban hành Quy trình rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo trình độ đại học Khoa Y Dược	Số 476/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	

118	H1.01.02.03	Quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá chương trình dạy học	Số 447/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
119		Quyết định Ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo	Số 484/2021/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
120		Quyết định công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Đại học Đà Nẵng	Số 1628/QĐ-ĐHĐN ngày 31/3/2015	ĐHĐN	
121	H1.01.01.05	Quyết định về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2035	Số 1219/QĐ- HĐĐHĐN ngày 17/4/2018	ĐHĐN	
122		Nghị quyết về việc ban hành chiến lược phát triển của Đại học Đà Nẵng đến năm 2023 và tầm nhìn đến năm 2025	Số 23/NQ-HĐĐHĐN ngày 28/4/2023	ĐHĐN	
123		Thông báo Công bố "Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi" của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 86/TB-KYD ngày 02/7/2014	KYD	
124	H1.01.01.06	Quyết định ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 261/QĐ-KYD ngày 30/08/2021	KYD	
125		Quyết định ban hành chiến lược phát triển của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045	Số 293/QĐ-KYD ngày 05/5/2023	KYD	
126		Đề cương chi tiết các học phần năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
127	H1.01.02.04	Đề cương chi tiết các học phần năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
128		Đề cương chi tiết các học phần năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	

	129		Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2019	Năm 2019	KYD	
	130	H1.01.02.05	Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2021	Năm 2021	KYD	
	131		Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2023	Năm 2023	KYD	
Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	132	H1.01.02.03	Quyết định Ban hành Quy trình rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo trình độ đại học Khoa Y Dược	Số 476/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
	133		Quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá chương trình dạy học	Số 447/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
	134		Quyết định Ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo	Số 484/2021/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
	135		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	
	136		Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	

137	H1.01.01.02	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các <u>trình độ đại học</u>	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	
138		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo <u>trình độ đại học</u>	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
139		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo <u>trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ</u>	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
140		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo <u>trình độ đại học</u>	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
141		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo <u>trình độ đại học</u>	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
142	H1.01.01.03	Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo <u>trình độ đại học</u>	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	
143		Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các <u>trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng</u>	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
144		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	

145	H1.01.02.01	Công văn hướng dẫn đối sánh phục vụ công tác đảm bảo chất lượng giáo dục	Số 2929/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 11/9/2019	ĐHĐN	
146		Đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với khung trình độ quốc gia	Số 1581/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 14/5/2020	ĐHĐN	
147	H1.01.02.02	Ma trận đối sánh Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019 với Khung trình độ quốc gia	Năm 2019	KYD	
148		Ma trận đối sánh Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021 với Khung trình độ quốc gia	Năm 2021	KYD	
149		Ma trận đối sánh Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023 với Khung trình độ quốc gia	Năm 2023	KYD	
150	H1.01.01.09	Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Số 1352/QĐ-BYT ngày 24/4/2012	Bộ Y tế	
151		Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Số 3474/QĐ-BYT ngày 28/12/2022	Bộ Y tế	
152		Bảng đối sánh mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Năm 2023	KYD	
153		Bảng đối sánh chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Năm 2023	KYD	
154	H1.01.01.10	Chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng	Số 20/QĐ-HĐD ngày 10/9/2012	Hội Điều dưỡng	

155	H1.01.03.01	Bảng đối sánh Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chuẩn đầu ra các Chương trình đào tạo cùng ngành trong nước	Năm 2023	KYD	
156	H1.01.01.12	Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2018-2019	CV số 4369/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 17/12/2018	ĐHĐN	
157		Công văn số 14 về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2019-2020	Số 14/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 03/01/2020	ĐHĐN	
158		Công văn số 4714 về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2020-2021	Số 4714/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 25/12/2020	ĐHĐN	
159		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2021-2022	Số 4560//ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 31/12/2021	ĐHĐN	
160		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2022-2023	Số 27/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 05/01/2023	ĐHĐN	
161		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2023-2024	Số 5621/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 29/12/2023	ĐHĐN	
162		Kế hoạch rà soát Chương trình đào tạo Khoa Y Dược 2019	Số 123/KH-KYD ngày 12/9/2019	KYD	
163		Kế hoạch điều chỉnh khung Chương trình đào tạo Khoa Y Dược 2021	Số 52/KH-KYD ngày 23/2/2021	KYD	
164		Kế hoạch về việc Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng 2021	Số 159/KH-KYD ngày 03/6/2021	KYD	

165	H1.01.01.13	Kế hoạch Rà soát, xây dựng, điều chỉnh Chương trình đào tạo, bản mô tả học phần và đề cương chi tiết các học phần của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 773/KH-KYD ngày 30/12/2022	KYD	
166		Kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 213/KH-KYD ngày 03/4/2024	KYD	
167		Công văn lấy ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 413/ĐHĐN-KYD ngày 18/01/2021	ĐHĐN	
168		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023	Số 54/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
169		Kế hoạch khảo sát sinh viên, giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 55/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
170		Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên về Chương trình đào tạo năm học 2021-2022 Khoa Y - Dược	Số 63/KH-KYD ngày 15/02/2022	KYD	
171		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược 2019	Số 2912/QĐ-ĐHĐN ngày 11/9/2019	ĐHĐN	
172	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng KYD 2021	Số 135/QĐ-KYD ngày 10/5/2021	KYD		

173	H1.01.01.14	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y - Dược 2022	Số 778/QĐ-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
174		Quyết định thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y - Dược 2022	Số 779/QĐ-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
175		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 214/QĐ-KYD ngày 04/4/2024	KYD	
176		Quyết định thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 215/QĐ-KYD ngày 04/4/2024	KYD	
177	H1.01.01.04	Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
178		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
179		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
180	H1.01.01.15	Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1301/BVĐN ngày 24/10/2019	Bệnh viện Đà Nẵng	
181		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1149/BVPSNĐN ngày 30/10/2019	BV Phụ sản - Nhi ĐN	
182		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2020-2021	Ngày 02/7/2021	KYD	

183		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2021-2022	Số 247/KH-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
184		Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	
185	H1.01.01.16	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2020	Năm 2020	KYD	
186		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2021	Ngày 20/06/2021	KYD	
187		Báo khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021 - 2022	Số 274/BC-KYD ngày 10/5/2022	KYD	
188		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/5/2023	KYD	
189		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 464/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
190	H1.01.01.17	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa Y Dược năm học 2022-2023	Số 546/BC-KYD ngày 23/8/2023	KYD	

191		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2021	Năm 2021	KYD	
192		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 354/BC-KYD ngày 29/6/2022	KYD	
193		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 20/8/2021	KYD	
194	H1.01.01.18	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	Số 340/BC-KYD ngày 14/6/2022	KYD	
195		Báo cáo khảo sát ý kiến giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 329/BC-KYD ngày 17/5/2023	KYD	
196		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2019	Ngày 17/9/2019	KYD	
197		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2021	Ngày 30/9/2021	KYD	
198	H1.01.01.20	Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2023	Ngày 14/04/2023	KYD	

199		Biên bản Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2022	Ngày 25/6/2022	KYD	
200	H1.01.01.21	Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2019	Ngày 05/11/2019	KYD	
201		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2020	Ngày 19/6/2020	KYD	
202		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2021	Ngày 04/8/2021	KYD	
203		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y - Dược 2022	Ngày 16/03/2022	KYD	
204		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y - Dược 2023	Ngày 27/12/2023	KYD	
205		H1.01.03.02	Bảng so sánh kết quả xếp loại người học sau 5 năm của chu kỳ đánh giá	Ngày 15/01/2024	KYD
206	H1.01.01.23	Số tay sinh viên năm học 2019 - 2020	Năm 2019	KYD	
207		Số tay sinh viên năm học 2020 - 2021	Năm 2020	KYD	
208		Số tay sinh viên năm học 2021 - 2022	Năm 2021	KYD	
209		Số tay sinh viên năm học 2022 - 2023	Năm 2022	KYD	
210		Số tay sinh viên năm học 2023 - 2024	Năm 2023	KYD	

211	H1.01.01.24	Trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục giới thiệu ngành Điều dưỡng	Năm 2024	TYD	
212	H1.01.03.03	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2018 - 2019	Số 133/KH-KYD ngày 09/8/2018	KYD	
213		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2019 - 2020	Số 96/KH-KYD ngày 31/7/2019	KYD	
214		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2020 - 2021	Số 177/KH-KYD ngày 09/10/2020	KYD	
215		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2021-2022	Số 295/KH-KYD ngày 05/10/2021	KYD	
216		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2022-2023	Số 559/KH-KYD ngày 29/9/2022	KYD	
217		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2023-2024	Số 582/KH-KYD ngày 08/09/2023	KYD	
218	H1.01.03.04	Trang Elearning của Trường Y Dược công bố Chuẩn đầu ra về ngành Điều dưỡng	Năm 2024	TYD	
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo					
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy	219	Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	

đủ thông tin và cập nhật.	220	H1.01.01.03	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
	221		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
	222		Quyết định Ban hành Quy trình rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo trình độ đại học Khoa Y Dược	Số 476/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
	223	H1.01.02.03	Quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá chương trình dạy học	Số 447/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
	224		Quyết định Ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo	Số 484/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
	225		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	
	226		Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	
	227		Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	

228	H1.01.01.02	Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
229		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
230		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
231		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
232		Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Số 1352/QĐ-BYT ngày 24/4/2012	Bộ Y tế	
233		Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Số 3474/QĐ-BYT ngày 28/12/2022	Bộ Y tế	
234	H1.01.01.09	Bảng đối sánh mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Năm 2023	KYD	
235		Bảng đối sánh chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam	Năm 2023	KYD	
236	H1.01.01.10	Chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng	Số 20/QĐ-HDD ngày 10/9/2012	Hội Điều dưỡng	
237		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2013	Số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25/6/2013	ĐHĐN	

238	H1.01.01.04	Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
239		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
240		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
241		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
242	H1.01.01.01	Quyết định Về việc cho phép Khoa Y Dược mở ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ Đại học	Số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25/6/2013	ĐHĐN	
243		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
244		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
245		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
246		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
247	H2.02.01.01	Bản mô tả Chương trình đào tạo 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
248		Bản mô tả Chương trình đào tạo 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
249		Bản mô tả Chương trình đào tạo 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
250		Bản mô tả Chương trình đào tạo 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	

251	H2.02.01.02	Thông báo về việc áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2020 tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 145/TB-KYD ngày 04/09/2020	KYD	
252		Thông báo về việc áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2022 tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 445/TB-KYD ngày 04/08/2022	KYD	
253	H1.01.01.12	Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2018-2019	Số 4369/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 17/12/2018	ĐHĐN	
254		Công văn số 14 về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2019-2020	Số 14/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 03/01/2020	ĐHĐN	
255		Công văn số 4714 về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2020-2021	Số 4714/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 25/12/2020	ĐHĐN	
256		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2021-2022	Số 4560//ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 31/12/2021	ĐHĐN	
257		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2022-2023	Số 27/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 05/01/2023	ĐHĐN	
258		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2023-2024	Số 5621/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 29/12/2023	ĐHĐN	
259		Kế hoạch rà soát Chương trình đào tạo Khoa Y Dược 2019	Số 123/KH-KYD ngày 12/9/2019	KYD	
260	Kế hoạch điều chỉnh khung Chương trình đào tạo Khoa Y Dược 2021	Số 52/KH-KYD ngày 23/2/2021	KYD		

261	HI.01.01.13	Kế hoạch về việc Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng 2021	Số 159/KH-KYD ngày 03/6/2021	KYD	
262		Kế hoạch Rà soát, xây dựng, điều chỉnh Chương trình đào tạo, bản mô tả học phần và đề cương chi tiết các học phần của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 773/KH-KYD ngày 30/12/2022	KYD	
263		Kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 213/KH-KYD ngày 03/4/2024	KYD	
264		Công văn lấy ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 413/ĐHĐN-KYD ngày 18/01/2021	ĐHĐN	
265		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023	Số 54/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
266		Kế hoạch khảo sát sinh viên, giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 55/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
267		Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên về Chương trình đào tạo năm học 2021-2022 Khoa Y - Dược	Số 63/KH-KYD ngày 15/02/2022	KYD	
268		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược 2019	Số 2912/QĐ-ĐHĐN ngày 11/9/2019	ĐHĐN	

269		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng KYD 2021	Số 135/QĐ-KYD ngày 10/5/2021	KYD	
270	H1.01.01.14	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y - Dược 2022	Số 778/QĐ-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
271		Quyết định thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y - Dược 2022	Số 779/QĐ-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
272		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 214/QĐ-KYD ngày 04/4/2024	KYD	
273		Quyết định thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 215/QĐ-KYD ngày 04/4/2024	KYD	
274	H2.02.01.03	Đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường	Số số 3957/QĐ-BGDĐT ngày 28/9/2017	Bộ GD&ĐT	
275	H1.01.01.19	Bảng đối sánh Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chương trình đào tạo các trường trong và ngoài nước	Năm 2023	KYD	
276		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1301/BVĐN ngày 24/10/2019	Bệnh viện Đà Nẵng	
277		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1149/BVPSNĐN ngày 30/10/2019	BV Phụ sản - Nhi ĐN	

278	H1.01.01.15	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2020-2021	Ngày 02/7/2021	KYD	
279		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2021-2022	Số 247/KH-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
280		Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	
281	H1.01.01.16	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2020	Năm 2020	KYD	
282		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2021	Ngày 20/06/2021	KYD	
283		Báo khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021 - 2022	Số 274/BC-KYD ngày 10/5/2022	KYD	
284		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/5/2023	KYD	

285		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 464/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
286	H1.01.01.17	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa Y Dược năm học 2022-2023	Số 546/BC-KYD ngày 23/8/2023	KYD	
287		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2021	Năm 2021	KYD	
288		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 354/BC-KYD ngày 29/6/2022	KYD	
289		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 20/8/2021	KYD	
290	H1.01.01.18	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	Số 340/BC-KYD ngày 14/6/2022	KYD	
291		Báo cáo khảo sát ý kiến giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 329/BC-KYD ngày 17/5/2023	KYD	
292		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2018-2019	Ngày 20/6/2019	KYD	
293	H1.01.01.22	Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2019-2020	Ngày 15/03/2020	KYD	

294	H1.01.01.22	Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2020-2021	Ngày 25/06/2021	KYD	
295		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2021-2022	Ngày 22/11/2021	KYD	
296	H1.01.01.20	Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2019	Ngày 17/9/2019	KYD	
297		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2021	Ngày 30/9/2021	KYD	
298		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2023	Ngày 14/04/2023	KYD	
299		Biên bản Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2022	Ngày 25/6/2022	KYD	
300	H1.01.01.21	Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2019	Ngày 05/11/2019	KYD	
301		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2020	Ngày 19/6/2020	KYD	
302		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2021	Ngày 04/8/2021	KYD	
303		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y - Dược 2022	Ngày 16/03/2022	KYD	

	304		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y - Dược 2023	Ngày 27/12/2023	KYD	
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.	305	H1.01.02.04	Đề cương chi tiết các học phần năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	306		Đề cương chi tiết các học phần năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	307		Đề cương chi tiết các học phần năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	308	H2.02.01.02	Thông báo về việc áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2020 tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 145/TB-KYD ngày 04/09/2020	KYD	
	309		Thông báo về việc áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2022 tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 445/TB-KYD ngày 04/08/2022	KYD	
	310	H2.02.02.01	Mẫu đề cương chi tiết các học phần 2019	Số 141/TB-KYD ngày 30/9/2019	KYD	
	311		Mẫu đề cương chi tiết các học phần 2021	Số 110/TB-KYD ngày 22/4/2021	KYD	
	312		Mẫu đề cương chi tiết các học phần 2023	Số 286/TB-KYD ngày 28/4/2023	KYD	
	313		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	

314		Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	
315		Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	
316	H1.01.01.02	Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
317		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
318		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
319		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
320		Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	

321	H1.01.01.03	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
322		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
323	H1.01.01.12	Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2018-2019	Số 4369/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 17/12/2018	ĐHĐN	
324		Công văn số 14 về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2019-2020	Số 14/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 03/01/2020	ĐHĐN	
325		Công văn số 4714 về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2020-2021	Số 4714/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 25/12/2020	ĐHĐN	
326		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2021-2022	Số 4560//ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 31/12/2021	ĐHĐN	
327		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2022-2023	Số 27/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 05/01/2023	ĐHĐN	
328		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2023-2024	Số 5621/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 29/12/2023	ĐHĐN	
329		Kế hoạch rà soát Chương trình đào tạo Khoa Y Dược 2019	Số 123/KH-KYD ngày 12/9/2019	KYD	
330		Kế hoạch điều chỉnh khung Chương trình đào tạo Khoa Y Dược 2021	Số 52/KH-KYD ngày 23/2/2021	KYD	

331	H1.01.01.13	Kế hoạch về việc Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng 2021	Số 159/KH-KYD ngày 03/6/2021	KYD	
332		Kế hoạch Rà soát, xây dựng, điều chỉnh Chương trình đào tạo, bản mô tả học phần và đề cương chi tiết các học phần của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 773/KH-KYD ngày 30/12/2022	KYD	
333		Kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 213/KH-KYD ngày 03/4/2024	KYD	
334		Công văn lấy ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 413/ĐHĐN-KYD ngày 18/01/2021	ĐHĐN	
335		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023	Số 54/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
336		Kế hoạch khảo sát sinh viên, giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 55/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
337		Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên về Chương trình đào tạo năm học 2021-2022 Khoa Y - Dược	Số 63/KH-KYD ngày 15/02/2022	KYD	
338		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1301/BVĐN ngày 24/10/2019	BV Đà Nẵng	

339		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1149/BVPSNĐN ngày 30/10/2019	BV Phụ sản - Nhi ĐN	
340	H1.01.01.15	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2020-2021	Ngày 02/7/2021	KYD	
341		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2021-2022	Số 247/KH-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
342		Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	
343		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2020	Năm 2020	KYD	
344	H1.01.01.16	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2021	Ngày 20/06/2021	KYD	
345		Báo khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021 - 2022	Số 274/BC-KYD ngày 10/5/2022	KYD	
346		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/5/2023	KYD	

347		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 464/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
348	H1.01.01.17	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa Y Dược năm học 2022-2023	Số 546/BC-KYD ngày 23/8/2023	KYD	
349		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2021	Năm 2021	KYD	
350		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 354/BC-KYD ngày 29/6/2022	KYD	
351		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 20/8/2021	KYD	
352	H1.01.01.18	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	BC số 340/BC-KYD ngày 14/6/2022	KYD	
353		Báo cáo khảo sát ý kiến giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 329/BC-KYD ngày 17/5/2023	KYD	
354		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2018-2019	Ngày 20/6/2019	KYD	
355	H1.01.01.22	Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2019-2020	Ngày 15/03/2020	KYD	

356	H1.01.01.22	Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2020-2021	Ngày 25/06/2021	KYD	
357		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2021-2022	Ngày 22/11/2021	KYD	
358	H1.01.01.20	Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2019	Ngày 17/9/2019	KYD	
359		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2021	Ngày 30/9/2021	KYD	
360		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2023	Ngày 14/04/2023	KYD	
361		Biên bản Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2022	Ngày 25/6/2022	KYD	
362		H1.01.01.21	Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2019	Ngày 05/11/2019	KYD
363	Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2020		Ngày 19/6/2020	KYD	
364	Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2021		Ngày 04/8/2021	KYD	
365	Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y - Dược 2022		Ngày 16/03/2022	KYD	

	366		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y - Dược 2023	Ngày 27/12/2023	KYD	
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	367	H2.02.03.01	Công thông tin đào tạo của Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Năm 2024	TYD	
	368	H2.02.03.02	Công thông tin đào tạo đại học của Đại học Đà Nẵng	Năm 2024	ĐHĐN	
	369	H1.01.03.04	Trang Elearning của Trường Y Dược công bố Chuẩn đầu ra về ngành Điều dưỡng	Năm 2024	TYD	
	370	H1.01.01.23	Sổ tay sinh viên năm học 2019 - 2020	Năm 2019	KYD	
	371		Sổ tay sinh viên năm học 2020 - 2021	Năm 2020	KYD	
	372		Sổ tay sinh viên năm học 2021 - 2022	Năm 2021	KYD	
	373		Sổ tay sinh viên năm học 2022 - 2023	Năm 2022	KYD	
	374		Sổ tay sinh viên năm học 2023 - 2024	Năm 2023	KYD	

375	H2.02.03.03	Bài giới thiệu Chương trình đào tạo đón SV năm 1	Năm 2023	KYD	
376	H2.02.03.04	Thông báo triệu tập tham dự Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Khoa Y - Dược năm học 2022-2023	Số 195/TB-KYD ngày 31/3/2023	KYD	
377		Biên bản tổ chức đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Khoa Y - Dược năm học 2020-2021	Ngày 09/01/2021	KYD	
378		Kết luận của Trường khoa tại chương trình Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Số 247/TB-KYD ngày 05/4/2023	KYD	
379		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên và lãnh đạo Khoa Y - Dược năm học 2020-2021	Số 296/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
380		Thông báo tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Khoa Y - Dược năm học 2020-2021	Số 297/TB-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
381		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Khoa Y - Dược năm học 2022-2023	Số 80/KH-KYD ngày 16/02/2023	KYD	
382		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Khoa Y Dược năm học 2023-2024	Số 760/KH-KYD ngày 17/10/2023	KYD	
383		Kết luận của LĐK tại Hội nghị Đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Khoa Y Dược năm học 2023-2024	Số 768/TB-KYD ngày 13/11/2023	KYD	

	384		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2020	Năm 2020	KYD	
	385		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2021	Ngày 20/06/2021	KYD	
	386	H1.01.01.16	Báo khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021 - 2022	Số 274/BC-KYD ngày 10/5/2022	KYD	
	387		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/5/2023	KYD	
	388	H2.02.03.05	Slide bài giới thiệu đầu mỗi môn học	Năm 2023	KYD	
	389	H2.02.03.06	Hồ sơ mời giảng	Năm 2023	KYD	
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học						
Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CDR.	390		Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
	391		Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	392	H3.03.01.01	Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	393		Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	394		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	

395	H1.01.01.02	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	
396		Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	
397		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
398		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
399		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
400		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
401		Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	

402	H1.01.01.03	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
403		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
404		Quyết định Ban hành Quy trình rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo trình độ đại học Khoa Y Dược	Số 476/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
405	H1.01.02.03	Quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá chương trình dạy học	Số 447/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
406		Quyết định Ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo	Số 484/2021/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
407		Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2019	Năm 2019	KYD	
408	H1.01.02.05	Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2021	Năm 2021	KYD	
409		Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2023	Năm 2023	KYD	
410	H1.01.01.19	Bảng đối sánh Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chương trình đào tạo các trường trong và ngoài nước	Năm 2023	KYD	

411	H3.03.01.02	Danh sách sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo tiếp tục học cao học/chuyên khoa	Ngày 19/5/2024	KYD	
412	H3.03.01.03	Quy trình xây dựng kế hoạch năm học	Số 120/QĐ-KYD ngày 06/5/2021	KYD	
413	H2.02.01.02	Thông báo về việc áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2020 tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 145/TB-KYD ngày 04/09/2020	KYD	
414		Thông báo về việc áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2022 tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 445/TB-KYD ngày 04/08/2022	KYD	
415	H3.03.01.04	Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2019-2020	Ngày 18/04/2019	KYD	
416		Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2020- 2021	Ngày 04/5/2020	KYD	
417		Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	Ngày 08/10/2021	KYD	
418		Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2022 - 2023	Ngày 20/5/2022	KYD	
419	H3.03.01.05	Bảng phân công giảng dạy	Năm 2017-2022	KYD	
420	H1.01.02.04	Đề cương chi tiết các học phần năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
421		Đề cương chi tiết các học phần năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
422		Đề cương chi tiết các học phần năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
423	H3.03.01.06	Quy định tổ chức thi kết thúc học phần	Số 4021/QĐ/ĐHĐN ngày 25/11/2019	ĐHĐN	
424		Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học	Số 408/QĐ-KYD ngày 24/11/2021	KYD	

425	H3.03.01.07	Hướng dẫn rà soát cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá của Đại học Đà Nẵng	Số 804/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 26/02/2021	ĐHĐN		
426	H3.03.01.08	Hồ sơ hội thảo, seminar về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá	Năm 2023	KYD		
427	H1.01.01.16	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2020	Năm 2020	KYD		
428		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2021	Ngày 20/06/2021	KYD		
429		Báo khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021 - 2022	Số 274/BC-KYD ngày 10/5/2022	KYD		
430		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/5/2023	KYD		
431		H1.01.01.18	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 20/8/2021	KYD	
432			Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	Số 340/BC-KYD ngày 14/6/2022	KYD	
433	Báo cáo khảo sát ý kiến giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023		Số 329/BC-KYD ngày 17/5/2023	KYD		

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.	434		Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
	435	H3.01.01.01	Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	436		Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	437		Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	438		H1.01.02.05	Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2019	Năm 2019	KYD
	439	Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2021		Năm 2021	KYD	
	440	Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2023		Năm 2023	KYD	
	441	H1.01.02.04	Đề cương chi tiết các học phần năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	442		Đề cương chi tiết các học phần năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	443		Đề cương chi tiết các học phần năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	444		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	

445		Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	
446		Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	
447	H1.01.01.02	Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
448		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
449		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
450		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
451		Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	

452	H1.01.01.03	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
453		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
454		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2019	Ngày 05/11/2019	KYD	
455		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2020	Ngày 19/6/2020	KYD	
456	H1.01.01.21	Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2021	Ngày 04/8/2021	KYD	
457		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2022	Ngày 16/03/2022	KYD	
458		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo Khoa Y Dược 2023	Ngày 27/12/2023	KYD	
459		Mẫu đề cương chi tiết các học phần 2019	Số 141/TB-KYD ngày 30/9/2019	KYD	
460	H2.02.02.01	Mẫu đề cương chi tiết các học phần 2021	Số 110/TB-KYD ngày 22/4/2021	KYD	
461		Mẫu đề cương chi tiết các học phần 2023	Số 286/TB-KYD ngày 28/4/2023	KYD	
462	H3.03.02.01	Quyết định ban hành quy định quản lý điểm và đánh giá học phần	Số 2176/QĐ-ĐHĐN ngày 30/6/2020	ĐHĐN	

463	H2.02.01.02	Kế hoạch học tập toàn khóa năm học 2019-2020	Số 370/QĐ-ĐHĐN ngày 07/02/2020	ĐHĐN	
464		Thông báo về việc áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2020 tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 145/TB-KYD ngày 04/09/2020	KYD	
465		Thông báo về việc áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2022 tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 445/TB-KYD ngày 04/08/2022	KYD	
466	H1.01.01.15	Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1301/BVĐN ngày 24/10/2019	Bệnh viện Đà Nẵng	
467		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1149/BVPSNĐN ngày 30/10/2019	Bệnh viện PSNĐN	
468		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2020-2021	Ngày 02/7/2021	KYD	
469		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2021-2022	Số 247/KH-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
470		Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	

471	H1.01.01.16	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2020	Năm 2020	KYD	
472		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2021	Ngày 20/06/2021	KYD	
473		Báo khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021 - 2022	Số 274/BC-KYD ngày 10/5/2022	KYD	
474		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/5/2023	KYD	
475	H1.01.01.17	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	số 464/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
476		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa Y Dược năm học 2022-2023	Số 546/BC-KYD ngày 23/8/2023	KYD	
477		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2021	Năm 2021	KYD	
478		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 354/BC-KYD ngày 29/6/2022	KYD	

	479		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 20/8/2021	KYD	
	480	H1.01.01.18	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	Số 340/BC-KYD ngày 14/6/2022	KYD	
	481		Báo cáo khảo sát ý kiến giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 329/BC-KYD ngày 17/5/2023	KYD	
Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	482		Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
	483	H3.03.01.01	Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	484		Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	485		Chương trình dạy học ngành Điều dưỡng 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	486		Kế hoạch học tập toàn khóa năm học 2019-2020	Số 370/QĐ-ĐHĐN ngày 07/02/2020	ĐHĐN	
	487	H2.02.01.03	Thông báo về việc áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2020 tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 145/TB-KYD ngày 04/09/2020	KYD	
	488		Thông báo về việc áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2022 tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 445/TB-KYD ngày 04/08/2022	KYD	
	489		Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2019-2020	Ngày 18/04/2019	KYD	

490	H3.03.01.04	Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2020- 2021	Ngày 04/5/2020	KYD	
491		Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	Ngày 08/10/2021	KYD	
492		Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2022 - 2023	Ngày 20/5/2022	KYD	
493	H3.03.01.05	Bảng phân công giảng dạy	Năm 2017-2022	KYD	
494	H3.03.03.01	Trang thông tin điện tử của Trường công khai về kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng	Năm 2024	TYD	
495	H1.01.01.12	Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2018-2019	Số 4369/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 17/12/2018	ĐHĐN	
496		Công văn số 14 về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2019-2020	Số 14/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 03/01/2020	ĐHĐN	
497		Công văn số 4714 về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2020-2021	Số 4714/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 25/12/2020	ĐHĐN	
498		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2021-2022	Số 4560/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 31/12/2021	ĐHĐN	
499		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2022-2023	Số 27/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 05/01/2023	ĐHĐN	
500		Công văn về việc rà soát Chương trình đào tạo hàng năm năm học 2023-2024	Số 5621/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 29/12/2023	ĐHĐN	
501		Kế hoạch rà soát Chương trình đào tạo Khoa Y Dược 2019	Số 123/KH-KYD ngày 12/9/2019	KYD	
502	Kế hoạch điều chỉnh khung Chương trình đào tạo Khoa Y Dược 2021	Số 52/KH-KYD ngày 23/2/2021	KYD		

503	H1.01.01.13	Kế hoạch về việc Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng 2021	Số 159/KH-KYD ngày 03/6/2021	KYD	
504		Kế hoạch Rà soát, xây dựng, điều chỉnh Chương trình đào tạo, bản mô tả học phần và đề cương chi tiết các học phần của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 773/KH-KYD ngày 30/12/2022	KYD	
505		Kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 213/KH-KYD ngày 03/4/2024	KYD	
506		Công văn lấy ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 413/ĐHĐN-KYD ngày 18/01/2021	ĐHĐN	
507		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023	Số 54/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
508		Kế hoạch khảo sát sinh viên, giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 55/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
509		Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên về Chương trình đào tạo năm học 2021-2022 Khoa Y - Dược	Số 63/KH-KYD ngày 15/02/2022	KYD	
510		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược 2019	Số 2912/QĐ-ĐHĐN ngày 11/9/2019	ĐHĐN	

511	H1.01.01.14	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng KYD 2021	Số 135/QĐ-KYD ngày 10/5/2021	KYD	
512		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y - Dược 2022	Số 778/QĐ-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
513		Quyết định thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y - Dược 2022	Số 779/QĐ-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
514		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 214/QĐ-KYD ngày 04/4/2024	KYD	
515		Quyết định thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo năm 2024	Số 215/QĐ-KYD ngày 04/4/2024	KYD	
516		H1.01.02.03	Quyết định Ban hành Quy trình rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo trình độ đại học Khoa Y Dược	Số 476/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD
517	Quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá chương trình dạy học		QĐ số 447/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
518	Quyết định Ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo		Số 484/2021/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
519		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	

520		Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGĐĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	
521		Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	
522	H1.01.01.02	Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
523		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
524		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
525		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
526		Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	

527	H1.01.01.03	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
528		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
529		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1301/BVĐN ngày 24/10/2019	Bệnh viện Đà Nẵng	
530		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1149/BVPSNĐN ngày 30/10/2019	Bệnh viện Phụ sản - Nhi ĐN	
531	H1.01.01.15	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2020-2021	Ngày 02/7/2021	KYD	
532		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2021-2022	Số 247/KH-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
533		Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	
534		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2020	Năm 2020	KYD	

535	H1.01.01.16	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2021	Ngày 20/06/2021	KYD	
536		Báo khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021 - 2022	Số 274/BC-KYD ngày 10/5/2022	KYD	
537		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/5/2023	KYD	
538	H1.01.01.17	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 464/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
539		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa Y Dược năm học 2022-2023	Số 546/BC-KYD ngày 23/8/2023	KYD	
540		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2021	Năm 2021	KYD	
541		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 354/BC-KYD ngày 29/6/2022	KYD	
542		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 20/8/2021	KYD	

	543	H1.01.01.18	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	Số 340/BC-KYD ngày 14/6/2022	KYD	
	544		Báo cáo khảo sát ý kiến giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 329/BC-KYD ngày 17/5/2023	KYD	
	545	H1.01.01.19	Bảng đối sánh Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với Chương trình đào tạo các trường trong và ngoài nước	Năm 2023	KYD	
	546		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2018-2019	Ngày 20/6/2019	KYD	
	547	H1.01.01.22	Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2019-2020	Ngày 15/03/2020	KYD	
	548		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2020-2021	Ngày 25/06/2021	KYD	
	549		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2021-2022	Ngày 22/11/2021	KYD	
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học						
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và	550	H1.01.01.05	Quyết định công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Đại học Đà Nẵng	Số 1628/QĐ-ĐHĐN ngày 31/3/2015	ĐHĐN	
	551		Quyết định về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2035	Số 1219/QĐ- HĐĐHĐN ngày 17/4/2018	ĐHĐN	

được phổ biến tới các bên liên quan.	552		Nghị quyết về việc ban hành chiến lược phát triển của Đại học Đà Nẵng đến năm 2023 và tầm nhìn đến năm 2025	Số 23/NQ-HĐĐHĐN ngày 28/4/2023	ĐHĐN	
	553	H1.01.01.06	Thông báo Công bố "Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi" của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 86/TB - KYD ngày 02/7/2014	KYD	
	554		Quyết định ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 261/QĐ-KYD ngày 30/08/2021	KYD	
	555		Quyết định ban hành chiến lược phát triển của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045	Số 293/QĐ-KYD ngày 05/5/2023	KYD	
	556	H1.01.01.07	Luật giáo dục đại học 2012	Số 08/2012-QH13 ngày 18/6/2012	Quốc hội	
	557		Luật giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung 2018	Số 34/2018-QH14 ngày 19/11/2018	Quốc hội	
	558		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1301/BVĐN ngày 24/10/2019	Bệnh viện Đà Nẵng	
	559		Công văn góp ý điều chỉnh Chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1149/BVPSNĐN ngày 30/10/2019	Bệnh viện Phụ sản - Nhi ĐN	
	560	H1.01.01.15	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2020-2021	Ngày 02/7/2021	KYD	

561		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm học 2021-2022	Số 247/KH-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
562		Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	
563		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2020	Năm 2020	KYD	
564		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y dược năm 2021	Ngày 20/06/2021	KYD	
565	H1.01.01.16	Báo khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021 - 2022	Số 274/BC-KYD ngày 10/5/2022	KYD	
566		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/5/2023	KYD	
567		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 464/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
568	H1.01.01.17	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa Y Dược năm học 2022-2023	Số 546/BC-KYD ngày 23/8/2023	KYD	

569		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2021	Năm 2021	KYD	
570		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 354/BC-KYD ngày 29/6/2022	KYD	
571		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 20/8/2021	KYD	
572	H1.01.01.18	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	Số 340/BC-KYD ngày 14/6/2022	KYD	
573		Báo cáo khảo sát ý kiến giảng viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 329/BC-KYD ngày 17/5/2023	KYD	
574		Đề cương chi tiết các học phần năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
575	H1.01.02.04	Đề cương chi tiết các học phần năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
576		Đề cương chi tiết các học phần năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
577		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2018 - 2019	Số 133/KH-KYD ngày 09/8/2018	KYD	
578		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2019 - 2020	Số 96/KH-KYD ngày 31/7/2019	KYD	
579	H1.01.03.02	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2020 - 2021	Số 177/KH-KYD ngày 09/10/2020	KYD	

580	H1.01.03.03	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2021-2022	Số 295/KH-KYD ngày 05/10/2021	KYD	
581		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2022-2023	Số 559/KH-KYD ngày 29/9/2022	KYD	
582		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2023-2024	Số 582/KH-KYD ngày 08/09/2023	KYD	
583	H1.01.03.04	Trang Elearning của Trường Y Dược công bố Chuẩn đầu ra về ngành Điều dưỡng	Năm 2024	TYD	
584	H2.02.01.01	Bản mô tả Chương trình đào tạo 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
585		Bản mô tả Chương trình đào tạo 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
586		Bản mô tả Chương trình đào tạo 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
587		Bản mô tả Chương trình đào tạo 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
588	H4.04.01.01	Chương trình thực tế lâm sàng	Năm 2024	KYD	
589		Hoạt động ngoại khóa	Năm 2023	KYD	
590		Khóa luận tốt nghiệp	Năm 2023	KYD	
591		Nghiên cứu khoa học	Năm 2023	KYD	
592	H4.04.01.02	Kế hoạch tổ chức cuộc thi lấy ý tưởng về Triết lý giáo dục của KYD	159/KH-KYD ngày 03/6/2021	KYD	
593		Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT	Ngày 07/7/2021	KYD	

	594		Hình ảnh trang web có triết lý giáo dục của Khoa	Năm 2024	KYD	
	595	H4.04.01.03	Poster tại sảnh 1	Năm 2024	KYD	
	596		Poster tại sảnh 2	Năm 2024	KYD	
	597		Tờ rơi tuyển sinh	Năm 2024	KYD	
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.	598		Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm đại học - ThS.Đỗ Thị Thúy Duy	Số 120290/NVĐH ngày 12/4/2012	Trường Đại học Giáo Dục Hà Nội	
	599		Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính hạng II - ThS. Nguyễn Thị Hà	Số 12659-QĐ 1822.18 ngày 28/11/2018	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	
	600	H4.04.02.01	Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm đại học - ThS.Nguyễn Thị Thu Hằng	Số 254/2018/QĐ-ĐHSP.0017	Trường Đại học Sư phạm Huế	
	601		Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính hạng II - ThS. Phan Thị Hoàng Ngân	Số 12688-QĐ 1822.18 ngày 28/11/2018	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	
	602		Minh chứng giảng viên tham gia tập huấn giảng dạy tại Nhật Bản giảng viên Đặng Thị Nguyên Chi	Năm 2018	KYD	
	603	H4.04.02.02	Minh chứng giảng viên tham gia tập huấn giảng dạy tại Nhật Bản giảng viên Trương Thị Mỹ Phượng	Năm 2018	KYD	
	604		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	

605	H1.01.01.02	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	
606		Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	
607		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
608		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
609		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
610		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
611		Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	

612	H1.01.01.03	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
613		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD Ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
614	H1.01.01.04	Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2013	Số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25/6/2013	ĐHĐN	
615		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
616		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
617		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
618		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
619	H4.04.02.03	MC giảng viên tham gia tập huấn phương pháp giảng dạy tại Đức giảng viên Đặng Thị Nguyên Chi	Năm 2017	Nước Đức	
620	H4.04.02.04	Quyết định phân công Giáo viên chủ nhiệm	Số 2664/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019	ĐHĐN	
621			Số 4369/QĐ-ĐHĐN ngày 03/12/2020	ĐHĐN	
622			Số 4027/QĐ-ĐHĐN ngày 25/11/2021	ĐHĐN	
623			Số 581/QĐ-KYD ngày 5/10/2022	KYD	
624			Số 634/QĐ-KYD ngày 5/10/2022	KYD	

625	H4.04.02.05	Công bố khung chương trình đào tạo trên Website	Năm 2024	KYD	
626	H4.04.02.06	Hồ sơ mời giảng	Năm 2019 - 2023	KYD	
627		Quyết định về việc ban hành Quy trình mời giảng viên thỉnh giảng tại KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 121/QĐ-KYD ngày 6/5/2021	KYD	
628	H4.04.02.07	Báo cáo thực tập, thực tế của sinh viên điều dưỡng	Năm 2019	KYD	
629			Năm 2020	KYD	
630			Năm 2021	KYD	
631			Năm 2022	KYD	
632			Năm 2023	KYD	
633	H4.04.02.08	Quyết định về việc ban hành quy định về khoá luận tốt nghiệp đại học của KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/6/2019	ĐHĐN	
634		Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đánh giá khoá luận tốt nghiệp đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/6/2019 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Số 2389/QĐ-ĐHĐN ngày 05/7/2022	ĐHĐN	
635		Quyết định về việc ban hành Quy định thực hiện khoá luận tốt nghiệp đối với sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 4211/QĐ-ĐHĐN ngày 01/11/2022	ĐHĐN	
636		Khoá luận tốt nghiệp các năm	Năm 2020 - 2024	KYD	
637	H4.04.02.09	Đánh giá của cơ sở y tế sinh viên điều dưỡng đến thực hành	Năm 2019	Khoa Lão - BV Đà Nẵng	
638			Năm 2020	Trạm Hòa Khương	
639			Năm 2021	Khoa Hồi sức tích cực chống độc- BV Đà Nẵng	

640			Năm 2022	Khoa Ngoại chẩn thương- BV Đà Nẵng	
641			Năm 2023	Khoa Lão - BV Đà Nẵng	
642		Công văn hướng dẫn ĐBCLGD cho các học phần theo hình thức đào tạo trực tuyến tại Đại học Đà Nẵng	Số 1222/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 06/04/2020	ĐHĐN	
643		Công văn đảm bảo chất lượng giáo dục theo hình thức đào tạo trực tuyến	Số 56/KYD-ĐT ngày 16/04/2020	KYD	
644		Công văn về việc đảm bảo chất lượng giáo dục cho kiểm tra - đánh giá trực tuyến tại Đại học Đà Nẵng	Số 2970/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 01/9/2020	ĐHĐN	
645		Hướng dẫn đánh giá khoá luận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến của KYD, Đại học Đà Nẵng	Số 235/HD-KYD ngày 02/8/2021	KYD	
646	H4.01.02.10	Quyết định về việc ban hành Quy định tổ chức đánh giá đồ án, khoá luận, luận văn, luận án tốt nghiệp cho sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh của Đại học Đà Nẵng theo hình thức trực tuyến	Số 2058/QĐ-ĐHĐN ngày 04/6/2021	ĐHĐN	
647		Quyết định về việc ban hành Quy định tổ chức kiểm tra - đánh giá trực tuyến của KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 216/QĐ-KYD ngày 27/07/2021	KYD	

648		Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo theo phương thức trực tuyến và phương thức trực tiếp kết hợp trực tuyến của Đại học Đà Nẵng	Số 866/QĐ-ĐHĐN ngày 09/3/2023	ĐHĐN	
649	H4.04.02.11	Hướng dẫn sử dụng phần mềm TRANS	Năm 2019	KYD	
650		Hướng dẫn sử dụng phần mềm Zoom cho giảng viên	Năm 2019	KYD	
651		Hướng dẫn sử dụng Microsoft Teams	Năm 2020	KYD	
652	H4.04.02.12	Hội thảo Quốc tế "Dạy - học ngành Điều dưỡng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19"	Ngày 17/01/2022	Bộ môn Điều dưỡng	
653		Hội thảo Quốc tế "Hướng nghiệp cho sinh viên ngành Điều dưỡng"	Ngày 04/03/2022	Bộ môn Điều dưỡng	
654		Hội thảo "Định hướng nghề nghiệp, cơ hội và thách thức cho sinh viên ngành Điều dưỡng"	Ngày 14/02/2023	Bộ môn Điều dưỡng	
655		Sinh hoạt chuyên đề "Cập nhật kiến thức trong thực hành lâm sàng cho sinh viên Điều dưỡng"	Ngày 05/01/2024	Bộ môn Điều dưỡng	
656	H4.04.02.13	Các kênh sử dụng học tập và thi trực tuyến	Năm 2020, 2024	KYD	
657	H4.04.02.14	Thông báo kế hoạch thi học kì và lịch thi học kì các năm học	Năm 2019 - 2024	KYD	
658		Lịch thi kết thúc học phần	Năm 2019 - 2024	KYD	
659	H4.04.02.15	Bảng tổng kết điểm của một số học phần	Năm 2019 - 2024	KYD	
660		Một số bài kiểm tra của sinh viên	Năm 2022 - 2024	KYD	

661		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 464/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
662		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 354/BC-KYD ngày 21/6/2022	KYD	
663	H1.01.01.17	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo năm 2021	Năm 2021	KYD	
664		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/05/2023	KYD	
665		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại KYD năm học 2022-2023	Số 546/ BC-KYD ngày 23/8/2023	KYD	
666		Công văn góp ý điều chỉnh CTĐT KYD năm 2019	Số 1301/BVĐN ngày 24/10/2019	Bệnh viện Đà Nẵng	
667		Công văn góp ý điều chỉnh CTĐT KYD năm 2019	Số 1149/BVPSNĐN ngày 30/10/2019	Bệnh viện Phụ sản - Nhi ĐN	
668		Công văn lấy ý kiến nhà tuyển dụng về CTĐT ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 413/ĐHĐN-KYD ngày 18/01/2021	ĐHĐN	
669	H1.01.01.15	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về CTĐT ngành Điều dưỡng của KYD năm học 2020-2021	Ngày 02/7/2021	KYD	

	670	11.01.01.15	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về CTĐT ngành Điều dưỡng của KYD năm học 2021-2022	Số 247/KH-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
	671		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến Nhà tuyển dụng về CTĐT Khoa Y - Dược, ĐHĐN, năm học 2022-2023	Số 54/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
	672		Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về CTĐT Khoa Y - Dược, ĐHĐN, NH 2022 - 2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	
	673	H4.04.02.16	Hội thảo, hội nghị nhằm cải tiến việc dạy học	Số 110/TB-KYD ngày 22/04/2021	KYD	
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.	674	H1.01.01.04	Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2013	Số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25/6/2013	ĐHĐN	
	675		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
	676		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	677		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	678		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	679		Hồ sơ mời giảng	Năm 2019 - 2023	KYD	
	680	H4.04.02.06	Quyết định về việc ban hành Quy trình mời giảng viên thỉnh giảng tại KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 121/QĐ-KYD ngày 6/5/2021	KYD	
	681		Báo cáo thực tập, thực tế của sinh	Năm 2019	KYD	

682	H4.04.02.07	viên điều dưỡng	Năm 2020	KYD	
683			Năm 2021	KYD	
684			Năm 2022	KYD	
685			Năm 2023	KYD	
686	H4.04.02.08	Quyết định về việc ban hành quy định về khoá luận tốt nghiệp đại học của KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/6/2019	ĐHĐN	
687		Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đánh giá khoá luận tốt nghiệp đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/6/2019 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Số 2389/QĐ-ĐHĐN ngày 05/7/2022	ĐHĐN	
688		Quyết định về việc ban hành Quy định thực hiện khoá luận tốt nghiệp đối với sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 4211/QĐ-ĐHĐN ngày 01/11/2022	ĐHĐN	
689		Khoá luận tốt nghiệp các năm	2020	KYD	
690	H4.04.03.01	Kế hoạch và hoạt động trao đổi sinh viên Nhật bản học tập tại Khoa Y - Dược	Ngày 25/10/2023	KYD	
691	H4.04.03.02	Kế hoạch và hoạt động trao đổi giảng dạy, học tập tại Nhật Bản	Năm 2018	KYD	
692	H4.04.03.03	Link và ảnh chụp các chuyên gia làm việc trực tiếp và trực tuyến với sinh viên KYD	Năm 2022	KYD	
693		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	

694	H1.01.01.02	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	
695		Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	
696		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
697		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
698		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
699		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
700		Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	

701	H1.01.01.03	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
702		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
703	H4.04.03.04	Hình ảnh thư viện, phòng đọc, phòng thực hành, thí nghiệm KYD	Năm 2024	KYD	
704	H4.04.03.05	Danh mục bài giảng và link tra cứu học liệu tích hợp trên website KYD	Năm 2024	KYD	
705	H4.04.03.06	Sổ theo dõi phòng thực hành và sổ mượn học cụ	Năm 2019 - 2024	KYD	
706	H4.04.02.13	Các kênh sử dụng học tập và thi trực tuyến	Năm 2020, 2024	KYD	
707		Công văn hướng dẫn ĐBCLGD cho các học phần theo hình thức đào tạo trực tuyến tại Đại học Đà Nẵng	Số 1222/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 06/04/2020	ĐHĐN	
708		Công văn đảm bảo chất lượng giáo dục theo hình thức đào tạo trực tuyến	Số 56/KYD-ĐT ngày 16/04/2020	KYD	
709		Công văn về việc đảm bảo chất lượng giáo dục cho kiểm tra - đánh giá trực tuyến tại Đại học Đà Nẵng	Số 2970/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 01/9/2020	ĐHĐN	

710		Hướng dẫn đánh giá khoá luận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến của KYD, Đại học Đà Nẵng	Số 235/HD-KYD ngày 02/8/2021	KYD	
711	H4.01.02.10	Quyết định về việc ban hành Quy định tổ chức đánh giá đồ án, khoá luận, luận văn, luận án tốt nghiệp cho sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh của Đại học Đà Nẵng theo hình thức trực tuyến	Số 2058/QĐ-ĐHĐN ngày 04/6/2021	ĐHĐN	
712		Quyết định về việc ban hành Quy định tổ chức kiểm tra - đánh giá trực tuyến của KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 216/QĐ-KYD ngày 27/07/2021	KYD	
713		Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo theo phương thức trực tuyến và phương thức trực tiếp kết hợp trực tuyến của Đại học Đà Nẵng	Số 866/QĐ-ĐHĐN ngày 09/3/2023	ĐHĐN	
714		Hướng dẫn sử dụng phần mềm TRANS	Năm 2019	KYD	
715	H4.04.02.11	Hướng dẫn sử dụng phần mềm Zoom cho giảng viên	Năm 2019	KYD	
716		Hướng dẫn sử dụng Microsoft Teams	Năm 2020	KYD	
717	H4.04.03.07	Khoa Y - Dược quản lí, kết nối các lớp bằng app công nghệ phổ biến	Năm 2022	KYD	
718		Thông báo, kế hoạch, quyết định liên quan đến nghiên cứu khoa học sinh viên	Số 926/KH-ĐHĐN ngày 17/03/2020	ĐHĐN	
719			Số 3226/QĐ-ĐHĐN ngày 21/09/2020	ĐHĐN	

720	H4.04.03.08		Số 3238/ĐHĐN-HSSV ngày 22/09/2020	ĐHĐN - HSSV	
721			Số 195/TB-KYD ngày 17/10/2020	KYD	
722			Số 4390/KH-ĐHĐN ngày 04/12/2020	ĐHĐN	
723		Thống kê kết quả hoạt động khoa học công nghệ năm 2019	Số 202/BC-KYD ngày 31/12/2019	KYD	
724		Thống kê kết quả hoạt động khoa học công nghệ năm 2020	Số 305/BC-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
725		Thống kê kết quả hoạt động khoa học công nghệ năm 2021	Số 495/BC-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
726	H4.04.03.09	Thống kê kết quả hoạt động khoa học công nghệ năm 2022	Số 793/BC-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
727		Thống kê kết quả hoạt động khoa học công nghệ năm 2023	Số 894/BC-KYD ngày 31/12/2023	KYD	
728		Tỉ lệ SV tham gia NCKH trên tổng số SV của cả khoa trong từng năm học	Năm 2019-2023	KYD	
729		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại Khoa y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 464/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
730		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 354/BC-KYD ngày 21/6/2022	KYD	
731	H1.01.01.17	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo năm 2021	Năm 2021	KYD	

	732		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/05/2023	KYD	
	733		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học tại KYD năm học 2022-2023	Số 546/ BC-KYD ngày 23/8/2023	KYD	
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học						
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.	734		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2013	Số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25/6/2013	ĐHĐN	
	735	H1.01.01.04	Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
	736		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	737		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	738		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	739		Đề cương chi tiết các học phần năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	740	H1.01.02.04	Đề cương chi tiết các học phần năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	741		Đề cương chi tiết các học phần năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	742		Đề án tuyển sinh năm 2018	Ngày 06/07/2018	KYD	
	743		Đề án tuyển sinh năm 2019	Ngày 11/06/2019	KYD	
	744		Đề án tuyển sinh năm 2020	Ngày 14/06/2020	KYD	
	745	H5.05.01.01	Đề án tuyển sinh năm 2021	Ngày 23/06/2021	KYD	

746		Đề án tuyển sinh năm 2022	Ngày 29/06/2022	KYD	
747		Đề án tuyển sinh năm 2023	Ngày 14/07/2023	KYD	
748	H3.03.01.06	Quy định tổ chức thi kết thúc học phần	Số 4021/QĐ/ĐHĐN ngày 25/11/2019	ĐHĐN	
749		Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học	Số 408/QĐ-KYD ngày 24/11/2021	KYD	
750	H5.05.01.02	E-learning	Năm 2024	KYD	
751	H4.01.02.10	Công văn hướng dẫn ĐBCLGD cho các học phần theo hình thức đào tạo trực tuyến tại Đại học Đà Nẵng	Số 1222/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 06/04/2020	ĐHĐN	
752		Công văn đảm bảo chất lượng giáo dục theo hình thức đào tạo trực tuyến	Số 56/KYD-ĐT ngày 16/04/2020	KYD	
753		Công văn về việc đảm bảo chất lượng giáo dục cho kiểm tra - đánh giá trực tuyến tại Đại học Đà Nẵng	Số 2970/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 01/9/2020	ĐHĐN	
754		Hướng dẫn đánh giá khoa luận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến của KYD, Đại học Đà Nẵng	Số 235/HD-KYD ngày 02/8/2021	KYD	
755		Quyết định về việc ban hành Quy định tổ chức đánh giá đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp cho sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh của Đại học Đà Nẵng theo hình thức trực tuyến	Số 2058/QĐ-ĐHĐN ngày 04/6/2021	ĐHĐN	
756		Quyết định về việc ban hành Quy định tổ chức kiểm tra - đánh giá trực tuyến của KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 216/QĐ-KYD ngày 27/07/2021	KYD	

757		Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo theo phương thức trực tuyến và phương thức trực tiếp kết hợp trực tuyến của Đại học Đà Nẵng	Số 866/QĐ-ĐHĐN ngày 09/3/2023	ĐHĐN	
758	H5.05.01.03	Rubric đánh giá	Năm 2023	Bộ môn	
759	H5.05.01.04	Bảng đăng ký hình thức kiểm tra đánh giá	2019 - 2024	KYD	
760	H5.05.01.05	Công văn hướng dẫn đo lường đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 3724/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 01/11/2021	ĐHĐN	
761		Công văn hướng dẫn khảo sát đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 1511/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 06/05/2022	ĐHĐN	
762		Quy định đo lường đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 494/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
763		Kế hoạch đo lường đánh giá mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 893/KH-KYD ngày 31/12/2023	KYD	
764		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2018 - 2019	Ngày 20/7/2019	KYD	
765	H5.05.01.06	Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2019 - 2020	Ngày 28/11/2020	KYD	
766		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2020 - 2021	Ngày 28/11/2021	KYD	
767		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2021 - 2022	Ngày 30/12/2022	KYD	

768		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học phần năm học 2022 - 2023	Ngày 25/9/2023	KYD	
769		Báo cáo kết quả tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ I, năm học 2023 - 2024	Ngày 09/4/2024	KYD	
770	H5.05.01.07	Thông báo về việc Kế hoạch tổ chức thi kết thúc học phần Học kỳ I năm học 2019 - 2020	Số 179/TB-KYD ngày 29/11/2019	KYD	
771		Thông báo về việc Kế hoạch tổ chức thi kết thúc học phần Học kỳ II, năm học 2019 - 2020	Số 121/TB-KYD ngày 02/7/2020	KYD	
772		Thông báo về việc tổ chức thi kết thúc học phần Học kỳ I, năm học 2020 - 2021	Số 05/TB-KYD ngày 05/01/2021	KYD	
773		Kế hoạch về việc tổ chức thi kết thúc học phần Học kỳ II, 2020 - 2021 (điều chỉnh)	Số 284/KH-KYD ngày 28/9/2021	KYD	
774		Kế hoạch về việc tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ I, năm học 2021 - 2022	Số 08/KH-KYD ngày 07/01/2022	KYD	
775		Kế hoạch về việc tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ I, năm học 2022 - 2023	Số 644/KH-KYD ngày 01/11/2022	KYD	
776		Kế hoạch Tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ II, năm học 2022 - 2023	Số 200/KH-KYD ngày 04/4/2023	KYD	
777		Kế hoạch về việc tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ I, năm học 2023 - 2024	Số 699/KH-KYD ngày 16/10/2023	KYD	
778		Kế hoạch Tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ II, năm học 2023 - 2024	Số 236/KH-KYD ngày 11/4/2024	KYD	
779		Lịch thi kết thúc học phần	Năm 2019 - 2024	KYD	

780	H5.05.01.08	Công bố kế hoạch thi kết thúc học phần	Năm 2023	KYD	
781	H5.05.01.09	Đề thi kết thúc học phần	Năm 2024	KYD	
782	H3.03.01.07	Hướng dẫn rà soát cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá của Đại học Đà Nẵng	Số 804/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 26/02/2021	ĐHĐN	
783	H1.01.02.05	Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2019	Năm 2019	KYD	
784		Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2021	Năm 2021	KYD	
785		Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2023	Năm 2023	KYD	
786	H3.03.02.01	Quyết định ban hành quy định quản lý điểm và đánh giá học phần	Số 2176/QĐ-ĐHĐN ngày 30/6/2020	ĐHĐN	
787	H5.05.01.10	Kế hoạch triển khai xây dựng ngân hàng đề thi kết thúc học phần năm học 2023 - 2024	Số 709/KH-KYD	KYD	
788	789	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	
		Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	

790	H1.01.01.02	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	
791		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
792		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
793		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
794		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
795		H1.01.01.03	Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN
796	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng		Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
797	Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược		Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	

798		Quyết định về việc ban hành quy định về khoá luận tốt nghiệp đại học của KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/6/2019	ĐHĐN	
799	H4.04.02.08	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đánh giá khoá luận tốt nghiệp đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/6/2019 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Số 2389/QĐ-ĐHĐN ngày 05/7/2022	ĐHĐN	
800		Quyết định về việc ban hành Quy định thực hiện khoá luận tốt nghiệp đối với sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 4211/QĐ-ĐHĐN ngày 01/11/2022	ĐHĐN	
801		Khoá luận tốt nghiệp các năm			
802	H5.05.01.11	Quyết định thành lập Tổ KT&ĐBCLGD	Số 4327/QĐ-ĐHĐN Ngày 20/08/2015	ĐHĐN	
803		Quy định chức năng nhiệm vụ Tổ KT&ĐBCLGD	Số 560/QĐ-KYD Ngày 29/9/2022	KYD	
804	H3.03.01.08	Hồ sơ hội thảo, seminar về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá	Năm 2023	KYD	

<p>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.</p>	805	H1.01.01.02	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	
	806		Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	
	807		Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	
	808		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	

809		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và định chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
810		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
811		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
812		Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	
813	H1.01.01.03	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
814		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số QĐ 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
815	H3.03.01.06	Quy định tổ chức thi kết thúc học phần	Số 4021/QĐ/ĐHĐN ngày 25/11/2019	ĐHĐN	
816		Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học	Số 408/QĐ-KYD ngày 24/11/2021	KYD	
817		Thông báo về việc Kế hoạch tổ chức thi kết thúc học phần Học kỳ I năm học 2019 - 2020	Số 179/TB-KYD ngày 29/11/2019	KYD	
818		Thông báo về việc Kế hoạch tổ chức thi kết thúc học phần Học kỳ II, năm học 2019 - 2020	Số 121/TB-KYD ngày 02/7/2020	KYD	

819		Thông báo về việc tổ chức thi kết thúc học phần Học kỳ I, năm học 2020 - 2021	Số 05/TB-KYD ngày 05/01/2021	KYD	
820		Kế hoạch về việc tổ chức thi kết thúc học phần Học kỳ II, 2020 - 2021 (điều chỉnh)	Số 284/KH-KYD ngày 28/9/2021	KYD	
821	H5.05.01.07	Kế hoạch về việc tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ I, năm học 2021 - 2022	Số 08/KH-KYD ngày 07/01/2022	KYD	
822		Kế hoạch về việc tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ I, năm học 2022 - 2023	Số 644/KH-KYD ngày 01/11/2022	KYD	
823		Kế hoạch Tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ II, năm học 2022 - 2023	Số 200/KH-KYD ngày 04/4/2023	KYD	
824		Kế hoạch về việc tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ I, năm học 2023 - 2024	Số 699/KH-KYD ngày 16/10/2023	KYD	
825		Kế hoạch Tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ II, năm học 2023 - 2024	Số 236/KH-KYD ngày 11/4/2024	KYD	
826		Lịch thi kết thúc học phần	Năm 2019 - 2024	KYD	
827	H5.05.01.08	Công bố kế hoạch thi kết thúc học phần	Năm 2023	KYD	
828		Đề cương chi tiết các học phần năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
829	H1.01.02.04	Đề cương chi tiết các học phần năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
830		Đề cương chi tiết các học phần năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
831	H5.05.01.04	Bảng đăng ký hình thức kiểm tra đánh giá	Năm 2019-2024	KYD	

832	H3.03.02.01	Quyết định ban hành quy định quản lý điểm và đánh giá học phần	Số 2176/QĐ-ĐHĐN ngày 30/6/2020	ĐHĐN	
833	H4.01.02.10	Công văn hướng dẫn ĐBCLGD cho các học phần theo hình thức đào tạo trực tuyến tại Đại học Đà Nẵng	Số 1222/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 06/04/2020	ĐHĐN	
834		Công văn đảm bảo chất lượng giáo dục theo hình thức đào tạo trực tuyến	Số 56/KYD-ĐT ngày 16/04/2020	KYD	
835		Công văn về việc đảm bảo chất lượng giáo dục cho kiểm tra - đánh giá trực tuyến tại Đại học Đà Nẵng	Số 2970/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 01/9/2020	ĐHĐN	
836		Hướng dẫn đánh giá khoá luận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến của KYD, Đại học Đà Nẵng	Số 235/HD-KYD ngày 02/8/2021	KYD	
837		Quyết định về việc ban hành Quy định tổ chức đánh giá đồ án, khoá luận, luận văn, luận án tốt nghiệp cho sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh của Đại học Đà Nẵng theo hình thức trực tuyến	Số 2058/QĐ-ĐHĐN ngày 04/6/2021	ĐHĐN	
838		Quyết định về việc ban hành Quy định tổ chức kiểm tra - đánh giá trực tuyến của KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 216/QĐ-KYD ngày 27/07/2021	KYD	
839		Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo theo phương thức trực tuyến và phương thức trực tiếp kết hợp trực tuyến của Đại học Đà Nẵng	Số 866/QĐ-ĐHĐN ngày 09/3/2023	ĐHĐN	

840	H5.05.02.01	Hình ảnh thông báo kết quả thi kết thúc học phần	Năm 2023	KYD	
841	H3.03.01.04	Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2019-2020	Ngày 18/04/2019	KYD	
842		Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2020- 2021	Ngày 04/5/2020	KYD	
843		Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021 - 2022	Ngày 08/10/2021	KYD	
844		Kế hoạch đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2022 - 2023	Ngày 20/5/2022	KYD	
845	H5.05.01.05	Công văn hướng dẫn đo lường đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 3724/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 01/11/2021	ĐHĐN	
846		Công văn hướng dẫn khảo sát đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 1511/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 06/05/2022	ĐHĐN	
847		Quy định đo lường đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 494/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
848		Kế hoạch đo lường đánh giá mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 893/KH-KYD ngày 31/12/2023	KYD	
849	H5.05.02.02	Quyết định về việc ban hành Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học	Số 408/QĐ-KYD ngày 24/11/2021	KYD	
850		Quyết định ban hành Quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá chương trình dạy học tại KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 477/QĐ-KYD Ngày 31/12/2021	KYD	
851		Quyết định về việc ban hành quy định về khoá luận tốt nghiệp đại học của KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/6/2019	ĐHĐN	

852	H4.04.02.08	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đánh giá khoá luận tốt nghiệp đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/6/2019 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Số 2389/QĐ-ĐHĐN ngày 05/7/2022	ĐHĐN	
853		Quyết định về việc ban hành Quy định thực hiện khoá luận tốt nghiệp đối với sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 4211/QĐ-ĐHĐN ngày 01/11/2022	ĐHĐN	
854		Khoá luận tốt nghiệp các năm	Năm 2019-2024		
855	H5.05.02.03	Thông báo về việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần	Năm 2021-2023	KYD	
856		Đơn phúc khảo	Năm 2024	KYD	
857		Sổ theo dõi khiếu nại hàng năm	Năm 2019 - 2024	KYD	
858		Bảng tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo	Năm 2017 - 2023	KT&ĐBCLGD	
859		Bảng tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo	Năm 2021 - 2023	KT&ĐBCLGD	
860	H5.05.01.11	Quyết định thành lập Tổ KT&ĐBCLGD	Số 4327/QĐ-ĐHĐN Ngày 20/08/2015	ĐHĐN	
861		Quy định chức năng nhiệm vụ Tổ KT&ĐBCLGD	Số 560/QĐ-KYD Ngày 29/9/2022	KYD	
862		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2018 - 2019	Số 133/KH-KYD ngày 09/8/2018	KYD	
863		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2019 - 2020	Số 96/KH-KYD ngày 31/7/2019	KYD	

864	H1.01.03.03	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2020 - 2021	Số 177/KH-KYD ngày 09/10/2020	KYD	
865		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2021-2022	Số 295/KH-KYD ngày 05/10/2021	KYD	
866		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2022-2023	Số 559/KH-KYD ngày 29/9/2022	KYD	
867		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2023-2024	Số 582/KH-KYD ngày 08/09/2023	KYD	
868	H5.05.02.04	Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tâm lý và xã hội tại KYD, Đại học Đà Nẵng năm học 2019 - 2020	Ngày 26/11/2020	KYD	
869		Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tâm lý và xã hội tại KYD, Đại học Đà Nẵng năm học 2020 - 2021	Ngày 25/11/2021	KYD	
870		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 336/BC-KYD ngày 13/6/2022	KYD	

871		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 374/BC-KYD ngày 31/5/2023	KYD	
872		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2023 - 2024	Số 05/BC - ĐT Ngày 11/01/2024	KYD	
873	H5.05.02.05	Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tâm lý và xã hội tại KYD, Đại học Đà Nẵng năm học 2019 - 2020	Ngày 26/11/2020	KYD	
874		Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tâm lý và xã hội tại KYD, Đại học Đà Nẵng năm học 2020 - 2021	Ngày 25/11/2021	KYD	
875		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học của giảng viên khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 467/BC - KYD Ngày 19/8/2022	KYD	

	876		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học của giảng viên khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 430/BC-KYD ngày 27/6/2023	KYD	
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	877	H3.03.01.06	Quy định tổ chức thi kết thúc học phần	Số 4021/QĐ/ĐHĐN ngày 25/11/2019	ĐHĐN	
	878		Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học	Số 408/QĐ-KYD ngày 24/11/2021	KYD	
	879	H5.05.01.04	Bảng đăng ký hình thức kiểm tra đánh giá	Năm 2023	KYD	
	880	H5.05.01.10	Đề thi kết thúc học phần	Năm 2024	KYD	
	881		Đề cương chi tiết các học phần năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	882	H1.01.02.04	Đề cương chi tiết các học phần năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	883		Đề cương chi tiết các học phần năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	884		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2018 - 2019	Ngày 20/7/2019	KYD	
	885		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2019 - 2020	Ngày 28/11/2020	KYD	
	886		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2020 - 2021	Ngày 28/11/2021	KYD	

887	11.03.01.00	Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hẳn năm học 2021 - 2022	Ngày 30/12/2022	KYD	
888		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hẳn năm học 2022 - 2023	Ngày 25/9/2023	KYD	
889		Báo cáo kết quả tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ I, năm học 2023 - 2024	Ngày 09/4/2024	KYD	
890		Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2019	Năm 2019	KYD	
891	H1.01.02.05	Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2021	Năm 2021	KYD	
892		Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt chuẩn đầu ra 2023	Năm 2023	KYD	
893	H3.03.01.07	Hướng dẫn rà soát cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá của Đại học Đà Nẵng	Số 804/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 26/02/2021	ĐHĐN	
894		Công văn hướng dẫn đo lường đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 3724/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 01/11/2021	ĐHĐN	
895	H5.05.01.05	Công văn hướng dẫn khảo sát đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 1511/ĐHĐN-ĐBCLGD ngày 06/05/2022	ĐHĐN	
896		Quy định đo lường đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 494/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
897		Kế hoạch đo lường đánh giá mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Số 893/KH-KYD ngày 31/12/2023	KYD	

898	H5.05.01.03	Rubric đánh giá	Năm 2023	Bộ môn	
899	H5.05.01.09	Đề thi kết thúc học phần, bài thi, ma trận đề thi	Năm 2024	KYD	
900	H5.05.01.10	Kế hoạch triển khai xây dựng ngân hàng đề thi kết thúc học phần năm học 2023 - 2024	Số 709/KH-KYD	KYD	
901	H5.05.01.02	E-learning	Năm 2024	KYD	
902	H5.05.03.01	Phần mềm chấm trắc nghiệm	Năm 2024	KYD	
903	H5.05.03.02	Phần mềm quản lý đào tạo	Năm 2024	KYD	
904	H5.05.03.03	Hình ảnh thông báo về Quy định thi kết thúc học phần	Năm 2024	KYD	
905	H5.05.03.04	Phổ điểm thi kết thúc học phần	Năm 2024	KYD	
906	H3.03.01.08	Hồ sơ hội thảo, seminar về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá	Năm 2023	KYD	
907		Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tâm lý và xã hội tại KYD, Đại học Đà Nẵng năm học 2019 - 2020	Ngày 26/11/2020	KYD	
908	H5.05.02.05	Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tâm lý và xã hội tại KYD, Đại học Đà Nẵng năm học 2020 - 2021	Ngày 25/11/2021	KYD	

	909		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học của giảng viên khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 467/BC - KYD ngày 19/8/2022	KYD	
	910		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học của giảng viên khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022 - 2023	Số 430/BC-KYD ngày 27/6/2023	KYD	
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập .	911		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	
	912		Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/4/2015	BGDĐT	
	913	H1.01.01.02	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 23/6/2021	BGDĐT	

914		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	BGDĐT	
915		Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ	Số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022	BGDĐT	
916		Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016	BGDĐT	
917		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021	BGDĐT	
918		Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	
919	H1.01.01.03	Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
920		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
921	H3.03.01.06	Quy định tổ chức thi kết thúc học phần	Số 4021/QĐ/ĐHĐN ngày 25/11/2019	ĐHĐN	
922		Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học	Số 408/QĐ-KYD ngày 24/11/2021	KYD	

923	H5.05.04.01	Quyết định về việc Quy định thi tốt nghiệp Khoa Y - Dược	Số 4576/QĐ-ĐHĐN ngày 31/12/2019	ĐHĐN	
924	H5.05.04.02	Quyết định về việc ban hành quy định về khoá luận tốt nghiệp đại học của KYD - Đại học Đà Nẵng	Số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/06/2019	ĐHĐN	
925		Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đánh giá khoá luận tốt nghiệp đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/6/2019 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Số 2389/QĐ-ĐHĐN ngày 5/7/2022	ĐHĐN	
926		Quyết định về việc ban hành Quy định thực hiện khoá luận tốt nghiệp đối với sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 4211/QĐ-ĐHĐN Ngày 01/11/2022	ĐHĐN	
927	H5.05.04.03	Công thông tin giảng viên	Năm 2023	KYD	
928	H5.05.04.04	Công thông tin sinh viên	Năm 2023	KYD	
929		Sổ tay sinh viên năm học 2019 - 2020	Năm 2019	KYD	
930		Sổ tay sinh viên năm học 2020 - 2021	Năm 2020	KYD	
931	H1.01.01.23	Sổ tay sinh viên năm học 2021 - 2022	Năm 2021	KYD	
932		Sổ tay sinh viên năm học 2022 - 2023	Năm 2022	KYD	
933		Sổ tay sinh viên năm học 2023 - 2024	Năm 2023	KYD	
934	H5.05.04.05	Công thông tin SV trên phần mềm đào tạo	Năm 2023	KYD	
935	H5.05.04.06	Phần mềm quản lý đào tạo	Năm 2023	KYD	
936	H3.03.02.01	Quyết định ban hành quy định quản lý điểm và đánh giá học phần	Số 2176/QĐ-ĐHĐN ngày 30/6/2020	ĐHĐN	

937	H5.05.04.07	Biên bản họp lớp	Năm 2016-2023	KYD	
938	H4.04.02.04	Quyết định phân công Giáo viên chủ nhiệm	Số 2664/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019	ĐHĐN	
939			Số 4369/QĐ-ĐHĐN ngày 03/12/2020	ĐHĐN	
940			Số 4027/QĐ-ĐHĐN ngày 25/11/2021	ĐHĐN	
941			Số 581/QĐ-KYD Ngày 5/10/2022	KYD	
942			Số 634/QĐ-KYD Ngày 5/10/2022	KYD	
943	H5.05.04.08	Biên bản xét học vụ HKI 2019	Ngày 20/03/2019	KYD	
944		Biên bản xét học vụ HKII 2019	Ngày 12/11/2019	KYD	
945		Biên bản xét học vụ HKI 2020	Ngày 18/06/2020	KYD	
946		Biên bản xét học vụ HKII 2020	Ngày 07/02/2020	KYD	
947		Biên bản xét học vụ HKI 2021	Ngày 04/05/2021	KYD	
948		Biên bản xét học vụ HKII 2021	Ngày 10/12/2021	KYD	
949		Biên bản xét học vụ HKI 2022	Ngày 06/04/2022	KYD	
950		Biên bản xét học vụ HKII 2022	Ngày 13/04/2023	KYD	
951	H5.05.04.09	Quyết định buộc thôi học 2018-2019	Số 194/QĐ-KYD ngày 31/12/2019	KYD	
952		Quyết định cảnh báo học vụ HKI 2019-2020	Số 133/QĐ-KYD ngày 23/7/2020	KYD	
953		Quyết định cảnh báo học vụ HKII 2019-2020	Số 293/QĐ-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
954		Quyết định buộc thôi học 2019-2020	Số 268/QĐ-KYD ngày 18/12/2020	KYD	
955		Quyết định cảnh báo kết quả học tập KHI 2020-2021	Số 250/QĐ-KYD ngày 15/8/2021	KYD	
956		Quyết định buộc thôi học 2020-2021	Số 482/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
957		Quyết định buộc thôi học HKI 2021-2022	Số 1230/QĐ-ĐHĐN ngày 13/4/2022	ĐHĐN	

958		Quyết định cảnh báo kết quả học tập KHI 2021-2022	Số 524/QĐ-KYD ngày 16/9/2022	KYD	
959		Quyết định buộc thôi học HKII 2021-2022	Số 1618/QĐ-ĐHĐN ngày 19/4/2023	ĐHĐN	
960	H5.05.04.10	Bảng điểm tổng kết	Năm 2020 - 2024	KYD	
961	H5.05.04.11	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của giảng viên	Ngày 26/11/2020	KYD	
962		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của giảng viên	Ngày 30/06/2021	KYD	
963		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của giảng viên	Số 467/BC-KYD ngày 19/08/2022	KYD	
964		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của giảng viên	Số 430/BC-KYD ngày 27/06/2023	KYD	
965		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của giảng viên	Số 306/BC-KYD Ngày 02/5/2024	KYD	
Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.	966	H3.03.01.06	Quy định tổ chức thi kết thúc học phần	Số 4021/QĐ/ĐHĐN ngày 25/11/2019	ĐHĐN
	967		Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học	Số 408/QĐ-KYD ngày 24/11/2021	KYD
	968	H5.05.05.01	Thông báo phúc khảo	Năm 2020 - 2023	KYD

969	H5.05.05.02	Đơn phúc khảo	Năm 2024	KYD	
970	H5.05.05.03	Bảng tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo	Năm 2018 - 2023	KYD	
971	H5.05.05.04	Danh sách kết quả phúc khảo của sinh viên	Năm 2021 - 2023	KYD	
972	H5.05.05.05	Thông báo kết quả phúc khảo trên trang web	Năm 2023	KYD	
973	H5.05.04.04	Công thông tin sinh viên	Năm 2023	KYD	
974	H1.01.03.03	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2018 - 2019	Số 133/KH-KYD ngày 09/8/2018	KYD	
975		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2019 - 2020	Số 96/KH-KYD ngày 31/7/2019	KYD	
976		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2020 - 2021	Số 177/KH-KYD ngày 09/10/2020	KYD	
977		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2021-2022	Số 295/KH-KYD ngày 05/10/2021	KYD	
978		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2022-2023	Số 559/KH-KYD ngày 29/9/2022	KYD	
979		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2023-2024	Số 582/KH-KYD ngày 08/09/2023	KYD	
980	H1.01.01.23	Sổ tay sinh viên năm học 2019 - 2020	Năm 2019	KYD	
981		Sổ tay sinh viên năm học 2020 - 2021	Năm 2020	KYD	
982		Sổ tay sinh viên năm học 2021 - 2022	Năm 2021	KYD	
983		Sổ tay sinh viên năm học 2022 - 2023	Năm 2022	KYD	

984		Sổ tay sinh viên năm học 2023 - 2024	Năm 2023	KYD	
985	H5.05.04.05	Công thông tin SV trên phần mềm đào tạo	Năm 2023	KYD	
986	H5.05.04.06	Phần mềm quản lý đào tạo	Năm 2023	KYD	
987	H5.05.05.06	Sổ theo dõi khiếu nại	Năm 2020 - 2024	KYD	
988	H5.05.01.06	Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2018 - 2019	Ngày 20/7/2019	KYD	
989		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2019 - 2020	Ngày 28/11/2020	KYD	
990		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2020 - 2021	Ngày 28/11/2021	KYD	
991		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2021 - 2022	Ngày 30/12/2022	KYD	
992		Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi kết thúc học hàn năm học 2022 - 2023	Ngày 25/9/2023	KYD	
993		Báo cáo kết quả tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ I, năm học 2023 - 2024	Ngày 09/4/2024	KYD	
994		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của giảng viên	Ngày 26/11/2020	KYD	
995	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của giảng viên	Ngày 30/06/2021	KYD		

	996	H5.05.04.11	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của giảng viên	Số 467/BC-KYD ngày 19/08/2022	KYD	
	997		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của giảng viên	Số 430/BC-KYD ngày 27/06/2023	KYD	
	998		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của giảng viên	Số 306/BC-KYD Ngày 02/5/2024	KYD	
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và	999	H1.01.01.05	Quyết định công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của ĐHĐN	Số 1628/QĐ-ĐHĐN ngày 31/3/2015	ĐHĐN	
	1000		Quyết định ban hành Chiến lược phát triển ĐHĐN đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2035	Số 1219/QĐ-HĐĐHĐN ngày 17/4/2018	ĐHĐN	
	1001		Nghị quyết về việc ban hành Chiên	Số 23/NQ-HĐĐHĐN	ĐHĐN	
	1002		Quyết định ban hành Sứ	Số 86/TB-KYD	KYD	
	1003	H1.01.01.06	Thông báo công bố Sứ mạng, tầm	261/QĐ-KYD	KYD	
	1004		Quyết định ban hành chiến lược	Số 293/QĐ-KYD	KYD	
	1005			Số 176/KH-KYD		
	1006	H6.06.01.01		Số 478/KH-KYD	KYD	
	1007		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức từ năm 2018 đến năm 2023	Số 777/KH-KYD ngày 31/12/2022		
	1008	H6.06.01.02	Thông tin về cơ cấu, giới tính, trình độ chuyên môn của giảng viên	Ngày 31/12/2023	KYD	
	1009	H6.06.01.03	Phân tích nhu cầu đào tạo bồi	Ngày 06/12/2021	KYD	
	1010		Bản mô tả vị trí việc làm KYD	Ngày 17/02/2020	KYD	
1011	H6.06.01.04	Quyết định ban hành đề án vị trí việc làm KYD giai đoạn 2022-2025	Số 4397/QĐ-ĐHĐN ngày 15/11/2022	ĐHĐN		
1012	H6.06.01.05	Quyết định ban hành Quy chế công	Số 4343/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		

các hoạt động phục vụ công đồng.	1013	H6.06.01.06	Quyết định sửa đổi, bổ sung một	Số 1155/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1014	H6.06.01.06	Thông báo về việc tuyển dụng viên	Số 3508/TB-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1015	H6.06.01.07	Quyết định về việc ban hành Quy	Số 551/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1016		Quyết định sửa đổi, bổ sung một	Số 1251/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1017	H6.06.01.08	Các quy trình, tiêu chí tuyển dụng,	Năm 2017-2022	ĐHĐN	
	1018	H6.06.01.09	Quyết định ban hành quy chế chi	Số 1676/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1019	H6.06.01.10	Thông tư quy định mã số, tiêu	Số 40/2020/TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	
	1020	H6.06.01.11	Quyết định ban hành Quy định chế	Số 4194/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1021		Quyết định ban hành quy định chi	Số 5369/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1022	H6.06.01.12	Danh sách đội ngũ giảng viên và	Ngày 01/6/2023	KYD	
	1023	H6.06.01.13	Bảng cấp, chứng chỉ của đội ngũ	Năm 2018-2023		
	1024	H6.06.01.14	Các chính sách về nhân sự	Năm 2018 - 2023	ĐHĐN	
	1025	H6.06.01.15	Các quyết định tuyển dụng, bổ	Năm 2018-2023	ĐHĐN	
	1026	H6.06.01.16	Các Quyết định chấm dứt hợp	Năm 2018-2023	ĐHĐN	
1027	H6.06.01.17	Hợp đồng thuê chuyên gia, cơ vản	Năm 2021-2023	ĐHĐN		
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường	1028	H3.03.01.05	Bảng phân công giảng dạy	Năm 2017-2022	KYD	
	1029	H6.06.01.02	Thông tin về cơ cấu giới tính trình	Năm 31/12/2023	KYD	
	1030	H6.06.01.11	Quyết định ban hành Quy định chế	Số 4194/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1031		Quyết định ban hành quy định chi	Số 5369/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1032	H6.06.02.01	Bảng thông kê các hoạt động	Ngày 11/01/2023	KYD	
	1033	H6.06.02.02	Bảng thanh toán tiền vượt giờ	Năm 2018-2023	ĐHĐN	
	1034	H6.06.02.03	Phiếu đánh giá, xếp loại của viên	Năm 2018-2023	KYD	
	1035	H1.01.01.18	Báo cáo kết quả khảo sát giảng	Ngày 20/8/2021	KYD	
	1036		Báo cáo kết quả khảo sát giảng	Số 340/BC-KYD	KYD	
	1037		BC khảo sát ý kiến giảng viên về	Số 329/BC-KYD	KYD	
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ	1038	H6.06.01.02	Thông tin về cơ cấu giới tính trình	Ngày 31/12/2023	KYD	
	1039	H6.06.01.05	Quyết định ban hành Quy chế công	Số 4343/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1040		Quyết định sửa đổi, bổ sung một	Số 1155/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1041	H6.06.01.07	Quyết định về việc ban hành Quy	Số 551/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1042		Quyết định sửa đổi, bổ sung một	Số 1251/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1043	H6.06.01.08	Các quy trình, tiêu chí tuyển dụng,	Năm 2018 - 2023	ĐHĐN	
	1044	H6.06.01.09	Quyết định ban hành quy chế chi	Số 1676/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1045	H6.06.01.11	Quyết định ban hành Quy định chế	Số 4194/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1046		Quyết định ban hành quy định chi	Số 5369/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1047	H6.06.01.14	Các chính sách về nhân sự	Năm 2018 - 2023	ĐHĐN	
	1048	H6.06.01.08	Các quyết định tuyển dụng, bổ	Năm 2018-2023	ĐHĐN	
	1049	H6.06.02.03	Phiếu đánh giá, xếp loại của viên	Năm 2018-2023	KYD	
	1050	H6.06.03.01	Danh sách cán bộ được bổ nhiệm,	Ngày 31/12/2023	KYD	
	Tiêu chí	1051		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên	Năm 2020	KYD

6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.	1052	H1.01.01.16	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên	Ngày 20/06/2021	KYD	
	1053		BC khảo sát ý kiến sinh viên về	Số 274/BC-KYD	KYD	
	1054		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến	Số 247/KH-KYD	KYD	
	1055	H5.05.04.02	Quyết định về việc ban hành quy	Số 4211/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1056	H6.06.01.02	Thông tin về cơ cấu, giới tính,	Ngày 31/12/2023	KYD	
	1057	H6.06.01.04	Bản mô tả vị trí việc làm KYD	Ngày 17/02/2020	KYD	
	1058		Quyết định ban hành đề án vị trí	Số 4397/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1059	H6.06.01.06	Thông báo về việc tuyển dụng viên	Số 3508/TB-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1060	H6.06.01.07	Quyết định về việc ban hành Quy	Số 551/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1061		Quyết định sửa đổi, bổ sung một	Số 1251/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1062	H6.06.01.10	Thông tư quy định mã số, tiêu	Số 40/2020/TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	
	1063	H6.06.01.11	Quyết định ban hành Quy định chế	Số 4194/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1064		Quyết định ban hành quy định chi	Số 5369/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1065	H6.06.02.03	Phiếu đánh giá, xếp loại của viên	Năm 2018-2023	KYD	
	1066	H6.06.04.01	Quyết định ban hành Quy định về	Số 4009/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1067	H6.06.04.02	Kết quả thực hiện nhiệm vụ của	Năm học 2022-2023	KYD	
	1068	H6.06.04.03	Báo cáo đánh giá, phân loại hàng	Năm 2018-2023	KYD	
	1069	H6.06.04.04	Danh sách cán bộ được bổ nhiệm,	Ngày 31/12/2023	KYD	
	1070		Danh sách giảng viên được khen	Ngày 31/12/2023	KYD	
	Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ	1071	H6.06.01.03	Phân tích nhu cầu đào tạo bồi	Ngày 06/12/2021	KYD
1072		H6.06.01.09	Quyết định ban hành quy chế chi	Số 1676/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
1073		H6.06.01.12	Danh sách đội ngũ giảng viên và	Ngày 01/6/2023	KYD	
1074		H6.06.01.14	Các chính sách về nhân sự	Năm 2018 - 2023	ĐHĐN	
1075		H6.06.05.01	Quyết định cử GV đi công tác	Năm 2018-2023	ĐHĐN	
1076		H6.06.05.02	Văn bản cử GV đi công tác nước	Năm 2018-2023	ĐHĐN	
1077		H6.06.05.03	Quyết định cử viên chức hưởng	Năm 2018-2023	ĐHĐN	
1078		H6.06.05.04	Báo cáo tiến độ học tập hàng năm	Năm 2018-2023	KYD	
1079		H6.06.05.05	Các thông báo công khai các	Năm 2018 - 2023	ĐHĐN	
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và	1080	H6.06.06.01	Hệ thống văn bản đánh giá thi đua khen thưởng	Số 15/2003/QH11	Quốc hội	
				ngày 26/11/2003		
				ngày 29/12/2013		
				ngày 31/7/2017	Chính phủ	
				ngày 27/10/2017	Bộ Nội vụ	
				ngày 28/8/2018		
ngày 01/11/2019						

<p>được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</p>			ngày 31/7/2020			
			ngày 26/11/2015	ĐHĐN		
			ngày 25/12/2018			
			ngày 28/12/2020			
			ngày 12/3/2021			
	1081	H6.06.02.01	Bảng thông kê các hoạt động		Năm 2018-2023	KYD
	1082		Kê hoạch đánh giá, xếp loại chất	Số 168/KH-KYD	KYD	
	1083	H6.06.06.02	Kê hoạch đánh giá, xếp loại chất	Số 397/KH-KYD	KYD	
	1084		Kê hoạch đánh giá, xếp loại chất	Số 410KH-KYD	KYD	
	1085	H6.06.02.03	Phiếu đánh giá, xếp loại của viên	Năm 2018-2023	KYD	
	1086	H6.06.01.12	Danh sách đội ngũ giảng viên được	Năm 2016-2023	KYD	
	1087	H6.06.01.08	Các quy trình, tiêu chí tuyển dụng,	Năm 2017-2023	KYD	
	1088	H6.06.03.01	Danh sách cán bộ được bổ nhiệm,	Năm 2018-2023	KYD	
	1089	H3.03.01.05	Phân công giảng dạy học kì II, năm	Năm 2017-2024	KYD	
	1090		Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD	
	1091		Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD	
	1092		Phân công giảng dạy học kì I năm		KYD	
	1093		Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD	
	1094		Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD	
	1095		Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD	
1096	Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD			
1097	Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD			
1098	Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD			
1099	Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD			
1100	Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD			
1101	Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD			
1102	Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD			
1103	Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD			
1104	Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD			
1105			Bảng phân công giảng dạy của Bộ			KYD
1106	H6.06.01.13	Bảng cấp, chứng chỉ của đội ngũ	Năm 2018-2023	KYD		
1107	H6.06.01.02	Thông tin về cơ cấu, giới tính,	Ngày 31/12/2023	KYD		
1108	H6.06.01.11	Quy định chế độ làm việc của	Số 5369/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
1109		Quyết định ban hành quy định chi	Số 4194/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
				Số 108/2014/NĐ-CP	ĐHĐN	
			Số 208/2014/TTLT-BTC-	ĐHĐN		

Tieu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đổi mới để cải tiến chất lượng.	1110	H6.06.01.14	Các chính sách về nhân sự	Sô 191/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
				Sô 2211/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
				Sô 2907/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
				Sô 3295/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
				Sô 637/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
				Sô 3871/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
		1111	H6.06.04.03	Phiếu đánh giá, xếp loại của viên	Năm 2018-2023	KYD	
		1112	H6.06.01.09	Quyết định ban hành quy chế chi	Sô 1676/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
		1113	H6.06.06.03	Quyết định khen thưởng các bài	Sô 170/QĐ-KYD	KYD	
		1114		Quyết định khen thưởng các bài	Sô 441/QĐ KYD	KYD	
		1115		Quyết định khen thưởng các bài	Sô 774/QĐ KYD	KYD	
		1116	H6.06.04.04	Danh sách cán bộ được bổ nhiệm,	Năm 2018-2023	KYD	
		1117	H6.06.06.04	Báo cáo kết quả quản trị đội ngũ	Ngày 31/10/2023	KYD	
		1118	H6.06.07.01	Quyết định ban hành Quy định tổ	Sô 130/KYD	KYD	
		1119		Báo cáo xây dựng kế hoạch khoa	Sô 291/BC-KYD	KYD	
		1120		Phụ lục thay thế Phụ lục tính quy	Sô 3237/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
		1121		Quyết định ban hành Quy định	Sô 1826/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
		1122		Quyết định quản lý đề tài cấp cơ sở	Sô 4031/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
		1123		Quyết định ban hành Quy định	Sô 3226/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
		1124		Quy định quản lý hoạt động khoa	Sô 4766/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1125	Quy định xét duyệt sáng kiến 2020		Sô 4765/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
	1126	Văn bản quy định cụ thể về các		Sô 2681/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
	1127	Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ		Sô 14/QĐ-QKHCN	ĐHĐN		
	1128	H6.06.07.02	Kê hoạch hội trại thân kinh	Sô 2547/ĐHĐN-HTQT	ĐHĐN		
	1129		Kê hoạch hội thảo cập nhật quy	Sô 318/KH-KYD	KYD		
	1130		Đăng ký tổ chức hội thảo, hội nghị,	Sô 339/TB-KYD	KYD		
	1131		Kê hoạch tổ chức hội thảo hướng	Sô 80/KH-KYD	KYD		
	1132		Kê hoạch Seminar Trải nghiệm	Sô 83/KH-KYD	KYD		
	1133		Kê hoạch tổ chức hội thảo đổi mới	Sô 91/KH-KYD	KYD		
	1134		Kê hoạch tổ chức hội thảo thực	Sô 188/KH-KYD	KYD		
	1135		Kê hoạch Seminar Trải nghiệm	Sô 519/KH-KYD	KYD		
	1136		Kê hoạch Seminar cập nhật cách	Sô 585/KH-KYD	KYD		
	1137		Kê hoạch hội thảo định hướng	Sô 27/KH-KYD	KYD		
	1138	H6.06.02.01	Bảng thông kê các hoạt động	Năm 2018-2023	KYD		
	1139	H6.06.01.04	Bản mô tả vị trí việc làm KYD	Năm 2020	KYD		
	1140		QĐ ban hành đề án vị trí việc làm	Sô 4397/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
				Sô 108/2014/NĐ-CP	ĐHĐN		
				Sô 208/2014/TTLT-BTC-	ĐHĐN		
			Sô 191/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN			

1141	H6.06.01.14	Các chính sách về nhân sự	Số 2211/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
			Số 2907/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
			Số 3295/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
			Số 637/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
			Số 3871/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
1142	H3.03.01.05	Phân công giảng dạy học kì II, năm	Năm 2017-2024	KYD	
1143		Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD	
1144		Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD	
1145		Phân công giảng dạy học kì I năm		KYD	
1146		Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD	
1147		Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD	
1148		Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD	
1149		Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD	
1150		Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD	
1151		Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD	
1152		Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD	
1153		Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD	
1154		Phân công giảng dạy học kì II, năm		KYD	
1155		Phân công giảng dạy học kì I, năm		KYD	
1156	Phân công giảng dạy học kì I, năm	KYD			
1157	Phân công giảng dạy học kì II, năm	KYD			
1158	Bảng phân công giảng dạy của Bộ	KYD			
1159	H6.06.01.11	Quy định chế độ làm việc của	Số 5369/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
1160		Quyết định ban hành quy định chi	Số 4194/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
1161	H6.06.01.13	Bảng cấp, chứng chỉ của đội ngũ	Số 2018-2023	KYD	
1162	H6.06.07.03	Thông kê kết quả khoa học và	Số 66/KYD-KH&HTQT	KYD	
1163		Báo cáo đánh giá tình hình thực	Số 98/BC-KYD	KYD	
1164		Báo cáo tình hình, kết quả thực	Số 160/BC-KYD	KYD	
1165		Báo cáo xây dựng kế hoạch khoa	Số 291/BC-KYD	KYD	
1166		Báo cáo tình hình, kết quả thực	Số 241/BC-KYD	KYD	
1167		Thông kê kết quả hoạt động khoa	Số 202/BC-KYD	KYD	
1168		Thông kê kết quả hoạt động khoa	Số 305/BC-KYD	KYD	
1169		Thông kê kết quả hoạt động khoa	Số 495/BC-KYD	KYD	
1170		Thông kê kết quả hoạt động khoa	Số 793/BC-KYD	KYD	
1171		Thông kê kết quả hoạt động khoa	Số 894/BC-KYD	KYD	
1172		Quyết định Công nhận kết quả	Số 157/QĐ-KYD	KYD	
1173		Công nhận kết quả nghiệm thu đề	Số 222/QĐ-KYD	KYD	
1174		Quyết định Công nhận kết quả	Số 309/QĐ-KYD	KYD	
1175		Quyết định Công nhận kết quả	Số 353/QĐ-KYD	KYD	

	1176		Báo cáo kết quả hoạt động nghiên	Số 408/QĐ-KYD	KYD	
	1177		Quyết định Công nhận kết quả	Số 47/QĐ-KYD	KYD	
	1178	H6.06.07.04	Báo cáo kết quả hoạt động nghiên	Số 486/QĐ-KYD	KYD	
	1179		Quyết định Công nhận kết quả	Số 490/QĐ-KYD	KYD	
	1180		Quyết định Công nhận kết quả	Số 663/QĐ-KYD	KYD	
	1181		Quyết định Công nhận kết quả	Số 665/QĐ-KYD	KYD	
	1182		Quyết định Công nhận kết quả	Số 723/QĐ-KYD	KYD	
	1183		Báo cáo kết quả hoạt động nghiên	Số 752/QĐ-KYD	KYD	
	1184		Kết quả khoa học và công nghệ	Số 66/KH-KYD	KYD	
	1185		Quyết định khen thưởng các bài	Số 170/QĐ-KYD	KYD	
	1186	H6.06.06.03	Quyết định khen thưởng các bài	Số 441/QĐ-KYD	KYD	
	1187		Quyết định khen thưởng các bài	Số 774/QĐ-KYD	KYD	
	1188		Bảng tổng hợp kết quả đánh giá,	Ngày 09/07/2021	KYD	
	1189		Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá,	Ngày 09/07/2020	KYD	
	1190	H6.06.04.03	Bảng tổng hợp đánh giá, phân loại	Ngày 22/07/2022	KYD	
	1191		Bảng tổng hợp kết quả đánh giá	Ngày 01/08/2019	ĐHĐN	
	1192		Thông kê kết quả đánh giá, xếp	Ngày 17/07/2023	KYD	
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên						
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào	1193		Quyết định công bố Sứ mạng, tầm	Số 1628/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1194	H1.01.01.05	Quyết định ban hành Chiến lược	Số 1219/QĐ- HĐĐHĐN	ĐHĐN	
	1195		Nghị quyết về việc ban hành Chiến	Số 23/NQ-HĐĐHĐN	ĐHĐN	
	1196		Quyết định ban hành Sứ	Số 86/TB-KYD	KYD	
	1197	H1.01.01.06	Thông báo công bố Sứ mạng, tầm	Số 261/QĐ-KYD	KYD	
	1198		Quyết định ban hành chiến lược	Số 293/QĐ-KYD	KYD	
	1199	H6.06.01.01	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên	Số 176/KH-KYD	KYD	
	1200	H6.06.01.04	Bản mô tả vị trí việc làm KYD	Ngày 17/02/2020	KYD	
	1201		Quyết định ban hành đề án vị trí	Số 4397/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1202	H6.06.01.06	Thông báo về việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHĐN	Số 3508/TB-ĐHĐN Số 4533/TB-ĐHĐN Số 2760/TB-ĐHĐN Số 1356/TB-ĐHĐN Số 4050/TB-ĐHĐN Số 4672/TB-ĐHĐN	ĐHĐN ĐHĐN ĐHĐN ĐHĐN ĐHĐN	
	1203	H6.06.01.07	Quyết định về việc ban hành Quy	Số 551/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1204		Quyết định sửa đổi, bổ sung một	Số 1251/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1205	H6.06.01.09	Quyết định ban hành quy chế chi	Số 1676/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1206	H6.06.01.12	Danh sách đội ngũ giảng viên và	Ngày 01/6/2023	KYD	
	1207	H7.07.01.01	Danh sách đội ngũ nhân viên hồ	Ngày 01/05/2023	KYD	
1208	H7.07.01.02	Hồ sơ, lý lịch của nhân viên	Năm 2018-2023			

tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	1209	H7.07.01.03	Danh sách đội ngũ nhân viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong chu	Ngày 18/12/2023	KYD	
	1210					
	1211	H7.07.01.04	Quyết định chuyên và bổ nhiệm	Năm 2018-2023	ĐHĐN	
	1212	H7.07.01.05	Quyết định ban hành chức năng,	Số 560/QĐ-KYD	KYD	
	1213		Quyết định ban hành Quy chế tổ	Số 242/QĐ-KYD	KYD	
	1214	H7.07.01.06	Khảo sát các bên liên quan về chất	Năm 2019-2023	KYD	
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công	1215	H6.06.01.07	Quy định tuyển dụng, sử dụng và	Số 551/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1216		Quyết định sửa đổi, bổ sung một	Số 1251/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1217	H6.06.01.06	Thông báo về việc tuyển dụng viên chức năm 2019 - 2023	Số 4533/TB-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1218			Số 2760/TB-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1219			Số 1356/TB-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1220			Số 4050/TB-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1221			Số 4672/TB-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1222			H7.07.01.02	Hồ sơ, lý lịch của đội ngũ nhân	Năm 2018-2023
	1223	H6.06.01.04	Quyết định về việc ban hành Đề án	Số 4397/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1224		Bản mô tả vị trí việc làm của Khoa	Ngày 17/02/2020	KYD	
	1225	H6.06.01.15	Các Quyết định tuyển dụng, thông	Năm 2018-2023	ĐHĐN	
	1226	H7.07.01.06	Khảo sát các bên liên quan về chất	Năm 2019-2023	KYD	
	1227	H7.07.02.01	Hình ảnh chụp email, bảng tin, hệ	Ngày 01/05/2023	KYD	
	1228	H7.07.01.04	Quyết định chuyên và bổ nhiệm	Năm 2018-2023	ĐHĐN	
	Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.	1229	H7.07.01.02	Hồ sơ, lý lịch của đội ngũ nhân	Năm 2018-2023	KYD
1230		H7.07.01.01	Danh sách đội ngũ nhân viên hỗ trợ	Ngày 01/05/2023	KYD	
1231		H7.07.03.01	Nghị định về đánh giá, xếp loại	Số 90/2020/NĐ-CP	Chính phủ	
1232		H7.07.03.02	Kế hoạch, công văn, hướng dẫn	Số 1707/HD-ĐHĐN	ĐHĐN, KYD	
1233		H7.07.03.03	Phiếu đánh giá, phân loại, xếp loại	Năm 2019-2023	KYD	
1234		H7.07.03.04	Hồ sơ đánh giá năng lực nhân viên	Năm 2019-2023	KYD	
1235		H7.07.03.05	Bảng tổng hợp kết quả nhân viên	Năm 2019-2023	KYD	
1236		H7.07.03.06	Báo cáo đánh giá xếp loại nhân	Năm 2019-2023	KYD	
1237		H7.07.03.07	Danh sách nhân viên được khen	Năm 2019-2023	KYD	
1238		H7.07.01.06	Khảo sát các bên liên quan về chất	Năm 2019-2023	KYD	
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ	1239	H6.06.01.03	Phân tích nhu cầu đào tạo bồi	Ngày 06/12/2021	KYD	
	1240	H7.07.04.01	Các bản đăng ký của nhân viên về	Năm 2017-2021	KYD	
	1241	H7.07.04.02	Quyết định cử viên chức đi đào tạo	Năm 2017- 2018	ĐHĐN	
	1242	H6.06.01.09	QĐ về việc ban hành Quy chế chi	Số 1676-QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1243		Quyết định ban hành Phụ lục Quy	Số 700/QĐ-ĐHĐN ngày	ĐHĐN	
	1244	H7.07.04.03	1. Quyết định ban hành Quy chế	Số 2211/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1245		2. Quyết định ban hành Quy định	Số 2973/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1246		3. V/v hướng dẫn một số nội dung	Số 3175/ĐHĐN-TCCB	ĐHĐN	
	1247		1. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	Số 176/KH-KYD,	KYD	

“ CHUYÊN ” của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	1248	H6.06.01.01	2. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	Sô 478/KH-KYD	KYD	
	1249		3. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	Sô 777/KH-KYD	KYD	
	1250	H7.07.01.05	1. Quyết định Quy định chức năng,	Sô 560/QĐ-KYD	KYD	
	1251		2. Quyết định Ban hành Quy chế tổ	Sô 242/QĐ-KYD	KYD	
	1252	H6.06.01.04	Quyết định ban hành Đề án vị trí	Sô 4397/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1253		Bản mô tả vị trí việc làm của Khoa	Ngày 17/02/2020	KYD	
	1254	H7.07.04.04	Kinh phí chi cho hoạt động đào tạo	Ngày 18/12/2023	KYD	
	1255	H7.07.04.05	1. Kết quả khảo sát ý kiến cán bộ,	Ngày 31/12/2019	KYD	
	1256		2. Kết quả khảo sát ý kiến cán bộ,	Ngày 18/08/2020	KYD	
	1257		3. Kết quả khảo sát ý kiến cán bộ,	Ngày 30/12/2024	KYD	
	1258		4. Kế hoạch khảo sát ý kiến cán	Sô 18/KH-KYD	KYD	
	1259		5. Báo cáo khảo sát ý kiến cán bộ,	Sô 64/BC-KYD	KYD	
1260	6. Kế hoạch khảo sát ý kiến cán		Sô 11/KH-KYD	KYD		
1261	7. Báo cáo khảo sát ý kiến cán bộ,		Sô 67/BC-KYD	KYD		
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng	1263	H7.07.05.01	Luật viên chức	Sô 58/2010/QH12	Quốc hội	
	1264		Luật sửa đổi một số điều của Luật	Sô 52/2019/QH14	Quốc hội	
	1265		Nghị định về đánh giá và phân loại	Sô 56/2015/NĐ-CP	Chính phủ	
	1266		Nghị định về đánh giá, xếp loại	Sô 90/2020/NĐ-CP	Chính phủ	
	1267		Nghị định sửa đổi, bổ sung một số	Sô 48/2023/NĐ-CP	Chính phủ	
	1268		Thông tư hướng dẫn thực hiện dân	Sô 11/2020/TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	
	1269		Quyết định ban hành hướng dẫn	Sô 3901/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1270	Quyết định ban hành quy định	Sô 4810/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN		
	1272	H7.07.05.02	Thông tư ban hành Quy định về	Sô 12/2017/TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	
	1273		Luật Thi đua, khen thưởng	Sô 15/2003-QH11	Chủ tịch nước	
	1274		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều	Sô 39/2013/QH13	Quốc hội	
	1275		Nghị định quy định chi tiết thi	Sô 91/2017/NĐ-CP	Chính phủ	
	1276		Thông tư quy định chi tiết thi hành	Sô 08/2017/TT-BNV	Bộ Nội vụ	
	1277		Thông tư hướng dẫn công tác thi	Sô 22/2018/TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	
	1278		Quyết định về công tác thi đua,	Sô 6032/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1279		Quyết định ban hành quy định	Sô 4501/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1280		Quyết định ban hành quy định	Sô 4768/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1281		H6.06.01.04	Quyết định ban hành Đề án vị trí	Sô 4397/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN
	1282	Bản mô tả vị trí việc làm của Khoa		Ngày 17/02/2020	KYD-ĐHĐN	
	1285		Hướng dẫn về việc đánh giá phân	Sô 1707/QĐ-ĐHĐN	ĐHĐN	
1286		Nghị định sửa đổi, bổ sung 1 số	Sô 48/2023/NĐ-CP	Chính phủ		
1287		Nghị định về đánh giá và phân loại	Sô 56/2015/NĐ-CP	Chính phủ		
1288		Luật sửa đổi, bổ sung 1 số điều của	Sô 52/2019/QH14	Quốc hội		
1289		Nghị định sửa đổi, bổ sung 1 số	Sô 88/2017/NĐ-CP	Chính phủ		
1290		Công văn về việc hướng dẫn đánh	Sô 4454/BGDĐT-TCCB	BGDĐT		

ong.	1291		Hướng dẫn về việc đánh giá, xếp	Số 3374/HD-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1292	H7.07.03.04	Công văn về việc tổ chức thực hiện	Số 1937/ĐHĐN-TCCB	ĐHĐN	
	1293		Công văn về việc triển khai đánh	Số 1313/ĐHĐN-TCCB	ĐHĐN	
	1294		Công văn về việc tổ chức đánh giá,	Số 4923/ĐHĐN-TCCB	ĐHĐN	
	1295		KH đánh giá, xếp loại chất lượng	Số 1452/KH-ĐHĐN	ĐHĐN	
	1296		Công văn về việc đánh giá, xếp	Số 1506/ĐHĐN-TCCB	ĐHĐN	
	1297		KH đánh giá, xếp loại năm học	Năm 2019 - 2023	KYD	
	1298		Biên bản họp đánh giá, xếp loại	Năm 2019 - 2023	KYD	
	1299		Phiếu đánh giá, xếp loại năm học	Năm 2019 - 2023	KYD	
	1300		BC họp đánh giá, xếp loại năm học	Năm 2019 - 2023	KYD	
	1301		H7.07.03.06	Báo cáo đánh giá, xếp loại nhân	Năm 2019 - 2023	KYD
	1302	H7.07.05.03	Danh sách nhân viên được khen	Ngày 11/01/2023	KYD	
	1303	H7.07.05.04	Thông kê các hoạt động NCKH	Ngày 23/4/2024	KYD	
	1304	H7.07.03.05	Bảng tổng hợp kết quả nhân viên	Ngày 12/5/2023	KYD	
	1305	H7.07.05.05	Danh sách nhân viên nâng lương	Ngày 12/05/2023	KYD	
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học						
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.	1306	H5.05.01.01	Đề án tuyển sinh 2018	Ngày 06/07/2018	KYD	
	1307		Đề án tuyển sinh 2019	Ngày 19/03/2019	KYD	
	1308		Đề án tuyển sinh 2020	Ngày 11/05/2020	KYD	
	1309		Đề án tuyển sinh năm 2021	Ngày 23/08/2021	KYD	
	1310		Đề án tuyển sinh năm 2022	Ngày 29/06/2022	KYD	
	1311		Đề án tuyển sinh năm 2023	Ngày 14/07/2023	KYD	
	1312		Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020	BGDĐT	
	1313	H8.08.01.01	Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022	BGDĐT	
	1314		Công văn về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Số 1919/BGDĐT-GDĐH ngày 28/4/2023	BGDĐT	
	1315	H8.08.01.02	Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh đại học hình thức chính quy của Đại học Đà Nẵng	Số 1248/QĐ-ĐHĐN ngày 28/3/2023	ĐNĐN	

1316	H8.08.01.03	Báo cáo hậu kiểm 2018	Số 180/ĐHĐN-KYD ngày 18/10/2018	KYD	
1317		Báo cáo hậu kiểm 2019	Số 148/ĐHĐN-KYD ngày 04/10/2019	KYD	
1318		Báo cáo hậu kiểm năm 2020	Số 272/BC-KYD ngày 18/12/2020	KYD	
1319		Báo cáo hậu kiểm về việc kiểm tra đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh Đại học, hệ chính quy, khóa tuyển 2021	Số 402/BC-KYD ngày 18/11/2021	KYD	
1320		Báo cáo hậu kiểm về việc kiểm tra đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh Đại học, hệ chính quy, khóa tuyển 2022	Số 682/BC-KYD ngày 21/11/2022	KYD	
1321		Báo cáo hậu kiểm về việc kiểm tra đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh Đại học, hệ chính quy, khóa tuyển 2023	Số 710/BC-KYD ngày 23/10/2023	KYD	
1322	H8.08.01.04	Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2018	Ngày 28/12/2018	KYD	
1323		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2019	Ngày 14/01/2020	KYD	
1324		Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh 2017-2020	Số 197/BC-KYD ngày 21/10/2020	KYD	
1325		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2020	Ngày 23/02/2021	KYD	
1326		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2021	Ngày 16/12/2021	KYD	
1327		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2022	Ngày 05/01/2023	KYD	
1328		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2023	Ngày 26/12/2023	KYD	
1329		Kế hoạch tổ chức tư vấn tuyển sinh 2018	Ngày 06/03/2018	KYD	

1330	H8.08.01.05	Kế hoạch tổ chức tư vấn tuyển sinh 2019	Ngày 01/03/2019	KYD	
1331		Kế hoạch tổ chức tư vấn tuyển sinh 2020	Ngày 15/06/2020	KYD	
1332		Kế hoạch tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021 Đại học Đà Nẵng	Số 2231/ĐHĐN-ĐT ngày 16/6/2021	ĐHĐN	
1333		Kế hoạch tổ chức tư vấn tuyển sinh 2021	Số 51/KH-KYD ngày 23/02/2021	KYD	
1334		Kế hoạch tuyển sinh đại học hệ chính quy năm học 2022-2023	Số 485/KH-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
1335		Kế hoạch tuyển sinh đại học hệ chính quy năm học 2023-2024	Số 104/KH-KYD ngày 22/02/2023	KYD	
1336		Chương trình tư vấn tuyển sinh trực tuyến 2023	Năm 2023	KYD	
1337	H8.08.01.06	Trang thông tin tuyển sinh của Khoa năm 2021	Năm 2021	KYD	
1338		Trang thông tin tuyển sinh của Khoa năm 2023	Năm 2023	KYD	
1339	H8.08.01.07	Backdrop	Năm 2018-2024	KYD	
1340		Hình ảnh tư vấn tuyển sinh 2019	Năm 2019	KYD	
1341		Hình ảnh tư vấn tuyển sinh 2020	Năm 2020	KYD	
1342		Hình ảnh tư vấn tuyển sinh 2021	Năm 2021	KYD	
1343		Hình ảnh tư vấn tuyển sinh 2022	Năm 2022	KYD	
1344		Hình ảnh tư vấn tuyển sinh 2023	Năm 2023	KYD	
1345		Hình ảnh tư vấn tuyển sinh 2024	Năm 2024	KYD	
1346		Tờ rơi tuyển sinh Khoa Y - Dược	Năm 2018-2024	KYD	
1347	H8.08.01.08	Quyết định về việc thành lập Tổ tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021	Số 40/QĐ-KYD ngày 05/02/2021	KYD	
1348		Quyết định về việc thành lập Tổ tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2022	Số 95/QĐ-KYD ngày 02/3/2022	KYD	

1349	Quyết định về việc thành lập Tổ thư ký hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2023	Số 334/QĐ-KYD ngày 18/5/2023	KYD	
1350	Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển đợt 1 vào Đại học Đà Nẵng hệ chính quy năm 2018 xét tuyển theo kết quả thi trung học phổ thông quốc gia	Số 2867/QĐ-ĐHĐN ngày 23/8/2018	ĐHĐN	
1351	Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy đợt 1 năm 2019	Số 2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019	ĐHĐN	
1352	Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy đợt bổ sung lần 1 theo kết quả thi trung học phổ thông năm 2019	Số 3128/QĐ-ĐHĐN ngày 23/9/2019	ĐHĐN	
1353	Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2020 xét tuyển theo kết quả thi trung học phổ thông	Số 3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020	ĐHĐN	
1354	Công nhận kết quả xét tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2021 theo phương thức xét tuyển thẳng	Số 2625/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2021	ĐHĐN	

1355	H8.08.01.09	Công nhận học sinh thuộc đối tượng dự bị đại học trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2021	Số 2908/QĐ-ĐHĐN ngày 13/8/2021	ĐHĐN	
1356		Dự kiến số lượng lưu học sinh đăng ký nhập học tại Đại học Đà Nẵng năm học 2021-2022	Số 3156/ĐHĐN-HTQT ngày 15/9/2021	ĐHĐN	
1357		Tiếp nhận lưu học sinh vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy năm 2021	Số 3177/QĐ-ĐHĐN ngày 17/9/2021	ĐHĐN	
1358		Tiếp nhận lưu học sinh vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy năm 2021	Số 3553/QĐ-ĐHĐN ngày 18/10/2021	ĐHĐN	
1359		Công nhận học sinh thuộc đối tượng dự bị đại học trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2022	Số 3671/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2022	ĐHĐN	
1360		Tiếp nhận lưu học sinh vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy năm 2022	Số 4506/QĐ-ĐHĐN ngày 22/11/2022	ĐHĐN	
1361		Tiếp nhận lưu học sinh vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy năm 2022	Số 4634/QĐ-ĐHĐN ngày 30/11/2022	ĐHĐN	
1362		Tiếp nhận lưu học sinh vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy năm 2022	Số 4635/QĐ-ĐHĐN ngày 30/11/2022	ĐHĐN	

1363		Quyết định về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy năm 2023	Số 3539/QĐ-ĐHĐN ngày 23/8/2023	ĐHĐN	
1364	H8.08.01.10	Quyết định về việc công nhận sinh viên nhập học chính thức năm học 2018-2019	Số 187/QĐ-KYD ngày 12/11/2018	KYD	
1365		Quyết định về việc công nhận sinh viên nhập học chính thức năm học 2019-2020	Số 147/QĐ-KYD ngày 04/10/2019	KYD	
1366		Quyết định công nhận sinh viên nhập học chính thức năm học 2020-2021	Số 256/QĐ-KYD ngày 04/12/2020	KYD	
1367		Quyết định công nhận sinh viên nhập học chính thức năm học 2021-2022	Số 317/QĐ-KYD ngày 12/10/2021	KYD	
1368		Quyết định công nhận sinh viên nhập học chính thức năm học 2022-2023	Số 769/QĐ-KYD ngày 30/12/2022	KYD	
1369		Góp ý đề án tuyển sinh năm 2019	Năm 2019	ĐHĐN	
1370	Góp ý đề án tuyển sinh năm 2020	Năm 2020	ĐHĐN		
1371	Xác minh cán bộ cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa Y Dược năm 2021	Năm 2021	ĐHĐN		
1372	Phối hợp, rà soát, xác nhận Đề án tuyển sinh năm 2021	Ngày 18/03/2021	ĐHĐN		
1373	Xác nhận số liệu cơ sở vật chất của đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2022	Ngày 23/06/2021	ĐHĐN		
1374	Góp ý của Ban Đào tạo về đề án tuyển sinh năm 2022	Ngày 21/06/2022	ĐHĐN		

1375	H8.08.01.11	Góp ý đề án tuyển sinh năm 2022	Năm 2022	ĐHĐN	
1376		Phối hợp rà soát, xác nhận Đề án tuyển sinh năm 2022	Ngày 21/06/2022	ĐHĐN	
1377		Xác nhận số liệu cơ sở vật chất của đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2021	Số 25/TCCB ngày 22/6/2022	ĐHĐN	
1378		Phối hợp, rà soát, xác nhận đề án tuyển sinh năm học 2023-2024	Số 14/KHTC ngày 23/3/2023	ĐHĐN	
1379		Xác minh cán bộ cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa Y - Dược	Số 24/TCCB ngày 20/3/2023	ĐHĐN	
1380		Báo cáo công tác tư vấn truyền thông tuyển sinh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm tư vấn, truyền thông tuyển sinh năm 2024	Số 48/BC-CNTTTT&TV ngày 07/12/2023	ĐHĐN	
1381		Xác nhận số liệu cơ sở vật chất của đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2023	Ngày 21/03/2023	ĐHĐN	
1382		H8.08.01.12	Báo cáo kết quả khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2017 (Sau 1 năm tốt nghiệp)	Tháng 11/2018	KYD
1383	Báo cáo kết quả khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018 (Sau 1 năm tốt nghiệp)		Tháng 3/2020	KYD	
1384	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2019		Tháng 10/2020	KYD	
1385	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2020 (Sau 1 năm tốt nghiệp)		Tháng 11/2021	KYD	

	1386		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021 (Sau 1 năm tốt nghiệp)	Số 741/BC-KYD ngày 16/12/2022	KYD	
	1387		Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021	Ngày 16/12/2022	KYD	
	1388		Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2022	Ngày 08/12/2023	KYD	
	1389	H8.08.01.13	Báo cáo và phân tích nhu cầu nhân lực hàng năm	Năm 2018-2022	KYD	
	1390		Biên bản tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai tuyển sinh năm 2019	Ngày 24/12/2019	KYD	
	1391		Biên bản tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai tuyển sinh năm 2020	Ngày 17/12/2020	KYD	
	1392	H8.08.01.14	Biên bản tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai tuyển sinh năm 2021	Ngày 14/12/2021	KYD	
	1393		Biên bản tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai tuyển sinh năm 2022	Ngày 20/12/2022	KYD	
	1394		Biên bản tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai tuyển sinh năm 2023	Ngày 04/01/2024	KYD	
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và	1395	H5.05.01.01		Ngày 06/07/2018	KYD	
	1396		Đề án tuyển sinh 2018	Ngày 19/03/2019	KYD	
	1397		Đề án tuyển sinh 2019	Ngày 11/05/2020	KYD	
			Đề án tuyển sinh 2020			

được đánh giá.	1398		Đề án tuyển sinh năm 2021	Ngày 23/08/2021	KYD	
	1399		Đề án tuyển sinh năm 2022	Ngày 29/06/2022	KYD	
	1400		Đề án tuyển sinh năm 2023	Ngày 14/07/2023	KYD	
	1401	H8.08.01.01	Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020	BGDĐT	
	1402	H8.08.01.01	Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022	BGDĐT	
	1403		Công văn về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Số 1919/BGDĐT-GDĐH ngày 28/4/2023	BGDĐT	
	1404	H8.08.01.02	Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh đại học hình thức chính quy của Đại học Đà Nẵng	Số 1248/QĐ-ĐHĐN ngày 28/3/2023	ĐNĐN	
	1405	H8.08.01.03	Báo cáo hậu kiểm 2018	Số 180/ĐHĐN-KYD ngày 18/10/2018	KYD	
	1406		Báo cáo hậu kiểm 2019	Số 148/ĐHĐN-KYD ngày 04/10/2019	KYD	
	1407		Báo cáo hậu kiểm năm 2020	Số 272/BC-KYD ngày 18/12/2020	KYD	
1408	Báo cáo hậu kiểm về việc kiểm tra đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh Đại học, hệ chính quy, khóa tuyển 2021		Số 402/BC-KYD ngày 18/11/2021	KYD		
1409	Báo cáo hậu kiểm về việc kiểm tra đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh Đại học, hệ chính quy, khóa tuyển 2022		Số 682/BC-KYD ngày 21/11/2022	KYD		

1410		Báo cáo hậu kiểm về việc kiểm tra đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh Đại học, hệ chính quy, khóa tuyển 2023	Số 710/BC-KYD ngày 23/10/2023	KYD	
1411	H8.08.01.04	Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2018	Ngày 28/12/2018	KYD	
1412		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2019	Ngày 14/01/2020	KYD	
1413		Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh 2017-2020	Số 197/BC-KYD ngày 21/10/2020	KYD	
1414		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2020	Ngày 23/02/2021	KYD	
1415		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2021	Ngày 16/12/2021	KYD	
1416		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2022	Ngày 05/01/2023	KYD	
1417		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh năm 2023	Ngày 26/12/2023	KYD	
1418		H8.08.01.06	Trang thông tin tuyển sinh của Khoa năm 2021	Năm 2021	KYD
1419	Trang thông tin tuyển sinh của Khoa năm 2023		Năm 2023	KYD	
1420		Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyệt đợt 1 vào Đại học Đà Nẵng hệ chính quy năm 2018 xét tuyển theo kết quả thi trung học phổ thông quốc gia	Số 2867/QĐ-ĐHĐN ngày 23/8/2018	ĐHĐN	
1421		Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy đợt 1 năm 2019	Số 2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019	ĐHĐN	

1422		Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy đợt bổ sung lần 1 theo kết quả thi trung học phổ thông năm 2019	Số 3128/QĐ-ĐHĐN ngày 23/9/2019	ĐHĐN	
1423		Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2020 xét tuyển theo kết quả thi trung học phổ thông	Số 3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020	ĐHĐN	
1424		Công nhận kết quả xét tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2021 theo phương thức xét tuyển thẳng	Số 2625/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2021	ĐHĐN	
1425	H8.08.01.09	Công nhận học sinh thuộc đối tượng dự bị đại học trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2021	Số 2908/QĐ-ĐHĐN ngày 13/8/2021	ĐHĐN	
1426		Dự kiến số lượng lưu học sinh đăng ký nhập học tại Đại học Đà Nẵng năm học 2021-2022	Số 3156/ĐHĐN-HTQT ngày 15/9/2021	ĐHĐN	
1427		Tiếp nhận lưu học sinh vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy năm 2021	Số 3177/QĐ-ĐHĐN ngày 17/9/2021	ĐHĐN	
1428		Tiếp nhận lưu học sinh vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy năm 2021	Số 3553/QĐ-ĐHĐN ngày 18/10/2021	ĐHĐN	

1429	Công nhận học sinh thuộc đối tượng dự bị đại học trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2022	Số 3671/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2022	ĐHĐN	
1430	Tiếp nhận lưu học sinh vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy năm 2022	Số 4506/QĐ-ĐHĐN ngày 22/11/2022	ĐHĐN	
1431	Tiếp nhận lưu học sinh vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy năm 2022	Số 4634/QĐ-ĐHĐN ngày 30/11/2022	ĐHĐN	
1432	Tiếp nhận lưu học sinh vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy năm 2022	Số 4635/QĐ-ĐHĐN ngày 30/11/2022	ĐHĐN	
1433	Quyết định về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào Đại học Đà Nẵng đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy năm 2023	Số 3539/QĐ-ĐHĐN ngày 23/8/2023	ĐHĐN	
1434	Góp ý đề án tuyển sinh năm 2019	Năm 2019	ĐHĐN	
1435	Góp ý đề án tuyển sinh năm 2020	Năm 2020	ĐHĐN	
1436	Xác minh cán bộ cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa Y Dược năm 2021	Năm 2021	ĐHĐN	
1437	Phối hợp, rà soát, xác nhận Đề án tuyển sinh năm 2021	Ngày 18/03/2021	ĐHĐN	
1438	Xác nhận số liệu cơ sở vật chất của đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2022	Ngày 23/06/2021	ĐHĐN	

1439		Góp ý của Ban Đào tạo về đề án tuyển sinh năm 2022	Ngày 21/06/2022	ĐHĐN	
1440		Góp ý đề án tuyển sinh năm 2022	Năm 2022	ĐHĐN	
1441	H8.08.01.11	Phối hợp rà soát, xác nhận Đề án tuyển sinh năm 2022	Ngày 21/06/2022	ĐHĐN	
1442		Xác nhận số liệu cơ sở vật chất của đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2021	Số 25/TCCB ngày 22/6/2022	ĐHĐN	
1443		Phối hợp, rà soát, xác nhận đề án tuyển sinh năm học 2023-2024	Số 14/KHTC ngày 23/3/2023	ĐHĐN	
1444		Xác minh cán bộ cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa Y - Dược	Số 24/TCCB ngày 20/3/2023	ĐHĐN	
1445		Báo cáo công tác tư vấn tuyển sinh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm tư vấn, truyền thông tuyển sinh năm 2024	Số 48/BC-CNTTTT&TV ngày 07/12/2023	ĐHĐN	
1446		Xác nhận số liệu cơ sở vật chất của đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2023	Ngày 21/03/2023	ĐHĐN	
1447		Biên bản tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai tuyển sinh năm 2019	Ngày 24/12/2019	KYD	
1448		Biên bản tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai tuyển sinh năm 2020	Ngày 17/12/2020	KYD	
1449	H8.08.01.14	Biên bản tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai tuyển sinh năm 2021	Ngày 14/12/2021	KYD	
1450		Biên bản tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai tuyển sinh năm 2022	Ngày 20/12/2022	KYD	

	1451		Biên bản tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai tuyển sinh năm 2023	Ngày 04/01/2024	KYD	
	1452	H8.08.02.01	Biên bản kiểm tra tuyển sinh và đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học; các trường cao đẳng, trung cấp có ngành đào tạo giáo viên; các viện nghiên cứu có đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ	Ngày 10/12/2018	BGDĐT	
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.	1453			Số 3925/QĐ-ĐHĐN ngày 25/06/2013	ĐHĐN	
	1454	H1.01.01.01	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành điều dưỡng 2013			
			Quyết định ban hành Khung chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/08/2017	ĐHĐN	
	1455		Quyết định ban hành Khung chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	1456		Quyết định ban hành Khung chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	1457		Quyết định ban hành Khung chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 29/12/2023	ĐHĐN	
	1458		Quyết định ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007	BGDĐT	

1459	H1.01.01.02	Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/04/2015	BGDĐT	
1460		Thông tư Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021	BGDĐT	
1461		Thông tư ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021	BGDĐT	
1462	H1.01.01.03	Quyết định ban hành Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 3412/QĐ-ĐHĐN ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
1463		Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	
1464		Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/03/2023	ĐHĐN	
1465	H1.01.01.19	Bảng đối sánh chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng với chương trình đào tạo các trường trong nước	Năm 2023	ĐHĐN	

1466	H2.02.01.01	Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/08/2017	ĐHĐN	
1467		Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
1468		Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
1469		Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 29/12/2023	ĐHĐN	
1470	H2.02.01.02	Thông báo áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2020	Số 145/TB-KYD ngày 04/09/2020	KYD	
1471		Thông báo áp dụng chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa cho khóa tuyển sinh năm 2022	Số 445/TB-KYD ngày 04/08/2022	KYD	
1472	H3.03.02.01	Quyết định ban hành Quy định quản lý điểm và đánh giá học phần tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 2176/QĐ-ĐHĐN ngày 30/06/2020	ĐHĐN	
1473	H5.05.03.02	Phần mềm quản lý đào tạo	Năm 2023	KYD	
1474	H5.05.04.03	Cổng thông tin Giảng viên	Năm 2023	KYD	
1475	H5.05.04.04	Cổng thông tin Sinh viên	Năm 2023	KYD	
1476	H5.05.04.08	Biên bản xét học vụ học kỳ I năm học 2018-2019	Ngày 3/20/2019	KYD	
1477		Biên bản xét học vụ học kỳ II năm học 2018-2019	Ngày 11/12/2019	KYD	
1478		Biên bản xét học vụ học kỳ I năm học 2019-2020	Ngày 6/18/2020	KYD	
1479		Biên bản xét học vụ học kỳ II năm học 2019-2020	Ngày 12/07/2020	KYD	
1480		Biên bản xét học vụ học kỳ I năm học 2020-2021	Ngày 05/04/2021	KYD	

1481	11.02.04.00	Biên bản xét học vụ học kỳ II năm học 2020-2021	Ngày 12/10/2021	KYD	
1482		Biên bản xét học vụ học kỳ I năm học 2021-2022	Ngày 04/06/2022	KYD	
1483		Biên bản xét học vụ học kỳ II năm học 2021-2022	Ngày 4/13/2023	KYD	
1484		Biên bản xét học vụ học kỳ I năm học 2022-2023	Ngày 08/03/2023	KYD	
1485		Biên bản xét học vụ học kỳ II năm học 2022-2023	Ngày 11/17/2023	KYD	
1486		Quyết định buộc thôi học năm học 2018-2019	Số 194/QĐ-KYD ngày 31/12/2019	KYD	
1487		Quyết định cảnh báo học vụ học kỳ I năm học 2019-2020	Số 133/QĐ-KYD ngày 23/07/2020	KYD	
1488		Quyết định cảnh báo học vụ học kỳ I năm học 2019-2020	Số 293/QĐ-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
1489		Quyết định buộc thôi học năm học 2019-2020	Số 268/QĐ-KYD ngày 18/12/2020	KYD	
1490	H5.05.04.09	Quyết định cảnh báo kết quả học tập học kỳ I năm học 2020-2021	Số 250/QĐ-KYD ngày 15/08/2021	KYD	
1491		Quyết định buộc thôi học năm học 2020-2021	Số 482/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
1492		Quyết định buộc thôi học học kỳ I năm học 2021-2022	Số 1230/QĐ-ĐHĐN ngày 13/04/2022	ĐHĐN	
1493		Quyết định cảnh báo học tập học kỳ I năm học 2021-2022	Số 524/QĐ-KYD ngày 16/09/2022	KYD	
1494		Quyết định buộc thôi học học kỳ II năm học 2021-2022	Số 1618/QĐ-ĐHĐN ngày 19/04/2023	ĐHĐN	
1495	H7.07.01.05	Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Tổ chức năng Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 560/QĐ-KYD ngày 29/09/2022	KYD	
1496	H8.08.03.01	Bảng phân công nhiệm vụ Tổ Đào tạo	Năm 2021	KYD	

1497	H8.08.03.02	Thông báo về việc phân công nhiệm vụ viên chức thuộc Tổ Công tác Sinh viên	Số 54/TB-CTSV ngày 12/12/2022	CTSV	
1498	H8.08.03.03	Quyết định ban hành Quy định công tác giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 873/QĐ-KYD ngày 28/12/2023	KYD	
1499		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2017-2018	Số 4406/QĐ-ĐHĐN ngày 29/12/2017	ĐHĐN	
1500		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2018-2019	Số 3453/QĐ-ĐHĐN ngày 10/10/2018	ĐHĐN	
1501		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2019-2020	Số 2664/QĐ-ĐHĐN ngày 27/08/2019	ĐHĐN	
1502		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2020-2021	Số 4369/QĐ-ĐHĐN ngày 03/12/2020	ĐHĐN	
1503		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2020-2021	Số 1047/QĐ-ĐHĐN ngày 17/03/2021	ĐHĐN	
1504		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2021-2022	Số 4027/QĐ-KYD ngày 25/11/2021	KYD	
1505		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2021-2022	Số 203/QĐ-ĐHĐN ngày 20/01/2022	KYD	
1506		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2021-2022	Số 388/QĐ-KYD ngày 06/07/2022	KYD	
1507		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2021-2022	Số 389/QĐ-KYD ngày 06/07/2022	KYD	

1508	H8.08.03.04	Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 577/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1509		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 578/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1510		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 579/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1511		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 580/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1512		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 581/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1513		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 582/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1514		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 609/QĐ-KYD ngày 18/09/2023	KYD	
1515		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 631/QĐ-KYD ngày 27/09/2023	KYD	
1516		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 632/QĐ-KYD ngày 27/09/2023	KYD	
1517		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 633/QĐ-KYD ngày 27/09/2023	KYD	
1518	Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 634/QĐ-KYD ngày 27/09/2023	KYD		

1519		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 637/QĐ-KYD ngày 27/09/2023	KYD	
1520	H8.08.03.05	Quyết định ban hành Quy định về tiêu chuẩn, chức năng và nhiệm vụ đối với Ban cán sự lớp của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 447/QĐ-KYD ngày 08/08/2022	KYD	
1521	H8.08.03.06	Bảng điểm toàn khóa lớp 18DDT	Năm 2020	KYD	
1522		Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện toàn khóa lớp DD16	Năm 2020	KYD	
1523		Bảng điểm tích lũy toàn khóa	Năm 2021	KYD	
1524		Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện toàn khóa lớp DD17	Năm 2021	KYD	
1525		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện toàn khóa cho sinh viên các lớp YK16A, YK16B, D17, DD18 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Năm 2022	KYD	
1526		Bảng điểm tích lũy toàn khóa lớp DD17	Năm 2022	KYD	
1527		Bảng điểm tích lũy toàn khóa lớp DD18	Năm 2022	KYD	
1528		Bảng điểm tích lũy toàn khóa 2 lớp DD18	Năm 2022	KYD	
1529		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện toàn khóa cho sinh viên các lớp YK16B, D18, DD18, DD19 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Năm 2023	KYD	
1530		Bảng điểm tổng hợp toàn khóa lớp DD18	Năm 2023	KYD	

1531	H8.08.03.07	Quyết định ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 4021/QĐ-ĐHĐN ngày 25/11/2019	ĐHĐN	
1532		Quyết định ban hành quy định về khóa luận tốt nghiệp đại học của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/06/2019	ĐHĐN	
1533	H8.08.03.08	Quyết định về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về đánh giá khóa luận tốt nghiệp Đại học	Số 2389/QĐ-ĐHĐN ngày 05/07/2022	ĐHĐN	
1534		Quyết định ban hành Quy định thực hiện khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 4211/QĐ-ĐHĐN ngày 01/11/2022	ĐHĐN	
1535	H8.08.03.09	Quyết định ban hành Quy định về tổ chức dạy - học thực tập lâm sàng tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 4009/QĐ-ĐHĐN ngày 12/11/2020	ĐHĐN	
1536		Quyết định ban hành Quy định mức xử lý kỷ luật đối với một số nội dung vi phạm của sinh viên Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 149/QĐ-KYD ngày 08/09/2020	KYD	
1537		Quyết định ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 150/QĐ-KYD ngày 08/09/2020	KYD	
1538		Quyết định ban hành Quy định quản lý nghỉ phép của sinh viên Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 151/QĐ-KYD ngày 08/09/2020	KYD	
1539		Quyết định ban hành Nội quy sinh viên của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 155/QĐ-KYD ngày 16/09/2020	KYD	

1540	H8.08.03.10	Quyết định ban hành Quy định công tác giảng viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 206/QĐ-KYD ngày 16/07/2021	KYD	
1541		Quyết định ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 352/QĐ-KYD ngày 29/10/2021	KYD	
1542		Quyết định ban hành Quy định về xét, cấp học bổng của đơn vị ngoài tài trợ cho sinh viên bậc đại học, hệ chính quy của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 409/QĐ-KYD ngày 26/11/2021	KYD	
1543		Quyết định ban hành Quy định về tiêu chuẩn, chức năng và nhiệm vụ đối với Ban cán sự lớp của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 447/QĐ-KYD ngày 08/08/2022	KYD	
1544		Quyết định ban hành Quy định công tác giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 873/QĐ-KYD ngày 28/12/2023	KYD	

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.	1545	H1.01.01.23	Số tay sinh viên năm học 2018-2019	Năm 2018	KYD	
	1546		Số tay sinh viên năm học 2019-2020	Năm 2019	KYD	
	1547		Số tay sinh viên năm học 2020-2021	Năm 2020	KYD	
	1548		Số tay sinh viên năm học 2021-2022	Năm 2021	KYD	
	1549		Số tay sinh viên năm học 2022-2023	Năm 2022	KYD	
	1550		Số tay sinh viên năm học 2023-2024	Năm 2023	KYD	
	1551			Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân học sinh sinh viên năm học 2017-2018	Số 104/KH-KYD ngày 14/08/2017	KYD
	1552	Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân sinh viên năm học 2018-2019		Số 133/KH-KYD ngày 09/08/2018	KYD	
	1553	Kế hoạch Tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - học sinh sinh viên năm học 2018-2019		Số 2654/KH-ĐHĐN ngày 06/08/2018	ĐHĐN	
	1554	Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân sinh viên năm học 2019-2020		Số 96/KH-KYD ngày 31/07/2019	KYD	

1555	H1.01.03.03	Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân sinh viên năm học 2020-2021	Số 177/KH-KYD ngày 09/10/2020	KYD	
1556		Kế hoạch tổ chức đón tiếp, nhập học cho sinh viên đại học năm 2020	Số 184/KH-KYD ngày 13/10/2020	KYD	
1557		Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2021-2022	Số 295/KH-KYD ngày 05/10/2021	KYD	
1558		Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân giữa khóa năm học 2021-2022	Số 321/KH-KYD ngày 07/06/2022	KYD	
1559		Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân cuối khóa năm học 2021-2022	Số 323/KH-KYD ngày 08/06/2022	KYD	
1560		Kế hoạch Tổ chức đón tiếp nhập học cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2022	Số 557/KH-KYD ngày 28/09/2022	KYD	
1561		Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu khóa năm học 2022-2023	Số 559/KH-KYD ngày 29/09/2022	KYD	
1562		Kế hoạch Gặp mặt sinh viên khóa tuyển sinh năm 2021	Số 67/KH-KYD ngày 17/02/2022	KYD	
1563		Kế hoạch Tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên năm học 2023-2024	Số 582/KH-KYD ngày 08/09/2023	KYD	
1564		Báo cáo tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2017	Năm 2018	KYD	
1565	Báo cáo tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2018	Năm 2020	KYD		
1566	Báo cáo tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2019	Năm 2020	KYD		

1567	H8.08.01.13	Biểu mẫu Báo cáo tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2021	Năm 2021	KYD	
1568		Báo cáo tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2021	Năm 2022	KYD	
1569		Báo cáo tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2022	Năm 2023	KYD	
1570	H8.08.03.03	Quyết định ban hành Quy định công tác giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 873/QĐ-KYD ngày 28/12/2023	KYD	
1571		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2017-2018	Số 4406/QĐ-ĐHĐN ngày 29/12/2017	ĐHĐN	
1572		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2018-2019	Số 3453/QĐ-ĐHĐN ngày 10/10/2018	ĐHĐN	
1573		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2019-2020	Số 2664/QĐ-ĐHĐN ngày 27/08/2019	ĐHĐN	
1574		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2020-2021	Số 4369/QĐ-ĐHĐN ngày 03/12/2020	ĐHĐN	
1575		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2020-2021	Số 1047/QĐ-ĐHĐN ngày 17/03/2021	ĐHĐN	
1576		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2021-2022	Số 4027/QĐ-ĐHĐN ngày 25/11/2021	ĐHĐN	
1577		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2021-2022	Số 203/QĐ-ĐHĐN ngày 20/01/2022	ĐHĐN	

1578		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2021-2022	Số 388/QĐ-KYD ngày 06/07/2022	KYD	
1579		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2021-2022	Số 389/QĐ-KYD ngày 06/07/2022	KYD	
1580		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 577/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1581	H8.08.03.04	Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 578/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1582		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 579/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1583		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 580/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1584		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 581/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1585		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 582/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
1586		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 609/QĐ-KYD ngày 18/09/2023	KYD	
1587		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 631/QĐ-KYD ngày 27/09/2023	KYD	
1588		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 632/QĐ-KYD ngày 27/09/2023	KYD	

1589		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 633/QĐ-KYD ngày 27/09/2023	KYD	
1590		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 634/QĐ-KYD ngày 27/09/2023	KYD	
1591		Quyết định phân công Giảng viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Số 637/QĐ-KYD ngày 27/09/2023	KYD	
1592	H8.08.04.01	Quyết định về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Số 11/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007	Bộ GD&ĐT	
1593	H8.08.04.02	Quyết định ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 352/QĐ-KYD ngày 29/10/2021	KYD	
1594		Hình ảnh Hội trại	Năm 2019	LCĐ KYD	
1595		Hình ảnh Lễ Macchabee	Năm 2019	LCĐ KYD	
1596		Hình ảnh Ngày hội sách	Năm 2019	LCĐ KYD	
1597		Hình ảnh Tiếp đón sinh viên nhập học	Năm 2019	LCĐ KYD	
1598		Hình ảnh chống dịch Covid	Năm 2020	LCĐ KYD	
1599		Hình ảnh Festival khoa học công nghệ	Năm 2020	LCĐ KYD	
1600		Hình ảnh Hiến máu nhân đạo	Năm 2020	LCĐ KYD	
1601		Hình ảnh Ngày chủ nhật xanh	Năm 2020	LCĐ KYD	
1602		Hình ảnh Ngày hội tân sinh viên	Năm 2020	LCĐ KYD	
1603		Hình ảnh Talkshow khởi nghiệp	Năm 2020	LCĐ KYD	
1604		Hình ảnh Hỗ trợ sinh viên 5 tốt	Năm 2021	LCĐ KYD	

1605		Hình ảnh Chương trình hướng nghiệp	Năm 2022	LCĐ KYD	
1606		Hình ảnh Chương trình rung chuông vàng	Năm 2022	LCĐ KYD	
1607		Hình ảnh Cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học	Năm 2022	LCĐ KYD	
1608		Hình ảnh Đào tạo kỹ năng sơ cấp cứu	Năm 2022	LCĐ KYD	
1609		Hình ảnh Giải bóng chuyền	Năm 2022	LCĐ KYD	
1610		Hình ảnh Giải bóng đá	Năm 2022	LCĐ KYD	
1611		Hình ảnh Khám phát thuốc	Năm 2022	LCĐ KYD	
1612		Hình ảnh tham gia hội thao sinh viên	Năm 2022	LCĐ KYD	
1613		Hình ảnh Tình nguyện hè	Năm 2022	LCĐ KYD	
1614	H8.08.04.03	Hình ảnh Tuần sinh hoạt công dân	Năm 2022	LCĐ KYD	
1615		Hình ảnh Vệ sinh sau bão	Năm 2022	LCĐ KYD	
1616		Hình ảnh Chương trình hướng nghiệp cho lưu học sinh	Năm 2023	LCĐ KYD	
1617		Hình ảnh Chương trình hướng nghiệp	Năm 2023	LCĐ KYD	
1618		Hình ảnh Chương trình ở nhà dân	Năm 2023	LCĐ KYD	
1619		Hình ảnh Đối thoại sinh viên	Năm 2023	LCĐ KYD	
1620		Hình ảnh Giải bóng đá	Năm 2023	LCĐ KYD	
1621		Hình ảnh Hội trại	Năm 2023	LCĐ KYD	
1622		Hình ảnh Khám phát thuốc	Năm 2023	LCĐ KYD	
1623		Hình ảnh Lễ Macchabee 2	Năm 2023	LCĐ KYD	
1624		Hình ảnh Lễ Macchabee	Năm 2023	LCĐ KYD	
1625		Hình ảnh ngày hội sách	Năm 2023	LCĐ KYD	
1626		Hình ảnh Ngày hội tân sinh viên	Năm 2023	LCĐ KYD	
1627		Hình ảnh Rửa xe gây quỹ từ thiện	Năm 2023	LCĐ KYD	
1628		Hình ảnh Tết Bunpimay Lào	Năm 2023	LCĐ KYD	
1629		Hình ảnh Tiếp đón nhập học	Năm 2023	LCĐ KYD	
1630		Hình ảnh Tình nguyện hè	Năm 2023	LCĐ KYD	

1631		Hình ảnh Tình nguyện mùa đông yêu thương	Năm 2023	LCĐ KYD	
1632		Hình ảnh Truyền thông dự phòng phơi nhiễm HIV	Năm 2023	LCĐ KYD	
1633		Hình ảnh Tư vấn sức khỏe cộng đồng	Năm 2023	LCĐ KYD	
1634		Hình ảnh Vệ sinh môi trường biển	Năm 2023	LCĐ KYD	
1635		Hình ảnh Xuân tình nguyện	Năm 2023	LCĐ KYD	
1636	H8.08.04.04	Bảng tổng hợp các hoạt động ngoại khóa năm học 2018-2019	Ngày 3/27/2019	LCĐ KYD	
1637		Bảng tổng hợp các hoạt động ngoại khóa năm học 2019-2020	Ngày 7/30/2020	LCĐ KYD	
1638		Bảng tổng hợp các hoạt động ngoại khóa năm học 2020-2021	Ngày 7/30/2021	LCĐ KYD	
1639		Bảng tổng hợp các hoạt động ngoại khóa giai đoạn 2021-2023	Năm 2023	LCĐ KYD	
1640	H8.08.04.05	Báo cáo Tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021-2022	Số 22/BC-ĐTNCQ ngày 25/08/2022	Đoàn CQ ĐHĐN	
1641		Báo cáo Tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2019-2022	Ngày 7/30/2022	LCĐ KYD	
1642		Báo cáo Tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh niên năm học 2022-2023	Ngày 10/24/2023	LCĐ KYD	
1643		Công văn tổ chức hiến máu nhân đạo đợt 2 năm 2019	Số 745/CV-TĐTN ngày 23/09/2019	Đoàn TPĐN	
1644		Kế hoạch tình nguyện hè năm 2020	07/07/2020	LCĐ KYD	
1645		Kế hoạch tổ chức chương trình hướng về Miền Trung 2020	Ngày 10/21/2020	CLB L-Club	
1646		Kế hoạch tổ chức chương trình mùa đông yêu thương 2020	Ngày 12/17/2020	CLB L-Club	

1647		Tổng kết hoạt động CLB MedS	Năm 2020	CLB MedS	
1648		Báo cáo kết quả công tác tổ chức triển khai các hoạt động văn hóa năm học 2020-2021	Số 176/BC-KYD ngày 25/06/2021	KYD	
1649		Chương trình Công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021-2022	Ngày 11/04/2021	LCĐ KYD	
1650		Kế hoạch tổ chức Giải bóng chuyền sinh viên Khoa Y Dược năm 2021	Ngày 3/17/2021	CLB Bóng chuyền	
1651		Kế hoạch tổ chức đại hội lớp - Chi đoàn năm học 2022-2023	Số 02KH/ĐTN ngày 12/10/2022	LCĐ KYD	
1652		Hội nghị ban cán sự lớp, ban chấp hành chi đoàn năm 2022	Số 20/KH-CTSV ngày 06/06/2022	CTSV	
1653		Tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác sinh viên năm học 2021-2022	Số 335/BC-KYD ngày 10/06/2022	KYD	
1654	H8.08.04.06	Chương trình Công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2022-2023	Ngày 08/12/2022	LCĐ KYD	
1655		Kế hoạch tham gia tổ chức Lễ tri ân Macchabee năm 2022	Ngày 12/27/2022	LCĐ KYD	
1656		Kế hoạch tổ chức chương trình chào đón Tân sinh viên năm 2022	Ngày 11/14/2022	LCĐ KYD	
1657		Kế hoạch tổ chức giải bóng đá truyền thống sinh viên Khoa Y - Dược lần thứ VIII-2023	Ngày 2/17/2022	LCĐ KYD	
1658		Kế hoạch triển khai hoạt động ngày chủ nhật xanh	Ngày 3/15/2022	LCĐ KYD	
1659		Báo cáo Tổng kết công tác giáo dục chính trị và công tác sinh viên năm học 2022-2023	Số 387/BC-KYD ngày 09/06/2023	KYD	

1660		Kế hoạch tổ chức hội trại truyền thống Tuổi trẻ cơ quan Đại học Đà Nẵng	Số 39-KH/ĐTNCQ ngày 23/02/2023	Đoàn CQ ĐHDN	
1661		Chương trình hành động chào mừng tháng thanh niên	Ngày 2/17/2023	LCĐ KYD	
1662		Kế hoạch gặp mặt Ban chấp hành, Ban cán sự dịp ngày học sinh sinh viên và báo cáo sinh viên 5 tốt năm học 2021-2022	Ngày 01/06/2023	LCĐ KYD	
1663		Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác sinh viên học kỳ I năm học 2023-2024	Số 27/BC-KYD ngày 09/01/2024	KYD	
1664	H8.08.04.07	Nghị quyết về việc thành lập Câu lạc bộ L-Club trực thuộc Đoàn thanh niên Cơ quan Đại học Đà Nẵng	Số 61/NQ-BTV ngày 09/09/2015	Đoàn CQ ĐHDN	
1665		Nghị quyết về việc thành lập Câu lạc bộ Blouse trắng trực thuộc Liên chi đoàn Khoa Y Dược	Số 91/NQ-BTV ngày 08/01/2016	Đoàn CQ ĐHDN	
1666		Nghị quyết thành lập câu lạc bộ Không gian Y Khoa	Số 34/NQ-BTV ngày 19/09/2019	Đoàn CQ ĐHDN	
1667		Quyết định thành lập câu lạc bộ Bóng chuyền Khoa Y Dược	02QĐ/ĐTNCQ ngày 20/04/2022	Đoàn CQ ĐHDN	
1668		Danh sách thành viên Câu lạc bộ Blouse Trắng	Năm 2021	CLB Blouse Trắng	
1669		Danh sách thành viên Câu lạc bộ MedS năm học 2020-2021	Năm 2021	CLB MedS	
1670		Danh Sách thành viên câu lạc bộ L-CLUB năm học 2020-2021	Năm 2021	CLB L-Club	
1671		Danh sách thành viên câu lạc bộ Medzic	Năm 2021	CLB Medzic	
1672		Quyết định thành lập Câu lạc bộ L-Club	Số 61/NQ-BTV ngày 09/09/2015	Đoàn CQ ĐHDN	

1673		Quyết định thành lập Câu lạc bộ Medzic.doc	Số 10NQ-BTV ngày 16/03/2017	Đoàn CQ ĐHĐN	
1674	H8.08.04.08	Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2018-2019 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2018	KYD	
1675		Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2019-2020 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2019	KYD	
1676		Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2020-2021 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2020	KYD	
1677		Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2021-2022 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2021	KYD	
1678		Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2022-2023 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2022	KYD	
1679		Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2023-2024 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2023	KYD	
1680		H8.08.04.09	Biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác	Ngày 05/11/2016	ĐHĐN
1681	Danh sách các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp tổ chức phối hợp, liên kết trong việc đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng		Ngày 3/28/2022	KYD	
1682	Danh sách đơn vị tham gia Chương trình Tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2022		Ngày 10/03/2022	KYD	
1683	Danh sách đơn vị tham gia Chương trình Tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2023		Ngày 8/31/2023	KYD	
1684	Danh sách cơ sở thực hành năm học 2019-2020		Ngày 12/27/2019	KYD	

1685		Danh sách cơ sở thực hành năm học 2020-2021	Ngày 10/30/2020	KYD	
1686		Danh sách cơ sở thực hành năm học 2021-2022	Ngày 12/22/2021	KYD	
1687		Danh sách cơ sở thực hành năm học 2022-2023	Ngày 8/30/2022	KYD	
1688		Danh sách cơ sở thực hành năm học 2023-2024	Ngày 8/24/2023	KYD	
1689	H8.08.04.10	Kế hoạch Tổ chức chương trình Tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2022	Số 537/KH-KYD ngày 21/09/2022	KYD	
1690		Thông báo Triệu tập và đăng ký sinh viên tham dự chương trình Tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2022	Số 566/TB-KYD ngày 03/10/2022	KYD	
1691		Kế hoạch Tổ chức chương trình Tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2023	Số 552/KH-KYD ngày 24/08/2023	KYD	
1692	H8.08.04.11	Bảng điểm tự chấm bộ tiêu chí đánh giá công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021-2022	Ngày 8/18/2022	Đoàn CQ ĐHĐN	
1693		Bộ tiêu chí đánh giá công tác Đoàn và phong trào thanh niên Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cơ quan Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Ngày 8/14/2023	Đoàn CQ ĐHĐN	
1694		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ học tập và tư vấn việc làm năm học 2018-2019	Năm 2019	KYD	

1695	H8.08.04.12	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ học tập và tư vấn việc làm năm học 2019-2020	Năm 2020	KYD	
1696		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ học tập và tư vấn việc làm năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
1697		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ học tập và tư vấn việc làm năm học 2021-2022	Số 24/BC-CTSV ngày 29/07/2022	CTSV	
1698		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ học tập và tư vấn việc làm năm học 2022-2023	Số 29/BC-CTSV ngày 21/08/2023	CTSV	
1699	H8.08.04.13	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm học 2018-2019	Năm 2019	KYD	
1700		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm học 2019-2020	Năm 2020	KYD	
1701		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	

	1702		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm học 2021-2022	Số 478/BC-KYD ngày 24/08/2022	KYD	
	1703		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm học 2022-2023	Số 528/BC-KYD ngày 16/08/2023	KYD	
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.	1704	H1.01.01.05	Quyết định công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Đại học Đà Nẵng	Số 1628/QĐ-ĐHĐN ngày 31/03/2015	ĐHĐN	
	1705		Quyết định ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2035	Số 1219/QĐ-HĐĐHĐN ngày 17/04/2018	HĐ ĐHĐN	
	1706		Nghị quyết về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	Số 23/NQ-HĐĐH ngày 31/03/2023	ĐHĐN	
	1707	H1.01.01.06	Thông báo Công bố Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 86/TB-KYD ngày 02/07/2014	KYD	
	1708		Quyết định ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 261/QĐ-KYD ngày 30/08/2021	KYD	

1709		Quyết định ban hành chiến lược phát triển của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	Số 293/QĐ-KYD ngày 05/05/2023	KYD	
1710	H2.02.03.04	Kế hoạch Tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên với Lãnh đạo Khoa năm học 2020-2021	Số 296/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
1711		Thông báo tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên với Lãnh đạo Khoa năm học 2020-2021	Số 297/TB-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
1712		Biên bản Tổ chức đối thoại sinh viên với Lãnh đạo Khoa năm học 2020-2021	Ngày 3/31/2021	KYD	
1713		Thông báo triệu tập tham dự Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo Khoa năm học 2022-2023	Số 195/TB-KYD ngày 31/03/2023	KYD	
1714		Thông báo kết luận tại Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo Khoa năm học 2022-2023	Số 247/TB-KYD ngày 17/04/2023	KYD	
1715		Kế hoạch Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo Khoa năm học 2023-2024	Số 706/KH-KYD ngày 17/10/2023	KYD	
1716		Thông báo kết luận của Lãnh đạo Khoa tại Hội nghị Đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo Khoa năm học 2023-2024	Số 768/TB-KYD ngày 13/11/2023	KYD	
1717		Kế hoạch Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo Khoa năm học 2022-2023	Số 80/KH-KYD ngày 16/02/2023	KYD	
1718	H8.08.03.03	Quyết định ban hành Quy định công tác giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 873/QĐ-KYD ngày 28/12/2023	KYD	

1719	H8.08.04.04	Bảng tổng hợp các hoạt động ngoại khóa năm học 2018-2019	Ngày 3/27/2019	LCĐ KYD	
1720		Bảng tổng hợp các hoạt động ngoại khóa năm học 2019-2020	Ngày 7/30/2020	LCĐ KYD	
1721		Bảng tổng hợp các hoạt động ngoại khóa năm học 2020-2021	Ngày 7/30/2021	LCĐ KYD	
1722		Bảng tổng hợp các hoạt động ngoại khóa giai đoạn 2021-2023	Năm 2023	LCĐ KYD	
1723	H8.08.04.08	Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2018-2019 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2018	KYD	
1724		Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2019-2020 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2019	KYD	
1725		Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2020-2021 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2020	KYD	
1726		Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2021-2022 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2021	KYD	
1727		Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2022-2023 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2022	KYD	
1728		Danh sách đăng ký bảo hiểm y tế năm học 2023-2024 ngành Điều dưỡng	Ngày 12/31/2023	KYD	
1729		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm học 2018-2019	Năm 2019	KYD	
1730		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm học 2019-2020	Năm 2020	KYD	

1731	H8.08.04.13	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
1732		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm học 2021-2022	Số 478/BC-KYD ngày 24/08/2022	KYD	
1733		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm học 2022-2023	Số 528/BC-KYD ngày 16/08/2023	KYD	
1734	H8.08.05.01	Quyết định ban hành Nội quy học đường	Số 188/QĐ-KYD ngày 25/12/2019	KYD	
1735		Quyết định ban hành Nội quy sinh viên của Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	155/QĐ-KYD ngày 16/09/2020	KYD	
1736	H8.08.05.02	Quyết định ban hành Quy định về việc ra vào cổng Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 115/QĐ-KYD ngày 30/08/2019	KYD	
1737		Quyết định ban hành Nội quy Cơ quan Khoa Y Dược năm 2019	Số 179/QĐ-KYD ngày 11/12/2019	KYD	
1738		Quyết định ban hành nội quy cơ quan Khoa Y - Dược năm 2022	Số 772/QĐ-KYD ngày 30/12/2022	KYD	
1739	H8.08.05.03	Quyết định ban hành Nội quy hoạt động tại Tòa nhà Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 180/QĐ-KYD ngày 11/12/2019	KYD	
1740		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học về môi trường, sức khỏe, an toàn năm học 2018-2019	Năm 2019	KYD	

1741	H8.08.05.04	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học về môi trường, sức khỏe, an toàn năm học 2019-2020	Năm 2020	KYD	
1742		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học về môi trường, sức khỏe, an toàn năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
1743		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học về môi trường, sức khỏe, an toàn năm học 2021-2022	Số 58/BC-KYD ngày 14/02/2022	KYD	
1744		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học về môi trường, sức khỏe, an toàn năm học 2022-2023	Số 105/BC-KYD ngày 22/02/2023	KYD	
1745	H8.08.05.05	Biên bản nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy Khoa Y - Dược	Ngày 06/07/2022	CATPĐN	
1746		Phương án chữa cháy Khoa Y - Dược	Ngày 6/27/2023	KYD	
1747	H8.08.05.06	Sơ đồ phòng học, làm việc, hội trường	Ngày 9/20/2019	KYD	
1748		Sơ đồ phòng thí nghiệm, thực hành	Ngày 9/21/2019	KYD	
1749		Sơ đồ nhà A - Khoa Y Dược	Năm 2022	KYD	
1750		Sơ đồ nhà A - Khoa Y Dược	Năm 2022	KYD	
1751		Sơ đồ nhà B - Khoa Y Dược	Năm 2022	KYD	
1752		Sơ đồ nhà B - Khoa Y Dược	Năm 2022	KYD	
1753		Công văn hỗ trợ tiếp nhận bố trí Lưu học sinh Lào tại Ký túc xá Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn năm 2021	Số 382/KYD-CTSV ngày 04/11/2021	KYD	

1754		Công văn hỗ trợ tiếp nhận bố trí sinh viên tại Ký túc xá Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật	Số 345/KYD-CTSV ngày 17/06/2022	KYD	
1755		Công văn hỗ trợ Ký túc xá cho sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2022	Số 446/KYD-CTSV ngày 08/08/2022	KYD	
1756		Công văn hỗ trợ tiếp nhận bố trí Lưu học sinh Lào tại Ký túc xá Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn năm 2022	Số 713/KYD-CTSV ngày 06/12/2022	KYD	
1757	H8.08.05.07	Công văn hỗ trợ tiếp nhận bố trí Lưu học sinh Lào tại Ký túc xá Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn năm 2023	Số 223/KYD-CTSV ngày 07/04/2023	KYD	
1758		Công văn hỗ trợ Ký túc xá cho sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2023	Số 513/KYD-CTSV ngày 09/08/2023	KYD	
1759		Công văn hỗ trợ tiếp nhận bố trí Lưu học sinh Lào, Campuchia tại Ký túc xá Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn năm 2023	Số 655/KYD-CTSV ngày 03/10/2023	KYD	
1760		Công văn hỗ trợ bố trí Ký túc xá cho Lưu học sinh Lào và Campuchia trong thời gian xin gia hạn thị thực visa	Số 687/KYD-CTSV ngày 12/10/2023	KYD	
1761		Quyết định ban hành Quy định về xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 63/QĐ-KYD ngày 29/04/2020	KYD	

1762	H8.08.05.08	Quyết định ban hành Quy trình xử lý ngộ độc thực phẩm tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 64/QĐ-KYD ngày 29/04/2020	KYD	
1763		Quyết định ban hành Quy trình phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 65/QĐ-KYD ngày 29/04/2020	KYD	
1764		Quyết định về việc phân công nhiệm vụ tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng năm 2021	Số 1493/QĐ-ĐHĐN ngày 16/04/2021	KYD	
1765		Thông tư Quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Số 33/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021	KYD	
1766		Quyết định về việc phân công nhiệm vụ tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2022	Số 517/QĐ-KYD ngày 14/09/2022	KYD	
1767		Nhật ký phòng y tế.xlsx	Năm 2019-2024	KYD	
1768	H8.08.05.09	Kế hoạch Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2018	Số 212/KH-KYD ngày 25/12/2018	KYD	
1769		Kế hoạch Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2019	Số 196/KH-KYD ngày 31/12/2019	KYD	
1770		Kế hoạch Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2020	Số 299/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
1771		Kế hoạch Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2021	Số 153/KH-KYD ngày 23/03/2022	KYD	
1772		Kế hoạch Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2022	Số 734/KH-KYD ngày 31/12/2022	KYD	

	1773		Kê hoạch Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2023	Số 795/KH-KYD ngày 24/11/2023	KYD	
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị						
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	1774	H7.07.01.06	Báo cáo khảo sát của giảng viên về cơ sở vật chất năm học 2018-2019	Số 09/BC-CSVC ngày 18/11/2019	KYD	
	1775		Báo cáo khảo sát của giảng viên về cơ sở vật chất năm học 2019-2020	Số 15/BC-HCTH ngày 16/11/2020	KYD	
	1776		Báo cáo khảo sát của giảng viên về cơ sở vật chất năm học 2020-2021	Số 07/BC-HCTH ngày 01/11/2021	KYD	
	1777		Báo cáo khảo sát của giảng viên về cơ sở vật chất năm học 2021-2022	Số 497/BC-KYD ngày 24/8/2022	KYD	
	1778		Báo cáo khảo sát của giảng viên về cơ sở vật chất năm học 2022-2023	Số 511/BC-KYD ngày 08/8/2023	KYD	
	1779		Báo cáo khảo sát của sinh viên về cơ sở vật chất năm học 2019-2020	Ngày 26/11/2020	KYD	
	1780		Báo cáo khảo sát của sinh viên về cơ sở vật chất năm học 2020-2021	Ngày 25/11/2021	KYD	

1781		Báo cáo khảo sát của sinh viên về cơ sở vật chất năm học 2021-2022	Số 478/BC-KYD ngày 24/8/2022	KYD	
1782		Báo cáo khảo sát của sinh viên về cơ sở vật chất năm học 2022-2023	Số 528/BC-KYD ngày 16/08/2023	KYD	
1783	H8.08.05.06	Sơ đồ phòng học, làm việc, hội trường	Ngày 20/09/2019	KYD	
1784		Sơ đồ phòng thí nghiệm, thực hành	Ngày 21/09/2019	KYD	
1785		Sơ đồ nhà A - Khoa Y - Dược	Năm 2022	KYD	
1786		Sơ đồ nhà A - Khoa Y - Dược	Năm 2022	KYD	
1787		Sơ đồ nhà B - Khoa Y - Dược	Năm 2022	KYD	
1788		Sơ đồ nhà B - Khoa Y - Dược	Năm 2022	KYD	
1789	H9.09.01.01	Danh mục trang thiết bị chuyên ngành cập nhật giai đoạn 2019-2023	Ngày 29/12/2023	KYD	
1790	H9.09.01.02	Danh mục trang thiết bị tại phòng học, giảng đường giai đoạn 2019-2023	Năm 2019-2023	KYD	
1791	H9.09.01.03	Thông kê diện tích phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và thí nghiệm	Năm 2019-2023	KYD	
1792	H9.09.01.04	Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2019	Ngày 19/09/2019	KYD	
1793		Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2020	Số 12/TTr-KYD ngày 14/01/2020	KYD	
1794		Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2021	Tháng 03/2021	KYD	
1795		Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2022	Ngày 30/03/2022	KYD	
1796		Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2023	Số 448/TTr-KYD ngày 04/7/2023	KYD	

	1797		Báo cáo tài sản cố định năm 2019	Năm 2020	KYD	
	1798		Báo cáo tài sản cố định năm 2020	Năm 2021	KYD	
	1799	H9.09.01.05	Báo cáo tài sản cố định năm 2021	Năm 2022	KYD	
	1800		Báo cáo tài sản cố định năm 2022	Năm 2023	KYD	
	1801		Báo cáo tài sản cố định năm 2023	Tháng 03/2024	KYD	
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	1802	H1.01.02.04	2019_Đề cương chi tiết các HP của CTĐT ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	1803		2021_Đề cương chi tiết các HP của CTĐT ngành Điều dưỡng năm 2021	4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	1804		2023_Đề cương chi tiết các HP của CTĐT ngành Điều dưỡng năm 2023	5655/QĐ-ĐHĐN ngày 29/12/2023	ĐHĐN	
	1805	H9.09.02.01	Sơ đồ bố trí thư viện năm 2019	Năm 2019	KYD	
	1806		Sơ đồ bố trí thư viện năm 2023	Năm 2023	KYD	
	1807	H9.09.02.02	Hình ảnh phòng Thư viện	Năm 2023	KYD	
	1808	H9.09.02.03	Hình ảnh phòng đọc	Năm 2023	KYD	
	1809	H9.09.02.04	Hình ảnh phòng tự học	Năm 2023	KYD	
	1810	H9.09.02.05	Quy định phòng giáo trình tại Thư viện	Số 267/QĐ-KYD ngày 24/4/2023	KYD	
	1811	H9.09.02.06	Quyết định ban hành nội quy thư viện năm 2019	Số 109/QĐ-KYD ngày 20/8/2019	KYD	

1812	H9.09.02.00	Quyết định ban hành nội quy thư viện năm 2023	Số 137/QĐ-KYD ngày 10/3/2023	KYD	
1813	H9.09.02.07	Hướng dẫn sử dụng thư viện	Năm 2023	KYD	
1814	H9.09.02.08	Primo và Aleph	Năm 2023	KYD	
1815	H9.09.02.09	Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Thư viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ và Khoa Y - Dược, ĐHQĐ	Ngày 23/6/2023	KYD	
1816	H9.09.02.10	Danh mục tổng hợp đầu sách Aleph Primo	Năm 2023	KYD	
1817	H9.09.02.11	Cơ sở dữ liệu trực tuyến tại thư viện	Năm 2023	KYD	
1818	H9.09.02.12	Danh mục đầu sách tại thư viện 2022	Năm 2022	KYD	
1819		Danh mục đầu sách tại thư viện 2023	Năm 2023	KYD	
1820		Thông kê danh mục đầu sách tại thư viện năm 2018	Năm 2018	KYD	
1821		Thông kê danh mục đầu sách tại thư viện năm 2019	Năm 2019	KYD	
1822		Thông kê danh mục đầu sách tại thư viện năm 2020	Năm 2020	KYD	
1823		Thông kê danh mục đầu sách tại thư viện năm 2021	Năm 2021	KYD	
1824	H9.09.02.13	Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng sách	Ngày 23/10/2023	KYD	
1825		Biên bản thanh lý hợp đồng mua sách	Ngày 23/10/2023	KYD	
1826		Hợp đồng mua sách	Ngày 19/10/2023	KYD	
1827		Kế hoạch mua đầu sách, tạp chí cho Thư viện năm 2021	Số 04/KH-CNTTTTV ngày 05/4/2021	Tổ CNTT-TT&TV	
1828		Kế hoạch mua đầu sách, tạp chí cho Thư viện năm 2023	Số 123/KH-KYD ngày 03/03/2023	KYD	

1829		Kế hoạch mua đầu sách, tạp chí phục vụ cho giảng viên và sinh viên tại thư viện 2024	Số 80/KH-KYD ngày 31/01/2024	KYD	
1830	H9.09.02.14	Sổ theo dõi bạn đọc năm 2019	Năm 2019	KYD	
1831		Sổ theo dõi bạn đọc năm 2020	Năm 2020	KYD	
1832		Sổ theo dõi bạn đọc năm 2021	Năm 2021	KYD	
1833		Sổ thống kê số lượt ra vào tại thư viện năm 2021-2022	Năm 2021,2022	KYD	
1834		Sổ theo dõi bạn đọc năm 2022	Năm 2022	KYD	
1835		Sổ theo dõi bạn đọc năm 2023	Năm 2023	KYD	
1836		Sổ thống kê bạn đọc sử dụng dịch vụ thư viện năm 2023	Năm 2023	KYD	
1837		H9.09.02.15	Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm 2019	Ngày 28/11/2019	KYD
1838	Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm 2020		Ngày 26/11/2020	KYD	
1839	Báo cáo đánh giá chất lượng phục vụ người đọc tại thư viện năm 2021		Số 05/BC-CNTTTTTV ngày 16/7/2021	Tổ CNTT-TT&TV	
1840	Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm 2021		Ngày 25/11/2021	KYD	
1841	Báo cáo kết quả khảo sát của giảng viên về mức độ đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ năm 2022		Số 479/BC-KYD ngày 24/8/2022	KYD	

	1842		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học năm 2022	Số 464/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
	1843		Báo cáo khảo sát người học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục năm 2022	Số 478/BC-KYD ngày 24/8/2022	KYD	
	1844		Báo cáo kết quả khảo sát của giảng viên về mức độ đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ năm 2023	Số 511/BC-KYD ngày 08/8/2023	KYD	
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	1845	H8.08.05.06		Ngày 20/09/2019	KYD	
			Sơ đồ phòng học, làm việc, hội trường			
	1846		Sơ đồ phòng thí nghiệm, thực hành	Ngày 21/09/2019	KYD	
	1847		Sơ đồ nhà A - Khoa Y - Dược	Năm 2022	KYD	
	1848		Sơ đồ nhà A - Khoa Y - Dược	Năm 2022	KYD	
	1849		Sơ đồ nhà B - Khoa Y - Dược	Năm 2022	KYD	
	1850	Sơ đồ nhà B - Khoa Y - Dược	Năm 2022	KYD		
	1851	H9.09.01.04	Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2019	Ngày 19/09/2019	KYD	
	1852		Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2020	Số 12/TTr-KYD ngày 14/01/2020	KYD	
	1853		Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2021	Tháng 03/2021	KYD	

1854		Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2022	Ngày 30/03/2022	KYD	
1855		Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2023	Số 448/TTr-KYD ngày 04/7/2023	KYD	
1856	H9.09.03.01	Thông kê danh mục TTB của phòng THPTN phục vụ đào tạo và NCKH	Tháng 12/2022	KYD	
1857	H9.09.03.02	Thời khoá biểu có các phòng học sử dụng	2020-2024	KYD	
1858	H4.04.03.06	Số nhật ký theo dõi phòng thực hành điều dưỡng	Năm 2018	KYD	
1859		Số nhật ký theo dõi phòng thực hành điều dưỡng	Năm 2019	KYD	
1860		Số nhật ký theo dõi phòng thực hành điều dưỡng	Năm 2020	KYD	
1861		Số nhật ký theo dõi phòng thực hành điều dưỡng	Năm 2021	KYD	
1862		Số nhật ký theo dõi phòng thực hành điều dưỡng	Năm 2022	KYD	
1863		Số nhật ký theo dõi phòng thực hành điều dưỡng	Năm 2023	KYD	
1864	H9.09.03.03	Nội quy phòng thực hành, thí nghiệm	Số 887/QĐ-KYD ngày 31/12/2023	KYD	
1865		Báo cáo khảo sát của sinh viên về phòng thí nghiệm, thực hành năm học 2018-2019	Ngày 28/11/2019	KYD	
1866		Báo cáo khảo sát của sinh viên về phòng thí nghiệm, thực hành năm học 2019-2020	Ngày 26/11/2020	KYD	
1867		Báo cáo khảo sát của sinh viên về phòng thí nghiệm, thực hành năm học 2020-2021	Ngày 25/11/2021	KYD	

1868		Báo cáo khảo sát của sinh viên về phòng thí nghiệm, thực hành năm học 2021-2022	Số 478/BC-KYD ngày 24/8/2022	KYD	
1869		Báo cáo khảo sát của cán bộ giảng viên về mức độ đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của Khoa Y Dược năm học 2021-2022	Số 479/BC-KYD ngày 24/8/2022	KYD	
1870	H9.09.03.04	Kê hoạch lấy ý kiến khảo sát của người học về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ, hỗ trợ của Khoa Y - Dược năm học 2022-2023	Số 253/KH-KYD ngày 17/4/2023	KYD	
1871		Báo cáo khảo sát của sinh viên về phòng thí nghiệm, thực hành năm học 2022-2023	Số 528/BC-KYD ngày 16/08/2023	KYD	
1872		Kê hoạch khảo sát lấy ý kiến của cán bộ giảng viên về mức độ đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của Khoa Y - Dược năm học 2022-2023	Số 252/KH-KYD ngày 17/4/2023	KYD	
1873		Báo cáo khảo sát của cán bộ giảng viên về mức độ đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của Khoa Y - Dược năm học 2022-2023	Số 511/BC-KYD ngày 08/8/2023	KYD	

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	1874	H9.09.04.01	Danh mục phần cứng phần mềm thiết bị công nghệ thông tin	Năm 2023	Tổ CNTT-TT&TV	
	1875	H9.09.04.02	Đường truyền mạng	Năm 2023	KYD	
	1876	H9.09.04.03	Hình ảnh phòng máy tính	Năm 2023	KYD	
	1877		Quyết định thành lập Tổ CNTT-TT&TV	3688/QĐ-ĐHĐN ngày 02/10/2020	ĐHĐN	
	1878		Kế hoạch phân công công việc Tổ CNTT-TT&TV năm 2020	Ngày 10/11/2020	Tổ CNTT-TT&TV	
	1879	H9.09.04.04	Kế hoạch phân công công việc Tổ CNTT-TT&TV năm 2021	Ngày 30/6/2021	Tổ CNTT-TT&TV	
	1880		Kế hoạch phân công công việc Tổ CNTT-TT&TV năm 2022	3688/QĐ-ĐHĐN ngày 01/8/2021	Tổ CNTT-TT&TV	
	1881		Kế hoạch phân công công việc Tổ CNTT-TT&TV năm 2022	3688/QĐ-ĐHĐN ngày 30/5/2022	Tổ CNTT-TT&TV	
	1882	H9.09.04.05	Minh chứng hệ thống Office 365	Năm 2023	KYD	
	1883	H9.09.04.06	Hợp đồng mua sắm phần mềm quản lý đào tạo theo niên chế và tín chỉ của Khoa Y Dược - ĐHĐN	Số YD02-2020/HĐKT ngày 14/10/2020	KYD	
	1884	H9.09.04.07	Cổng thông tin sinh viên năm 2021	Năm 2021	KYD	
	1885		Cổng thông tin sinh viên năm 2023	Năm 2023	KYD	
	1886	H9.09.04.08	Cổng thông tin giảng viên năm 2021	Năm 2021	KYD	

1887	H9.09.04.08	Cổng thông tin giảng viên năm 2023	Năm 2023	KYD	
1888	H9.09.04.09	Công khảo sát đánh giá	Năm 2023	KYD	
1889	H9.09.04.10	Hệ thống điều hành tác nghiệp	Năm 2023	KYD	
1890	H9.09.04.11	Hệ thống quản lý nhân sự HRM	Năm 2023	KYD	
1891	H9.09.04.12	Hệ thống quản lý tài sản công	Năm 2023	KYD	
1892	H9.09.04.13	Trang thông tin điện tử của Khoa năm 2020	Năm 2020	KYD	
1893		Trang thông tin điện tử của Khoa năm 2023	Năm 2023	KYD	
1894	H9.09.04.14	Hệ thống Elearning	Năm 2023	KYD	
1895	H9.09.04.15	Giao diện trang đào tạo trực tuyến có hướng dẫn liên quan	Năm 2023	KYD	
1896	H9.09.04.16	Trang thông tin điện tử thư viện	Năm 2023	KYD	
1897	H9.09.04.17	Kế hoạch tập huấn UniTeacher	Số 613/KH-KYD ngày 17/10/2022	KYD	
1898		Kế hoạch tập huấn UniStudent Elearning	Số 674/KH-KYD ngày 15/11/2022	KYD	
1899		Kế hoạch tập huấn ứng dụng Unistudent, E-Learning, Office 365 cho sinh viên Khóa	Số 711/KH-KYD ngày 23/10/2023	KYD	
1900		Kế hoạch tập huấn công tác nhập đề thi, NHĐT lên Hệ thống E-learning và hướng dẫn Quy trình coi thi, chấm thi cho cán bộ giảng viên	Số 800/KH-KYD ngày 28/11/2023	KYD	
1901		Hướng dẫn sử dụng công giảng viên UniTeacher	Năm 2023	KYD	
1902		Hướng dẫn sử dụng Elearning	Năm 2023	KYD	
1903		Hướng dẫn sử dụng phần mềm MS Teams cho giảng viên	Năm 2023	KYD	
1904		Hướng dẫn sử dụng phần mềm MS Teams cho sinh viên	Năm 2023	KYD	

1905	H9.09.04.18	Hướng dẫn sử dụng phần mềm Zoom cho giảng viên	Năm 2023	KYD	
1906		Hướng dẫn sử dụng phần mềm Zoom cho sinh viên	Năm 2023	KYD	
1907		Hướng dẫn sử dụng UniFees	Năm 2023	KYD	
1908		Hướng dẫn sử dụng UniMark	Năm 2023	KYD	
1909		Hướng dẫn sử dụng UniPayTrain	Năm 2023	KYD	
1910		Hướng dẫn sử dụng UniStudent	Năm 2023	KYD	
1911		Hướng dẫn sử dụng Unisystem	Năm 2023	KYD	
1912		Hướng dẫn xây dựng ngân hàng câu hỏi trên E-Learning	Năm 2023	KYD	
1913		Hướng dẫn thi tại phòng máy	Năm 2023	KYD	
1914		H9.09.04.19	Sổ theo dõi việc vận hành phòng máy tính năm 2021	Năm 2021	KYD
1915	Sổ theo dõi việc vận hành phòng máy tính năm 2022-2023		Năm 2022,2023	KYD	
1916	Sổ theo dõi bảo dưỡng bảo trì thiết bị CNTT		Năm 2023	KYD	
1917	Sổ theo dõi mượn thiết bị CNTT		Năm 2023	KYD	
1918	Sổ theo dõi thiết bị CNTT		Năm 2023	KYD	
1919	H9.09.04.20		Thông kê thiết bị công nghệ thông tin năm 2019	Năm 2019	KYD
1920		Thông kê thiết bị công nghệ thông tin năm 2020	Năm 2020	KYD	
1921		Thông kê thiết bị công nghệ thông tin năm 2021	Năm 2021	KYD	
1922		Thông kê thiết bị công nghệ thông tin năm 2022	Năm 2022	KYD	
1923		Thông kê thiết bị công nghệ thông tin năm 2023	Năm 2023	KYD	
1924		Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá mức độ phù hợp ứng dụng CNTT đối với sinh viên Khoa Y - Dược năm 2022	Số 04/BC-CNTTTT&TV ngày 09/7/2024	Tổ CNTT-TT&TV	

	1925	H9.09.04.21	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cán bộ, giảng viên về mức độ đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của Khoa Y - Dược năm học 2021-2022	Số 479/BC-KYD ngày 24/8/2022	KYD	
	1926		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cán bộ, giảng viên về mức độ đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của Khoa Y - Dược năm học 2022-2023	Số 511/BC-KYD ngày 08/8/2023	KYD	
	1927		Báo cáo khảo sát đánh giá về mức độ đáp ứng CNTT năm 2024	Số 23/BC-KYD ngày 16/4/2024	KYD	
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	1928	H9.09.05.01	Ban hành Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 63/QĐ-KYD ngày 29/4/2020	KYD	
	1929	H9.09.05.02	Ban hành Quy trình xử lý ngộ độc thực phẩm tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 64/QĐ-KYD ngày 29/4/2020	KYD	
	1930		QĐ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn môi trường, an toàn, sức khỏe tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 783/QĐ-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
	1931	H9.09.05.03	Hình ảnh khu dành cho người khuyết tật	Năm 2023	KYD	

1932	H9.09.05.04	Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp thông thường	Số 90/21/HĐ-RTNHS ngày 01/11/2021	KYD	
1933		Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	Số 155/2022/HĐ-RTSH ngày 07/02/2022	KYD	
1934		Hợp đồng thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	Số 20/23/HĐ-RTNHS ngày 02/01/2023	KYD	
1935		Hợp đồng thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	Số 01-2024/HĐ-RT-NHS ngày 01/01/2024	KYD	
1936	H9.09.05.05	Ban hành Quy trình phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng	Số 64/QĐ-KYD ngày 29/4/2020	KYD	
1937	H9.09.05.06	Thông báo khám sức định kỳ cho cán bộ, viên chức Khoa Y - Dược năm 2021	Số 03/TB-KYD ngày 05/01/2021	KYD	
1938		Thông báo khám sức định kỳ cho cán bộ, viên chức Khoa Y - Dược năm 2022	Số 425/TB-KYD ngày 22/7/2022	KYD	
1939		Thông báo khám sức khỏe định kỳ cho viên chức, người lao động thuộc Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 724/TB-KYD ngày 27/10/2023	KYD	
1940	H8.08.05.09	Kê hoạch tổ chức Khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2018	Số 212/KH-KYD ngày 25/12/2018	KYD	
1941		Kê hoạch tổ chức Khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2019	Số 196/KH-KYD ngày 31/12/2019	KYD	
1942		Kê hoạch tổ chức Khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2020	Số 299/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
1943		Kê hoạch tổ chức Khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2021	Số 153/KH-KYD ngày 23/03/2022	KYD	

1944		Kế hoạch tổ chức Khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2022	Số 734/KH-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
1945		Kế hoạch tổ chức Khám sức khỏe cho sinh viên Khóa tuyển sinh năm 2023	Số 795/KH-KYD ngày 24/11/2023	KYD	
1946	H9.09.05.07	Tăng cường các hoạt động phòng chống dịch bệnh Covid-19	Số 122/KH-KYD ngày 06/5/2021	KYD	
1947		Tập huấn về các biện pháp phòng ngừa dịch Covid-19 tại Khoa Y Dược	Số 137/KH-KYD ngày 14/5/2021	KYD	
1948		Kế hoạch tập huấn chẩn đoán, chăm sóc và điều trị bệnh nhân nghi ngờ, xác định COVID19 trong cơ sở điều trị COVID19 tại Khoa Y Dược	Số 144/KH-KYD ngày 21/5/2021	KYD	
1949		Tập huấn công tác phòng chống dịch COVID-19	Số 157/KH-KYD ngày 03/6/2021	KYD	
1950		Tờ trình Tập huấn CME chuyên đề Quy trình phòng chống dịch Covid-19	Số 18/TTr-ĐT ngày 29/12/2020	KYD	
1951		Kế hoạch tập huấn phòng, chống dịch Covid-19 cho viên chức, người lao động của Khoa Y Dược	Số 239/KH-KYD ngày 10/8/2021	KYD	
1952		Báo cáo kết quả tập huấn phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho viên chức, người lao động của KYD	Số 274/BC-KYD ngày 13/9/2021	KYD	
1953			Kế hoạch công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng năm 2019	Số 213/KH-KYD ngày 25/12/2018	KYD

1954	H9.09.05.08	Kê hoạch công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng năm 2020	Số 197/KH-KYD ngày 31/12/2019	KYD	
1955		Kê hoạch công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng năm 2021	Số 300/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
1956		Kê hoạch công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng năm 2022	Số 488/KH-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
1957		Kê hoạch công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng năm 2023	Số 457/KH-KYD ngày 07/7/2023	KYD	
1958	H9.09.05.09	Báo cáo về việc thực hiện công tác an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2023	Số 746/BC-KYD ngày 03/11/2023	KYD	
1959		Số theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy	Năm 2023	KYD	
1960		Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Ngày 07/11/2023	KYD	
1961	H9.09.05.10	Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ	Số 312/2022/HĐ-DVBV ngày 30/12/2021	KYD	
1962		Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ	Số 3012/2023/HĐ-DVBV ngày 30/12/2022	KYD	
1963			Số 199/BC-KYD ngày 31/12/2019	KYD	

			Báo cáo đánh giá sơ kết thực hiện tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn giai đoạn 2029-2023	Số 302/BC-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
				Số 490/BC-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
				Số 789/BC-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
				Số 888/BC-KYD ngày 31/12/2023	KYD	
	1964	H9.09.05.11	Báo cáo khảo sát của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe, an toàn	Số 16/BC-CTSV ngày 16/7/2021	KYD	
	1965		Báo cáo khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường làm việc	Năm 2019-2023	KYD	
	1966		Báo cáo khảo sát sinh viên về môi trường làm việc	Năm 2019-2023	KYD	
	1967		Báo cáo khảo sát về cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ của giảng viên	Năm 2019-2023	KYD	
	1968		Báo cáo khảo sát về cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ của sinh viên	Năm 2019-2023	KYD	
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng						
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng	1969		Quyết định công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Đại học Đà Nẵng	Số 1628/QĐ-ĐHĐN ngày 31/3/2015	ĐHĐN	
	1970	H1.01.01.05	Quyết định về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2035	Số 1219/QĐ-HĐĐHĐN ngày 17/4/2018	ĐHĐN	

làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.	1971		Nghị quyết về việc ban hành chiến lược phát triển của Đại học Đà Nẵng đến năm 2023 và tầm nhìn đến năm 2025	Số 23/NQ-HĐĐHĐN ngày 28/4/2023	ĐHĐN	
	1972	H10.10.01.01	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 6497/QĐ-ĐHĐN ngày 09/11/2016	ĐHĐN	
	1973		Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 3156/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2022	ĐHĐN	
	1974	H10.10.01.02	Quyết định về việc Ban hành Quy trình khảo sát các bên liên quan	Số 182/QĐ-KYD ngày 01/7/2021	KYD	
	1975	H10.10.01.03	Văn bản về Quá trình thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan	Năm 2018 - 2023	KYD	
	1976	H10.10.01.04	Kênh diễn đàn thu thập thông tin phản hồi	Năm 2023	KYD	
	1977	H10.10.01.05	Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa	Từ năm 2022 đến năm 2023	KYD	
	1978	H10.10.01.06	Thống kê nhu cầu xã hội			
	1979	H10.10.01.07	Báo cáo khảo sát thông tin phản hồi các bên liên quan	Năm 2019 - 2024	KYD	

1980		Tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2022-2023 Khoa Y - Dược	Số 23/KH-KYD ngày 10/01/2023	KYD	
1981		Kế hoạch Rà soát, xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, bản mô tả học phần và đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng	Số 773/KH-KYD ngày 30/12/2022	KYD	
1982	H1.01.01.13	Kế hoạch rà soát chương trình đào tạo Khoa Y - Dược năm 2019	Số 123/KH-KYD ngày 12/9/2019	KYD	
1983		Kế hoạch Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 159/KH-KYD ngày 03/6/2021	KYD	
1984		Kế hoạch điều chỉnh khung chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2021	Số 52/KH-KYD ngày 23/2/2021	KYD	
1985		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Ngày 17/9/2019	KYD	
1986		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 30/9/2021	KYD	
1987	H1.01.01.20	Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Năm 2023	KYD	

	1988		Biên bản họp hướng dẫn hoàn thiện Đề cương chi tiết học phần và xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2022	Năm 2022	KYD	
	1989		Biên bản Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2022	Ngày 25/6/2022	KYD	
	1990	H1.01.01.01	Quyết định về việc cho phép Khoa Y - Dược mở ngành đào tạo Điều dưỡng trình độ Đại học	Số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25/6/2013	ĐHĐN	
	1991		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
	1992		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	1993		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	1994		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và	1995		Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	

phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.	1996	H1.01.01.02	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TTBGDDĐT ngày 16/4/2015	BGDDT	
	1997		Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học	Số 17/2021/TT-BGDDĐT ngày 23/6/2021	BGDDT	
	1998		Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 08/2021/TT-BGDDĐT ngày 18/3/2021	BGDDT	
	1999	H1.01.01.03	Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	
	2000		Quyết định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng	Số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 10/3/2023	ĐHĐN	
	2001		Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN-KYD	ĐHĐN	
	2002	H10.10.01.01	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 6497/QĐ-ĐHĐN ngày 09/11/2016	ĐHĐN	
	2003		Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 3156/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2022	ĐHĐN	

2004		Quyết định Ban hành chuẩn đầu ra trình độ đại học các ngành đào tạo của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 2912/QĐ-ĐHĐN ngày 12/6/2015	ĐHĐN	
2005	H10.10.02.01	Quyết định ban hành Quy trình biên soạn, thẩm định, lựa chọn và sử dụng giáo trình tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 78/QĐ-KYD ngày 23/3/2021	KYD	
2006		Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng kế hoạch đào tạo năm học tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 120/QĐ-KYD ngày 6/5/2021	KYD	
2007		Quyết định ban hành quy trình khảo sát các bên liên quan	Số 182/QĐ-KYD ngày 01/7/2021	KYD	
2008		Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập	Số 408/QĐ-KYD ngày 24/11/2021	KYD	
2009		Kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học năm học 2022-2023	Số 775/KH-KYD ngày 30/12/2022	KYD	
2010	H10.10.02.02	Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi khảo sát của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học	Năm 2023	KYD	
2011		Báo cáo khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học	Năm 2023	KYD	
2012	H10.10.01.03	Văn bản về Quá trình thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan	Năm 2018 - 2023	KYD	
2013	H10.10.01.07	Báo cáo khảo sát thông tin phản hồi các bên liên quan	Năm 2019 - 2024	KYD	

	2014		Tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2022-2023 Khoa Y - Dược	Số 23/KH-KYD ngày 10/01/2023	KYD	
	2015		Kế hoạch Rà soát, xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, bản mô tả học phần và đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng	Số 773/KH-KYD ngày 30/12/2022	KYD	
	2016	H1.01.01.13	Kế hoạch rà soát chương trình đào tạo Khoa Y - Dược năm 2019	Số 123/KH-KYD ngày 12/9/2019	KYD	
	2017		Kế hoạch về việc Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 159/KH-KYD ngày 03/6/2021	KYD	
	2018		Kế hoạch điều chỉnh khung chương trình đào tạo Khoa Y - Dược năm 2021	Số 52/KH-KYD ngày 23/2/2021	KYD	
	2019	H10.10.02.03	Biên bản họp điều chỉnh chuẩn đầu ra ngành điều dưỡng	Năm 2020	KYD	
Tiêu chuẩn 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự	2020		Đề cương chi tiết các học phần năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	2021	H1.01.02.04	Đề cương chi tiết các học phần năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	2022		Đề cương chi tiết các học phần năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	2023		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Ngày 17/9/2019	KYD	
	2024		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Năm 2021	KYD	

tương thích và phù hợp với CDR.	2025	H1.01.01.20	Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Năm 2023	KYD	
	2026		BB họp hướng dẫn hoàn thiện đề cương chi tiết học phần và xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2022	Năm 2022	KYD	
	2027		Biên bản Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2022	Ngày 25/6/2022	KYD	
	2028	H1.01.01.04	Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2013	Số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25/6/2013	ĐHĐN	
	2029		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
	2030		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
	2031		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
	2032		Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
	2033	H10.10.01.06	Thống kê nhu cầu xã hội			
	2034	H10.10.03.01	Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học	Số 408/QĐ-KYD ngày 28/11/2021	KYD	
	2035		Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 147/KH-KYD ngày 03/09/2018	KYD	

2036	H10.10.03.02	Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 123/KH-KYD năm 2019	KYD	Lỗi file kl
2037		Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 159/KH-KYD năm 2021	KYD	
2038	H3.03.01.05	Bảng phân công giảng dạy	Năm 2017 - 2024	KYD	
2039		Số đầu bài lớp Điều dưỡng 18	Năm 2020	KYD	
2040	H10.10.03.03	Số đầu bài lớp Điều dưỡng 19, học kỳ 1, năm học 2022-2023	Năm 2022	KYD	
2041		Số đầu bài lớp Điều dưỡng 19, học kỳ 2, năm học 2022-2023	Năm 2023	KYD	
2042	H10.10.03.04	Quyết định ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 4021/QĐ-ĐHĐN ngày 25/11/2019	ĐHĐN	
2043		Quyết định ban hành quy định tổ chức kiểm tra, đánh giá trực tuyến của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 216/QĐ-KYD ngày 27/7/2021	KYD	
2044		Đề cương chi tiết các học phần năm 2019	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
2045	H1.01.02.04	Đề cương chi tiết các học phần năm 2021	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
2046		Đề cương chi tiết các học phần năm 2023	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
2047	H5.05.01.09	Đề thi kết thúc học phần	Năm 2023	KYD	

2048	H3.03.02.01	Quyết định ban hành Quy định quản lý điểm và đánh giá học phần tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 2176/QĐ-ĐHĐN ngày 30/6/2020	ĐHĐN	
2049	H5.05.03.02	Phần mềm quản lý đào tạo	Năm 2023	KYD	
2050	H10.10.01.02	Quyết định ban hành Quy trình khảo sát các bên liên quan	Số 182/QĐ-KYD ngày 01/07/2021	KYD	
2051	H10.10.03.05	Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2020-2021	Số 294/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
2052		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2021-2022	Số 29/KH-KYD ngày 24/01/2022	KYD	
2053		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2022-2023	Số 23/KH-KYD ngày 10/01/2023	KYD	
2054		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2023-2024	Số 700/KH-KYD ngày 16/10/2023		
2055	H10.10.03.06	Phiếu khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2021-2022	Năm 2022	KYD	
2056		Phiếu khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2022-2023	Năm 2023	KYD	
2057		Phiếu khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của giảng viên năm học 2021-2022	Năm 2022	KYD	
2058		Phiếu khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của giảng viên năm học 2022-2023	Năm 2023	KYD	

2059		Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, chất lượng phục vụ và hoạt động giảng dạy, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tâm lý và xã hội tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2019-2020	Năm 2020	KYD	
2060		Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, chất lượng phục vụ và hoạt động giảng dạy, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tâm lý và xã hội tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
2061		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của giảng viên năm học 2021-2022	Số 467/KH-KYD ngày 19/8/2022	KYD	
2062	H10.10.03.07	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của giảng viên năm học 2022-2023	Năm 2023	KYD	
2063		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra và đánh giá kết quả học tập người học của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2023-2024	Số 306/BC-KYD ngày 02/5/2024	KYD	

2064		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2021-2022	Số 336/KH-KYD ngày 13/6/2022	KYD	
2065		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2022-2023	Số 374/KH-KYD ngày 31/5/2023	KYD	
2066		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2023-2024	Số 05/BC-ĐT ngày 11/01/2024	KYD	
2067	H05.05.04.07	Biên bản họp lớp Điều dưỡng 14	Năm 2018	KYD	
2068		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 15	Năm 2015	KYD	
2069		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 16	Năm 2017	KYD	
2070		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 17	Năm 2018	KYD	
2071		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 18	Năm 2019	KYD	
2072		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 19	Năm 2021	KYD	
2073		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 20	Năm 2022	KYD	
2074		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 21	Năm 2022	KYD	
2075		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 22	Năm 2022	KYD	
2076		Kế hoạch tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên với lãnh đạo khoa năm học 2020-2021	Số 296/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
2077		Thông báo về việc tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên với lãnh đạo khoa năm học 2020-2021	Số 297/TB-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
2078		Biên bản tổ chức đối thoại sinh viên với lãnh đạo khoa năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
2079		Kế hoạch Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo Khoa năm học 2022-2023	Số 80/KH-KYD ngày 16/02/2023	KYD	

2080	H2.02.03.04	Thông báo về việc tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên và lãnh đạo khoa năm học 2022-2023	Số 195/TB-KYD ngày 31/3/2023	KYD	
2081		Kết luận của Trường khoa tại chương trình Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Số 247/TB-KYD ngày 17/4/2023	KYD	
2082		Kế hoạch Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo Khoa năm học 2023-2024	Số 706/KH-KYD ngày 17/10/2023	KYD	
2083		Thông báo Kết luận của Lãnh đạo Khoa tại Hội nghị đối thoại giữa Sinh viên và Lãnh đạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2023-2024	Số 768/TB-KYD ngày 13/11/2023	KYD	
2084	H10.10.03.08	Báo cáo đánh giá sự tương thích, phù hợp giữa phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo năm 2019	Năm 2019	KYD	
2085		Báo cáo đánh giá sự tương thích, phù hợp giữa phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo năm 2021	Năm 2021	KYD	
2086		Báo cáo đánh giá sự tương thích, phù hợp giữa phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo năm 2023	Năm 2023	KYD	

2087	H1.01.01.20	Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Ngày 17/9/2019	KYD	
2088		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 30/9/2021	KYD	
2089		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Năm 2022	KYD	
2090		BB họp hướng dẫn hoàn thiện đề cương chi tiết học phần và xây dựng bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2022	Năm 2022	KYD	
2091		Biên bản Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2022	Ngày 25/6/2022	KYD	
2092	H1.01.01.22	Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2018-2019	Ngày 20/6/2019	KYD	
2093		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2019-2020	Ngày 15/03/2020	KYD	
2094		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2020-2021	Ngày 25/6/2021	KYD	
2095		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2021-2022	Ngày 22/11/2022	KYD	

	2096		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược năm học 2022-2023		KYD	
Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.	2097	H10.10.04.01	Quyết định ban hành chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Đại học Đà Nẵng	Số 2468/QĐ-ĐHĐN ngày 22/5/2015	ĐHĐN	
	2098	H10.10.04.02	Nghị định Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học	Số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014	Chính phủ	
	2099		Quyết định về việc Ban hành Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Đại học Đà Nẵng	Số 1826/QĐ-ĐHĐN ngày 31/5/2018	ĐHĐN	
	2100		Quyết định Ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại Đại học Đà Nẵng	Số 4766/QĐ-ĐHĐN ngày 28/12/2020	ĐHĐN	
	2101		Quyết định về việc điều chỉnh Quy định khối lượng giờ thực hiện nghiên cứu khoa học trong Quy chế chi tiêu nội bộ Đại học Đà Nẵng	Số 4043/QĐ-ĐHĐN ngày 06/8/2015	ĐHĐN	
	2102		Quyết định Phê duyệt Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở của Đại học Đà Nẵng	Số 4031/QĐ-ĐHĐN- KHCNMT ngày 06/8/2015	ĐHĐN	
	2103		Thông báo đề xuất đề tài các cấp các năm	Năm 2019 - 2021	ĐHĐN	
	2104			Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện hoạt động khoa học công nghệ 5 năm 2016-2020	Số 98/CV-KYD ngày 11/6/2020	KYD

2105	H10.10.04.03	Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đề xuất kế hoạch nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2022	Số 160/KYD-KH&HTQT ngày 07/6/2021	KYD	
2106		Báo cáo Xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học công nghệ năm 2023	Số 291/2023/BC-KYD	KYD	
2107		Danh sách hoạt động khoa học công nghệ của Giảng viên	Năm 2019 - 2024	KYD	
2108	H10.10.04.04	Quyết định về việc công nhận sáng kiến cấp cơ sở của Cơ quan Đại học Đà Nẵng năm 2022	Số 2199/QĐ-ĐHĐN ngày 14/6/2021	ĐHĐN	
2109		Hình ảnh các báo cáo nghiên cứu khoa học được lưu trữ và tham khảo tại thư viện và phòng đọc	Năm 2023	KYD	
2110	H6.06.07.02	Kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo, seminar	Năm 2016 - 2023	KYD	
2111	H6.06.07.05	Các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên	Năm 2018 - 2023	KYD	
2112		Kế hoạch tập huấn UniTeacher	Số 613/KH-KYD ngày 17/10/2022	KYD	
2113		Kế hoạch tập huấn UniStudent Elearning	Số 674/KH-KYD ngày 15/11/2022	KYD	
2114	H9.09.04.17	Kế hoạch tập huấn ứng dụng Unistudent, E-Learning, Office 365 cho sinh viên Khóa 2023	Số 711/KH-KYD ngày 23/10/2023	KYD	
2115		Kế hoạch Tập huấn công tác nhập đề thi, ngân hàng đề thi lên Hệ thống E - learning và hướng dẫn Quy trình coi thi, chấm thi cho cán bộ giảng viên	Số 800/KH-KYD ngày 28/11/2023	KYD	

	2116		Kế hoạch tổ chức xét tặng giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Đại học Đà Nẵng năm học 2020 - 2021	Số 4390/KH-ĐHĐN ngày 4/12/2020	ĐHĐN	
	2117	H10.10.04.05	Kế hoạch tổ chức xét tặng giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Đại học Đà Nẵng năm học 2019 - 2020	Số 926/KH-ĐHĐN ngày 13/7/2020	ĐHĐN	
	2118		Kế hoạch tổ chức cuộc thi "Sinh viên nghiên cứu khoa học Khoa Y - Dược" lần thứ 1 năm 2022	Số 267/KH-KYD ngày 06/5/2022	KYD	
	2119		Kế hoạch tổ chức cuộc thi "Sinh viên nghiên cứu khoa học Khoa Y - Dược" lần thứ 2 năm 2023	Số 226/KH-KYD ngày 10/4/2023	KYD	
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	2120		Quyết định công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Đại học Đà Nẵng	Số 1628/QĐ-ĐHĐN ngày 31/3/2015	ĐHĐN	
	2121	H1.01.01.05	Quyết định về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2035	Số 1219/QĐ-ĐHĐN ngày 17/4/2021	ĐHĐN	
	2122		Nghị quyết về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2023 và tầm nhìn đến năm 2045	Số 23/NQ-HĐĐH ngày 28/4/2023	ĐHĐN	
	2123		Quyết định xét cấp học bổng ngoài ngân sách cho sinh viên	Số 409/QĐ-KYD ngày 26/11/2021	KYD	
	2124		Thông báo Nhân hồ sơ xét học bổng Sungroup	Số 13/TB-CTSV ngày 22/4/2022	KYD	
	2125		Thông báo Nhận hồ sơ xét học bổng Vu A Dinh	Số 240/TB-KYD ngày 28/4/2022	KYD	
	2126		Thông báo triển khai học bổng của công ty yakult Việt Nam	Số 34/TB-CTSV ngày 06/9/ 2022	KYD	

2127	H10.10.05.01	Thông báo triển khai xét học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	Số 44/TB-CTSV ngày 26/10/2022	KYD	
2128		Thông báo Triển khai xét học bổng của công ty máy tính Kim Anh	Số 47/TB-CTSV ngày 03/11/2022	KYD	
2129		Kế hoạch Tổ chức chương trình tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2022	Số 537/KH-KYD ngày 21/9/2022	KYD	
2130		Kế hoạch Khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan năm học 2021 - 2022	Số 29/KH-KYD ngày 24/01/2022	KYD	
2131	H10.10.05.02	Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ của Khoa Y - Dược, năm học 2021-2022	Số 330/KH-KYD ngày 09/6/2022	KYD	
2132		Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của Khoa Y - Dược, năm học 2021-2022	Số 439/KH-KYD ngày 01/8/2022	KYD	
2133		Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá mức độ phù hợp ứng dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên Khoa Y Dược	Số 04/BC-CNTTTT&TV ngày 09/9/2021	KYD	
2134		Báo cáo khảo sát hỗ trợ học tập và tư vấn việc làm	Số 13/BC-CTSV ngày 16/7/2021	KYD	
2135		Báo cáo khảo sát môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan	Số 14/BC-CTSV ngày 16/7/2021	KYD	
2136		Báo cáo Khảo sát phòng TNTH và TTB	Số 15/BC-CTSV ngày 16/7/2021	KYD	
2137		Báo cáo khảo sát môi trường, sức khỏe và an toàn	Số 16/BC-CTSV ngày 16/7/2021	KYD	

2138	H10.10.05.03	Báo cáo khảo sát sinh viên ngành Điều dưỡng về chất lượng đào tạo	Ngày 20/6/2021	KYD	
2139		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021 - 2022	Số 336/BC-KYD ngày 01/6/2022	KYD	
2140		Khảo sát sinh viên về chất lượng phục vụ và hỗ trợ	Số 478/BC-KYD ngày 24/8/2022	KYD	
2141		Kết quả khảo sát ý kiến của cán bộ giảng viên về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất	Số 479/BC-KYD ngày 24/8/2022	KYD	
2142		Báo cáo chi tiết tài sản cố định của đơn vị	Năm 2019	KYD	
2143		Báo cáo chi tiết tài sản cố định của đơn vị	Năm 2020	KYD	
2144	H10.10.05.04	Báo cáo tài sản cố định năm 2021 của Khoa Y Dược	Ngày 22/4/2022	KYD	
2145		Báo cáo tài sản cố định năm 2022	Ngày 31/3/2023	KYD	
2146		Danh mục trang thiết bị chuyên ngành dược đầu tư theo từng Dự án Y Dưỡng năm 2018	Năm 2019	KYD	
2147		Kế hoạch đầu tư sửa chữa, mua sắm thường xuyên năm 2018	Ngày 27/8/2018	KYD	
2148		Biên bản bàn giao lắp đặt thiết bị	Năm 2019	KYD	
2149		Kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa hàng năm được Giám đốc Đại học Đà Nẵng phê duyệt năm 2019	Số 130/KH-KYD ngày 19/9/2019	KYD	
2150	H10.10.05.05	Danh mục trang thiết bị chuyên ngành dược đầu tư theo từng Dự án Y Dược năm 2020	Số YD2020/HĐKT-2020 ngày 05/10/2020	ĐHĐN	

2151		Hợp đồng mua sắm bổ sung trang thiết bị	Số YD2020/HĐKT-2020 ngày 05/10/2020	ĐHĐN	
2152		Hợp đồng mua sắm phần mềm quản lý đào tạo theo niên chế và tín chỉ của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số YD02-2020/HĐKT ngày 14/10/2020	ĐHĐN	
2153		Biên bản bàn giao lắp đặt và Hướng dẫn sử dụng Dự án đầu tư các công trình cấp thiết cho ĐHĐN tại Hòa Quý Điện Ngọc	Năm 2022	KYD	
2154		Quyết định về việc thành lập Trung tâm Thí nghiệm và Tiền lâm sàng thuộc Khoa Y Dược	Số 1845/QĐ-ĐHĐN ngày 17/5/2021	ĐHĐN	
2155		Hình ảnh Trung tâm thí nghiệm tiền lâm sàng	Năm 2023	KYD	
2156	H10.10.05.06	Hình ảnh Trung tâm thí nghiệm tiền lâm sàng 2	Năm 2023	KYD	
2157		Hình ảnh Trung tâm thí nghiệm tiền lâm sàng	Năm 2023	KYD	
2158		Quy chế tổ chức hoạt động Trung tâm thí nghiệm tiền lâm sàng	Số 242/QĐ-KYD ngày 14/4/2023	KYD	
2159		Thông báo mua đầu sách Khoa Y - Dược	Số 101/TB-KYD ngày 14 /4/2021	KYD	
2160	H10.10.05.07	Mạng thư viện Đại học Đà Nẵng Alnet	Năm 2023	ĐHĐN	
2161		Sơ đồ thư viện Khoa Y - Dược	Năm 2023	KYD	
2162		Sổ theo dõi Thư viện	Năm 2023	KYD	
2163		Công thông tin giảng viên	Năm 2023	KYD	
2164		Hệ thống Quản lý đề thi và Tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính	Năm 2023	KYD	
2165		Hình ảnh phòng Thư viện	Năm 2023	KYD	
2166		Hình ảnh phòng thực hành tin	Năm 2023	KYD	

2167	H10.10.05.08	Hướng dẫn sử dụng phần mềm Microsoft Teams cho giảng viên	Năm 2023	KYD		
2168		Hướng dẫn sử dụng phần mềm Microsoft Teams cho sinh viên	Năm 2023	KYD		
2169		Hướng dẫn sử dụng phần mềm Zoom cho giảng viên	Năm 2023	KYD		
2170		Hướng dẫn sử dụng phần mềm Zoom cho sinh viên	Năm 2023	KYD		
2171		Kế hoạch tập huấn UniStudent Elearning	Số 637/KH-KYD ngày 15/11/2022	KYD		
2172		Kế hoạch tập huấn UniTeacher	Số 613/KH-KYD ngày 17/10/2022	KYD		
2173		Phần mềm quản lý đào tạo sinh viên	Năm 2023	KYD		
2174		Sổ nhật ký sử dụng phòng thực hành máy vi tính - phòng lab	Năm 2019	KYD		
2175		Sổ theo dõi bảo dưỡng bảo trì thiết bị công nghệ thông tin	Năm 2022	KYD		
2176		Sổ theo dõi thiết bị công nghệ thông tin	Năm 2022	KYD		
2177		Sổ theo dõi vận hành phòng máy tính	Năm 2022	KYD		
2178		H10.10.05.09	Sổ Nhật Ký theo dõi hoạt động giảng dạy thí nghiệm-thực hành tại phòng thực hành điều dưỡng	Năm 2021	KYD	
2179			Sổ Nhật Ký theo dõi hoạt động giảng dạy thí nghiệm-thực hành tại phòng thực hành điều dưỡng	Năm 2021	KYD	
2180			Hình ảnh phòng thực hành điều dưỡng	Năm 2023	KYD	
2181		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 13	Ngày 22/6/2017	KYD		
2182		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 14	Ngày 04/4/2018	KYD		
2183		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 15	Ngày 09/9/2015	KYD		
2184		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 16	Ngày 06/01/2017	KYD		

		2185		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 17	Ngày 10/3/2018	KYD	
		2186	H10.10.05.10	Biên bản họp lớp Điều dưỡng 18	Ngày 02/01/2019	KYD	
		2187		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 19	Ngày 29/6/2021	KYD	
		2188		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 20	Ngày 15/6/2022	KYD	
		2189		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 21	Ngày 14/6/2022	KYD	
		2190		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 22	Ngày 15/4/2023	KYD	
		2191		Quyết định phân công cán bộ y tế học đường	Số 1493/QĐ-ĐHĐN ngày 16/4/2021	ĐHĐN	
		2192		H10.10.05.11	Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa năm học 2020-2021	Số 296/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD
		2193	Thông báo tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa năm học 2020-2021		Số 297/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
		2194	Biên bản Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa năm 2021		Ngày 09/01/2021	KYD	
		2195	Thông báo triệu tập tham dự Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023		Số 195/TB-KYD ngày 31/3/2023	KYD	
		2196	Kết luận của Trường khoa tại chương trình Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023 ngày 05.4.2023		Số 195/TB-KYD ngày 17/4/2023	KYD	
		2197	Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với Lãnh đạo Khoa năm học 2022-2023		Số 80/KH-KYD ngày 16/02/2023	KYD	
Tiêu chí 10.6. Cơ		2198	H10.10.01.02	Quyết định ban hành Quy trình khảo sát các bên liên quan	Số 182/QĐ-KYD ngày 11/7/2021	ĐHĐN	

chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.	2199	H10.10.01.01	Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 6497/QĐ-ĐHĐN ngày 09/11/2016	ĐHĐN	
	2200		Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 3156/QĐ-ĐHĐN ngày 25/8/2022	ĐHĐN	
	2201	H5.05.01.11	Quyết định thành lập Tổ Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục thuộc Khoa Y - ĐHĐN	Số 4327/QĐ-ĐHĐN ngày 20/8/2015	ĐHĐN	
	2202		Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Tổ chức năng Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 560/QĐ-KYD ngày 29/09/2022	KYD	
	2203	H10.10.06.01	Khảo sát sinh viên về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Năm 2018 - 2023	KYD	
	2204		Khảo sát sinh viên về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023	Năm 2018 - 2023	KYD	
	2205		Khảo sát sinh viên năm cuối về chất lượng khóa học năm học 2021-2022, 2022-2023	Năm 2021 - 2023	KYD	
	2206		Khảo sát sinh viên về chương trình đào tạo từ năm học 2021-2022 đến 2023-2024	Năm 2021 - 2024	KYD	
2207	Khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên từ năm học 2021-2022 đến 2023-2024		Năm 2021 - 2024	KYD		

2208		Khảo sát sinh viên về hoạt động kiểm tra và đánh giá kết quả học tập người học của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023	Năm 2021 - 2023	KYD	
2209		Khảo sát sinh viên về môi trường làm việc, an toàn, sức khỏe từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023	Năm 2018 - 2023	KYD	
2210	H5.05.04.07	Biên bản họp lớp Điều dưỡng 13-Điều dưỡng 22	Năm 2017 - 2023	KYD	
2211		Kế hoạch tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên với lãnh đạo khoa năm học 2020-2021	Số 296/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
2212		Thông báo về việc tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với Lãnh đạo Khoa năm học 2020-2021	Số 297/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
2213		Biên bản Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm 2021	Năm 2021	KYD	
2214		Thông báo triệu tập tham dự Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023	Số 195/TB-KYD ngày 31/3/2023	KYD	
2215	H2.02.03.04	Kết luận của Trường khoa tại chương trình Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023 ngày 05.4.2023	Số 247/TB-KYD ngày 17/4/2023	KYD	

2216		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa năm học 2022-2023	Số 80/KH-KYD ngày 16/02/2023	KYD	
2217		Thông báo về việc triệu tập tham dự Hội nghị đối thoại giữa Sinh viên và Lãnh đạo Khoa Y - Dược năm học 2022-2023	Số 195/TB-KYD ngày 31/3/2023	KYD	
2218		Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo khoa năm học 2023-2024	Số 706/KH-KYD ngày 17/10/2023	KYD	
2219		Kết luận của Lãnh đạo Khoa tại Hội nghị Đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo khoa năm học 2023-2024	Số 768/TB-KYD ngày 13/11/2023	KYD	
2220		Khảo sát cán bộ giảng viên về cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ năm học 2021-2022, 2022-2023	Năm 2021 - 2023	KYD	
2221	H10.10.06.02	Khảo sát cán bộ giảng viên về chương trình đào tạo từ năm học 2021-2022 đến 2023-2024	Năm 2021 - 2023	KYD	
2222		Khảo sát cán bộ giảng viên về môi trường làm việc, an toàn, sức khỏe từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023	Năm 2018 - 2023	KYD	
2223		Biên bản họp Bộ môn Điều dưỡng vv cập nhật, điều chỉnh và hoàn thiện Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2022	Ngày 30/5/2022	KYD	

2224	H1.01.01.20	Biên bản họp hướng dẫn hoàn thiện đề cương chi tiết học phần và xây dựng Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Cử nhân điều dưỡng năm 2022	Ngày 07/6/2022	KYD	
2225		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2019	Ngày 17/9/2019	KYD	
2226		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2021	Ngày 30/9/2021	KYD	
2227		Biên bản họp Tiểu ban rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2023	Năm 2023	KYD	
2228	H1.01.01.21	Biên bản họp Hội đồng Khoa	Ngày 05/11/2019	KYD	
2229		Biên bản họp hội đồng khoa	Ngày 06/12/2019	KYD	
2230		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo	Ngày 19/6/2020	KYD	
2231		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo	Ngày 04/8/2021	KYD	
2232		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo	Ngày 16/03/2022	KYD	
2233		Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo	Ngày 27/12/2023	KYD	
2234		Biên bản hội nghị cán bộ công chức viên chức Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Ngày 28/11/2022	KYD	
2235		Thông báo liên tịch về việc tham dự Hội nghị cán bộ viên chức năm học 2023-2024	Số 697/TBLT-KYD ngày 16/10/2023	KYD	

2236	H10.10.06.03	Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2023-2024	Số 734/NQ-KYD ngày 30/10/2023	KYD	
2237		Biên bản hội nghị cán bộ viên chức năm học 2023-2024	Ngày 20/11/2023	KYD	
2238		Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Năm 2023	KYD	
2239		Kế hoạch Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về bản mô tả chương trình đào tạo ngành Cử nhân Điều dưỡng năm 2022	Số 349/KH-KYD ngày 20/6/2022	KYD	
2240	H10.10.06.04	Biên bản hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng	Năm 2022	KYD	
2241		Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2021 - 2022	Số 462/BC-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
2242		Kế hoạch về việc cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục năm học 2022-2023	Số 640/KH-KYD ngày 31/10/2022	KYD	
2243	H10.10.06.05	Bản tổng hợp các nội dung cần cải tiến dựa vào khảo sát các bên liên quan năm học 2021-2022	Ngày 14/12/2022	KYD	
2244		Bản tổng hợp các nội dung cần cải tiến dựa vào khảo sát các bên liên quan năm học 2022-2023	Năm 2023	KYD	
2245		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành điều dưỡng	Số 3925/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 25/6/2013	ĐHĐN	
2246		Quyết Định ban hành Khung chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng 2017	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	

2247	H1.01.01.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo, cập nhật bổ sung trình độ đại học của Khoa Y - Dược	Số 4254/QĐ-ĐHĐN ngày 11/12/2019	ĐHĐN	
2248		Quyết định ban hành chương trình đào tạo, cập nhật bổ sung trình độ đại học của Khoa Y - Dược	Số 4427/QĐ-ĐHĐN ngày 27/12/2021	ĐHĐN	
2249		Quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trình độ đại học của Khoa Y - Dược	Số 5655/QĐ-ĐHĐN ngày 26/12/2023	ĐHĐN	
2250	H10.10.06.06	Khảo sát cựu sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2021-2022, 2023-2024	Năm 2021-2024	KYD	
2251		Khảo sát cựu sinh viên về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2022, 2023	Năm 2022, 2023	KYD	
2252		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021-2022	Số 247/BC-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
2253		Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan 2021-2022 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 29/KH-KYD ngày 24/01/2022	KYD	
2254		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo các ngành Y khoa Điều dưỡng Răng hàm mặt và Dược của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021-2022	Số 51/KH-KYD ngày 10/02/2022	KYD	

2255	H10.10.06.07	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	
2256		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo các ngành Y khoa Điều dưỡng Răng hàm mặt và Dược của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Số 54/KH-KYD ngày 06/02/2023	KYD	
2257		Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan 2023-2024 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 700/KH-KYD ngày 16/10/2023	KYD	
2258		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo năm học 2023-2024	Số 73/BC-ĐT ngày 29/12/2023	KYD	
2259		Về việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo các ngành Y khoa Điều dưỡng Dược học Răng hàm mặt	Số 812/KYD-ĐT ngày 04/12/2023	KYD	
2260		Dữ liệu kết quả khảo sát năm học 2023-2024	Năm 2023	KYD	
2261		Dữ liệu kết quả khảo sát Điều dưỡng năm học 2021-2022	Năm 2022	KYD	
2262		Dữ liệu kết quả khảo sát Điều dưỡng năm học 2022-2023	Năm 2023	KYD	
2263		Phiếu khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2023-2024	Năm 2024	KYD	

	2264		Phiếu khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo năm học 2023-2024	Năm 2024	KYD	
	2265	H10.10.06.08	Hình ảnh hệ thống khảo sát sinh viên trên website của Khoa Y Dược	Năm 2023	KYD	
	2266	H10.10.06.09	Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2023-2024 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 700/KH-KYD ngày 16/10/2023	KYD	
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra						
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thời học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	2267	H11.11.01.01	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	
	2268		Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo	Số 08/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021	BGDĐT	
	2269		Quyết định ban hành Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y - Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
	2270	H11.11.01.02	Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	
	2271		Quyết định ban hành Quy chế đào tạo đại học trình độ đại học của Khoa Y - Dược	Số 5656/QĐ-ĐHĐN ngày 29/12/2023	ĐHĐN	
	2272	H5.05.03.02	Phần mềm quản lý đào tạo	Năm 2023	KYD	
	2273		Kế hoạch xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2020	Năm 2020	KYD	
	2274		Kế hoạch xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2021	Năm 2021	KYD	
	2275	H11.11.01.03	Kế hoạch xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2022	Năm 2022	KYD	
	2276		Kế hoạch xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2023	Số 771/KH-KYD ngày 30/12/2022	KYD	

2277		Kế hoạch xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2024	Số 144/KH-KYD ngày 14/3/2024	KYD	
2278	H11.11.01.04	Hướng dẫn lập hồ sơ xét và công nhận tốt nghiệp	Số 2284/ĐHĐN-ĐT ngày 26/7/2019	ĐHĐN	
2279	H11.11.01.05	Quy trình xử lý học vụ dành cho sinh viên	Số 27/TB-ĐT ngày 18/12/2019	KYD	
2280	H10.10.03.01	Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học	Số 408/QĐ-KYD ngày 24/11/2021	KYD	
2281	H11.11.01.06	Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2019	Ngày 27/6/2019	ĐHĐN	
2282		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2020	Ngày 29/9/2020	ĐHĐN	
2283		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Y khoa và Điều dưỡng năm 2021	Ngày 26/10/2021	ĐHĐN	
2284		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2022	Ngày 02/8/2022	ĐHĐN	
2285		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2022	Ngày 07/9/2022	ĐHĐN	
2286		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2023	Ngày 04/4/2023	ĐHĐN	
2287		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2023	Ngày 26/6/2023	ĐHĐN	
2288		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2023 - Đợt 3	Ngày 24/7/2023	ĐHĐN	
2289		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2023 - Đợt 4	Ngày 27/12/2023	ĐHĐN	
2290			Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho sinh viên ngành Điều dưỡng hệ chính quy	Số 2602/QĐ-ĐHĐN ngày 30/7/2018	ĐHĐN
2291		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hệ chính quy	Số 1166/QĐ-ĐHĐN ngày 19/4/2019	ĐHĐN	

2292		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho sinh viên ngành Điều dưỡng hệ chính quy - Lần 1 năm 2019	Số 2003/QĐ-ĐHĐN ngày 01/7/2019	ĐHĐN	
2293		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên ngành Điều dưỡng hệ chính quy - Đợt 2 năm 2019	Số 213/QĐ-ĐHĐN ngày 21/01/2020	ĐHĐN	
2294		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên ngành Y khoa và Điều dưỡng hệ chính quy - Lần 1 năm 2020	Số 3322/QĐ-ĐHĐN ngày 29/9/2020	ĐHĐN	
2295		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên khóa tuyển sinh 2017, ngành Điều dưỡng hình thức đào tạo chính quy	Số 3323/QĐ-ĐHĐN ngày 01/10/2021	ĐHĐN	
2296	H11.11.01.07	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng	Số 3704/QĐ-ĐHĐN ngày 29/10/2021	ĐHĐN	
2297		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy	Số 2826/QĐ-ĐHĐN ngày 09/8/2022	ĐHĐN	
2298		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy	Số 3395/QĐ-ĐHĐN ngày 13/9/2022	ĐHĐN	
2299		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên đại học, hình thức đào tạo chính quy, đợt 1 năm 2023	Số 1599/QĐ-ĐHĐN ngày 18/4/2023	ĐHĐN	
2300		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên đại học, hình thức đào tạo chính quy, đợt 2 năm 2023	Số 2834/QĐ-ĐHĐN ngày 05/7/2023	ĐHĐN	

2301		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, đợt 3 năm 2023	Số 3226/QĐ-ĐHĐN ngày 31/7/2023	ĐHĐN	
2302		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, đợt 4 năm 2023	Số 148/QĐ-ĐHĐN ngày 15/01/2024	ĐHĐN	
2303	H5.05.04.08	Biên bản xét học vụ học kỳ 1 2018-2019	Ngày 20/03/2019	KYD	
2304		Biên bản xét học vụ học kỳ 2 2018-2019	Ngày 12/11/2019	KYD	
2305		Biên bản xét học vụ học kỳ 1 2019-2020	Ngày 18/6/2020	KYD	
2306		Biên bản xét học vụ học kỳ 2 2019-2020	Ngày 7/12/2020	KYD	
2307		Biên bản xét học vụ học kỳ 1 2020-2021	Ngày 4/5/2021	KYD	
2308		Biên bản xét học vụ học kỳ 2 2020-2021	Ngày 10/12/2021	KYD	
2309		Biên bản xét học vụ học kỳ 1 2021-2022	Ngày 6/4/2022	KYD	
2310		Biên bản xét học vụ học kỳ 2 2021-2022	Ngày 13/4/2023	KYD	
2311		Biên bản xét học vụ học kỳ 1 2022-2023	Ngày 03/8/2023	KYD	
2312		Biên bản xét học vụ học kỳ 2 2022-2023	Ngày 17/11/2023	KYD	
2313		Biên bản xét học vụ học kỳ 1 2023-2024	Ngày 26/4/2024	KYD	
2314			Quyết định buộc thôi học năm học 2018-2019	Số 194/QĐ-KYD ngày 31/12/2019	KYD

2315		Quyết định buộc thôi học năm học 2019-2020	Số 268/QĐ-KYD ngày 18/12/2020	KYD	
2316		Quyết định cảnh báo học vụ sinh viên học kỳ 1, năm học 2019-2020	Số 133/QĐ-KYD ngày 23/7/2020	KYD	
2317		Quyết định cảnh báo học vụ sinh viên học kỳ 2 năm học 2019-2020	Số 293/QĐ-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
2318		Quyết định buộc thôi học năm học 2020-2021	Số 482/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
2319		Quyết định cảnh báo học vụ sinh viên học kỳ 1, năm học 2020-2021	Số 250/QĐ-KYD ngày 15/8/2021	KYD	
2320	H5.05.04.09	Quyết định cảnh báo học vụ sinh viên học kỳ 1 năm học 2021-2022	Số 524/QĐ-KYD ngày 16/9/2023	KYD	
2321		Quyết định buộc thôi học học kỳ 2 năm học 2021-2022	Số 1618/QĐ-ĐHĐN ngày 19/4/2023	ĐHĐN	
2322		Quyết định buộc thôi học học kỳ 1 năm học 2022-2023	Số 3467/QĐ-ĐHĐN ngày 18/8/2023	ĐHĐN	
2323		Quyết định cảnh báo học vụ sinh viên học kỳ 1, năm học 2022-2023	Số 527/QĐ-KYD ngày 16/8/2023	KYD	
2324		Quyết định buộc thôi học học kỳ 2 năm học 2022-2023	Số 4983/QĐ-ĐHĐN ngày 24/11/2023	ĐHĐN	
2325		Quyết định cảnh báo học vụ sinh viên học kỳ 1, năm học 2023-2024	Số 1614/QĐ-ĐHĐN ngày 02/5/2024	ĐHĐN	
2326		Quyết định buộc thôi học học kỳ 1 năm học 2023-2024	Số 1615/QĐ-ĐHĐN ngày 02/5/2024	ĐHĐN	
2327	H11.11.01.08	Thông kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng trong 5 năm gần đây	Ngày 12/01/2024	KYD	

2328	H11.11.01.09	Thông kê tỷ lệ sinh viên thôi học ngành Điều dưỡng trong 5 năm gần đây	Ngày 12/01/2024	KYD	
2329	H11.11.01.10	Biên bản họp phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp khắc phục tình trạng sinh viên thôi học, chậm tốt nghiệp năm 2022	Ngày 12/8/2022	KYD	
2330		Biên bản họp phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp khắc phục tình trạng sinh viên thôi học, chậm tốt nghiệp năm 2023	Ngày 27/12/2023	KYD	
2331	H11.11.01.11	Lịch thi bổ sung đợt 3 học kỳ 2 năm học 2020-2021	Năm 2022	KYD	
2332		Lịch thi bổ sung học kỳ 1 năm học 2021-2022	Ngày 9/5/2022	KYD	
2333		Lịch thi kết thúc học phần đợt bổ sung học kỳ 1 năm học 2022-2023	Ngày 4/4/2023	KYD	
2334	H11.11.01.12	Hướng dẫn sử dụng phần mềm MS Teams cho giảng viên	Năm 2023	KYD	
2335		Hướng dẫn sử dụng phần mềm MS Teams cho sinh viên	Năm 2023	KYD	
2336		Hướng dẫn sử dụng phần mềm Zoom cho giảng viên	Năm 2023	KYD	
2337		Hướng dẫn sử dụng phần mềm Zoom cho sinh viên	Năm 2023	KYD	
2338		Kế hoạch tập huấn UniStudent Elearning	Số 637/KH-KYD ngày 15/11/2022	KYD	
2339		Kế hoạch tập huấn UniTeacher	Số 613/KH-KYD ngày 17/10/2022	KYD	
2340			Thông báo tổ chức hội nghị giao ban công tác chủ nhiệm và cố vấn học tập năm học 2020-2021	Ngày 07/5/2021	KYD

2341	H11.11.01.13	Thông báo kết luận của Trường khoa hội nghị giao ban công tác chủ nhiệm và cố vấn học tập năm học 2020-2021	Ngày 03/6/2021	KYD	
2342	H5.05.04.07	Biên bản họp lớp Điều dưỡng 13	Năm 2017 - 2023	KYD	
2343		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 14	Năm 2017 - 2023	KYD	
2344		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 15	Năm 2017 - 2023	KYD	
2345		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 16	Năm 2017 - 2023	KYD	
2346		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 17	Năm 2017 - 2023	KYD	
2347		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 18	Năm 2017 - 2023	KYD	
2348		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 19	Năm 2017 - 2023	KYD	
2349		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 20	Năm 2017 - 2023	KYD	
2350		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 21	Năm 2017 - 2023	KYD	
2351		Biên bản họp lớp Điều dưỡng 22	Năm 2017 - 2023	KYD	
2352	H2.02.03.04	Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên với Lãnh đạo Khoa năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
2353		Thông báo tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên với Lãnh đạo Khoa năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
2354		Biên bản tổ chức đối thoại sinh viên với Lãnh đạo Khoa năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
2355		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên với Lãnh đạo Khoa năm học 2022-2023	Năm 2023	KYD	
2356		Thông báo triệu tập tham dự Hội nghị đối thoại sinh viên với Lãnh đạo Khoa năm học 2022-2023	Năm 2023	KYD	
2357		Kết luận của Trường khoa tại chương trình Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo khoa năm học 2022-2023	Năm 2023	KYD	

	2358	H11.11.01.14	Phần mềm quản lý học tập của sinh viên	Năm 2023	KYD	
	2359	H11.11.01.15	Thông báo thi chuẩn đầu ra năm 2023	Số 1869/ĐHNN-KT&ĐBCLGD ngày 02/12/2022	ĐHNN	
	2360		Thông báo thi chuẩn đầu ra năm 2024	Số 2149/ĐHNN-KT&ĐBCLGD ngày 12/12/2023	ĐHNN	
	2361	H11.11.01.16	Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn ngành Điều dưỡng của Khoa Y Dược, ĐHQĐ và Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Ngày 20/01/2024	KYD	
	2362	H1.01.03.03	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2018 - 2019	Số 133/KH-KYD ngày 09/8/2018	KYD	
	2363		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2019 - 2020	Số 96/KH-KYD ngày 31/7/2019	KYD	
	2364		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2020 - 2021	Số 177/KH-KYD ngày 09/10/2020	KYD	
	2365		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2021-2022	Số 295/KH-KYD ngày 05/10/2021	KYD	
	2366		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2022-2023	Số 559/KH-KYD ngày 29/9/2022	KYD	
	2367		H11.11.01.17	Thông báo triệu tập và đăng ký sinh viên tham dự chương trình tư vấn hướng nghiệp năm 2022	Số 566/TB-KYD ngày 03/10/2020	KYD
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt	2368	H10.10.01.01	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 6497/QĐ-ĐHQĐ ngày 09/11/2016	ĐHQĐ	

nghiep trung binh đưoc xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	2369	H10.10.01.01	QĐ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 3156/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2022	ĐHĐN	
	2370	H4.04.02.04	Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2017	Số 4406/QĐ-ĐHĐN ngày 29/12/2017	ĐHĐN	
	2371		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2018	Số 3453/QĐ-ĐHĐN ngày 10/10/2018	ĐHĐN	
	2372		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2019	Số 2664/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019	ĐHĐN	
	2373		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2020	Số 4369/QĐ-ĐHĐN ngày 03/12/2020	ĐHĐN	
	2374		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2020-2021	Số 1047/QĐ-ĐHĐN ngày 17/3/2021	ĐHĐN	
	2375		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2021-2022	Số 203/QĐ-ĐHĐN ngày 20/01/2022	ĐHĐN	
	2376		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2022-2023	Số 580/QĐ-KYD ngày 05/10/2022	KYD	
	2377			Số 581/QĐ-KYD ngày 05/10/2022		
	2378			Số 582/QĐ-KYD ngày 05/10/2022		
	2379		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2023-2024	Năm 2023	KYD	
	2380	H11.11.02.01	Quyết định ban hành Chức năng, nhiệm vụ của các Tổ chức năng tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Ngày 29/9/2022	KYD	
	2381		Quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên	Số 481/QĐ-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
	2382		Phân tích thời gian tốt nghiệp trung bình năm học 2021-2022	Ngày 10/02/2022	KYD	
2383	Phân tích thời gian tốt nghiệp trung bình năm học 2022-2023		Ngày 03/01/2023	KYD		

2384	H11.11.01.01	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007	BGDĐT	
2385		Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo	Số 08/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021	BGDĐT	
2386		Quyết định ban hành Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y - Dược	Số 3412/QĐ-ĐHĐN ngày 14/10/2019	ĐHĐN	
2387	H11.11.01.02	Công văn hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học	Số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/07/2021	ĐHĐN	
2388		Quyết định ban hành Quy chế đào tạo đại học trình độ đại học của Khoa Y - Dược	Số 5656/QĐ-ĐHĐN ngày 29/12/2023	ĐHĐN	
2389		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2019	Ngày 27/6/2019	ĐHĐN	
2390		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2020	Ngày 29/9/2020	ĐHĐN	
2391		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Y khoa và Điều dưỡng năm 2021	Ngày 26/10/2021	ĐHĐN	
2392		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2022	Ngày 02/8/2022	ĐHĐN	
2393	H11.11.01.06	Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2022	Ngày 07/9/2022	ĐHĐN	
2394		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2023	Ngày 04/4/2023	ĐHĐN	
2395		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2023	Ngày 26/6/2023	ĐHĐN	
2396		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2023 - Đợt 3	Ngày 24/7/2023	ĐHĐN	
2397		Biên bản xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2023 - Đợt 4	Ngày 27/12/2023	ĐHĐN	

2398		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho sinh viên ngành Điều dưỡng hệ chính quy	Số 2602/QĐ-ĐHĐN ngày 30/7/2018	ĐHĐN	
2399		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hệ chính quy	Số 1166/QĐ-ĐHĐN ngày 19/4/2019	ĐHĐN	
2400		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên ngành Điều dưỡng hệ chính quy - Lần 1 năm 2019	Số 2003/QĐ-ĐHĐN ngày 01/7/2019	ĐHĐN	
2401		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên ngành Điều dưỡng hệ chính quy - Đợt 2 năm 2019	Số 213/QĐ-ĐHĐN ngày 21/01/2020	ĐHĐN	
2402		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên ngành Y khoa và Điều dưỡng hệ chính quy - Lần 1 năm 2020	Số 3322/QĐ-ĐHĐN ngày 29/9/2020	ĐHĐN	
2403		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 853/QĐ-ĐHĐN ngày 09/03/2021	ĐHĐN	
2404	H11.11.01.07	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên khóa tuyển sinh 2017, ngành Điều dưỡng hình thức đào tạo chính quy	Số 3323/QĐ-ĐHĐN ngày 01/10/2021	ĐHĐN	
2405		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy	Số 3704/QĐ-ĐHĐN ngày 29/10/2021	ĐHĐN	

2406		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy	Số 2826/QĐ-ĐHĐN ngày 09/8/2022	ĐHĐN	
2407		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy	Số 3395/QĐ-ĐHĐN ngày 13/9/2022	ĐHĐN	
2408		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên đại học, hình thức đào tạo chính quy, đợt 1 năm 2023	Số 1599/QĐ-ĐHĐN ngày 18/4/2023	ĐHĐN	
2409		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên đại học, hình thức đào tạo chính quy, đợt 2 năm 2023	Số 2834/QĐ-ĐHĐN ngày 05/7/2023	ĐHĐN	
2410		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, đợt 3 năm 2023	Số 3226/QĐ-ĐHĐN ngày 31/7/2023	ĐHĐN	
2411		Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, đợt 4 năm 2023	Số 148/QĐ-ĐHĐN ngày 15/01/2024	ĐHĐN	
2412	H11.11.02.02	Thông kê thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Điều dưỡng trong 5 năm gần đây	Ngày 12/01/2024	KYD	
2413	H11.11.02.03	Số tay nghiệp vụ về hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình	Năm 2021-2023	KYD	
2414		Lịch thi bổ sung học kỳ 2 năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
2415	H11.11.01.11	Lịch thi bổ sung học kỳ 1 năm học 2021-2022	Ngày 9/5/2022	KYD	

	2416		Lịch thi bổ sung học kỳ 1 năm học 2022-2023	Ngày 4/4/2023	KYD	
	2417	H11.11.01.15	Thông báo thi chuẩn đầu ra năm 2023	Số 1869/ĐHNN-KT&ĐBCLGD ngày 02/12/2022	ĐHNN	
	2418		Thông báo thi chuẩn đầu ra năm 2024	Số 2149/ĐHNN-KT&ĐBCLGD ngày 12/12/2023	ĐHNN	
	2419	H1.01.03.02	Bảng so sánh kết quả xếp loại người học sau 5 năm	Ngày 31/12/2022	KYD	
	2420	H11.11.01.13	Thông báo tổ chức hội nghị giao ban công tác chủ nhiệm và vấn đề học tập năm học 2020-2021	Ngày 07/5/2021	KYD	
	2421		Thông báo kết luận hội nghị giao ban công tác chủ nhiệm và vấn đề học tập năm học 2020-2021	Ngày 03/6/2021	KYD	
	2422	H11.11.02.04	Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Điều dưỡng giữa Khoa Y - Dược và Trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương	Ngày 29/12/2023	KYD	
	2423	H11.11.02.05	Báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.	Số 271/BC-KYD ngày 23/4/2024	KYD	
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám	2424	H10.10.01.02	Quyết định ban hành quy trình khảo sát các bên liên quan	Số 182/QĐ-KYD ngày 01/7/2021	KYD	
	2425		Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2020-2021 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 294/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	

sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	2426	H10.10.03.05	Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2021-2022 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 29/KH-KYD ngày 24/01/2022	KYD	
	2427		Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2022-2023 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 23/KH-KYD ngày 10/01/2023	KYD	
	2428		Kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2023-2024 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 700/KH-KYD ngày 16/10/2023	KYD	
	2429	H10.10.01.01	Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 6497/QĐ-ĐHĐN ngày 09/11/2016	ĐHĐN	
	2430		Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 3156/QĐ-ĐHĐN ngày 25/8/2022	ĐHĐN	
	2431	H11.11.03.01	Phiếu khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp	Năm 2023	KYD	
	2432	H11.11.03.02	Hình ảnh link khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp	Năm 2023	KYD	
	2433		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2017	Năm 2018	KYD	
	2434		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018	Năm 2020	KYD	

2435	H8.08.01.12	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2019	Năm 2020	KYD	
2436		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2020	Năm 2021	KYD	
2437		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021	Số 741/BC-KYD ngày 16/12/2022	KYD	
2438		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2022	Số 827/BC-KYD ngày 08/12/2023	KYD	
2439	H11.11.03.03	Hình ảnh đăng tải kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp	Năm 2021	KYD	
2440	H11.11.03.04	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm cựu sinh viên tốt nghiệp - Đại học Tây Nguyên	Năm 2019 - 2023	Đại học Tây Nguyên	
2441	H1.01.01.15	Công văn góp ý điều chỉnh chương trình đào tạo của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 1149/BVPSNĐN ngày 30/10/2019	BVPSNĐN	
2442		Công văn góp ý điều chỉnh chương trình đào tạo Khoa Y Dược năm 2019	Số 1301/BVĐN ngày 24/10/2019	BVĐN	
2443		Phiếu khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng	Năm 2021	KYD	
2444		Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo ngành Cử nhân Điều dưỡng	Năm 2021	KYD	

	2445		Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo ngành Cử nhân Điều dưỡng	Số 247/BC-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
	2446		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	
	2447		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2023 - 2024	Số 73/BC-ĐT ngày 29/12/2023	KYD	
	2448	H11.11.03.05	KH tổ chức thảo luận nguyên nhân và đề xuất các biện pháp cải thiện tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021, Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 776/KH-KYD ngày 31/12/2022	KYD	
	2449		Biên bản Hội thảo thảo luận, phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp cải thiện tình hình việc làm của sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng sau tốt nghiệp	Năm 2023	KYD	
	2450	H11.11.03.06	Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích và tư vấn hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp có việc làm giai đoạn 2022-2023	Năm 2023	KYD	
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các	2451		Thông báo Công bố Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 86/TB-KYD ngày 02/7/2014	KYD	

hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đổi mới để cải tiến chất lượng.	2452	H1.01.01.06	Quyết định ban hành chiến lược phát triển của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045	Số 293/QĐ-KYD ngày 05/5/2023	KYD	
	2453		Quyết định ban hành nội dung Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 261/QĐ-KYD ngày 30/8/2021	KYD	
	2454		Quyết định công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Đại học Đà Nẵng	Số 1628/QĐ-ĐHĐN ngày 31/3/2015	ĐHĐN	
	2455	H1.01.01.05	Quyết định về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2035	Số 1219/QĐ-HĐĐHĐN ngày 17/4/2018	ĐHĐN	
	2456		Nghị quyết về việc ban hành Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2023 và tầm nhìn đến năm 2045	Số 23/NQ-HĐĐH ngày 28/4/2023	ĐHĐN	
	2457	H10.10.04.01	Quyết định về việc ban hành chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Đại học Đà Nẵng đến năm 2020	Số 2468/QĐ-ĐHĐN ngày 22/5/2015	ĐHĐN	
	2458		Thông tư ban hành quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học	Số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012	BGDĐT	
	2459	H11.11.04.01	Quyết định về việc ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Đại học Đà Nẵng	Số 3226/QĐ-ĐHĐN ngày 21/9/2020	ĐHĐN	

2460		Quyết định ban hành Quy định tổ chức hội nghị, hội thảo, seminar, báo cáo đề tài khoa học công nghệ và các cuộc thi học thuật của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 334/QĐ-KYD ngày 10/6/2022	KYD	
2461	H11.11.04.02	Thống kê các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học	Năm 2021-2023	KYD	
2462	H10.10.01.01	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Y - Dược Đại học Đà Nẵng	Số 6497/QĐ-ĐHĐN ngày 09/11/2016	ĐHĐN	
2463		Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Y - Dược Đại học Đà Nẵng	Số 3156/QĐ-ĐHĐN ngày 25/8/2022	ĐHĐN	
2464	H11.11.04.03	Quyết định ban hành Bộ khung chương trình các ngành đào tạo đại học hệ chính quy	Số 2484/QĐ-ĐHĐN ngày 04/8/2017	ĐHĐN	
2465		Quyết định v/v ban hành quy định về khóa luận tốt nghiệp đại học của Khoa Y - Dược Đại học Đà Nẵng	Số 1931/QĐ-ĐHĐN ngày 24/6/2019	ĐHĐN	
2466		Khung chương trình đào tạo Điều dưỡng	Số 3991/QĐ-ĐHĐN ngày 22/11/2019	ĐHĐN	
2467		Thông báo v/v tổ chức bảo vệ khóa luận và thi tốt nghiệp ngành Y khoa (2014-2020) và Điều dưỡng (2016-2020)	Số 111/TB-KYD ngày 19/6/2020	KYD	
2468		Hình ảnh buổi bảo vệ khóa luận tốt nghiệp ngành	Năm 2020	KYD	
2469		Thông báo về việc đăng ký đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Khoa năm học 2020-2021	Số 195/TB-KYD ngày 17/10/2020	KYD	

2470		Thông báo về việc đăng ký đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Khoa năm học 2021-2022	Số 336/TB-KYD ngày 25/10/2021	KYD	
2471		Thông báo về việc đăng ký đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Khoa năm học 2021-2022 đợt 2	Số 117/TB-KYD ngày 15/3/2022	KYD	
2472	H11.11.04.04	Thông báo về việc đăng ký đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Khoa năm học 2022-2023 đợt 1	Số 518/TB-KYD ngày 15/9/2022	KYD	
2473		Thông báo về việc đăng ký đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Khoa năm học 2023-2024 đợt 1	Số 612/TB-KYD ngày 19/9/2023	KYD	
2474		Thông báo về việc đăng ký đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Khoa năm học 2022-2023 đợt 2	Số 67/TB-KYD ngày 13/02/2023	KYD	
2475		Quyết định ban hành Sổ tay nghiên cứu khoa học sinh viên năm 2021	Số 198/QĐ-KYD ngày 13/7/2021	KYD	
2476	H11.11.04.05	Quyết định ban hành quy trình thanh toán đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên thuộc Khoa Y - Dược Đại học Đà Nẵng	Số 674/QĐ-KYD ngày 09/10/2023	KYD	
2477		Quyết định ban hành phụ lục quy chế chi tiêu nội bộ của Khoa Y - Dược Đại học Đà Nẵng	Số 700/QĐ-ĐHĐN ngày 27/2/2023	ĐHĐN	
2478	H11.11.04.06	Dữ liệu nguồn chi tài chính dành cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2022	Ngày 02/05/2024	KYD	

2479		Dữ liệu nguồn chi tài chính dành cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2023	Ngày 02/05/2024	KYD	
2480	H11.11.04.07	Thống kê kết quả hoạt động khoa học công nghệ năm 2020	Số 305/BC-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
2481		Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ 5 năm 2016-2020 xây dựng khung kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm 2021-2025 và kế hoạch khoa học công nghệ năm 2021	Số 98/CV-KYD ngày 11/6/2020	KYD	
2482		Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đề xuất kế hoạch nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2022	Số 160/KYD-KH&HTQT ngày 07/6/2021	KYD	
2483		Báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên năm học 2020-2021	Số 486/BC-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
2484		Thống kê kết quả hoạt động khoa học công nghệ năm 2021	Số 495/BC-KYD ngày 31/12/2021	KYD	
2485		Báo cáo xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học công nghệ năm 2023	Số 291/BC-KYD ngày 23/5/2022	KYD	
2486		Báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên năm học 2021-2022	Số 408/BC-KYD ngày 12/7/2022	KYD	
2487		Thống kê kết quả hoạt động khoa học công nghệ năm 2022	Số 793/BC-KYD ngày 31/12/2022	KYD	

2488		Báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên năm học 2022-2023	Số 752/BC-KYD ngày 07/11/2023	KYD	
2489		Thông kê kết quả hoạt động khoa học công nghệ năm 2023	Số 894/BC-KYD ngày 31/12/2023	KYD	
2490		Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024	Số 241/BC-KYD ngày 15/4/2024	KYD	
2491	H11.11.04.08	Đổi sánh tình hình nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành điều dưỡng giữa các cơ sở giáo dục	Năm 2017 - 2023	KYD	
2492		Kế hoạch tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học Khoa Y - Dược lần thứ 1 năm 2022	Số 267/KH-KYD ngày 06/5/2022	KYD	
2493		Thông báo về việc thay đổi thời gian tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học khoa y - dược lần thứ 1 năm 2022	Số 469/TB-KYD ngày 22/8/2022	KYD	
2494		Thông báo về việc tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học Khoa Y - Dược lần thứ 1 năm 2022	Số 482/TB-KYD ngày 24/8/2022	KYD	
2495	H11.11.04.09	Kế hoạch tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học Khoa Y - Dược lần thứ 2 năm 2023	Số 226/KH-KYD ngày 10/4/2023	KYD	
2496		Thông báo về việc tổ chức Cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học Khoa Y - Dược lần thứ 2 năm 2023	Số 241/TB-KYD ngày 14/4/2023	KYD	

2497		Thông báo thay đổi thời gian tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học Khoa Y - Dược lần thứ 2 năm 2023	Số 371/TB-KYD ngày 31/5/2023	KYD	
2498		Kế hoạch tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học Khoa Y - Dược lần thứ 3 năm 2024	Số 133/KH-KYD ngày 11/3/2024	KYD	
2499	H11.11.04.10	Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận cho sinh viên và giảng viên hướng dẫn sinh viên vô đề tài dự thi cuộc thi Sinh viên Nghiên cứu khoa học Khoa Y Dược lần thứ 2 năm 2023	Số 405/QĐ-KY ngày 15/6/2023	KYD	
2500	H11.11.04.11	Hội nghị hội thảo seminar có sự tham gia của sinh viên			
2501	H11.11.04.12	Quyết định ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ban hành theo Thông tư số 16.2	Số 3758/QĐ-ĐHĐN ngày 29/6/2016	ĐHĐN	
2502		Quyết định về việc ban hành quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Khoa Y - Dược Đại học Đà Nẵng	Số 150/QĐ-KYD ngày 08/9/2020	ĐHĐN	
2503		Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.docx	Năm 2023	KYD	
2504	H11.11.04.13	Hồ sơ đề tài Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng ngừa lây nhiễm viêm gan B của sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe	Năm 2022	KYD	

	2505	H11.11.04.13	Hồ sơ đề tài Khảo sát thực trạng căng thẳng của sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe và các yếu tố liên quan	Năm 2022	KYD	
	2506	H11.11.04.14	Biên bản hợp tác đưa sinh viên đi thực tập tại AIS, Cambodia	Năm 2020	KYD	
	2507		Biên bản hợp tác đưa sinh viên đi thực tập tại Đại học Monash, Úc	Năm 2019	KYD	
	2508		Biên bản gia hạn hợp tác đưa sinh viên đi thực tập tại Munich, Đức	Năm 2020	KYD	
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	2509	H11.11.05.01	Quyết định ban hành Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục Đại học Đà Nẵng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	Số 3982/QĐ-ĐHĐH ngày 12/11/2020	ĐHĐN	
	2510	H10.10.01.02	Quyết định ban hành quy trình khảo sát các bên liên quan của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 182/QĐ-KYD ngày 01/7/2021	KYD	
	2511	H10.10.03.05	Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2020-2021	Số 294/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
	2512		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2021-2022 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 29/KH-KYD ngày 24/01/2022	KYD	
	2513		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2022-2023 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 23/KH-KYD ngày 10/01/2023	KYD	

2514		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2023-2024 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 700/KH-KYD ngày 16/10/2023	KYD	
2515	H.11.11.05.02	Phiếu khảo sát người học về chất lượng phục vụ và hỗ trợ	Năm 2022	KYD	
2516		Phiếu khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Năm 2022	KYD	
2517		Phiếu khảo sát sinh viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học	Năm 2022	KYD	
2518		Phiếu khảo sát lấy ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Năm 2022	KYD	
2519		Phiếu khảo sát lấy ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ học tập và tư vấn việc làm	Năm 2021	KYD	
2520		Phiếu khảo sát lấy ý kiến người học về môi trường, sức khỏe, an toàn	Năm 2021	KYD	
2521		Phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Năm 2021	KYD	
2522		Phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị của cơ sở giáo dục	Năm 2021	KYD	

2523	Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, chất lượng phục vụ và hoạt động giảng dạy, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tâm lý và xã hội tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2019-2020	Năm 2020	KYD	
2524	Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, chất lượng phục vụ và hoạt động giảng dạy, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tâm lý và xã hội tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
2525	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ học tập và tư vấn việc làm tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 13/BC-CTSV ngày 16/7/2021	KYD	
2526	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 14/BC-CTSV ngày 16/7/2021	KYD	
2527	Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng về phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 15/BC-CTSV ngày 16/7/2021	KYD	

2528		Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe, an toàn tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 16/BC-CTSV ngày 16/7/2021	KYD	
2529		Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá mức độ phù hợp ứng dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên Khoa Y Dược	Số 04/BC-CNTTTT&TV ngày 09/7/2021	KYD	
2530		Báo cáo khảo sát sinh viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021-2022	Số 274/BC-KYD ngày 10/5/2022	KYD	
2531	H.11.11.05.03	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021-2022	Số 336/BC-KYD ngày 13/6/2022	KYD	
2532		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021-2022	Số 467/BC-KYD ngày 19/8/2022	KYD	
2533		Báo cáo khảo sát sinh viên về chất lượng phục vụ và hỗ trợ của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021-2022	Số 478/BC-KYD ngày 24/8/2022	KYD	
2534		Báo cáo khảo sát sinh viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023	Số 326/BC-KYD ngày 16/5/2023	KYD	

2535	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023	Số 374/BC-KYD ngày 31/5/2023	KYD	
2536	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Số 528/BC-KYD ngày 16/8/2023	KYD	
2537	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Số 430/BC-KYD ngày 27/6/2023	KYD	
2538	Báo cáo khảo sát sinh viên về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	876/BC-KYD ngày 29/12/2023	KYD	
2539	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2023-2024	Số 05/BC-ĐT ngày 11/01/2024	KYD	
2540	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động kiểm tra và đánh giá kết quả học tập người học của giảng viên Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2023-2024	Số 306/BC-KYD ngày 02/5/2024	KYD	
2541	Phiếu khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo	Năm 2023	KYD	

2542	H11.11.05.04	Phiếu khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp	Năm 2023	KYD	
2543	H11.11.05.05	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về chương trình đào tạo của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm 2021	Năm 2021	KYD	
2544		Báo cáo khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021-2022	Số 354/BC-KYD ngày 29/6/2022	KYD	
2545		Báo cáo khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2023-2024	Số 878/BC-KYD ngày 29/12/2023	KYD	
2546		Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018	Năm 2020	KYD	
2547		Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2019	Năm 2020	KYD	
2548		Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2020	Năm 2021	KYD	
2549		Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021	Số 741/BC-KYD ngày 16/12/2022	KYD	
2550		Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2022	Số 827/BC-KYD ngày 08/12/2023	KYD	

2551	H1.01.01.18	Phiếu khảo sát ý kiến giảng viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021-2022	Năm 2022	KYD	
2552		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên về chương trình đào tạo ngành cử nhân điều dưỡng năm 2021	Năm 2021	KYD	
2553		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến giảng viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2021-2022	Số 340/BC-KYD ngày 14/6/2022	KYD	
2554		Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến giảng viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Số 329/BC-KYD ngày 17/5/2023	KYD	
2555		Báo cáo khảo sát ý kiến giảng viên về chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2023-2024	Số 72/ĐT ngày 29/12/2023	KYD	
2556	H1.01.01.15	Phiếu khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng	Năm 2022	KYD	
2557		Công văn góp ý điều chỉnh chương trình đào tạo của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 1149/BVPSNĐN ngày 30/10/2019	BVPSNĐN	
2558		Công văn góp ý điều chỉnh chương trình đào tạo Khoa Y - Dược năm 2019	Số 1301/BVĐN ngày 24/10/2019	BVĐN	
2559		Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo ngành cử nhân điều dưỡng	Năm 2021	KYD	

2560		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2021-2022	Số 247/BC-KYD ngày 04/5/2022	KYD	
2561		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022 - 2023	Số 340/BC-KYD ngày 23/5/2023	KYD	
2562		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về Chương trình đào tạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2023 - 2024	Số 73/BC-ĐT ngày 29/12/2023	KYD	
2563		Biên bản hội nghị cán bộ công chức viên chức Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023	Năm 2022	KYD	
2564		Thông báo liên tịch về việc tham dự Hội nghị cán bộ viên chức năm học 2023-2024	Số 697/TBLT-KYD ngày 16/10/2023	KYD	
2565	H10.10.06.03	Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2023-2024	Số 734/NQ-KYD ngày 30/10/2023	KYD	
2566		Biên bản hội nghị cán bộ viên chức năm học 2023-2024	Năm 2023	KYD	
2567		Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2022-2023	Năm 2022	KYD	
2568		Kế hoạch tổ chức chương trình Tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2022	Số 537/KH-KYD ngày 21/9/2022	KYD	
2569	H8.08.04.10	Thông báo về việc triệu tập và đăng ký sinh viên tham dự chương trình Tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2022	Số 566/TB-KYD ngày 03/10/2022	KYD	

2570		Kế hoạch tổ chức chương trình Tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2023	Số 552/KH-KYD ngày 24/8/2023	KYD	
2571	H10.10.06.05	Kế hoạch Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Cử nhân Điều dưỡng năm 2022	Số 349/KH-KYD ngày 20/6/2022	KYD	
2572		Biên bản hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Cử nhân Điều dưỡng năm 2022	Năm 2022	KYD	
2573		Kế hoạch báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2021 - 2022 của Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	Số 462/KH-KYD ngày 18/8/2022	KYD	
2574	H2.02.03.04	Kế hoạch tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên với lãnh đạo khoa năm học 2020-2021	Số 296/KH-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
2575		Thông báo về việc tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên với lãnh đạo khoa năm học 2020-2021	Số 297/TB-KYD ngày 31/12/2020	KYD	
2576		Biên bản tổ chức đối thoại sinh viên với lãnh đạo khoa năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
2577		Kế hoạch Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo Khoa năm học 2022-2023	Số 80/KH-KYD ngày 16/02/2023	KYD	
2578		Thông báo về việc tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên và lãnh đạo khoa năm học 2022-2023	Số 195/TB-KYD ngày 31/3/2023	KYD	

2579		Kết luận của Trường khoa tại chương trình Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng, năm học 2022-2023	Số 247/TB-KYD ngày 17/4/2023	KYD	
2580		Kế hoạch Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo Khoa năm học 2023-2024	Số 706/KH-KYD ngày 17/10/2023	KYD	
2581		Thông báo Kết luận của Lãnh đạo Khoa tại Hội nghị đối thoại giữa Sinh viên và Lãnh đạo Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng năm học 2023-2024	Số 768/TB-KYD ngày 13/11/2023	KYD	
2582	H11.11.05.06	Kế hoạch cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục năm học 2022-2023	Số 640/KH-KYD ngày 31/10/2022	KYD	
2583	H1.01.01.22	Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2018-2019	Năm 2019	KYD	
2584		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2019-2020	Năm 2020	KYD	
2585		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2020-2021	Năm 2021	KYD	
2586		Báo cáo rà soát Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm học 2021-2022	Năm 2022	KYD	